



VĂN HOÁ VIỆT NAM

số bảy mươi sáu o mùa xuân 2017

- 1 0 MỤC LỤC
- 2 0 LỜI DI CHÚC CỦA VUA TRẦN NHÂN TÔN 0 CHÚC MỪNG NĂM MỚI
- 3 0 THƯ TOÀ SOẠN * VHVN
- 5 0 SÓ TAY VĂN HỌC
- 0 TÔI ĐI ĐỀ LẠI TRƯỜNG XƯA * GS Đoàn Xuân Thu
- 0 THOÁNG CHỐC MỘT ĐỜI NGƯỜI * Lê Hoàng Việt
- 17 0 VĂN TÀI CỦA BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM (*khảo luận*) * GS Tạ Quốc Tuấn
- 34 0 THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP PHAN THANH GIẢN (*bút mặc năm xưa*)
* GS Trần Quốc Giám
- 43 0 PHAN THANH GIẢN (*thơ*) * Trần Phù Thế
- 44 0 PHAN THANH GIẢN - MỘT PHẬN ĐỜI THẮNG TRÂM VÀ BI HẬN
(*khảo luận - tưởng nhớ cụ Phan Thanh Giản*) * TS Nguyễn Minh Triết
- 61 0 PHAN THANH GIẢN VỚI VIỆC MẮT BA TỈNH MIỀN TÂY
(*khảo luận - tưởng nhớ cụ Phan Thanh Giản*) * Trương Bá Cẩn
- 76 0 THƯ VỀ BẠN CŨ TRƯỜNG XƯA (*thơ*) * Trần Chấn Hoà
- 79 0 ÔNG GIÀ BA TRI (*quê hương trong trí nhớ*) * Đoàn Đại Trí
- 88 0 ÁNH MẮT MÙA XUÂN (*quanh cuộc sống chúng ta*) * Nguyễn Văn Sâm
- 95 0 TỬ TUYỆT ĐẦU NĂM (*thơ*) * Mai loc
- 97 0 PHONG TỤC NGÀY TẾT VIỆT NAM (*quê hương trong trí nhớ*) * Phó Nhôm
- 107 0 NĂM GÀ NÓI CHUYỆN... KÊ (*chuyện phiếm*) * Thầy đồ Đỗ Chiêu Đức
- 125 0 CHỨT Ý NHÌN XUÂN (*thơ*) * Thy Lan Thảo
- 126 0 XUÂN ĐỒNG NỘI (*thơ*) * Huy Trâm
- 127 0 NGÀN NĂM MÂY BAY (*truyện*) * Diễm Phương
- 132 0 NHÌN VỀ TRUYỆN NÔM "NỮ TỬ TÀI" (*chuyện văn học*) * Nguyễn Văn Sâm
- 138 0 VIẾT VỀ MỘT NGƯỜI ANH (*tưởng niệm*)
* GS Nguyễn Văn Trường & GS Hồ Đắc A Trang
- 141 0 TIN BUỒN VÀ PHÂN ƯU GS PHẠM HOÀNG HỘ TỬ TRẦN * VHVN
- 142 0 TƯƠNG NHỚ GS PHẠM HOÀNG HỘ (*tưởng g niệm*) * TP.
- 144 0 NHỮNG NĂM ẢO VỌNG - GS PHẠM HOÀNG HỘ (*trích*)
(*tưởng niệm*) * Ngô Thế Vinh
- 154 0 LỆNH HÀNH QUYẾT (*truyện ngắn phóng tác*) * Trần Hồng Văn
- 162 0 MÙI CỦA MẸ (*thơ*) * Trần Văn Lệ
- 163 0 SOI ĐỜI (*truyện thật ngắn*) * Đào Anh Dũng
- 166 0 ÔNG GIÀ NAM BỘ (*truyện*) * Nguyễn Nhung
- 175 0 PHẬT NÓI KINH DI ĐÀ (*văn học chữ nôm*) * GS Lê Văn Đặng
- 180 0 DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN ỦNG HỘ TẠP CHÍ * VHVN
- 181 - 184 0 GIỚI THIỆU CƠ SỞ ỦNG HỘ TẠP CHÍ VHVN... * VHVN

LỜI DI CHỨC của Vua TRẦN NHÂN TÔN:

"Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo. Vì họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo. Cho nên cái học lâu đời của ta là hoạ Trung Hoa.

"Chớ coi thường chuyện vụn vặt này ra trên biên ải. Các việc trên, khiến ta nghĩ tới chuyện khác, lớn hơn. Tức là họ không tôn trọng biên giới qui ước. Cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích.

"Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn: **"Một tác đất của Tiền Nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác"**.

"Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu".



Kính chúc

- Quý Văn Thi Hữu
- Quý Thân Hữu Mạnh Thường Quân
- Quý Cơ Sở Ứng Hộ Quảng Cáo
- Quý Bạn Đọc Gần Xa

TRỌN NĂM ĐINH DẬU

2017

SỨC KHOẺ DÀI DÀO
GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC
VẠN SỰ CÁT TƯỜNG

Ban Biên Tập

& Công Tác Viên

tạp chí **VĂN HOÁ VIỆT NAM**



THƯ TOÀ SOẠN

Tạp chí Văn Hoá Việt Nam số 76 mùa Xuân 2017 là số sau cùng của năm thứ 19 để bước sang năm thứ 20. Gần hai mươi năm qua bao nhiêu vật đổi sao dời, bao nhiêu sự kiện diễn ra quanh cuộc sống vốn ngắn ngủi của một đời người... quả là không ít, một lần nữa, nhóm thực hiện tạp chí chúng tôi xin lập lại một đoạn trong thư toà soạn số đầu tiên (mùa hè 1998) mà lúc nào chúng tôi cũng cố gắng thực hiện "chúng tôi, những người Việt Nam yêu chuộng văn học nghệ thuật, trong chiều hướng muốn tạo điều kiện tập hợp mọi giá trị sáng tạo của các văn nghệ sĩ Việt Nam khắp nơi, chọn lọc, in ấn xuất bản, **làm diễn đàn để mọi cây viết có thể gặp gỡ nhau liên tục và gần gũi, cùng nhau chung lo gìn giữ và bảo tồn nền Văn Hoá Việt Nam mãi mãi trường cửu.** Sức mình có hạn. Nhưng sức của nhiều người sẽ lớn mạnh gấp trăm ngàn lần...". Chúng tôi in đậm dòng chữ đề cập đến "diễn đàn" trên đây để giải đáp một số bạn đọc muốn biết một điều hết sức tế nhị: **không dùng diễn đàn để phổ biến những bài viết nhằm đánh phá, tranh chấp, gây mất đoàn kết nhau trong sinh hoạt thường ngày. Đó là tôn chỉ và tâm niệm** của nhóm thực hiện tạp chí lúc nào cũng ghi nhớ.

Tạp chí kỳ này, ngoài một số bài viết về phong tục ngày Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam, chúng tôi dành nhiều trang để hướng về một sinh hoạt cũng đã vượt qua con số hai mươi, là sinh hoạt gia đình cụu học sinh trung học Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm Cần Thơ sẽ tổ chức Đại Hội XXI tại Houston Texas với chủ đề **Trở Về Mái Nhà Xưa** qua ba cột mốc thời gian đặc biệt: **tưởng niệm 150 năm cụ Phan Thanh Giản tuấn tiết (1867 - 2017), kỷ niệm 100 năm trường Phan Thanh Giản được xây dựng (1917 - 2017) và kỷ niệm tròn 20 năm có sinh hoạt gia đình PTG & ĐTD Cần Thơ tại hải ngoại (1997 - 2017)** mà tại Houston đã theo đúng chu kỳ mỗi 10 năm một lần (ĐH lần I - 1997, ĐH lần XI - 2007, ĐH lần XXI - 2017) với một số bài viết được dành riêng trên tạp chí, không trùng lặp với bài viết đã in trong cuốn đặc san 22 sẽ phát hành ngay trong Đại Hội tổ chức trong hai ngày 5 - 6 tháng 5 năm 2017 và sau đại hội có chuyến du ngoạn trên vùng biển Caribbean một tuần lễ (từ 07 đến 14 tháng 5-2017) với hơn 185 GS và CHS cùng gia đình đã ghi danh tham dự. Khi chúng tôi viết thư toà soạn này, được biết đã có 460 GS, CHS gia đình và thân hữu hồi báo tham dự Đại Hội (đã có 35 GS sẽ về với môn sinh). Tin mới nhất về ngôi trường 100 tuổi này, kể từ ngày 13 tháng 2-2017 đã bị đập phá dãy 2 (giữa) và dãy 3 (hướng đường Ngô Quyền), còn dãy 1 (hướng về đường PTG cũ) nơi có phòng truyền thống và bàn thờ Sư Đạo Tôn chưa biết có còn giữ nguyên trạng

hay không? Bên cạnh đó, trước tin bậc Thầy, đàn anh trong ngành Giáo dục mà cũng là người sinh quán Cần Thơ, CHS trường Phan Thanh Giản (lúc mang tên College de Cantho): Cựu Tổng Trưởng Giáo Dục VNCH - GS Phạm Hoàng Hộ đã vinh viễn ra đi ở tuổi thượng thọ 89, chúng tôi dành một số trang và bài viết tưởng niệm, một mẫu người đã cống hiến suốt cuộc đời cho dân tộc và đất nước Việt Nam... với những công trình biên khảo đồ sộ về cây cỏ Việt Nam. Do vậy, có một số chuyên mục và bài đăng thường xuyên tạm gác lại một kỳ, mong quý tác giả và bạn đọc thông cảm trường hợp này.

Thời gian qua, trên các phương tiện truyền thông báo chí, phát thanh, truyền hình, các hãng thông tấn đưa nhiều tin bài, bình luận với nhiều khuynh hướng khác nhau về những sắc lệnh hành pháp mới nhất mà Tổng Thống thứ 45 của Hoa Kỳ Donald Trump vừa ký ban hành. Các phóng viên, các nhà bình luận dùng quyền "Tự Do Báo Chí" của "Đệ Tứ Quyền" để bày tỏ quan điểm của mình, có người ủng hộ có người phản bác, kể cả việc đòi truy tố, khởi kiện nguyên thủ quốc gia... Đó là những sự kiện đã và đang diễn ra trên đất nước Dân Chủ - Tự Do hàng đầu thế giới là Hoa Kỳ. Bây giờ còn quá sớm để đánh giá đúng sai những sắc lệnh này. Bởi vì, khi hạ bút ký tên một sắc lệnh nào, dù bất cứ tác giả soạn thảo là ai, trên thực tế cũng là của Tổng Thống: đồng ý và ký công bố trước quốc dân, chắc chắn có dân biểu nghị sĩ lưỡng viện quốc hội, có ngành Tư pháp và tối cao pháp viện biết rõ. Có điều, những gì khi tranh cử hứa hẹn cam kết với cử tri, "**lập một chính phủ mới, của dân, do dân và vì dân**", và khi phát biểu lịch trình 100 ngày đầu làm việc của Tân Tổng Thống, chúng ta kiểm nghiệm lại xem, so sánh xem... những gì được và chưa được mà Tổng Thống Donald Trump đã và đang làm? Quan tâm theo dõi từng hoạt động của người lãnh đạo đất nước là bổn phận và quyền của mỗi người. Chúng tôi nghĩ rằng, **trong chúng ta ai cũng mong muốn đất nước mình đang sống sẽ mở ra một trang sử mới, sáng sủa hơn, vững mạnh hơn trong thế siêu cường mà bất cứ người mang quốc tịch Hoa Kỳ nào cũng tha thiết mong chờ.** Có được như vậy, mỗi công dân Hoa Kỳ khi cầm trên tay cuốn Passport đến bất cứ quốc gia nào trên thế giới cũng được nể trọng và hãnh diện.

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM số 77 phát hành mùa Hè 2017 nhất định sẽ có mặt vào cuối tháng Sáu 2016. Bài viết cho số Bảy Mười Bảy sẽ kết thúc nhận vào đầu tháng Năm 2017. Mời quý vị cộng tác bài vở, đón đọc và giới thiệu nhiều người cùng đọc và ủng hộ tạp chí của chúng ta.

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

SỔ TAY VĂN HỌC



I

ĐOÀN XUÂN THU

TÔI ĐI ĐỂ LẠI TRƯỜNG XƯA

*"Ôi! Trường ta tang thương!
Theo vận nước nhiều nhưong!
Bạn bè năm cũ giờ đâu cả?
Đã dạt về đâu mấy nẻo đường?"*

T hưa mới đây ông Chủ bút kêu réo um sùm: *"Anh Thu ơi! Có bạn học của anh kiểm kìa!". "Đứa nào vậy cà?"*

Thì ra Bùi Quang Long, đã đi Mỹ du học từ năm 1970, lúc mới vừa đậu Tú tài hai, tìm lại tui, là thằng bạn đồng song của nó.

Đã 53 năm! Thiệt là chớp mắt! Thiệt là bóng câu qua cửa sổ! Vậy mà bạn học cũ vẫn còn tìm! Thiệt là bùi ngùi cảm động à nhe!

Ôi nhớ xưa! Muốn vào học trường Petrus Ký là đám học trò phải qua một kỳ thi tuyển cũng lắm gian nan! Bốn, năm ngàn sĩ tử, chưa tới 500 đứa còn sống sót.

Bài thi gồm 3 môn: Toán quan trọng nhất, hệ số 3, Văn hệ số 2 và Câu hỏi Thường thức hệ số 1.

Bài tử về môn Toán thường là động tử. Nghĩa là xe chạy. Xe chạy phải hai chiếc, chạy cùng chiều, hoặc chạy ngược chiều. Cho vận tốc mỗi xe rồi tính thời điểm gặp nhau, tính quãng đường hai xe chạy được... đại khái là thế. Cùng chiều, rượt đuổi nhau thì

đường dài chia hiệu số hai vận tốc. Còn chạy ngược chiều thì lấy đường dài chia cho tổng số hai vận tốc là ra thời gian hè!

Đứa nào thông minh giỏi toán, làm đúng hết hai bài, là phê re như con bò kéo xe, chỉ có việc ngồi rung đùi, đậu chắc trăm phần trăm. Còn nếu đúng chỉ một bài, còn bài thứ hai đúng lớt lớt như phốt thuốc đỏ thì phải nhờ bài Luận văn hoặc Câu hỏi Thường thức kéo lên cho khỏi xệ. Bài Luận văn thì khó dàng trời mây đi. Mới 11, 12 tuổi đầu mà quý Thầy ra đề thi kêu tụi em bình luận lời của Ngô Tổng thống là mấy em chết cửa tứ.

Thưa cái năm đó, thằng đậu hạng bét là được 45 điểm cho ba môn. Đứa đậu hạng nhứt, tức Thủ khoa, được tới 81 điểm, gần gấp đôi thằng đậu hạng bét. Tên nó là Âu Dương Khoát, sau được xếp vào chung lớp Đề thất 5, niên khóa 1963 với tui đó nha!

Nhớ ngày đi dò kết quả, tui và thằng anh chen vào cái bảng điểm, che bằng mắt cáo, đề phòng đứa nào rút, quạ, xé, là hết coi luôn! Bên trong mắt cáo dán chừng 15 tờ giấy đánh máy danh sách thí sinh trúng tuyển, gồm số ký danh, họ tên, ngày tháng năm sanh, điểm, và thứ hạng của thí sinh.

Biết thân mình học dở ẹc nên tui cầm đầu dò từ dưới dò lên! Chớ đời em hồng dấm mơ mộng gì đâu?! Dò lần lần lên hoài mà hồng thấy tên mình. Chắc tui trượt vô chuôi rồi quá?

Ai dè thằng anh tui la lên: "*Tên mày nè, 56 điểm, đậu hạng 176! Má mình vui lắm đó! Mày mà rút, Má hồng có tiền cho mày đi học trường tư đâu!*"

Bữa đó, Tía tui dắt hai anh em tui vinh quy bái tổ ở cái xe bán bò vô viên gần rạp hát Đại Đồng! Tía móc túi cho năm chục đồng để tân khoa ngồi xơi 'đại yến'!

Mỗi đứa một chén bò vô viên, mỗi chén 5 đồng. Số tiền còn lại, hai anh em dung dăng, dung dẻ, dắt nhau ngược đường Cao Thắng, lên gần tới đường Trần Quý Cáp, rạp Việt Long, để coi phim ò e Ro Be đánh đu, Tazan nhảy dù, Zoro bắn súng...

Gần tới ngày tựu trường còn được Má dắt ra ông thợ may trong xóm chợ Hai Mươi, góc ngã tư đường Phan Thanh Giản và Cao Thắng, may cho hai cái áo sơ mi tay ngắn và hai cái quần ka ki xanh, và mua cho một đôi dép da của hãng Bata... (Vị trường Petrus Ký không cho học trò mang dép Nhựt lẹp xẹp coi nó hồng có oai!). Đổng bộ vô trông rất oách!

Vậy là già từ cái quần xà lỏn, có mang theo hai quả lắc đồng hồ bé tí teo, đi học trường Tiểu học Bàn Cờ trong Cư xá Đô Thành rồi đó nhé. Tui chuẩn bị làm người lớn!

Và 9, 10 năm sau đó, từ khi tui thôi học, từ khi tui khoác áo thầy-di (treillis), lạc về vùng quê Hóc Bà Tó, rồi thiên duyên tiền định gặp em yêu, tức má đấm con tui bây giờ, tui từng ‘nổ’ toi bời với em là: *"Đừng thấy anh dở mà râu! Đã từng đi học trường (đứng) đầu Miền Nam đó nhé!"*

Làm con vợ tui nó há hốc mồm kinh ngạc: vì lẽ tại sao anh yêu trông lù khù mà lại hồng có ngu... như em hằng tưởng?!

Rồi mấy hôm nay, mấy đứa cùng lớp năm xưa, kêu gào bay về họp mặt lớp cũ trường xưa bên Mỹ (chớ hồng phải Mỹ Tho!). Có đứa đề nghị ‘sáng’ là bay về họp mặt ngay tại trường xưa ở đường Cộng Hòa đổi diện thành Ô Ma mới được.

Thì đứa khác hồng chịu nói: *"Khi nào cái trường mình lấy lại tên P. Trương Vĩnh Ký thì tao về. Bằng không? ‘Nó quê!’ (No way!)"*

Ngô Văn Trí, Liên toán trưởng ngày xưa, chắc khoái chơi và sưu tầm đồ cổ, gởi cho toàn thể đám học trò danh sách lớp Tứ 5, niên khóa 1966, bị gián cản rìa giấy lỏm nhôm hết trơn, cộng với hơi ẩm trong không khí làm chữ bằng viết Bic, bút nguyên tử, cũng tèm lem tuốt luốt, nhưng may mắn thay, đeo kiếng lão vô, vẫn còn đọc được!

Mai một mình lấy lại được cái trường xưa, tui sẽ đem cái danh sách này lộng kiếng (chớ không phải liệng công), chung trong phòng Truyền thống của Trường P. Trương Vĩnh Ký để nhất máy đứa con nít học sau mình chừng một thế kỷ chơi!

Bồi hồi đọc cái danh sách mà đầu têu là tên Liên toán trưởng Ngô Văn Trí này, thì ký ức như một cuộn phim cũ, tưởng đã mờ phai theo năm tháng, lại hiện về khiến tui cũng rung rung nước mắt.

Nhớ thầy Chung Hữu Thế, dạy Anh văn, lớp Đệ thất 5, định cư ở Canada, vừa quá vãng!

Nhớ Thầy rầy (sau khi mấy ông Mỹ, bên USAID, đến dự giờ dạy Anh Văn của Thầy ra về rồi): *"Cái thằng Thu này... có chữ ‘young’ mà đọc năm lần bảy lượt cũng không xong!"*

Em xin cảm ơn Thầy đã tế nhị, không nỡ làm què mắt em với khách đến viếng lớp mình!

Thưa mất Sài Gòn, mất miền Nam, mất trường P. Trương Vĩnh Ký là thầy trò, bạn bè tui tán lạc khắp năm châu, bèo dạt hoa trôi theo vận nước. Nhưng cũng có đứa mới 19, 20 đã ở lại quê hương mãi mãi cũng vì vận nước. Đó là trò Châu Minh Nhạn, khoái ca hát, nên tui tui bầu nó làm trưởng ban Văn nghệ lớp!

Nhận đi khóa 3/72 SQT.B. TĐ (khăn xanh) đại đội 34 trong đợt tổng động viên mùa hè đỏ lửa năm 72.

"Châu Minh Nhạn là người lạc quan, yêu đời, thường ca, nhạc chế, bài "Where do I begin do" của Andy Williams hát trong phim Love Story do Erich Segal viết kịch bản.

"Where do I begin/To tell the story of how great a love can be..."

"Bởi bà già rắc rối, cuộc tình rối rắm, ôi biết nói gì, thì đành nói dối..."

Hiệp định Paris để chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình mà bi thảm thay Châu Minh Nhạn lại tử trận ngay những ngày đầu đi chiến dịch, khi hã còn quá trẻ!

"Nhạn cùng ông trưởng ấp và hai người lính nghĩa quân đi trên ghe máy vào xóm. Khi ghe qua một đám dừa nước rậm rạp thì bị VC phục kích ném lựu đạn lên ghe, rồi thêm hàng loạt đạn AK bắn xối xả. Bốn người trên ghe đều tử trận!"

Thưa những người bạn học của một thời niên thiếu, đẹp như hoa mộng đó và sau một cuộc biển dâu nầy mà giờ đứa nào may mắn còn sống sót thì cũng đều già cả hết rồi.

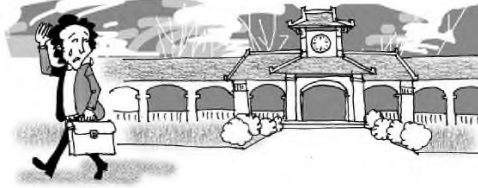
Thế nên dẫu chân Trời góc biển nào đó thì tui tui cũng phải ráng lò dò hay lò cò bay về mà tế tựu một lần sau chót chớ!

Tui sẽ mang theo một chai rượu ông già chống gậy (Vi tui cũng đã quá già rồi dù gậy chưa có chống!).

Trước là tế tửu quý Thầy Cô ngày cũ, đã quá vắng, sau để rót xuống cho bạn hiền Châu Minh Nhạn, người đã anh dũng ngã xuống khi tuổi đời vừa mới chớm đôi mươi, hy sinh cho cuộc chiến đấu vì tự do của miền Nam mình.

Ôi Trường xưa! Cho tui xin chịu lỗi nhe! Tui nỡ bỏ ra đi cũng vì phần số thế thôi!

Dẫu vậy, trong trái tim này, ở phần sâu thẳm nhất, vẫn còn những hình ảnh cũ của trường xưa, của bạn bè năm cũ, từ giờ tới chết, cũng không thể nào quên!



Tranh Bảo Huân

đoàn xuân thu

Melbourne

II

LÊ HOÀNG VIỆN

THOÁNG CHỐC MỘT ĐỜI NGƯỜI...

*"Xa tấp rồi em những tháng năm
Sân trường, lớp học đã mù tăm
Bạn bè ngày cũ giờ trôi giạt
Ai mắt còn ai giữa lặng thâm?"*
(thơ HVT)

Chủ nhiệm nói với tôi qua điện thoại "*VHVN số 76 mùa xuân 2017 sẽ dành một số trang để hướng về Đại Hội XXI của các Thầy Cô và CHS trường Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm Cần Thơ sẽ diễn ra tại Houston Texas đầu tháng 5-2017*". Em không phải là cựu học sinh của trường, nhưng có lẽ em biết tôi là thành viên trong ban tổ chức và biết đại hội lần này có các mốc lịch sử rất đặc biệt: "**Tương niệm 150 năm Cụ Phan Thanh Giản tuần tiết (1867 - 2017) - Kỷ niệm 100 năm trường trung học Phan Thanh Giản (1917 - 2017) - Đánh dấu tròn 20 năm sinh hoạt gia đình PTG & ĐTD Cần Thơ ở hải ngoại**" (1997 - 2017)... ngại đề nghị thực hiện chủ đề đặc biệt này trên tạp chí, nên em đã nhắc tôi như vậy". Điều này khiến tôi trằn trọc mấy đêm liền. Trằn trọc là viết gì đây, khi mà hơn hai mươi năm qua tôi đã viết trên 22 cuốn báo kỷ niệm mang tên gọi "Giai Phẩm, Kỷ Yếu rồi Đặc San"

với bao nhiêu tâm tư, tình cảm của mình về Cụ Phan, về Ngôi Trường, về lòng Tôn Sư Trọng Đạo của học trò đối với Thầy Cô, về tình nghĩa đồng môn - đồng song...? Nhưng nhớ lại, số báo kỷ này phát hành trước đại hội của gia đình PTG & ĐTD, trước cuốn đặc san 22 dày 300 trang đã gửi đi in, nên việc dằn dò của chủ nhiệm đã khiến tôi phải viết bài này sau những đêm không ngủ được, bởi vì mọi việc diễn ra trong cuộc sống tôi có cảm nhận nó đang trôi nổi bồng bềnh, ẩn hiện xen nhau như ... **'thoảng chốc một đời người'** mà thôi.

Thầy giáo Đoàn Xuân Thu khi về dạy tại trường PTG thì tôi đã khoác áo nhà binh theo lệnh tổng động viên sau trận chiến khốc liệt năm Mậu Thân 1968 do Cộng Sản gây ra trên miền đất Việt Nam Cộng Hoà. Vậy mà khi nghe tin trường một thời mình đứng trên bục giảng bị đập phá để xây lại Thầy đã viết bài **"trăm tuổi thành một tuổi"** nghe thật mỉa mai cay đắng đối với những ai đã từng là môn sinh có kỷ niệm đối với ngôi trường lớn nhất nhì miền đồng bằng sông Cửu Long - trừ những người đảng viên cộng sản "vô cảm" mà thôi. Ở đoạn cuối bài, thầy giáo Thu viết: (trích) *"Một là dùng búa đập nát tượng cụ Phan Thanh Giản vừa mới dựng trong khuôn viên nhà trường năm 1974. Hai là bỏ tên trường. Rồi bây giờ cũng vì tiền, chúng đập luôn cả ngôi trường... Dân Cần Thơ đâu có ai chịu... Mà tội nó vẫn đập. Thiệt đau lòng tội tui quá! Trường đâu chỉ là cái vật chất thôi đâu... mà còn là cái hồn, cái tinh thần, là tình cảm, là kỷ niệm của biết bao lứa học trò năm cũ.*

Tội nhỏ, nhứt là đám con gái, nghe trường sắp bị đập bỏ, bèn méu máo rủ nhau trở về, chụp hình kỷ niệm trường xưa! Kéo mai kia một nọ biết đâu mà tìm?". "Té ra mấy đứa nhỏ con cháu mình nó thông minh hơn tội tui nhiều. Tội mình lại ngậy thơ hơn vì vẫn còn nắm núu, hy vọng trường Phan Thanh Giản sẽ được trùng tu chứ!"

Thưa hồng biết an ủi anh gì hơn, nên tui (ĐXT) nói xui lơ là: *"Mình có nước mà mình không biết giữ cho đến nông nỗi này thì cái trường của anh cũng chịu chung phần số tang thương theo vận nước đó anh!"*

Nghe vậy ảnh chép miệng thở dài, cay đắng: "*Biết bao kỷ niệm êm đềm thời đi học của Ba tui, Má tui, con cháu tui cũng sẽ tiêu vong. Cái trường Phan Thanh Giản của tui tui 100 tuổi; giờ tui nó 'hô biến' thành một tuổi!*"

Tui mình giờ chỉ còn biết: "Minh tinh chín chữ lòng son tạc/ Trời đất từ rày mặc gió thu!" [hết trích đoạn viết của ĐXT]

Tôi vào trường Phan Thanh Giản sau cuộc thi tuyển gay go của niên học 1960 - 1961, nghe nói hơn năm ngàn bốn trăm nam nữ thí sinh dự thi, chỉ chọn **chính thức 180 nữ** cho 3 lớp Đệ Thất X, Y, Z và **360 nam** cho 6 lớp Đệ Thất A, B, C, D, E, F (có thêm 90 thí sinh đậu dự khuyết cho 9 lớp Đệ Thất). Tôi còn nhớ năm đó **đề thi Luận văn** (thời gian thi 90 phút): "*Đọc sách, xem chiếu bóng và xem hát cải lương, ba môn giải trí này em thích môn nào và nói tại sao?*" (tôi chọn *xem chiếu bóng*); **đề thi Toán** gồm hai bài (thời gian thi 90 phút), một bài toán dạng Động từ, *hai xe đi cùng chiều, giờ khởi hành khác nhau, hỏi bắt gặp nhau lúc mấy giờ?* (tôi làm bài này trong vòng 8 phút với *đáp số 10 giờ 56 phút*), bài toán Hình học, *đắp con đường xung quanh cái ao hình chữ nhật có bán nguyệt hai đầu, hỏi thể tích lớp đất đắp con đường* (tôi ghi *đáp số 0, 74... mét khối*). **Đề thi Câu hỏi thường thức** gồm bốn câu (thời gian thi 60 phút): **Sử:** *Pháp lấy Bắc kỳ lần thứ hai, ông Hoàng Diệu.* **Địa:** *Em biết gì về xứ Diên Điện?* (câu hỏi này tôi chỉ trả lời có 19 chữ. Vì tôi tập trung ôn tập về địa lý Việt Nam). **Khoa học (Cách trí):** *Không khí và sự cháy.* **Vệ sinh:** *Bệnh kiết lỵ.* Vậy mà tôi (một học sinh miền quê hàng ngày lội bộ năm sáu cây số ra học ở trường Tiểu học Phong Điền cách tỉnh lỵ Cần Thơ hơn hai chục cây số và mới dự thi tuyển lần đầu) may mắn được đậu với **thứ hạng Nhì** để được nhận làm học sinh của trường, **mang số danh bạ suốt thời trung học Phan Thanh Giản: 5468.** [(hạng nhất là bạn Dương Ngọc Đình, học sinh Trường Nam tiểu học tỉnh lỵ Cần Thơ)]. Các năm Đệ Thất, Đệ Lục, Đệ Ngũ học ở khu Đệ Nhất Cấp (đối diện Ty Cảnh Sát Quốc Gia, nay là Đoàn Thị Điểm), từ Đệ Tứ đến Đệ Nhất chuyển sang học khu trường lớn, mặt tiền là đường Phan Thanh Giản, mặt sau là đường Ngô Quyền. Vì nghèo nên tôi cố gắng học để giữ vị trí thứ hạng (từ hạng nhất đến hạng năm) trong lớp hàng năm, đủ điều

kiện xin tái cấp học bổng toàn phần 3.600 đồng cho 9 tháng học (từ Đệ Thất đến Đệ Nhất) mà mỗi đầu năm học đều phải làm "tờ khai gia tư" có xác nhận của chính quyền địa phương từ xã đến quận, nộp hồ sơ theo đúng thủ tục của trường và của Bộ Quốc Gia Giáo Dục ban hành.

Sinh hoạt báo chí của trường, thật sự tôi không có năng khiếu mà chỉ yêu thích nên tập tễnh bước vào. Mấy năm đầu, vào dịp Quốc Khánh 26 tháng 10 hàng năm nhà trường có phổ biến cuốn nội san Bình Minh in roneo do Thầy Bùi Văn Nên chăm sóc, tôi đọc được, trong đó có tác giả làm thơ ký tên Văn Huyền Lam khiến tôi thích, rồi "bất chước" tập làm thơ, viết bài gửi đăng các báo ở Sài Gòn - cái may là tôi có bài lần lượt được đăng vài tờ báo như Thủ Đô, Tiếng Chuông, Tiếng Dân, Dân Tiến, Thanh Việt, Ngày Mới, Công Luận, Chính Luận, Trương Lai, Hành Động, Người Việt Tự Do, Dân Việt, Thời Sự Miền Nam, Tia Sáng, Điện Tín, Văn Đàn, Phụ Nữ Diễm Đàn..., . Ban đầu ký bút hiệu VT Thanh Giang, nhưng đến khi có truyện đầu tay đăng trên mục dự thi của nhật báo Tiếng Chuông, truyện "Chiếc Khăn Tay" (nay đã mất bản thảo) trong đó có ba nhân vật trong mỗi tình tay ba là cô Huyền, cô Vân và chàng Thanh, nên tôi lấy ba tên nhân vật của truyện này làm bút hiệu HUYỀN VÂN THANH để kỷ niệm cho đến bây giờ, ngoài 36 bút hiệu khác mà tôi đã ký dưới tin, bài viết của mình trên 22 tờ nhật báo, 19 tuần báo, nhiều cuốn Tạp chí, Tuyển tập, đặc san, kỷ yếu vv, xuất bản trong và ngoài nước từ trước đến nay; trên trang nhà ptgtdusa.com, ptgtdcanada.com, ptgtd.com (Úc châu); songdinh.com và vài trang mạng khác có đăng lại bài của tôi.... Niềm vui và cũng là kỷ niệm trong đời, là nhà văn An Khê Nguyễn Bình Thịnh khi làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo Miền Tây tại Cần Thơ năm 1966, 67 (Giám đốc chính trị là ông Hồng Sơn Đông), không biết bằng cách nào [sau khi báo tôi viết vài chi tiết lý lịch và một ảnh chụp bán thân đưa cho ông], đã làm và trao riêng cho tôi một Thẻ Ký Giả của Hội Ký Giả Nam Việt do ông Nguyễn Kiên Giang - Lý Thanh Cần ký tên, lúc đó tôi mới là Thông Tín Viên của nhật báo mà thôi. Nhưng do nóng tính khi bản thảo bài điều tra về "một tổ chức mở lớp luyện thi Tú Tài 2, hứa sẽ cấp đủ giấy tờ hợp lệ để nộp hồ sơ dự thi nhưng... không

giữ lời" [bài GS. NĐT, Ông là ai?], không được đăng, tôi đã to tiếng với anh Tổng Thư Ký toà soạn là ký giả Cao Trần (Cao Minh Hựu), và đã xé thẻ ký giả trước mặt anh ấy. Sau này tìm hiểu thì được biết bài này "bị một người tên TB vào bản giấy của anh TTK lấy "bán hay trao đổi?" cho GS. KD đại diện của GS NĐT để thủ tiêu - vì bài điều tra tôi viết tay không có bản lưu). Tuần sau, bác An Khê xuống, biết sự việc, đã gặp tôi và "rầy" sự nóng tính đó khiến tôi phải xin lỗi và xin nghỉ không làm với báo Miền Tây nữa! Hầu như trong toà soạn nhật báo Miền Tây, không ai biết là tôi có thể ký giả đó (trừ Bác An Khê), kể cả anh ký giả nhà văn Nguyễn Ngọc Mẫn (Thư ký toà soạn, phụ trách tin bài trang ngoài), anh Tô Thùy Nghiêm - Nguyễn Thiếu Nhẫn (phụ trách phần văn nghệ - trang trong). Các bạn Lê Trúc Khanh, Hà Huy Thanh, Phạm Quyên Linh tức Trúc Thanh Phương Thảo (cũng làm Thông tin viên như tôi)... trong nhóm Về Nguồn cũng không ai biết, vì bác An Khê căn dặn "**đừng cho ai biết, để khi hữu sự thì xài**". Bác cấp cho tôi sau khi bài *điều tra ghi thuật* trước đó của tôi viết về vụ án "**Thầy Sáu Sô - Cô Mụ Tám**" mà anh Cao Trần đổi tựa "**Chuyện tình đẫm máu Thầy tu: THẦY CHÙA SÔ - CÔ MỤ TÁM**" đăng trên trang nhất và tiếp theo gần một phần tư trang tư, bị phía Cô Mụ Tám mượn luật sư Các kiện ra toà hoà giải rộng quyền Phong Dinh (Cần Thơ) đòi bồi thường 100 ngàn đồng phạt vạ và một đồng danh dự; bên bị cáo bác An Khê chống án chuyển lên xử tiếp ở Toà Sài Gòn. Sau cùng, báo Miền Tây thắng kiện, bên nguyên cáo phải chi trả mọi án phí. Trong quyển hồi ký của nhà văn An Khê xuất bản ở Paris, có một đoạn nhắc thật ngắn về chuyện này, đại ý "*lúc làm báo Miền Tây ở Cần Thơ, một lần phải ra toà vì bài viết của một sinh viên rất hăng hái, nhiệt tình trong nghề nghiệp...*" [thật tình lúc đó tôi còn là học sinh lớp Đề Nhị B1 của trường PTG).

Trường Phan Thanh Giản bắt đầu in Giai Phẩm Xuân số đầu tiên phát hành Tết Giáp Thìn 1964 và liên tục đến số Tết Mậu Thân 1968, tôi đều góp mặt và tham gia thực hiện với các bạn. Đặc biệt cuốn Giai phẩm phát hành Tết Ất Tỵ 1965 có đăng thơ văn đoạt giải nhất cuộc thi do trường trung học PTG tổ chức trong năm học 1964-1965, bài thơ KHÚC NGÂM CHINH PHỤ ký tên Trâm, mà trong bài viết của Thầy GS Hiệu trưởng Nguyễn Trung

Quân in trong đặc san 22 sẽ phát hành trong đại hội XXI-2017, thầy ghi là *của một học sinh*, bây giờ tôi xin tiết lộ với quý Thầy Cô và đồng môn chính xác, tác giả ký tên Trâm này từng có bút hiệu Vân Huyền Lam (đại diện Thi văn đoàn Dòng Sông Hậu mà tôi từng ngưỡng mộ), Nguyễn Cát Đông, Nguyễn Công Nhượng (thời học Đại Học Sư Phạm ngụ ở Đại Học Xá Minh Mạng và cùng Trần Văn Chi làm tờ Chỗ Đứng), Trần Bang Thạch (ở Hải ngoại, là một trong số trụ cột của sinh hoạt gia đình PTG & ĐTD hải ngoại)... chính là cựu học sinh Nguyễn Công Danh - sau khi rời trường Phan Thanh Giản, vào Đại Học Sư Phạm và ra trường là Giáo sư làm Hiệu trưởng trung học Nguyễn Hữu Cảnh Châu Đốc và dạy ở Châu Đốc, Long Xuyên từ 1970 cho đến sau ngày 30-4-1975 một thời gian mới vượt biển tìm tự do cho đến bây giờ.

Nhắc đến sinh hoạt báo chí của trường Phan Thanh Giản nêu không đề cập tới **nguyệt san Triều Sóng Xanh** xuất bản năm 1966 được ba số là một thiếu sót. Ở miền Nam, chỉ có trường trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ mới có phát hành "**nguyệt san học tập văn nghệ trung học phan thanh giản**" do hội đồng GS sau khi bàn thảo sôi nổi, đã bỏ phiếu chấp thuận cấp kinh phí 10 ngàn đồng để thực hiện [in 2000 số - khổ giấy 16cm x 24cm, dày 64 trang, cùng cỡ với tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy], với tôn chỉ của Triều Sóng Anh: "***Phát huy tinh thần học hỏi, khả năng tìm hiểu của học sinh. * Khuyến khích việc sáng tác văn nghệ. * Nhịp cầu nối liền giữa gia đình và học đường***". Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Hường (GS dạy Sử Địa), Chủ bút: Lê Văn Quới (GS dạy Quốc văn), Tổng thư ký: Trần Quốc Mậu (HS lớp Đệ Nhất C - Tổng thư ký Ban đại diện học sinh), Thư ký tòa soạn: Lê Hoàng Viện (HS lớp Đệ Nhị B1), Quản lý: Phan Thị Thanh Tâm (HS lớp Đệ Nhất C). Số 1 (tháng ba - 1966), số 2 (tháng tư - 1966), số 3 đặc san mùa Phụng (tháng năm 1966) và bìa sau có giới thiệu số 4 mùa nhập học (tháng 9-1966)... nhưng hoàn toàn đình bản, vì hội đồng giáo sư không còn cấp kinh phí để in.... Còn nhớ, LÁ THƯ CHỦ BIÊN ở số đầu tiên đã viết:

"Thế là TRIỀU SÓNG XANH số 1 đã đến tay bạn đọc. Những trở ngại làm nao lòng tuổi trẻ đã vượt qua. Bước khởi hành nào không giống tổ. Triều Sóng Xanh chấp nhận điều đó trong niềm chua xót nhưng tin tưởng vô biên.

Triều Sóng Xanh quan niệm sự giáo dục chân chính phải nhắm vào việc phát huy toàn diện con người. Học sinh không phải chỉ cúi đầu vào sách vở, cố nhồi nhét bao nhiêu kiến thức thu thập được ở nhà trường. Học để biết nghĩ. Biết nghĩ chưa đủ, còn phải biết phô bày cảm nghĩ cá nhân, tinh luyện khả năng đang đà phát triển, để khỏi phải mang tiếng là kẻ có đầu óc dày phè nhưng kém mẫn tiệp; để bối rối khi bị quăng vào thế giới bên ngoài.

- những suy tư, thắc mắc của tuổi trẻ phải có dịp phô bày trong sự cảm thông tuyệt đối. Triều Sóng Xanh mơ được làm mảnh đất tinh thần để các bạn học sinh gieo mầm sáng tạo, trao đổi kiến thức, bàn luận thi văn.

- Triều Sóng Xanh cũng mong các bậc phụ huynh với "hàng tâm" góp phần xây dựng, vì tương lai con em, nói nhíp câu gia đình học đường ngày thêm vững chắc.

- và ước vọng sau cùng của Triều Sóng Xanh là mong quý vị giáo sư vì lòng ưu ái, góp bàn tay tô điểm. Bài vở, ý kiến xây dựng của quý vị giúp nhiều các mầm non trên con đường cầu học, định hướng tương lai, đắp xây hoài bão.

Màu xanh là màu của tuổi trẻ, của tin yêu. Những dòng sông dù muôn lối rẽ vẫn đổ dồn về biển cả. Sức sống của tuổi trẻ có cơ hội sẽ dâng lên như nước triều dâng. Nơi đây, rồi những gương mặt, do một ngã tư nào đó của định mạng, đã và sẽ gặp nhau, kết thành tình bạn trong ý tưởng hiệp tác. Hiệp tác để góp công xây dựng một lý tưởng chung với ý chí vững mạnh, với bao đôi mắt sáng quắc cùng nhìn về một hướng, trong tình tương thân và đồng sinh cộng tác.

Với bước đầu chấp chững, ưu điểm thì ít, khuyết điểm quá nhiều, mong các bạn trong tinh thần cầu học và trong tình yêu văn nghệ, đón Triều Sóng Xanh bằng vòng tay và ánh mắt bao dung. Trân trọng".

In lại nguyên văn Lá Thư Chủ Biên trên đây, người viết bài này lúc đó là thư ký toà soạn, muốn nhắc nhớ đến vị giáo sư chủ nhiệm (đã quá vắng ở Mỹ Tho) GS Nguyễn Văn Hường và vị chủ bút GS Lê Văn Quới (đã nghỉ hưu sống ở Cần Thơ) - hai vị GS này đã có sự "tâm đầu ý hợp" trong lá thư trên đây, đã giúp cho tôi một bài học quý giá, làm hành trang cho mình suốt quãng đời này... với lòng biết ơn vô hạn.

Kỷ niệm về trường thì nhiều lắm, nhưng do trang báo có hạn, xin phép được tạm kết thúc ở đây. Chủ nhiệm PQT ơi, nghe nói mới gần cuối tháng 02-2017 mà số tham dự viên đã gọi hồi báo về Ban Tổ Chức ghi nhận 460 người; phần ghi danh đóng tiền đi Cruise một tuần lễ sau đại hội là 185 người mà công ty Ship Carnival Breeze đã báo sang BTC Đại Hội. Vậy là xin chúc mừng quý Thầy Cô và quý niên trưởng đồng môn đã vì... nhớ trường xưa tròn 100 năm về Houston gặp nhau trong Đại Hội XXI tổ chức từ ngày 5 đến hết ngày 14 tháng 5-2017... Xin tặng bài thơ **VỀ LẠI TRƯỜNG XƯA** để lưu kỷ niệm mà tôi cảm nhận như **thoảng chốc một đời người**.

*Cuối dãy hành lang khuất mái hiên
Ô vuông cửa sổ vẫn bình yên
Bao nhiêu thay đổi - đời xuôi chảy
Nắng cứ soi vào giữa lãng quên!*

*Ở đó, chùng như miền cổ tích
Bóng đen, phấn trắng, vết bàn ghi
Dáng ngồi tinh nghịch còn sâu đậm
Kẻ đến, người xa, vạn chuyển đi...*

*Có lẽ bảy năm dài đấng đấng
Từng làm nhân chứng tuổi thanh xuân
Nên khi rời lớp lòng vương vấn
Một chút tơ trời quá thiết thân.*

*Giờ trở về đây - trở lại nguồn
Chợt nghe lòng rộn nỗi yêu thương
Từ trong tiềm thức tình thân ái
Sáng dậy bùng lên vạn nẻo đường...*

Cần Thơ, 26-3-1992 HVT

Sở tay VĂN HỌC kỳ này xin được dùng nơi đây. VĂN HOÁ VIỆT NAM kính xin quý anh chị Nhà Văn - Nhà Thơ - Nhà hoạt động Văn Hoá - Giáo Dục... mọi người một tay về xây dựng ngôi nhà VĂN HOÁ VIỆT NAM để mỗi ngày thêm khởi sắc. Mong lắm thay.



TẠ QUỐC TUẤN

VĂN TÀI CỦA BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỀM

Ngay từ khi còn nhỏ tuổi bà Đoàn Thị Điềm (1705-1748) đã tỏ ra có tài văn chương và càng lớn thì tài đó càng trở nên lỗi lạc và lên tới tột đỉnh với thi phẩm điển Nôm **Chinh Phụ Ngâm Khúc**.

Năm 6 tuổi bà đã học rất giỏi. Bà lại làm thơ rất hay, tiếng tăm đã nổi từ năm 15 tuổi, được những bậc hay chữ cùng thời như Ngô Thời Sĩ (1726-1780), Đặng Trần Côn (kh. 1710/1720 – kh. 1745) tán thưởng.

Năm 16 tuổi (1720), một hôm có quan Thượng thư bộ Hình Lê Anh Tuấn (1676-1741), bạn thân của phụ thân bà, ông Đoàn Doãn Nghi (?-1729), muốn thử tài bà, đã bảo bà làm thơ Nôm ngâm vịnh theo đầu đề “*một ngày không thấy như ba thu*” (nhất nhật bất kiến như tam thu 一日不見如三秋) và bà đã ứng khẩu đọc ngay:

*Những màng máy khắc giang⁽¹⁾ cảm hạc,
Ngõ đã vài phen đổi lá ngô.*

Mén tài hoa và đức hạnh của bà mà lại hiếm muộn không có con, quan Thượng thư đã xin được nuôi dưỡng bà và đưa bà về phủ mình ở phường Bích Câu (trước thuộc làng Yên Trạch, tổng Yên Hòa, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội, rồi đến khi Hà Nội đổi làm thành phố, Bích Câu ở vào phố Cát Linh).

Lại có lần quan Tham tụng Nguyễn Công Hãng (1680-1732) sang chơi bên phủ quan Thượng thư Lê Anh Tuấn, thấy bà

đang đi một mình bên bờ dậu, ông bèn bảo bà làm câu đối lấy đề tài là đi một mình. Bà liền ngâm ngay rằng:

談論^(a)古今心腹友,

追隨^(b)左右股肱臣。

Đàm luận cổ kim tâm phúc hữu,

Truy tùy tả hữu cổ quăng thân.

(Bàn chuyện xưa nay, tim lòng bạn,

Theo hầu phải trái, tay chân thân).

Ông Nguyễn Công Hãng đã đỗ Tiến sĩ năm 21 tuổi, thường tự phụ về tài mẫn tiệp của mình, nay thấy bà Đoàn Thị Diễm chưa đầy 20 tuổi mà làm thơ được như vậy thì vô cùng kinh ngạc, khen ngợi luôn miệng.

I. Những Giai Thoại Văn Chương

Bà Đoàn Thị Diễm còn nổi tiếng với nhiều giai thoại về khả năng xuất khẩu tài tình, tạo nên những câu đối nhanh trí, thông minh, trong những cuộc đối đáp văn chương với anh là Đoàn Doãn Luân (1703-1735), với bạn bè, với cả người Trung-quốc nữa.

A. Đối Đáp Với Anh

Bà thường cùng anh kinh địch nhau về văn thơ, câu đối.

Lúc mới 6 tuổi, một hôm bà đang học sử ký thì ông Đoàn Doãn Luân đã lấy chuyện Hán Cao-tổ Lưu-Bang 漢高祖劉邦 (tại vị năm 206-195 TCN), tên tự là Quý 季, khi hãy còn chỉ là đình trưởng⁽²⁾, trong lúc áp giải tội nhân đi đây, giữa đường gặp phải một con rắn lớn đã rút kiếm giết rắn, mà ra câu đối:

白蛇當道, 季拔劍而斬之

Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhi trảm chi.

(Rắn trắng giữa đường, Quý tuốt gươm ra chém.)

Bà liền lấy một chuyện sử ký khác nói về việc ông Tự Văn-mệnh 姁文命 (sau này được tôn làm vua, tức vua Vũ 禹,

còn gọi là Đại Vũ 大禹, tại vị năm 2205-2198 TCN, khai sáng nhà Hạ 夏, 2205-1766 TCN), trong lúc đi trị lý nạn đại hồng thủy (xảy ra từ năm 2207 TCN đến năm 2274 TCN) đã gặp phải một con rồng vàng đội thuyền của Vũ lên, khiến mọi người hoảng sợ, chỉ có Vũ là bình tĩnh nói ông vâng mệnh trời hết sức lo toan mọi sự cho muôn dân, đâu có sợ gì sông chết; sông là một thiên tính mà chết chỉ là số mệnh mà thôi, còn rồng vàng chẳng qua là do trời sai xuống để làm công cụ cho ông mà thôi, nghe thấy thế con rồng vàng bỏ đi mất, và đổi lại ngay:

黃龍負舟，禹仰天而嘆曰。

Hoàng long phụ châu, Vũ ngưỡng thiên nhi than viết.

(Rồng vàng đội thuyền, Vũ ngửa mặt lên Trời mà than.)

Lại có lần ông Đoàn Doãn Luân từ ngoài đi vào nhà, thấy em gái đang ngồi bên rổ kim chi, liền nói:

兄來堂上尋雙月

Huynh lai đường thượng tìm song nguyệt.

(Anh lên nhà trên tìm hai trăng)

“*Song nguyệt*” 雙月 có nghĩa là hai mặt trăng; tuy nhiên, trong Hán ngữ, hai (song) chữ “*nguyệt*” 月 ghép lại với nhau thành chữ “*bằng*” 朋, có nghĩa là bè bạn, bằng hữu. Do đó, câu của ông Luân còn có nghĩa là “anh lên nhà trên tìm bạn”.

Bà liền đáp lại:

妹到窗前捉半風

Muội đáo song tiền tróc bán phong.

(Em đến trước cửa sổ bắt nửa gió)

“*Bán phong*” 半風 là nửa làn gió, mà cũng có nghĩa là nửa (bán 半) chữ “*phong*” 風 tức là chữ “*sắt*” 虱 (còn viết là 蝨), có nghĩa là con rận. Do đó, câu đối của bà còn có nghĩa là “em đến trước cửa sổ bắt rận”.

Khi hay tin chị dâu, vợ ông Đoàn Doãn Luân, sanh được con gái đầu lòng, trong đêm rộn rịp vui mừng, bà đùa với anh, đọc rằng:

半夜生孩亥子二時未定

Bán dạ sinh hài, hợi tí nhị thời vị định.

(Nửa đêm sinh con, Hợi tí hai giờ chưa định)

Ông Luân liền đối lại ngay:

兩情相配, 己酉雙合乃成

Lưỡng tình tương phối, kỷ dậu song hợp nãi thành.

(Hai tình phối hợp, kỷ dậu hai hợp mà thành)

Cả hai đã dùng lối chơi chữ mà đối đáp nhau: hai chữ “hợi” 亥 và “tí” 子 ghép lại với nhau thì thành chữ “hài” 孩, có nghĩa là trẻ con, con; hai chữ “kỷ” 己 và “dậu” 酉 ghép lại với nhau thì thành chữ “phối” 配, có nghĩa là sánh đôi, hợp nhau.

Rồi vào một đêm trăng ông Đoàn Doãn Luân rửa tay ở trên cầu ao vào thì thấy bà đang bên cửa sổ ngồi soi gương trang điểm, bèn đọc:

對鏡畫眉一點翻成兩點

Đối kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm

(Soi gương vẽ mày, một chấm hóa thành hai chấm)

“Điểm” 點 vừa có nghĩa là nét chấm vừa là tên bà; cho nên câu của ông Luân còn có ý nói rằng soi gương vẽ mày, một cô Điểm hóa thành hai cô Điểm.

Bà liền đối lại ngay:

臨池玩月隻輪轉作雙輪

Lâm trì ngoạn nguyệt, chỉch luân chuyển tác song luân

(Tới ao ngắm trăng, một vàng chuyển thành hai vàng)

“Luân” 輪 vừa có nghĩa là “vàng” (của vật gì tròn như là mặt trăng) lại vừa là tên ông Luân, cho nên câu đối của bà còn hiểu là một ông Luân hóa thành hai ông Luân.

Thật là khéo, nội dung đúng như bối cảnh, người vẽ lông mày, người ngắm vàng trăng, lại nói lên được tên cả hai anh em.

B. Đối Đáp Với Trạng Quỳnh

Trong dân gian lưu truyền nhiều chuyện bà Đoàn Thị Điểm thách đối với Trạng Quỳnh, vì thuở còn đi học Quỳnh say

mê bà và thường trêu ghẹo bà, và hầu như lần nào Quỳnh cũng đành chịu thua.

Trạng Quỳnh nguyên tên là Nguyễn Quỳnh (1677-1748; có tài liệu nói là 1720-1770), còn có tên Thường, hiệu Ôn-như, thụy Điệp-hiên, quê tại làng Bột thượng, xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có tài liệu nói là xóm Hưng Tiến, xã Bột Thượng, trấn Hoảng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, nay là thôn Hưng Tiến, xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hoá, tỉnh Thanh Hoá). Ông học giỏi, thơ hay, lại có biệt tài xuất khẩu thành thi và ứng đối rất lanh lẹ. Đặc biệt, thơ ông thường có tính cách trào lộng, phóng thê, chọc ghẹo người đời, tạo nên nhiều giai thoại; do đó trong dân gian vẫn thường gọi ông là Trạng Quỳnh, dù ông chỉ đỗ Hương-cống (nên người đời thường gọi ông là Cống Quỳnh).

Một hôm, bà Đoàn Thị Diễm đang ngồi bên cửa sổ thì ông Quỳnh tới. Bà liền đọc một câu thách đối:

“Hai người ngồi song song hai cửa sổ.”

“Song” là “hai” (chữ Hán viết là 雙), nhưng đồng âm với “song” 窗 là cửa sổ. Câu xướng vừa có nghĩa là hai người ngồi song song (ngang với nhau) lại có nghĩa là ngồi bên hai cửa sổ.

Gặp câu quá học búa, ông bí quá đối không được, chịu thua rút lui.

Lần khác, ông trông thấy bà ở ngoài đường, đang đi lên phố Mía (phố có những cửa hàng chuyên kéo mía làm mật, đường) ở tỉnh Sơn Tây (nay là thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội). Thấy ông lẻo đẻo theo sau, bà bèn đứng lại chờ ông tới, rồi đọc một câu thách đối:

“Lên phố Mía gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.”

Ông lại chịu thua, vì câu thách đối nói toàn là mía, là đường, là mật, là kẹo, nên không thể kiếm ra chữ để đối lại. Đây là chưa kể chữ “kẹo” còn là cách phát âm địa phương của chữ “kéo” nữa.

Lại một lần thấy bà vào buồng tắm, nhà vắng, ông nghịch ngợm gõ cửa đòi vào. Tức cảnh, bà bèn ra ngay một vế đối, bảo Quỳnh là nếu đối được thì cho vào. Vế xướng là:

Da trắng vỗ bì bạch.

Trong Hoa ngữ, “*bì*” (皮) là da, “*bach*” (白) là trắng. Tuy nhiên “*bì bach*” hiểu theo nghĩa Hoa ngữ là da trắng, nhưng theo nghĩa Nôm lại là tiếng tượng thanh, chỉ tiếng vỗ vào da thịt.

Ông Quỳnh nghĩ nát óc cũng không tìm ra câu để đối, đành chịu thua.

Rồi một hôm tối trời, thừa lúc bà đi ra ngoài, ông lên vào giường bà nằm trước. Bà không biết, vào buồng sờ soạng, vô tình quờ ngay tay vào... Biết ngay là ông nghịch ngợm, liền ra cho một vé đối, bảo nếu không đối được sẽ mách thầy học về tội sàm sỡ. Vé đối ra như sau:

帳內無風帆自立

Trướng nội vô phong phàm tự lập
(Trong trướng không gió buồm lại dựng)

Lần này ông đối được ngay:

胸中不雨水長流

Hung trung bất vũ thủy trường lưu.
(Trong bụng không mưa nước chảy dài).

Nhờ đó ông được thoát tội.

Lần cuối, nhân buổi Hội Xuân, bà Đoàn Thị Diễm đang bẻ một nhánh xương rồng thì chợt thấy ông Nguyễn Quỳnh đi tới, liền đọc:

Cây xương rồng trồng đất rắn, long vẫn hoàn long.

Từ “*long*” hiểu theo nghĩa chữ Hán, có nghĩa là con rồng (龍); còn hiểu theo tiếng Nôm thì nó nghĩa là không chặt. Hơn nữa, hai từ “*rồng*” và “*rắn*” còn là tên chỉ hai con vật thuộc loại bò sát.

Lần này, ông cũng đối lại được, chữ dùng rất chính, mà lại biểu lộ tính ngang ngạnh của mình:

Quả dưa chuột tuột thẳng gang, thử chơi thì thử.

“*Thử*” hiểu theo nghĩa chữ Hán là con chuột (鼠), nhưng hiểu theo tiếng Nôm lại có nghĩa là làm một hành động để xét xem có đúng hay có được khôngthử, hoặc để xem xét, nghiên cứu trước.

Tương truyền, sau lần đối này, ông không còn gặp bà nữa.

C. Thách Đối Kén Chông

Nhiều người khoa bảng thời bấy giờ, như Nguyễn Công Thái (không rõ năm sinh và mất; đậu Tiến sĩ năm 1715), Nhữ Đình Toàn (1702-1773; đậu Tiến sĩ năm 1736), v.v., nghe tiếng bà Đoàn Thị Điểm hương sắc vẹn toàn, văn chương lỗi lạc, nên có ý muốn đến thử tài và cầu hôn, nhưng tất cả đều chịu thua và rút lui.

Sách **Thiên-lộc Huyện Chí** chép rằng ông Vũ Diệm (1705-?), người xã Thổ-vượng thuộc huyện Thiên Lộc (nay là xã Vương Lộc thuộc huyện Cam Lộc, tỉnh Hà Tĩnh), đỗ Hoàng-giáp năm 1739, cùng các bạn là nhóm Nhữ Đình Toàn, đến thăm bà, có ý muốn cầu hôn. Biết được dụng ý của họ, bà sai người bưng ra một khay trà mời khách, trên khay để một tờ giấy hoa tiên đề một câu đối mà bà nhờ khách đối giúp:

庭前少女勸新郎

Đình tiền thiếu nữ khuyến tân lang.

Câu này có nghĩa đen là “*Trước sân gió thoảng phát cây cau*”. Tuy nhiên, hai chữ “*thiếu nữ*” 少女 vừa có nghĩa là con gái nhẹ, vừa có nghĩa là người con gái còn trẻ tuổi; cũng vậy, hai chữ “*tân lang*” 新郎 vừa có nghĩa là cây cau lại vừa có nghĩa là chàng rể. Vì vậy câu của bà còn có nghĩa là “*Trước sân cô gái mời chàng rể*”.

Bạn Vũ Diệm thấy câu thách đối khó quá, tự biết mình không thể đối nổi nên đành rút lui, không dám quấy rầy giai nhân nữa.

D. Sứ Trung quốc Mắc Lỡm

Thời xưa, mỗi lần có sứ bộ Trung Quốc sang, triều đình thường kén chọn những người tài giỏi, lanh lợi, văn hay chữ tốt, thạo việc ứng đối, để giả làm các công việc: bán hàng, đưa đồ, hoặc làm các việc tạp dịch nơi các công quán, mục đích là đón đầu sứ giả để đối đáp với họ, làm cho họ phải kính phục nước Nam. Trong dân gian còn truyền lại câu chuyện khi có sứ bộ nhà Thanh 清 (1644-1911) sang, trong số những người giả bán hàng trên đường sứ bộ đi qua có bà Đoàn Thị Điểm giả làm chủ quán bán rượu. Sứ Thanh hồng hách, thấy trên các cột quán rượu có nhiều câu đối hay, lại thấy bên ghé cô chủ quán bán rượu xinh đẹp ngồi

có nhiều sách quý, đoán biết là cô chủ biết chữ, bèn cầm bút viết một câu trên cọt xác lão rằng:

南邦^(a)一寸土不知幾人耕

Nam bang nhất thốn thổ bất tri kỷ nhân canh
(Một tấc đất nước Nam không biết bao người cày).
Bà liền mỉm cười đối lại rằng:

北國諸大夫^(b)皆由此途出。

Bắc quốc chư đại phu giai do thử đồ xuất.
(Các đại phu nước Bắc đều do đường ấy ra).

Hai câu đối trên, nếu giải nghĩa thanh thì đối nhau rất thanh, giải nghĩa tục thì đối nhau rất tục, lại có ý nghĩa hơn hẳn sử Thanh, thật xuất sắc tài tình.

Nghĩa thanh của vế câu đối của bọn sứ Thanh và vế đáp của bà Đoàn Thị Điểm thì như đã dịch bên trên. Còn hiểu theo nghĩa tục thì trong vế đối của bọn sứ Trung Quốc, cụm từ “*nhất thốn thổ*” ám chỉ sinh thực khí của người nữ và chữ “*canh*” có nghĩa là giao cấu; như vậy vế đối của bọn sứ Trung Quốc là không hiểu có bao nhiêu người đã giao cấu với một người con gái nước Nam (ám chỉ bà Điểm). Để đáp lại, trong vế của bà Điểm hiểu theo nghĩa tục chữ “*đồ*” có ý chỉ sinh thực khí của phụ nữ. Như vậy, câu đáp của bà Điểm có ý nói rằng tất cả bọn đại phu Trung-quốc (vừa hiểu theo nghĩa rộng là đàn ông và theo nghĩa hẹp là các bậc quan to) đều do con đường ấy mà ra.

Bọn sứ Trung Quốc tưởng nói bỡn như vậy là bóng gió cao kỳ để hạ nhục cô bán hàng, nào dè cô hiểu ý, lanh trí trả lời đích đáng, đem cái nhục trả lại chúng, làm chúng hổ thẹn rút lui, nhục tài gái nước Nam, không còn dám bỡn cọt nữa.

II. Sự Nghiệp Văn Chương

Bà Đoàn Thị Điểm làm [thơ](#) rất hay, tiếng tăm đã nổi từ khi mới 15, 16 tuổi, và được nhiều danh nho tán thưởng.

Bộ **Đoàn Thị Thục Lục** (tức gia phả họ Đoàn) chép rằng “*Trong khi nhàn hạ, bà ngâm nên thơ hay, câu đẹp, kể hàng chục hàng trăm.*” Thục vậy, lúc thiếu thời, bà thường ngâm vịnh với phụ thân Đoàn Doãn Nghi và với anh trai Đoàn Doãn Luân, rồi

đến khi có chồng thì ngâm vịnh với chồng là Nguyễn Kiều (1695-1752). Tương truyền bà đã cùng chồng xếp đặt thi văn của bà, phần nhiều bằng Hán văn, ra thành tập. Đáng tiếc là hiện nay hầu như thất lạc hết cả.

Ngoài ra, bà còn viết nhiều sách, nhưng cùng chung số phận với thi phẩm, các sách của bà cũng đã bị thất lạc nhiều. Ngày nay chúng ta chỉ còn có được hai tác phẩm của bà: một là tập văn xuôi **Truyền Kỳ Tân Phả** và một là thi tác điển Nôm **Chinh Phụ Ngâm Khúc**.

A.- Thi Tác Hán Văn

Dưới đây chúng tôi xin dẫn một từ phẩm của bà, bài **Thu Từ** 秋詞 (Bài Từ Thu) làm theo điệu Bộ thiêm cung 步蟾宮, làm thí dụ. Bài từ gồm hai phiên.

Phiên trên tả cảnh sắc mùa thu. Bóng núi xanh như ngọc cao chót vót trôi bồng bềnh trên mặt nước, gió vàng khua rào rào vào những bụi trúc lạnh. Hoa lau trắng lả lướt chạy dài hàng muôn dặm, sắc cây đượm sương nhuộm màu hồng xanh.

水面浮藍山削玉，
金風剪剪敲寒竹。
蘆花萬里白依依，
樹色霜凝紅染錄。

Thủy diện phù lam sơn tước ngọc,

Kim phong tiển tiển sao hàn trúc.

Lô hoa vạn lý bạch y y,

Thụ sắc sương ngưng hồng nhiễm lục.

Phiên dưới tả sự cô đơn của một mỹ nữ. Trên cung trăng Hằng-nga ngủ một mình; dưới thềm ngọc nằng đi một mình, tình thu ôm ấp trong lòng. Không như hương hoa cúc từ bên bờ giậu thoảng lại, nằng rảnh rỗi ngồi vuốt cây đàn bầu đàn một khúc.

瑩徹蟾宮娥獨宿，
瑤階獨步秋懷促。
不如徑來籬下菊花香，

閒坐撫瓠彈一曲。

*Oánh triệt thiềm cung nga độc túc,
Dao giai độc bộ thu hoài xúc.
Bất như kính lai ly hạ cúc hoa hương,
Nhàn tọa phủ hồ đàn nhất khúc.*

B. Truyền Kỳ Tân Phả

Sau khi phụ thân qua đời (năm 1729), bà Đoàn Thị Điểm, lúc đó đang ở nhà dưỡng phụ là Thượng thư bộ Hình Lê Anh Tuấn, đã xin phép về quê nhà săn sóc mẹ già, giúp đỡ anh và chị dâu. Trong thời gian này, bà đã viết bằng Hán văn một tập văn xuôi có xen vào những bài thơ, hạnh, văn tế. Đó là tập **Truyền Kỳ Tân Phả** 傳奇新譜 (cuốn phả mới về những chuyện truyền kỳ).

Sách này tiếp nối sách **Truyền Kỳ Mạn Lục** 傳奇漫錄 của Nguyễn Dữ (Tiến sĩ năm 1496), vì vậy mới có tên gọi khác là **Tục Truyền Kỳ** 續傳奇 (tiếp nối các chuyện truyền kỳ). Bản in **Truyền Kỳ Tân Phả** năm Gia Long thứ 10, tức năm 1811, ghi rõ tên tác giả là Hồng Hà Đoàn Phu Nhân.

1.- Giới Thiệu

Truyền Kỳ Tân Phả là một tập gồm 6 truyện ngắn bằng văn xuôi, chép những chuyện kỳ lạ linh dị truyền miệng trong dân gian. Ông Đoàn Doãn Luân đã viết lời bình sách.

Theo Phan Huy Chú (1782-1840), viết trong quyển *Văn Tịch Chí* (q. 45) bộ **Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí** thì sách gồm 6 truyện: **Bích Câu Kỳ Ngộ** (Cuộc Gặp Gỡ Kỳ Lạ ở Bích Câu), **Hải Khẩu Linh Từ** (Đền Thiêng Cửa Biển), **Vân Cát Thần Nữ** (Nữ Thần Vân Cát), **Hoành Sơn Tiên Cục** (Cuộc Cờ Tiên Trên Hoành Sơn), **An Ấp Liệt Nữ** (Liệt Nữ ở An Ấp), và **Nghĩa Khuyển Khuất Miêu** (Chó Khôn Chịu Nhịn Mèo).

Về nhan đề truyện cuối cùng này có tài liệu chép là **Khuyển Miêu Đối Thoại** (Cuộc Trò Chuyện giữa Chó và Mèo), lại có tài liệu chép là **Nghĩa Khuyển Thập Miêu** (Chó Khôn Thu Phục Mèo).

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Có tài liệu nói rằng **Truyền Kỳ Tân Phả** gồm có 7 truyện là: *Vân Cát Thần Nữ*, *Hải Khẩu Linh Từ*, *An Ấp Liệt Nữ*, *Nghĩa Khuyển Thập Miêu*, *Hoành-sơn Tiên Cúc*, *Mai Huyền*, *Yên Anh Đồi Thoại*. Danh sách này khác danh sách trên ở điểm không có *Bích Câu Kỳ Ngộ*, nhưng có thêm hai truyện *Mai Huyền* (Cây Mai Huyền Bí) và *Yên Anh Đồi Thoại* (Yên Anh Nói Chuyện).

Lại có ấn bản không có truyện *Nghĩa Khuyển Khuất Miêu*, mà lại có truyện *Tùng Bách Thuyết Thoại* (Cây Tùng Cây Bách Nói Chuyện), lại có ấn bản không có truyện *Tùng Bách Thuyết Thoại* mà lại có truyện *Long Hồ Đẩu Kỳ* (Rồng Hồ Tranh Tài Lạ).

Tuy nhiên, theo gia phả họ Đoàn thì bà Đoàn Thị Điềm chỉ viết có 3 truyện, là: *Hải Khẩu Linh Từ*, *Vân Cát Thần Nữ* và *An Ấp Liệt Nữ* thôi. Còn 3 truyện khác (*Bích Câu Kỳ Ngộ*, *Hoành Sơn Tiên Cúc* và *Nghĩa Khuyển Khuất Miêu*) là do người khác viết và do nhà xuất bản Lạc-thiện-đường, trước khi cho ấn hành (năm Tân mùi, 1811), đã tự ý thêm vào một vài truyện của các tác giả khác. Lúc này bà Đoàn Thị Điềm đã qua đời (năm 1748).

Hải Khẩu Linh Từ kể về tấn bi kịch của nữ thần Ché-thắng, tục danh Nguyễn Thị Bích Châu (kh. 1356-1377; người Việt- nam quen đọc là Bích Chu), một cung phi của vua [Trần Duệ Tông](#) (ở ngôi năm 1372-1377), đã hi sinh thân mình để nhà vua được an toàn đưa chiến thuyền vào đánh [Chiêm Thành](#). Đền thờ của bà được lập ở thôn Hải Khẩu, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Câu chuyện cho thấy một vài dấu vết tục hiến tế thời xưa ở Việt Nam. Tác giả đã dùng tài hư cấu nghệ thuật của mình giới thiệu và đề cao cái chết tự nguyện của nàng cung phi vì vận mệnh quốc gia dân tộc, khiến cho câu chuyện hết sức truyền cảm. **Hải Khẩu Linh Từ** được đánh giá là tác phẩm thành công nhất của bà Đoàn Thị Điềm.

Vân Cát Thần Nữ là chuyện về bà chúa Liễu Hạnh, rất phổ biến ở Bắc Việt và bắc Trung Việt, mà thư tịch gọi là Liễu Hạnh công chúa, hoặc là Liễu-hạnh thánh mẫu, Liễu Hạnh nguyên quân, đệ nhị chúa Tiên, chúa Tiên, hay Sùng Sơn thánh mẫu. Bà là một nhân vật huyền thoại trong bốn vị “*tứ bất tử*” (ba vị kia là Tản

Viên, Thánh Gióng, và Chử Đồng Tử) của [Việt Nam](#). Câu chuyện liên quan đến đạo thờ Mẫu ở Việt Nam

An Ấp Liệt Nữ là chuyện bà Phan Thị Viên, người xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, vợ thứ của ông Đinh Nho Hoàn (đậu Hoàng giáp năm 1700). Năm 1715, đời vua Lê Dụ Tông (ở ngôi năm 1705-1729) ông Đinh Nho Hoàn, tước Thượng Bảo tự khanh, được cử làm Phó sứ (Chính sứ là Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Công Cơ và Thái bộc tự khanh Lê Anh Tuấn, nghĩa phụ của bà Đoàn Thị Điểm) sang nhà Thanh nộp thuế cống. Ông bị chết trên đường đi sứ. Khi quan tài mang thi hài ông được đưa về nước chôn, bà Phan Thị Viên đã thắt cổ tử tiết theo chồng, nên được triều đình ban khen, sai quan cấp cho ruộng thờ tự, tặng phong làm Á Thận phu nhân, và cho lập từ đường để thờ ở xã An Ấp (quê ông Đinh Nho Hoàn; thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay) và ban cho biển vàng đề hai chữ “*tiết phụ*” 節婦 treo ở cửa nhà bà để biểu dương.

Về truyện *Bích Câu Kỳ Ngộ* có người cho là của Đặng Trần Côn, nhưng Trần Văn Giáp (1902-1973) đã dựa vào nhiều tài liệu khẳng định là của bà [Đoàn Thị Điểm](#)⁽³⁾. *Bích Câu Kỳ Ngộ* kể câu chuyện cổ tích về một người học trò nghèo tên là Trần Tú Uyên lấy một nàng tiên trong tranh là Giáng Kiều ở phường Bích Câu làm vợ. Truyện này có liên quan tới đạo tu tiên rất phát triển ở nước Việt trong thế kỷ thứ 18. Sau truyện được Vũ Quốc Trân (sống khoảng giữa thế kỷ thứ 19) diễn ra thơ lục bát⁽⁴⁾.

Hoành Sơn Tiên Cục là chuyện tiên đánh cờ trên dãy Hoành Sơn (ở phía nam tỉnh Hà Tĩnh và phía bắc tỉnh Quảng Bình ngày nay).

Chúng ta nhận thấy rằng các nhân vật trong 3 truyện **Hải Khẩu Linh Từ**, **Vân Cát Thần nữ** và **An Ấp Liệt Nữ** là những nhân vật lịch sử có thật, các sự việc đều có thật, dù đã được thần thánh hóa. Cả 3 truyện còn có liên quan đến việc thờ cúng trong dân gian. Đặc biệt là Chê-thắng phu nhân trong truyện *Hải Khẩu Linh Từ* và Liễu Hạnh công chúa trong truyện *Vân Cát Thần Nữ* trong thực tế còn được thờ ở nhiều nơi. Điểm đáng chú ý là đối chiếu 2 truyện *Hải Khẩu Linh Từ* và *Vân Cát Thần Nữ* do bà Đoàn Thị Điểm kể với thần tích trong các đền thờ 2 vị đều rất giống nhau, tuy rằng thần tích ở đền Hải Khẩu, tức là thần tích về

Chế Thắng phu nhân, có khác một chút về đoạn kết, nhưng thần tích tại các đền thờ Liễu Hạnh công chúa thì hầu như không sai khác một chi tiết nào so với truyện *Vân Cát Thần Nữ* trong **Truyện Kỳ Tân Phả**. Đỗ Ngọc Thạch đã giải thích sự tương đồng này như sau:

“Với Truyện kỳ tân phả, có thể nói Đoàn Thị Điểm đã dựa vào cốt truyện, nguyên mẫu nhân vật trong văn học và tín ngưỡng dân gian để viết thành tác phẩm văn học, sau đó tác phẩm của bà lại được sử dụng lại làm thần tích, giúp cho hành trạng của vị thần được thờ công tích sáng rõ hơn, ảnh hưởng sâu rộng hơn.”⁽⁵⁾

2.- Nhận Xét

Mặc dù gọi là truyện kỳ, nhưng nhìn chung, các truyện trong **Truyện Kỳ Tân Phả** vừa là truyện tiểu sử vừa là truyền huyết dân gian về cuộc đời, con người của những nhân vật có thực trong xã hội Việt Nam, cùng với những sự kiện, những địa danh lịch sử, với thêm bớt vài chi tiết, và nhất là có ý đề cao người phụ nữ, biểu hiện dưới màu sắc hoang đường, quái đản, một hình thức nghệ thuật khá phổ biến trong văn xuôi Việt Nam đã được mở đầu với hai tác phẩm **Thánh Tông Di Thảo** (truyện của vua Lê Thánh Tông, tại vị năm 1460-1497) và **Truyện Kỳ Mạn Lục** của Nguyễn Dữ (thế kỷ thứ 16).

Bùi Thị Thiên Thai trong bài “*Đoàn Thị Điểm và Truyện Kỳ Tân Phả*” (phebinhvanhoc.com.vn, 4.6.2014) cho rằng công hiến đặc biệt của Đoàn Thị Điểm là “*bà đã đan dệt những truyền thuyết địa phương thành những áng truyện kỳ hấp dẫn, đưa truyện kỳ từ một thể loại bưng trông bắt rã vào cội nguồn bản địa.*”

Vẫn theo tác giả họ Bùi, bà “*Đoàn Thị Điểm hoàn toàn có ý thức trong việc bảo lưu gần như nguyên vẹn cốt lõi dân gian trong tác phẩm, tạo ra một điểm Mới cho thể loại truyện kỳ...*”

Nhiều người cho rằng **Truyện Kỳ Tân Phả** có ý đề cao người phụ nữ hay đề cao nữ quyền. Một thí dụ là tiểu luận của nữ giáo sư Olga Dror, nhan đề “*Doan thi Diem’s ‘Story of the Van Cat Goddess’ as a Story of Emancipation*”, đăng trong **Journal of Southesat Asian Studies**, tập 33, số 1, tháng 2. 2002, tr. 63-76, và đã được Lê Thị Huệ dịch sang Việt ngữ, “*Vân Cát Thần Nữ*

Truyện của Đoàn Thị Điểm: Truyện Giải Phóng Phụ Nữ”, đăng trên mạng điện tử gio-o.com.⁽⁶⁾

C.- Chinh Phụ Ngâm Khúc

Văn tài của bà Đoàn Thị Điểm nổi bật nhất trong việc dịch thi tác **Chinh Phụ Ngâm** viết bằng Hán văn của Đặng Trần Côn sang thơ Nôm **Chinh Phụ Ngâm Khúc** (có tài liệu đề là **Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca**, có tài liệu đề là **Chinh Phụ Ngâm Diễn Nôm**, có tài liệu chép văn tắt là **Chinh Phụ Ngâm**).

Chinh Phụ Ngâm, thi phẩm trường thiên viết bằng Hán văn của Đặng Trần Côn, được sáng tác đầu niên hiệu Cảnh Hưng đời vua Lê Hiển Tông (tại vị năm 1740-1786).

Lúc đó trong nước xảy ra nạn chiến tranh giặc giã, trai tráng bị bắt đi lính đánh trận, gây ra những cảnh ly tán đau thương cho nhiều gia đình, Đặng Trần Côn cảm xúc, viết nên tác phẩm **Chinh Phụ Ngâm** bằng Hán văn, miêu tả diễn biến tâm trạng của nhân vật chính và cũng là duy nhất, trong truyện là một người vợ có chồng đi chinh chiến nơi đây hiểm nguy: buồn bã, giận hờn, nhớ nhung, khắc khoải, cô đơn, buồn tủi, cũng như là hy vọng.

Viết xong, ông đưa cho ông Ngô Thời Sĩ xem. Ông Ngô Thời Sĩ lấy làm thán phục nói rằng: "*Văn chương đã tới mức này thì lão Ngô tôi chỉ còn biết bái phục mà thôi.*"

Đặng Trần Côn còn gửi tác phẩm này cho bà Đoàn Thị Điểm. Tác phẩm **Chinh Phụ Ngâm** đến tay bà đúng lúc chồng bà đang đi sứ sang nhà Thanh bên Trung Quốc (từ năm 1743 đến năm 1746). Đọc xong, bà rất cảm phục tài văn chương của tác giả, lại thấy tâm sự của nàng chinh phụ trong tác phẩm cũng có phần giống nỗi lòng của bà lúc đó. Chồng đi sứ sang Trung Quốc chẳng khác chi đi lính chinh chiến ngoài biên thùy, bà ở nhà lòng nhớ nhung lo lắng cho chồng không nguôi, lại còn lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi nấng và dạy dỗ đàn con thơ của chồng xem như con ruột.

Tâm hồn bà rung động, và để đáp lại tình cảm của Đặng Trần Côn, bà đã diễn Nôm tác phẩm **Chinh Phụ Ngâm Khúc**. Lòng nhớ nhung của bà đối với chồng khi ông phụng mạng đi sứ sang Bắc-kinh, cộng hưởng với tâm trạng của nàng chinh phụ nhớ mong chồng đang đánh giặc ngoài quan ải, nên bà diễn Nôm thật cảm động. Vì vậy, tuy là bản diễn Nôm nhưng được yêu thích hơn

bản chính, nên đến nay được xem như là một sáng tác của bà Điềm.

Nguyên tác Hán văn **Chinh Phụ Ngâm** viết theo thể cổ nhạc phủ 古樂府, thịnh dụng từ thời nhà Hán 漢 (206 TCN – 220 SCN), đến thời nhà Tống 宋 (960-1279), gồm 483 câu thơ dài ngắn khác nhau (trường đoản cú 長短句): câu dài nhất khoảng 12, 13 chữ, câu ngắn chỉ có 3, 4 chữ.

Chinh Phụ Ngâm được diễn ra chữ Nôm, trước sau có 7 bản, trong đó có 4 bản theo thể song thất lục bát và 3 bản theo thể lục bát, nhưng hầu hết ngày nay đã thất truyền, chỉ còn lại bản diễn Nôm bằng thể song thất lục bát (bản **Chinh Phụ Ngâm Khúc**, hay **Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca**, **Chinh Phụ Ngâm Diễn Nôm**) dịch hay nhất, thành công nhất và phổ biến nhất mà cho tới nay vẫn được đại đa số cho là của bà Đoàn Thị Điềm, còn thiếu số cho là của Phan Huy Ích (1750-1822; với nhan đề là **Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc**). Ngoài ra, trên mạng điện tử wikisource, phần Tiếng Việt, có thêm một bản dịch Nôm giữ nguyên thể trường đoản cú, **Chinh Phụ Ngâm Khúc Quốc Âm Thuậ Diễn** của Ngô Tư Thần, nhưng không cho biết bản dịch Nôm này được xuất bản hay phổ biến ở đâu, từ năm nào, cũng như lý lịch của dịch giả.

Đặc điểm của bản Nôm **Chinh Phụ Ngâm Khúc** của bà Đoàn Thị Điềm là: (1) không phải là dịch mà là diễn, tức là dịch thoát, nguyên tác Hán văn; (2) thay thế thể cổ nhạc phủ của Trung-quốc, tuy quen thuộc với những người có ăn học nhưng trúc tra trúc trắc đối với người bình dân, bằng thể thơ trữ tình song thất lục bát thuần túy của người Việt Nam, với những thanh vận, láy âm điệp ngữ, du dương, réo rắt, uyển chuyển, quen thuộc, dễ nhớ, vì vậy nó đã được phổ biến sâu rộng hơn, đến nỗi rất nhiều người chỉ biết đến bản diễn Nôm, mà không biết đến nguyên tác Hán văn.

Ngoài ra, chính tác phẩm diễn Nôm của bà Đoàn Thị Điềm, chứ không phải là nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn, đã được dịch sang một số ngoại ngữ, mặc dù chắc chắn các dịch giả cũng đã tham khảo nguyên tác. Theo chỗ chúng tôi được biết, **Chinh Phụ Ngâm Khúc** của bà Đoàn Thị Điềm đã được dịch sang 4 ngoại ngữ.

1.- Pháp ngữ: (a) do những nhà văn trong nhóm tạp chí Mercure de France dịch sang Pháp văn, với nhan đề **Les Plaintes d'une Chinh phụ** (xuất bản tại Paris năm 1939); (b) do Tuần-lý Huỳnh Khắc Dụng, với nhan đề **Femme de Guerrier Élégis**. (in trong tập **Chinh Phụ Ngâm** của Cơ sở Đông Tiến, San Jose, California, 1988, tr. 41-63).

2.- Anh ngữ: do giáo sư Huỳnh Sanh Thông (1926-1008) dịch, với nhan đề **The Song of a Soldier's Wife** (Cơ sở Đông Tiến, sdd., tr.69-85). Ngoài ra, trong khoảng thời gian năm 1947-1975 còn có một bản dịch Anh ngữ nữa, nhan đề **Ballad of a Warrior's Wife** (chúng tôi không nhớ tên dịch giả, nhà xuất bản và năm xuất bản).

3.- Nhật ngữ: bản dịch với nhan đề **Seifu Ginkyoku 征婦吟曲** của giáo sư Takeuchi Yonosuke, nguyên giáo sư Việt văn tại Trường Đại học Ngoại ngữ Đông-kinh (Cơ sở Đông Tiến, sdd, tr. 91-108).

4.- Hàn ngữ: do giáo sư Bae Yang Soo (vì chưa kiếm được bản dịch này nên chúng tôi không rõ nhan đề bằng Hàn ngữ).

Nói tóm lại, tuy những tác phẩm văn chương của bà Đoàn Thị Điểm ngày nay không còn tồn tại được là bao, nhưng bà vẫn được coi là nữ thi nhân danh tiếng nhất [Việt-nam](#) vì qua những tác phẩm còn lại của bà, nhất là **Chinh Phụ Ngâm Khúc**, người ta nhận thấy được thi tài lỗi lạc của bà, với những lời thơ tao nhã, điêu luyện, đài các, bóng bẩy, đầy âm điệu. Đây là chưa kể tài đối đáp văn chương của bà không mấy ai bì được.

Chú Thích

(1) *Giang: gảy đàn, đánh đàn.*

(2) *Đình trưởng: người đứng đầu một đình 亭, đơn vị hành chính địa phương thấp nhất trong thời Chiến-quốc 戰國 (480-221 TCN) và hai nhà Tần 秦 (221-206 TCN), Hán 漢 (206 TCN – 220 SCN), cứ 10 dặm (khoảng 5 cây số) là một đình. Nhiệm vụ của đình trưởng là canh phòng, giữ an ninh trong đình.*

(3) *Trần-văn-Giáp, “Giới Thiệu và Xác Định Giá Trị Bích Câu Kỳ Ngộ”, in trong tập Nhà Sử Học Trần Văn Giáp, nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.*


(4) Trước đây, nhiều người (như: Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản, Thanh Lăng) cho rằng truyện thơ **Bích Câu Kỳ Ngộ** là của một tác giả khuyết danh; nhưng theo các nhà nghiên cứu hiện nay (thí dụ: Trần Văn Giáp, Nguyễn Phương Chi, Hoàng Hữu Yên, Phạm Ngọc Lan) thì tác giả là **Vũ Quốc Trân** (không rõ năm sinh và mất, chỉ biết ông sống cùng thời với Nguyễn Văn Siêu, 1799-1872, và Cao Bá Quát, 1809-1863). Bản chữ quốc ngữ do Thi Nham Đình Gia Thuyết đính chính và chủ thích, Tân Việt, Sài Gòn, xuất bản năm 1952; nxb. Xuân Thu, Houston, Texas, in lại, không ghi năm in lại.

(5) Đỗ Ngọc Thạch, “**Hồng Hà Nữ Sĩ -- Hồng Nhan**”, trên mạng điện tử newvietart.com ngày 14.9.2010.

(6) Olga Dror còn viết một sách lấy căn bản là sự tích **Liễu-hạnh** công chúa, nhan đề **Cult, Culture and Authority – Princess Liễu Hạnh in Vietnamese History**, do University of Hawai'i Press, Honolulu, xuất bản năm 2007.

Bản Chép Khác. - (a) có tài liệu chép là 南方 Nam phương (= phương Nam), có tài liệu chép là 安南 An Nam. (b) 北國大丈夫 Bắc quốc đại trượng phu (= đại trượng phu nước Bắc).

CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017



FARMERS
INSURANCE

FARMERS[®]

NGUYỄN VĂN TÂM Agent
13480 Veterans Memorial # C. - Houston - TX 77014
(Trong khu chợ Hong Kong 3)
Tel.: (281) 397-8122 - Fax: (281) 397-8749
nguyen2@farmersagent.com

<p>BẢO HIỂM: Đảm nhận tất cả các dịch vụ về Bảo Hiểm XE HƠI - NHÀ - LỤT NHÂN THỌ - THƯƠNG MẠI - SỨC KHỎE</p> <p>DEFENSIVE DRIVING: * Lớp Chủ Nhật từ 9:00am - 3:00pm - Học xóa giấy phạt - Bớt bảo hiểm xe cho 3 năm</p>	<p>DỊCH VỤ:</p> <ul style="list-style-type: none">* Xin trợ cấp an sinh xã hội:<ul style="list-style-type: none">- Medicaid - Food Stamp- Chip Children Health Insurance Program- SSI và SSA (trợ cấp tiền già, bệnh tật, tiền hưu)* Dịch: Khai Sanh - Hôn Thú - Bằng Cấp* Thự thực chữ ký* Vay tiền (Mortgage)
--	---

BÚT MẶC NĂM XƯA



GS TRẦN QUỐC GIÁM

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP PHAN THANH GIẢN

BBT: BÚT MẶC NĂM XƯA kỳ này chúng tôi giới thiệu biên khảo THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP PHAN THANH GIẢN của GS Trần Quốc Giám, đã đăng trên nguyệt san Triều Sóng Xanh số 1 (do Trường trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ xuất bản số 1 tháng ba năm 1966, giấy phép số 1180/TT/KD ngày 3/3/1966 của Ty Tâm Lý Chiến Phong Dinh), từ trang 18 đến trang 23. Nhân dịp gia đình cựu học sinh PTG & ĐTD hải ngoại tổ chức Đại Hội XXI toàn thể giới, diễn ra từ ngày 5 đến 14 tháng 5-2017, với hai ngày Tiền hội - Đại hội và 7 ngày đêm trên du thuyền Carnival Breeze Sail, mang các chủ đề: **Tưởng niệm 150 năm cụ Phan tuần tiết, 100 năm thành lập trường PTG và tròn 20 năm có sinh hoạt gia đình PTG & ĐTD Cần Thơ hải ngoại.** Do bài viết từ năm 1966 nên chúng tôi đăng nguyên văn để giữ tính trung thực trong ngôn ngữ và công trình biên khảo tài liệu quý báu của tác giả - Mời quý bạn đọc dành chút thời gian đọc tài liệu xuất hiện trong báo trường xưa PTG cách nay đã tròn 51 năm (tháng 3/1966 - tháng 3/2017) có lời giới thiệu của Ban Chủ Biên Triều Sóng Xanh...

VHVN

*GIỚI THIỆU: Hàng ngày bước vào cổng trường, chúng ta đều thấy **tám băng vàng đề mây chữ đỏ "Trường Trung Học PHAN THANH GIẢN"**. Ba chữ PHAN THANH GIẢN có làm cho ta nghĩ ngợi gì không, có gợi cho ta một chút suy tư nào không, hay chúng ta vẫn bước qua cổng trường một cách thản nhiên, vô tình?*

Chắc chắn là không, chúng ta không thể nào vô ân bội nghĩa với bậc tiền nhân khai quốc công thân được. Là con dân Việt Nam với truyền thống hiếu nghĩa, là học sinh trên đường cầu học với tinh thần đón nhận những gương sáng tiền nhân, đã từ lâu mỗi người chúng ta nhiều phen tự hỏi, hỏi nhưng không tìm được câu trả lời đích đáng, không thoả mãn với

sự hiểu biết của mình, Phan Thanh Giản là ai, sự nghiệp của Ông như thế nào, Ông đã có công lao gì với đất nước? Hẳn nhiên, một phần lớn chúng ta đều biết rằng vào thời Pháp xâm lăng Việt Nam, ông Phan Thanh Giản được vua Tự Đức cử làm kinh lược sứ ba tỉnh miền Tây để chống với Pháp; chống không lại với sức mạnh của văn minh cơ khí, Phan Thanh Giản ra lệnh cho các quan trực thuộc nộp thành để tránh cảnh máu đổ thịt rơi cho đám con dân vô tội, rồi Ông dâng biểu về triều đình tạ tội cùng với những áo mũ cân đai mà Triều đình đã ban cho. Xong Ông uống thuốc độc tự tử.

Sự nghiệp Phan Thanh Giản không phải chỉ có thể, cuộc đời nhà ái quốc Phan Thanh Giản không phải chỉ có thể. Một con người thủy chung như nhứt, lúc nào cũng "Minh sanh chín chữ lòng son tạc", dù có phải "lên ghềnh xuống thác,.. vượt biển trèo non.." cũng vẫn giữ một lòng trung kiên "Lăm trả ơn Vua đền nợ nước" thì sự nghiệp của Ông cũng như công đức của Ông không thể gồm tóm bằng năm mươi dòng chữ, năm ba trang giấy. Cuộc đời ấu thơ Ông đã gian khổ, cơ cực vì nhà nghèo, con đường khoa hoạn của Ông cũng không suông sẻ, lúc đến Thượng Thư, sung Cơ Mật Viện Đại Thần hàm Đại Học Sĩ, lúc bị giáng cấp xuống thành lính trơn phải đài công chuộc tội. Lời nói của Ông là những lời Trung Quân Ái Quốc "Thương Vua mến Chúa phải ra đi", việc làm của Ông là những việc vì nước vì dân, lúc nào cũng mang nặng sâu tư, tui hổ, trước cảnh "non nước tan tành hệ bởi đâu".

Hôm nay đốt nén hương lòng, ta lần giở tròng trang sử cũ để tìm lại dấu vết tiền nhân, chí kiên nhẫn, gương hy sinh tận tụy, lòng quả cảm, nghĩa quân thần, tất cả đều đáng được chúng ta làm ngọn đuốc soi đường cho hậu thế. Trường chúng ta hãnh diện được mang tên Người và có Người làm ánh đuốc sáng soi trên con đường cầu học, tinh luyện trí-đức.

Vì khuôn khổ tờ báo có hạn, chúng tôi không đăng trọn vẹn tiểu sử cùng sự nghiệp của Người, chỉ mạn phép soạn giả tóm lược những điều cần yếu để chúng ta có được vài hiểu biết không quá thiếu sót về một cuộc đời đáng cho chúng ta có được vài hiểu biết không quá thiếu sót về một cuộc đời đáng cho chúng ta lấy đó làm mẫu mực. Triều Sóng Xanh xin ân cần gửi đến bạn đọc "Thần thể và sự nghiệp của Phan Thanh Giản".

TRIỀU SÓNG XANH

HUYẾT THỐNG VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

PHAN THANH GIẢN tự là Tịnh Bá và Đạm Như, hiệu là Lương Khê, bút hiệu là Mai Xuyên. Ông sinh ngày 12 tháng 10 năm Bính Thìn (tháng 11 năm 1796) tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh, nay là làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri, tỉnh Kiến Hoà.

DÒNG DÕI

Phan Thanh Giản dòng dõi bình dân. Tổ tiên là người Trung Hoa đã di cư sang Việt Nam vào cuối đời nhà Minh.

Tằng tổ là Phan Văn Huỳnh sinh ra Phan Thanh Sử và Phan Thanh Tập, cả hai đều có vợ người Bình Định. Ông Tập có sáu người con, người thứ 3 là Phan Xán hay Phan Thanh Ngạn chính là tổ phụ của Phan Thanh Giản.

Ông Xán lấy bà Lâm Thị Búp sinh ra hai trai, một gái, Phan Thanh Giản là con trưởng. Bà Lâm Thị Búp cũng có nguồn gốc Trung Hoa, tổ tiên bà cũng như họ Phan, rời Trung Hoa sang Việt Nam để thoát ly nhà Thanh và là người bình dân.

QUÊ QUÁN

Hiện nay, vì thiếu tài liệu, nên chúng ta chưa rõ dòng họ Phan gốc tỉnh nào bên Trung Hoa, ngoài việc xác định nơi cư ngụ của họ Phan khi từ Trung Hoa di cư sang Trung phần VN.

Căn cứ vào gia phả nhà họ Phan, tổ tiên Phan Thanh Giản gốc người ấp Hội Trung, phường Hội Hoà, làng Ô Liêm, tổng Trung An, huyện Bồng Sơn, phủ Qui Nhơn, tỉnh Bình Định. Nơi đó thường được gọi là Đông Phong hay Bàu Sen.

Năm Canh Dần (1770), ông Sử và ông Tập đưa gia đình chạy loạn Tây Sơn vào nam. Lúc đầu ngụ cư ở Thang Trông, ngày nay chợ Thang Trông nằm ở làng Phú Kiệt, bên cạnh Bên Tranh (Định Tường). Về sau họ Phan dời về Bân Thít (gần Vũng Liêm) trong một ấp thuộc làng Mỹ Thạnh Trung, thuộc trấn Vĩnh Thanh (nay là tỉnh Vĩnh Long). Dần dần họ Phan mới dời xuống lập nghiệp ở gành Mù U (Bãi Ngao) tục là thôn Tân Thành, tổng Tân

An, sau này là làng Bảo Thạnh, nơi Phan Thanh Giản đã mở mắt chào đời.

Sinh hoạt của dân làng Bảo Thạnh rất khắc khổ và cơ cực. Đây là miền nước mặn và đất cát nên ruộng lúa đã được thay bằng nương dâu. Dân sống bằng nghề nuôi tằm, làm muối và đặt rượu. Ngay Phan Thanh Giản phải than thở rằng "*Chính trong xứ Nam Kỳ nhiều lúa thóc đó, đời sống chúng tôi luôn luôn thiếu thốn*".

Họ Phan khi trước ở Bình Định cũng ở trong một miền cằn cỗi, nhiều sỏi cát. Nhưng chính thiên nhiên khắc khổ, sinh hoạt cơ cực đã làm cho Phan Thanh Giản có chí phấn đấu và tinh thần kiên nhẫn, chịu đựng dẻo dai. Tiên sinh đã biểu lộ cảm tưởng: "*... Tiên nhân đã định cư trên những mảnh đất kém phì nhiêu, làm tôi tưởng niệm rằng tổ tiên tôi như thế đã để lại một gương lớn cho con cháu; tôi có thể nói rằng tổ tiên tôi coi đó là một hảo ý đặc biệt*".

HOÀN CẢNH XÃ HỘI

Phan Thanh Giản (1796 - 1867) sinh ra đời trong lúc quốc gia Việt Nam đang lâm vào cảnh nội chiến khốc liệt giữa nhà Tây Sơn và Nguyễn Vương Phúc Ánh.

Rồi Phan Thanh Giản lớn lên trong khung cảnh hòa bình giả tạo của triều đại Gia Long (1802 - 1820), đầy loạn lạc và thiên tai. Dân chúng phải chịu nhiều sưu cao, thuế nặng, các dịch vụ... bởi vì các quan cai trị địa phương đa số là sâu dân một nước. Hầu hết nông dân phải đi làm công vì không có ruộng đất. Cuộc sống của họ lại càng cơ cực hơn khi gặp nắng hạn, còn trùng cắn phá mùa màng. Ngoài ra, an ninh của dân chúng bị đe dọa thường xuyên vì luật pháp bất lực và giặc cướp quá nhiều. Theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện thì:

- Đời Minh Mạng có gần 2.000 cuộc nội loạn.
- Đời Thiệu Trị có gần 50 cuộc nội loạn.
- Đời Tự Đức có gần 100 cuộc nội loạn, gần 100 cuộc cướp

Thanh ở biên giới và 60 cuộc cướp biển.

Hậu quả của những sự kiện trên là nền kinh tế Việt Nam bị suy sụp.

Chính sách bế quan toả cảng của nhà Nguyễn còn làm cho nền ngoại thương, nội thương, công nghiệp cũng như nông nghiệp bị đình trệ và bị sút kém.

Phan Thanh Giản đã sống trong bầu không khí đó và ông đã chứng kiến nhiều biến cố, nhiều bất công của xã hội, nhiều đau khổ của dân chúng, những thứ đó đã gây cho ông những ấn tượng không phai được và đã ảnh hưởng tới tâm tình, hành động của ông.

CUỘC ĐỜI THƯ SINH CỦA PHAN THANH GIẢN

SINH HOẠT VẬT CHẤT

Phan Thanh Giản ở tại quê nhà Bảo Thạnh cho tới năm 7 tuổi (1803) rồi được gửi sang ở với ông bà ngoại tại làng Phú Ngãi vì mẹ Phan Thanh Giản mất năm 1802.

Trước khi mẹ chết, cuộc sống hàng ngày của gia đình Phan Thanh Giản rất đạm bạc, nếu không nói là thiếu thốn vì ông Xán, cha của Phan Thanh Giản, chỉ giữ thư lại, phụ trách thuế vụ tại Vĩnh Long. Trong thời kỳ ở tại nhà ông bà ngoại, mỗi tháng mẹ ghê chỉ gửi cho 30 tô gạo và 30 con mắm.

Cuộc đời nghèo túng đó kéo dài cho tới năm 1815 thì gay go hơn nữa, khi ông Xán bị một năm tù vì nhiều người ghét tính ăn ngay nói thẳng của ông. Năm đó, Phan Thanh Giản mới 19 tuổi. Ông tới Vĩnh Long yết kiến Hiệp trấn Lương để xin ở tù thế cho cha. Hành động hiếu thảo đó lan truyền khắp Vĩnh Long nhanh chóng và đến tai bà Thị Ân, một sùng phụ giàu lòng từ thiện. Hiệp trấn Lương khuyên ông Xán để Phan Thanh Giản theo học trường tỉnh, còn bà Thị Ân thì cấp cho Phan Thanh Giản lương thực, quần áo, giấy bút, sách vở.

Phan Thanh Giản trọ học tại Vĩnh Long vào năm 20 tuổi (1816) nhưng theo học không bao lâu, ông phải nghỉ học vì lý do sinh kế.

SỰ ĐÀO TẠO TRÍ THỨC CỦA PHAN THANH GIẢN

Phan Thanh Giản là một nhà nho, nghĩa là sự đào tạo trí thức cũng giống như những nhà nho khác, nếu có sự phân biệt thì đó chính là tinh thần phóng khoáng cá nhân của Phan Thanh Giản.

Vào thời Lê, Nguyễn, Nho giáo trở thành độc tôn ở Việt Nam, nhưng trong việc đào tạo trí thức lớp sĩ phu, Nho giáo đã có những kết quả hết sức tồi tệ làm lu mờ hẳn những ưu điểm của Nho gia. Nguyên nhân của sự suy đồi đó là các sĩ phu được đào luyện trong tinh thần tâm chương trích cú và trong nền khoa cử hạn chế. Mục đích của sự học là để phụng sự cho nền quân chủ chuyên chế, sách học là sách của Tống Nho do hai ông Chu, Trình chú giải. Ông Đào Duy Anh đã viết: *"Sĩ tử không được lập luận trái với hai vị Tống Nho ấy, mà thảo hoặc trong khoa trường có ai dám bàn sai đi một chút thì gia cho cái tiếng bá đạo, tà thuyết mà đánh hỏng ngay"*.

Chính vua Minh Mạng, năm 1832, cũng phải chê trách: *"Đã lâu nay vẫn cử nghiệp làm cho người ta làm như thế, ta nghĩ rằng vẫn chương vốn không nhất định, nay vẫn cử nghiệp chỉ câu nệ lời hủ lậu mà khoe với nhau, mỗi nhà lập riêng mỗi cách học, nhân phẩm cao hay thấp, khoa trường lấy hay bỏ đều theo nền nếp ấy. Lối học như thế nên nhân tài ngày kém dần đi..."*. Vì lối học, lối thi như thế nên các sĩ phu ngày trước ít có sáng kiến cá nhân, mất cả tính quật cường, tranh đấu, nên đa số chỉ là những ông đồ gàn, bảo thủ, hủ lậu.

Khi lên 7 tuổi, Phan Thanh Giản thụ huấn nhà sư Nguyễn Văn Noa, trụ trì tại làng Phú Ngãi. Có lẽ đây là thầy giáo khai tâm của Phan Thanh Giản. Tới năm 1816, Phan Thanh Giản theo học trường tỉnh Vĩnh Long với một vị Đốc học họ Võ. Chúng ta chỉ biết Phan Thanh Giản thụ giáo hai vị đó, ngoài ra không biết gì hơn vì thiếu tài liệu. Nhưng theo bài thơ "Biệt gia" làm sau khi đỗ cử nhân (1825) và sửa soạn vào kinh thi Hội, ta biết rằng Phan Thanh Giản đã tự học trong nhiều năm:

.....

Ta sinh vốn nhà nghèo,

Lòng mến ưa cổ đạo.

Đèn sách công mười năm,

Không chỉ ở còm áo

Tú mù học một mình

Hiểu biết chỉ mỡ măng.

Năm Ất Dậu (1825), Phan Thanh Giản đậu cử nhân tại trường thi Gia Định và năm sau thi Hội tại Huế, Ông đã đậu "Đệ

Tam Giáp Tiến Sĩ Xuất Thân". Đó là vị Tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ và Phan Thanh Giản được xếp hạng Ba trong số mười người được chăm đậu.

Vào thời kỳ đó, tại Nam Kỳ, Nho giáo còn phôi thai chưa được truyền bá sâu rộng nên mặc dù Nam Kỳ có nhiều danh Nho nhưng hiền Nho mới có Phan Thanh Giản là người đầu tiên. Phan Thanh Giản tỏ ra là người có tinh thần phóng khoáng, học rộng biết nhiều. Vua Tự Đức cũng đã khen văn chương ông là "cổ nhĩ" và đã tuyền ông làm giảng quan ở toà Kinh Diên năm 1849 rồi Tổng Tài Quốc Sử Quán vào năm 1856. Phan Thanh Giản có được tinh thần đó một phần nhờ những cố gắng cá nhân, phần khác do Ông đã đi lại suốt từ Nam chí Bắc trong thời làm quan và những lần đi sứ. Mỗi lần xuất ngoại là một lần Phan Thanh Giản có thêm kinh nghiệm mới là tâm mắt nhìn của ông vốn đã không chật hẹp lại được dịp mở rộng hơn.

Phan Thanh Giản là một trong những sĩ phu phản tinh đầu tiên khi chứng kiến nền văn minh tân tiến của Tây phương. Sau khi đi xứ Pháp và Y Pha Nho về, Phan Thanh Giản đã tỏ lời ca ngợi sự tiến bộ kỹ thuật của Tây phương:

"Bá ban xảo trá tề thiên địa,

Duy hữu tử sinh tạo hoá quyền"

Niềm tâm sự của Ông còn chua xót hơn:

"Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,

Thấy việc Âu châu bỗng giật mình.

Kêu gọi đồng bang mau tỉnh giấc,

Hết lòng năn nỉ chẳng ai tin".

Phan Thanh Giản "năn nỉ chẳng ai tin" vì các quan lại Nho học thời đó quá bảo thủ và lạc hậu, không thể tưởng tượng nổi rằng có những phát minh kỹ thuật tân kỳ như "đèn điện", một thứ đèn không cần dầu mỡ mà khi thắp đèn lại treo ngược bóng!

BƯỚC THĂNG TRẦN TRÊN HOẠN LỘ (1826 - 1859)

Sau khi đỗ Tiến sĩ, Phan Thanh Giản bước vào quan trường, lần lượt giữ nhiều chức vụ trong những lãnh vực khác nhau.

Tháng 8 năm Minh Mạng thứ 7 (1826), Phan Thanh Giản được triệu vào Kinh và được bổ làm Biên tu ở Hàn lâm viện, tháng 11 thăng lên Lang Trung bộ Hình, rồi làm Tham Hiệp Quảng Bình.

Năm 1828, được thăng Thị Lang bộ Lễ làm việc tại Nội các, rồi năm 1831, Phan Thanh Giản làm Hiệp Trấn Quảng Nam. Bấy giờ tại Chiêu Đàn có giặc Mọi nổi dậy, với tư cách Hiệp Trấn, Phan Thanh Giản cầm quân đi đánh nhưng bị thua. Triều đình định tội và giáng xuống làm "Tiền quân hiệu lực", nghĩa là lính trơn phải đi tác chiến, nhưng được đãi công chuộc tội. Đây là lần bị giáng thứ nhất.

Năm sau, Phan Thanh Giản được theo sứ bộ sang Hạ Châu (Tân Gia Ba) bằng đường thủy, khi về được thăng Hàn Lâm Kiểm thảo sung chức Nội Các Hành Tẩu, rồi thăng Hồng Lô Tự Khanh. Cuối năm, Ông được cử làm Phó Sứ sang Tàu. Đi sứ về, Ông được thăng Đại Lý Tự Khanh coi việc bộ Hình và sung Cơ Mật Viện Đại Thân.

Năm 1835, Phan Thanh Giản được cử làm Kinh lược Trấn Tây tức là đất Cao Miên bấy giờ, khi ấy bị Việt Nam đô hộ. Trên đường về kinh sau khi hoàn tất nhiệm vụ, Ông dẹp được bọn giặc cỏ ở Bình Thuận nên Minh Mạng thăng Ông làm Bố Chánh Quảng Nam. Vào tháng 5 năm 1836, Minh Mạng muốn ngự du Ngũ Hành Sơn ở Quảng Nam. Phan Thanh Giản dâng sớ can ngăn: "... *Nhà Vua đi tuần hành dân trong hạt nghe nói chẳng ai là chẳng mừng. Nhưng nay là mùa hạ, mùa lúa không được tốt, lại gặp lúc dân đang làm mùa. Nếu lại một phen cung ứng, thì dân lo được việc này sẽ mất việc kia. Vạy xin tạm đình chỉ để dân dốc sức vào việc ruộng nương...*".

Vua Minh Mạng không vừa ý, cho quan tra xét tình hình ở Quảng Nam. Quan tâu: "*Thần dân ai cũng ngóng trông Vua, trong tình thì các quan lại làm nhiều điều nhùng tệ...*". Vì có đó, Phan Thanh Giản bị giáng xuống hàng quan lục phẩm, đặt dưới quyền sử dụng của tỉnh Quảng Nam. Đây là lần bị giáng thứ hai.

Vài tháng sau, Phan Thanh Giản được triệu về kinh làm Nội Các Thừa Chỉ rồi Lang Trung bộ Hộ, rồi Thị Lang bộ Hộ sung Cơ Mật Viện Đại Thân.

Năm 1838, gặp phiên trực ở Nội Các, Phan Thanh Giản sơ ý để một thuộc viên quên không đóng quốc bửu (ấn vua) vào tờ sớ

tâu, đã được vua châu phê nên bị giáng làm Lang Trung bộ Hộ. Đây là *lần bị giáng thứ ba*.

Năm 1839, Phan Thanh Giản được thăng Thị Lang bộ Hộ. Cũng năm này, Ông làm Giám khảo trường thi Bình Định. Lúc đó Tổng Đốc Bình Định là Vương Hữu Quang, quê ở Gia Định Thành, xin hủy bỏ tuồng hát "Lôi Phong Thập" và có chủ ý phỉ báng trời đất thần linh. Trong lúc cùng các quan bàn việc nghị xử, Phan Thanh Giản đã bào chữa cho Vương Hữu Quang nên bị ghép vào tội "bè đảng" và bị giáng xuống làm Phó Sứ Thông Chánh Ty. Đây là *lần bị giáng thứ tư*.

Năm 1840, Phan Thanh Giản được cử làm Phó Chủ Khảo trường Thừa Thiên. Vì Công sĩ Mai Trúc Tùng làm bài phú trùng vận mà khi chấm bài Ông không thấy, sao đó, quan Thượng Thư bộ Lễ duyệt chấm, phát giác ra lỗi ấy nên Phan Thanh Giản, vì chấm bài không tinh, phải giáng một cấp. Đây là *lần giáng thứ năm*.

Cũng trong năm này, Vua Thiệu Trị lên ngôi, Phan Thanh Giản được thăng Thị Lang bộ Binh, rồi năm sau tằng Tham Tri bộ Binh, sung Cơ Mật Viện Đại Thàn. Năm 1844, Ông giữ chức Tả Đô Ngự Sứ, sung Cơ Mật Viện Đại Thàn. Năm 1847, nhân kỳ "đại kế", tức kiểm thảo quan lại, vua Thiệu Trị xuống dụ khen ngợi Phan Thanh Giản và thăng làm Thượng Thư bộ Hình, vẫn kiêm Cơ Mật Viện Đại Thàn. Năm sau, Tự Đức lên ngôi đổi Ông sang làm Thượng Thư bộ Lại và năm sau, sung chức Giảng Quan ở toà Kinh Diên.

Năm 1850, Ông được cử làm Kinh Lược Đại Sứ Tả Kỳ (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận), lĩnh Tổng Đốc để trừ liệu các biện pháp cứu giúp dân chúng đang bị bệnh dịch và mất mùa. Ông được Tự Đức khen ngợi và ban cho 20 nén bạc để tưởng thưởng công lao. Năm sau, Ông được cử làm Nam Kỳ Kinh Lược Phó Sứ (Nguyễn Tri Phương làm Kinh Lược Đại Sứ), lĩnh Tuần Phủ Gia Định, kiêm chức Lãnh Đốc (hay Kiêm Tri, là chức quân sự, tương đương Tư Lệnh ngày nay) các đạo Vĩnh Long, Định Tường, Biên Hoà, An Giang, Hà Tiên.

Năm 1853, Phan Thanh Giản được gọi về triều và được phong hàm Hiệp Biện Đại Học Sĩ lĩnh Thượng Thư bộ Binh, sung chức ở Toà Kinh Diên và Cơ Mật Viện. Năm 1856, Ông được cử

làm Chánh Tổng Tài Quốc Sử Quán soạn bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục. Cũng năm này, nhân kỳ "đại kế" Tự Đức đã khen ngợi Phan Thanh Giản liêm trực và cẩn thận nên ban một tấm bài bằng lương ngọc.

Khi người Pháp đánh chiếm ở Nam Kỳ (1859), Phan Thanh Giản và Nguyễn Bá Nghi được cử vào Quảng Nam để tổ chức việc được đầu với quân Pháp. Từ đó, Phan Thanh Giản bị lôi cuốn vào bánh xe lịch sử Việt Nam. (...)



GS TRẦN QUỐC GIÁM

TRẦN PHÙ THẾ

(Greenville - South Carolina)

PHAN THANH GIẢN

*Khi Người nâng chén thuốc độc lên môi
Cũng là lúc ba tỉnh Miền Tây đã mất
Cũng là lúc hàng triệu trái tim ngưng đập
Tổ Quốc Việt Nam nô lệ một trăm năm.*

*Một thế kỷ trôi qua, ba mươi tháng tư bẩy lăm
Một lần nữa Người đưa lên môi chén thuốc độc
Hàng chục triệu trái tim bàng hoàng bật khóc
Tổ Quốc Việt Nam nô lệ cờ đỏ sao vàng.*

*Tôi khóc với Người, ơi Cụ Phan
Vẫn sống trên đời nhưng hồn tôi đã chết
Khi tượng Người một chín bẩy lăm bị đập nát
Bởi bàn tay cùng dòng máu anh em.*

*Nhân vật nào mang tên Châu Văn Liêm
Dám thay Người trên bảng vàng bia đá
Có một ngày chúng ta sẽ đòi lại tất cả
Để tên Người sống mãi với VIỆT NAM.*



Tiến Sĩ NGUYỄN MINH TRIẾT

TƯỢNG NHỚ CỤ PHAN THANH GIẢN – MỘT PHẬN ĐỜI NHIỀU THẮNG TRẦM VÀ BI HẬN

Sau hơn 100 năm nội chiến dai dẳng giữa hai họ Trịnh - Nguyễn, tiếp theo là sự dấy binh của nhà Nguyễn Tây Sơn không chế được quân chúa Nguyễn ở Đàng Trong, diệt được họ Trịnh và vua Lê ở Đàng Ngoài đồng thời đuổi được quân Thanh ra khỏi biên cương, Việt Nam được hợp nhất dưới lãnh đạo của Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ. Nhưng triều đại Nguyễn Tây Sơn mới trị vì được hơn 10 năm thì do lục đục nội bộ giữa 3 anh em Tây Sơn mà Chúa Nguyễn Phúc Ánh ở phương Nam với sự giúp đỡ của một số giáo sĩ người Pháp phục hồi sinh lực tiến ra Qui Nhơn rồi Phú Xuân tiêu diệt sự thống trị của vua Quang Trung, khôi phục lại cơ nghiệp cho dòng tộc và lên ngôi với vương hiệu Gia Long vào năm 1802, mở đầu cho một Vương triều của dòng họ Nguyễn Phúc kéo dài đến 1945, tổng cộng 143 năm.

Sau khi lên ngôi vua Gia Long chánh thức đổi quốc hiệu từ Đại Việt thành Việt Nam với cương thổ thống nhất rộng lớn nhất cho đến thời đó, kéo dài từ biên giới với [Trung Hoa](#) tới [vinh Thái Lan](#), gồm cả quần đảo [Hoàng Sa](#) và [Trường Sa](#). Đặc biệt để trả công cho các người Pháp đã trợ giúp trong việc chống lại quân Tây Sơn nên khi lên ngôi vua Gia Long đã mở đường cho các ảnh hưởng của người Pháp vào Việt Nam qua việc nhờ họ giúp xây dựng các thành trì lớn, huấn luyện quân đội cũng như cho phép các cố đạo được phép truyền bá đạo Chúa tại Việt Nam.

Việc điều hành xã hội và chánh sách giáo dục được thay đổi và phát triển dựa trên các giá trị Nho giáo truyền thống từ các triều đại trước nhằm củng cố cũng như xây dựng sự ổn định đất nước lâu dài. Riêng về việc xây dựng đội ngũ quan lại, vua Gia Long đặc biệt lưu ý về việc học hành thi cử nên cho xây Quốc tử giám ở kinh đô để dạy con các quan và sĩ tử, đặt thêm chức Đốc học ở các doanh, trấn để trông coi việc phát triển giáo dục ở địa phương. Ban đầu thời vua Gia Long chỉ có mở các kỳ thi Hương để lấy Tú Tài và Cử Nhân, đến năm 1822 thời vua Minh Mạng mới mở thêm khoa thi Hội, thi Đình để lấy Tiến sĩ.

Nhờ đó, các sĩ tử khắp trong nước có cơ hội dự thi để được bổ dụng làm quan ở các cơ quan từ cấp huyện, cấp phủ, cấp trấn lên tới cấp trung ương tùy theo học hàm. Tuy nhiên, không phải sĩ



tử nào cũng có đủ phương tiện để về các trấn hoặc về kinh đô để dự các kỳ thi tuyển vì các phương tiện giao thông thời đó chưa phát triển, đặc biệt là vùng Nam kỳ Lục tỉnh lúc đó chưa được khai phá nhiều. Do đó, đa số các khoa bảng đều xuất thân từ vùng miền Trung, miền Bắc. Từ miền Nam muốn dự các kỳ thi phải về Kinh đô Huế đường sá xa xôi. Vì vậy, mãi đến năm 1826 dưới thời Minh Mạng mới có một sĩ tử từ miền Nam ra kinh đô dự thi và đậu Tiến sĩ đệ tam giáp. Vị tân khoa Tiến sĩ này có tên là Phan Thanh Giản, lúc đó được 30 tuổi, sinh quán trấn Vĩnh Thạnh, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi thi đậu, Tiến sĩ Phan Thanh Giản được thân nạp vào hàng ngũ

quan lại của triều đình, mở đầu cho một phận đời nhiều thăng trầm cũng như đầy bi hận.

Sơ Lược Tiểu Sử.

Tiến sĩ Phan Thanh Giản sinh ngày 11 tháng 11 năm 1796 tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Phú, tỉnh Vĩnh Long, nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre từ một gia đình nghèo, gốc người Minh Hương.

Phận đời thăng trầm đã báo hiệu rất sớm khi ông mới 7 tuổi mẹ qua đời, cha có vợ kế nhưng may mắn được mẹ kế thương và gởi cho đi học với một vị sư ở chùa làng Phú Ngãi. Đến năm ông được 19 tuổi vì sự cáo gian của một kẻ có thù riêng với gia đình, cha ông lúc đó đang làm Thủ hạp, là một viên chức nhỏ, bị kết án 1 năm tù oan uổng. Biết cha là người thanh liêm gặp nạn nên ông Phan Thanh Giản đệ đơn lên quan Hiệp Trấn Vĩnh Long kêu oan và xin ở tù thế cho cha. Dù không thể giúp được gì nhưng vị quan này rất cảm động trước tấm lòng hiếu thảo và nhân cách thông minh hiếu học của chàng trai trẻ, nên an ủi và giúp ông phương tiện ở lại gần nơi cha bị giam để vừa dễ dàng thăm cha mỗi ngày vừa trau dồi kinh sử.

Sau ngày cha được mãn tù, nghe lời khuyên và được sự giới thiệu của quan Hiệp Trấn ông Phan Thanh Giản ở lại Vĩnh Long để theo học với Đốc học Võ Trường Nhơn chờ khoa thi tới. Ngoài ra, ông cũng được bà quả phụ Nguyễn Thị Ân vì cảm động trước lòng hiếu thảo của ông nên đã nhận ông làm con nuôi và cung cấp cho ông các nhu cầu vật chất như lương thực, quần áo, sách vở, giấy bút để theo đuổi việc học.

Con Đường Làm Quan.

Nhờ đó ông đậu được Cử nhân tại trường thi Gia Định vào năm 1825. Năm sau (1826) ông ra Huế dự thi và là người đầu tiên của miền Nam Kỳ Lục tỉnh đậu Tiến sĩ đệ tam giáp. Với bằng Tiến sĩ ông bước vào con đường làm quan cho triều đình nhà Nguyễn lần lượt giữ nhiều chức vụ trong những lãnh vực khác nhau trải

qua 3 đời vua: Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức cả thảy 41 năm từ năm 1826 đến năm 1867.

- Dưới triều Minh Mạng, ngay trong năm đầu tiên tham chánh, ông đã được vua khen: “*Người Nam Kỳ như Phan Thanh Giản, lòng ngay chí chắc, học rộng tài cao, phải khuyến khích.*” Sau đó, ông lần lượt giữ các chức vụ: Hàn lâm viện biên tu, Lang trung [bộ Hình \(1827\)](#), Tham hiệp tỉnh [Quảng Bình \(1828\)](#), Hiệp trấn tỉnh [Quảng Nam \(1828\)](#), Quyền nhiếp Tham hiệp tỉnh [Nghê An \(1829\)](#), Lễ bộ tả thị lang và tham gia nội các (1830), Hàn lâm viện kiểm thảo sung Nội các hành tầu và Hộ bộ viên ngoại lang (1832), Đại lý tự khanh sung Cơ mật viện đại thần (1834), Kinh lược trấn Tây (1835), Tuần phủ [Quảng Nam \(1836\)](#), Thông chánh sứ và Phó sứ rồi Hộ bộ thị lang ([1839](#)).

- Dưới triều [Thiệu Trị](#), ông làm Phó chủ khảo trường thi [Thừa Thiên \(1840\)](#), rồi Phó đô ngự sử Đô sát viện ([1847](#)).

- Dưới triều Tự Đức ông phụ trách giảng dạy và điều khiển trường Kinh Diên là nơi giảng sách và bàn luận thơ văn của vua Tự Đức. Năm 1849, ông làm Thượng thư bộ Lại kiêm Cơ Mật viện đại thần. Năm 1850, ông được cử vào trấn nhậm miền Tây Nam Kỳ cùng với tướng Nguyễn Tri Phương. Sau đó làm Kinh Lược sứ Nam Kỳ. Trong thời gian này do sự tận tụy và liêm chánh trong công cuộc an dân và khai khẩn vùng đất mới, ông được vua Tự Đức thưởng tám kim khánh có khắc 4 chữ “*Liêm, Bình, Cẩn, Cán*”. Đến năm 1856, ông được vua Tự Đức giao làm Tổng Tài Quốc sứ quán coi việc biên soạn bộ *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*. Bộ Quốc sử đồ sộ giá trị này được hoàn thành trong 3 năm 1856-1859 và được in năm 1884 gồm 53 quyển.

Ngoài ra, ông còn được cử đi sứ sang Pháp, Tây Ban Nha, Trung Hoa và nhiều nước khác.

Nhìn qua các chức quan ông đã đảm nhiệm đều là những chức vụ cao cấp và quan trọng từ trong triều cho đến vùng biên cương. Tuy nhiên, quan lộ của ông cũng không thiếu những giai đoạn gập ghềnh với 7 lần bị khiển trách hay bị giáng chức:

- *Lần thứ nhất*, vào năm 1831 khi đang làm Hiệp trấn Quảng Nam ông bị giáng xuống làm Tiền quân hiệu lực vì bị thua trận khi được phái đi dẹp cuộc nổi loạn của dân tộc thiểu số do Cao Gông cầm đầu ở Chiên đàn, phía bắc tỉnh Quảng Nam.

- *Lần thứ hai* vào năm 1836 ông bị giáng từ hàm tòng nhị phẩm xuống hàm lục phẩm là một chức quan lo việc quét dọn bàn ghế trong công đường vì đã can gián vua Minh Mạng trong chuyến ngự giá tuần thú Quảng Nam với lý do dân tình lúc đó đang đói kém.

- *Lần thứ ba* vào năm 1838 ông bị giáng làm Lang trung biện lý hộ sự vì lỗi thuộc viên sơ ý không đóng dấu triện vào một tờ sơ tấu đã được vua bút phê.

- *Lần thứ tư* vào năm 1839 ông bị giáng chức vì vua Minh Mạng cho ông có tư tưởng bè phái vì ông không ký vào bản án Cơ Mật Viện buộc tội Tổng Đốc Bình Định Vương Hữu Quang xin vua bãi bỏ bản tuồng Lôi Phong Thập với lý do vở tuồng có lời lẽ chế nhạo, bôi bác Trời, Đất và Thần linh.

- *Lần thứ năm* ông đang từ Thông chánh phó sứ bị giáng 1 cấp vì tội bất cẩn khi làm Phó Chủ khảo trường thi Thừa Thiên ông để lọt một bài phú mắc lỗi trùng vận của thí sinh.

- *Lần thứ sáu* vào năm 1862 ông bị giáng chức vì thất bại trong việc điều đình với thực dân Pháp để chuộc lại 3 tỉnh miền Đông của Nam Kỳ Lục Tỉnh.

- *Lần thứ bảy* vào năm 1868 tức 1 năm sau ngày ông tự tử vì để mất luôn 3 tỉnh miền Tây cho quân Pháp, vua Tự Đức đã hạ lệnh trừ gian hậu, tước hết mọi chức hàm và cho đục bỏ tên ông trên bia Tiến sĩ.

Ông Phan Thanh Giản trong suốt 41 năm tận trung làm bốn phận của một quân thần cho triều đình nhà Nguyễn đã hưởng nhiều ân sủng của vua cũng như nhiều đắng cay trong hoạn lộ với 7 lần bị giáng chức. Lần bị giáng chức đầu tiên xét ra khá nặng và có phần oan ức cho ông vì để một văn quan cầm quân dẹp loạn và thua trận thì dĩ nhiên dễ dự đoán nên tội không phải ở người cầm quân mà tội phải ở nơi lãnh đạo cao hơn đã sử dụng không đúng

người, đúng chỗ. Bốn lần bị giáng chức tiếp theo sau đó đều do nguyên nhân có tánh cách phong kiến trong đó vua có quyền tuyệt đối có thể xử phạt bất kỳ ai vì bất cứ lý do gì, đôi khi vô lý. Vì vậy, các quan chức hàm nhất nhĩ phẩm có thể vì làm phật lòng đáng quân vương bỗng trở thành lính gác hoặc lính quét dọn công đường như trường hợp của ông Phan Thanh Giản, hoặc như ông Nguyễn Công Trứ và nhiều nữa...

Riêng hai lần bị giáng chức thứ sáu và thứ bảy mới đáng cho ta quan tâm và truy xét cặn kẽ vì tánh chất quan trọng đặc biệt của nó. Thất bại trong việc chuộc 3 tỉnh miền Đông rồi mất thêm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ vào tay thực dân Pháp là một trọng tội với lịch sử. Nhưng sự buộc tội đó của vua Tự Đức cũng như của nhiều người khác sau này có công bình đối với Khâm sai Đại thần Phan Thanh Giản không?

Hoàn cảnh lịch sử của việc mất Nam Kỳ Lục Tỉnh

Để hiểu rõ hơn về nguyên do của việc mất Nam Kỳ ta nên



quay về với thuở xa xưa của giai đoạn lịch sử trong đó ông Phan Thanh Giản đã sống. Nam Kỳ dưới thời chúa Nguyễn là vùng đất mới được mở mang khai khẩn và được chia ra làm 3 dinh (dinh là đơn vị hành chánh tương đương với Vùng hay Khu ngày nay) và một trấn. Đó là Biên Dinh (Biên Hòa), Phiên Dinh (Gia Định) và Long Hồ Dinh (Vĩnh Long) và Hà

Tiên trấn. Vùng Long Hồ hay Vĩnh Long thời đó rất rộng bao gồm luôn một phần tỉnh Bến Tre và cả tỉnh Trà Vinh và là bộ mặt trung tâm của sinh hoạt văn hóa miền Tây.

Vùng đất miền Tây ban đầu không liền một dải nhưng dần dần được mở rộng một phần do chính sách xâm thực của chúa Nguyễn, một phần do các vị vua Miên dâng hiến đất sau khi thua trận hoặc nhờ che chở nên đến năm 1787 toàn miền Nam được nằm dưới quyền kiểm soát của chúa Nguyễn. Từ đó toàn miền Nam chính thức được mang tên là Gia Định Thành và chia ra làm 4 trấn là Phiên trấn (Gia Định cũ), Biên trấn (Biên Hòa), Vĩnh trấn (Vĩnh Long, Long Hồ), và Định trấn (Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu). Vào năm 1808, vua Gia Long đặt thêm một trấn nữa là Hà Tiên trấn (Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau). Tất cả 5 trấn này bao trùm cả miền Nam và do Tổng Trấn Lê Văn Duyệt cai quản với quyền hạn rộng rãi của một Phó Vương. Nhưng sau khi Tổng Trấn Lê Văn Duyệt qua đời vua Minh Mạng liền bãi bỏ chức Tổng Trấn Gia Định và chia đất miền Nam thành 6 tỉnh gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh gồm 3 tỉnh miền Đông là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và 3 tỉnh miền Tây gồm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Đứng đầu mỗi tỉnh là quan Tuần Phủ, hai hay ba tỉnh có một quan cai quản phối hợp gọi là Tổng Đốc.

Dưới thời Tự Đức, nhà vua đặt thêm một chức để cai quản toàn miền Nam là Kinh lược Đại sứ. Năm 1850, Thượng Thư bộ Công Nguyễn Tri Phương được cử làm Kinh lược Đại sứ Nam Kỳ kiêm Tổng đốc Định - Biên (Gia định + Biên hòa) và kiêm Tổng Đốc Long - An (Vĩnh long + An giang). Năm 1851, ông Phan Thanh Giản được cử làm Kinh lược Phó sứ phụ tá cho Kinh lược Đại sứ Nguyễn Tri Phương. Kinh lược Phó sứ đặt tổng hành dinh tại thành Vĩnh Long và chẳng bao lâu sau ông phải đảm trách phần vụ đối phó với ý đồ xâm lấn của thực dân Pháp.

Giữa thế kỷ 19, các nước phương Tây với tham vọng tìm đất thuộc địa để khai thác tài nguyên nên tranh đua cho chiến thuyền đi khắp nơi gây hấn rồi xâm chiếm các quốc gia yếu kém. Nước Đại Nam từ triều vua Minh Mạng nếu so với các nước phương Tây thì yếu kém về mọi mặt vì hầu hết hàng quan lại vẫn còn say ngủ trong nền văn hóa Nho giáo tầm chương trích cú lỗi thời. Họ tự giam mình trong những giáo lý cứng ngắt xưa cũ của thánh hiền

để quay lưng lại với mọi trào lưu tiến bộ trên thế giới. Riêng ông Phan Thanh Giản vì nhiều lần được cử đi sứ sang Trung Hoa, Singapore, Pháp, Tây Ban Nha... nên đã tận mắt thấy sự văn minh tiến bộ của các quốc gia này. Do đó, Ông cũng như ông Nguyễn Trường Tộ nhiều lần dâng sớ lên nhà vua xin canh tân đất nước. Nhưng vua và triều thần thủ cựu đều không nghe và khước từ mọi đề nghị canh tân.

Triều đình chẳng những không nghe theo những đề nghị canh tân của các trí thức cấp tiến mà còn từ triều Minh Mạng trở về sau vì e ngại chánh sách “*cố đạo đi trước quân sĩ theo sau*” nên ra lệnh cấm mọi sự truyền bá đạo Chúa và bệ môn tóa cảng không giao thương với các nước phương Tây. Hậu quả của các việc làm này là các chiến thuyền của Pháp do Rigault de Genouilly cầm đầu vào năm 1847 đã đến nã đại pháo vào thành Đà Nẵng làm triều đình Huế rúng động. Từ vua đến các quan đại thần cùng bưng tỉnh thì mọi chuyện đã quá trễ không còn cơ hội để thay đổi được nữa! Trong lúc vua quan nhà Nguyễn còn đang lúng túng chưa biết phải đối phó ra sao thì chiến thuyền Pháp trở lại phá sập hầu hết các đồn lũy ở Đà Nẵng lần thứ hai vào năm 1857 trước khi kéo quân vào đánh chiếm thành Gia Định một cách dễ dàng vào năm 1859, sau đó kéo quân tiến đánh Biên Hòa, Định Tường... Đang trên đường thắng lợi thì tại chánh quốc Pháp đang bị khó khăn về tài chánh và mặt khác vùng lãnh thổ chiếm được quá rộng không đủ quân số để kiểm soát, chỉ huy đoàn quân viễn chinh của Pháp đề nghị muốn dừng binh và thương thuyết với triều đình Huế để xin được tự do truyền đạo và buôn bán với nước Đại Nam.

Triều đình hội họp bàn cách đối phó, các quan chia làm hai nhóm là nhóm chủ hòa trong đó có Phan Thanh Giản, Trương Đăng Quế,... và nhóm chủ chiến trong đó tiêu biểu có Tô Linh, Phạm Hữu Nghị... đang bàn luận cù cưa chưa đi tới đâu thì được tin 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ và Vĩnh Long đã rơi vào tay quân Pháp.

Triều đình Huế bèn giao cho 2 ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp nhiệm vụ khó khăn nhất, là thương lượng với thực dân Pháp để ở trên bàn hội nghị giành lấy lại những cái đã mất trên chiến trường. Triều đình Huế muốn chuộc lại 3 tỉnh miền

Đông bị mất, vì miền Nam là quê hương của Từ Dũ Thái Hậu, là đất khai nguyên của nhà Nguyễn, sau nữa nếu không thu hồi được thì miền Tây bị cắt lìa và cô lập với phần còn lại của Việt Nam tạo ra nhiều khó khăn trong việc liên lạc và mất nguồn cung cấp lương thực cho cả nước.

Vì ở trong tình trạng bất lợi hoàn toàn do nơi sự bất quân bình giữa binh lực của hai bên nên dù hai ông Phan và Lâm đã cố gắng điều đình nhưng cuối cùng phía Việt Nam đành phải bắt buộc ký hòa ước với Pháp ngày 5 tháng 6 năm 1862 trong đó Pháp chịu trả Vĩnh Long lại cho Việt Nam nhưng triều đình Huế phải chánh thức nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn (tức Côn Đảo) và bồi thường chiến phí 4 triệu đồng (tương đương 288 ngàn lượng bạc) trong vòng 10 năm.

Việc chuộc đất bắt thành lại còn ký một hòa ước quá thua thiệt đã khiến vua Tự Đức khiển trách hai ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp là đã làm một việc *“không những là người có tội với triều đình nhà Nguyễn, mà còn mắc tội với muôn đời”!*

Tuy khiển trách ông Phan Thanh Giản sau đó vua Tự Đức vẫn bổ nhiệm ông làm Tổng Đốc Vĩnh Long. Rồi vào năm 1863 lại cử ông làm Chánh sứ cùng Phó sứ là Phạm Phú Thứ dẫn đầu một phái đoàn gồm 63 người đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha để trực tiếp diện kiến vua Pháp là Napoleon III xin chuộc 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ.

Sau một tháng điều đình Aubaret đại diện cho chánh phủ Pháp và Phan Thanh Giản ký một bản tạm ước gồm 21 điều khoản sửa đổi hòa ước 1862. Đại cương các điều khoản qui định là Pháp trả lại cho vua Việt Nam 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ nhưng vẫn làm chủ Sài Gòn, Thủ Dầu Một và Mỹ Tho. Ngoài ra, triều đình Huế phải thừa nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Nam Kỳ. Các điều khoản về tự do truyền giáo, về thương mại và thông thương.v.v... vẫn giữ nguyên như trong Hòa Ước 1862.

Khi hay tin này bọn thực dân Pháp có ý đồ thôn tính nước ta làm thuộc địa trong đó có Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa Chasseloup Laubat, Thống sứ Nam Kỳ Bonard, tướng De La

Grandière cực lực phản đối nên cuối cùng vua Napoleon III hủy bỏ tạm ước đã ký giữa Aubaret và Phan Thanh Giản và đòi Việt Nam phải thi hành Hòa ước Nhâm Tuất năm 1862.

Khi trở về nước tường trình mọi việc lên triều đình, vua Tự Đức phong ông Phan Thanh Giản làm Kinh lược Đại thần có nhiệm vụ vừa trấn giữ 3 tỉnh miền Tây vừa thi hành Hòa ước 1862. Thấy được thực lực sức mạnh của quân Pháp cũng như tình trạng vô vọng của tình thế nước nhà, ông Phan Thanh Giản đã từ khước sự bổ nhiệm và xin được về hưu. Nhưng nhà vua không chấp thuận sự cầu xin, do đó ông đành phải nhận trách nhiệm mà trong tâm trí hẳn ông đã biết tương lai của chánh ông và đất nước sẽ như thế nào rồi.

Bị cô lập với triều đình nên 3 tỉnh miền Tây sau đó không lâu cũng bị quân Pháp chiếm đoạt dễ dàng khiến ông phải tự tử để nhận tội với vua với nước nhưng vua Tự Đức vẫn không quên ban cho ông bản án nặng nề trăm giam hậu và đục bỏ tên ông khỏi bia Tiến sĩ.

Luận về công tội của cụ Phan Thanh Giản

Luận về công tội của cụ Phan Thanh Giản là một vấn đề hết sức phức tạp và tinh tế. Để được công bằng ta phải xem xét lại bối cảnh xã hội cụ thể với tất cả mối quan hệ phức tạp của hoàn cảnh gia đình, văn hóa, cũng như các các yếu tố lịch sử đã chi phối đời sống cá nhân của cụ.

Nhìn lại cuộc đời của cụ, ta phải công nhận cụ Phan Thanh Giản là một con người đa diện. Trước tiên, cụ là một người hiếu học có đầu óc khoáng đạt vì đó là đặc tính chung của những con người sinh ra và trưởng thành ở vùng đất mới Nam Kỳ Lục Tỉnh. Do đất đai phì nhiêu nên lúa gạo dư thừa, và sông rạch đầy cá tôm nên người dân có cuộc sống ung dung, thoải mái và rộng rãi thương người. Ngoài ra, do đất rộng và tài nguyên thiên nhiên đầy đầy, chỗ nào ở không được hay bị áp bức thì họ tìm đến một nơi khác để ở và làm ăn, không có gì ràng buộc họ được. Hoàn cảnh đặc biệt đó đã tạo nên ở người dân Nam Kỳ một tánh khí phóng

khoảng, thích tự do, dễ chấp nhận cái mới, không chịu ép mình vào một khuôn phép cũ nào.

Vì có tánh khí như vừa nói nên đa số dân miền Nam ít chú tâm đến việc học hành cao hay tranh đua trong việc thi cử để được làm quan cho triều đình. Trong khi đó tại hai miền Bắc và Trung Nho giáo được truyền bá sâu rộng từ bao nhiêu đời nên không khí đua tranh trong việc học và thi cử có vẻ sôi động hơn. Đó cũng là lý do vì sao mà mãi đến kỳ thi năm 1826 mới có người từ miền Nam đầu tiên và duy nhất là cụ Phan Thanh Giản có tên trong bảng vàng Tiến sĩ năm đó.

Tiếp theo, cụ rõ ràng là người thấy nhiều hiểu rộng, một ông quan tận tụy, và một quân thần tận trung với vua với nước. Cụ cũng là một người có tánh nhẫn nhục một cách hiếm có vì tuy đang giữ các chức quan quan trọng nhưng khi bị vua phần nộ giáng xuống làm lính thú trong đội quân tiền phong đi dẹp loạn ở Quảng Nam cụ Phan vẫn tuân hành kỷ luật nêu gương dũng cảm làm mọi người cảm phục và khiến nhà vua giác ngộ triệu cụ về và phục chức cho cụ.

Bên cạnh cuộc sống của một công bộc cụ Phan còn là một nhà thơ giàu tình cảm. Thơ văn của cụ Phan cho thấy cụ là một nhà nho an bản lạc đạo, coi trọng gia đình, sống có tình với bạn bè, anh em, thương lo cho dân là những mục đích chân chánh của đời mình.

Ngoài ra, thuở thiếu thời cụ đã sống và học hành với một vị sư ở chùa làng Phú Ngãi trong một thời gian dài nên tư tưởng từ bi của Phật không nhiều thì ít đã thấm vào tiềm thức của cụ. Và trước khi được phái vào trấn nhậm miền Nam cụ đã chứng kiến những thảm họa cũng như sức mạnh quân sự của quân Pháp khi họ đánh phá Đà Nẵng với cảnh dân lành bị thương vong, nhà cửa tan hoang, làng xóm điêu tàn. Những trải nghiệm đó chắc chắn đã ảnh hưởng không ít vào cách hành xử của cụ sau này.

Về mặt xã hội vì nhờ được đi sứ nhiều nước cụ đã thấy được trình độ văn minh và tiến bộ của các thế lực thực dân như Pháp, Anh, Tây Ban Nha đang lâm le xâm lăng lãnh thổ Đại Nam. Trong khi đó, vua và triều đình một mặt cường bách dân chúng lao động

để xây dựng các thành quách, lãng tâm khiến dân chúng cơ cực và bất mãn, mặt khác lại đắm mình trong cuộc sống xa hoa, không quan tâm đến việc canh tân đất nước như cụ và nhiều sĩ phu tiến bộ khác đã nhiều lần đề nghị. Trước thế cuộc đau lòng đó cụ Phan chỉ còn đành ngậm ngùi gởi nỗi lòng qua mấy câu thơ:

*Từ ngày đi sứ Tây Kinh
Thấy việc Âu Châu phải giật mình
Kêu rú đồng ban mau thức dậy
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin...*

Cụ “năn nỉ chẳng ai tin” vì đa số các nho sĩ trong triều cũng như ngoài triều đều bảo thủ và lạc hậu. Họ không thể tưởng tượng được rằng Âu châu có các phát minh tân kỳ như đèn điện, tàu hỏa, cầu sắt, đường lát đá... Và vì cụ là người nhiều tình cảm nên những nghịch lý đó đã khiến cụ thành con người yếm thế. Rồi với não trạng đó cộng thêm tâm từ bi ẩn trong tim từ thuở thiếu thời cụ trở thành con người chủ hòa như các đồng liêu đã gán cho cụ là điều dễ hiểu. Bài thơ nôm cuối cùng cụ làm trước khi tự tử nhan đề *Tuyệt cốc* có thể là bài thơ tập hợp đầy đủ mọi khía cạnh bi kịch trong con người cụ Phan:

*Trời thời, đất lợi, lại người hoà,
Hả dễ ngồi coi phải nói ra.
Lắm trả ơn vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng, ruổi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ,
Vượt biển trèo non, cảm phận già.
Những tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba.*

Tất cả những yếu tố đó đã đan kết lại tạo thành nhân cách của cụ và tác động vào cách hành xử của cụ trong suốt con đường làm quan cho triều đình nhà Nguyễn. Trong cuộc đời làm quan đó cụ Phan đã chịu nhiều thăng trầm, nhiều vinh nhục nhưng nếu so với giai đoạn từ lúc cụ được bổ làm Kinh Lược Phó sứ để cai quản khu vực Nam Kỳ Lục tỉnh trở về sau cuộc đời cụ mới thực sự đã trải qua một giai đoạn nhiều khó khăn và bi hận nhứt.

Về việc để mất Nam Kỳ, trước hết trong thực tế cụ Phan không “làm mất” 3 tỉnh miền Đông, cụ chỉ không “chức” lại

được 3 tỉnh ấy mà thôi. Sau nữa, trong một hoàn cảnh lịch sử hoàn toàn bất lợi về mọi mặt cho nên ta không thể qui hết trách nhiệm cho cụ được. Trong chánh trị không phải cứ có tội hay không hoàn thành nhiệm vụ là phản quốc. Do đó có thể nói cụ Phan vẫn là một người yêu nước vì cụ đã làm hết sức mình dù kết quả không được như nhà vua kỳ vọng.

Uyên nguyên của tấn bi kịch lịch sử nơi cụ Phan là ở chỗ cụ đã được uốn nắn trong cái học xưa cũ coi triều đình là xã tắc, là nước nhà. Cho nên lúc vua sợ giặc mà dân chống giặc, cụ Phan Thanh Giản cũng dần dần rơi vào bế tắc trên một lập trường chánh trị chiết trung. Chánh trong cái tâm thế lưỡng phân vừa mong ái dân vừa muốn trung quân đó khi phải điều đình với thực dân Pháp cụ Phan đã bị bó tay trước quá nhiều áp lực. Đầu tiên cụ muốn tránh tai ương cho dân lành và tiết kiệm xương máu cho quân sĩ vì thực tế cho thấy tình thế không thể cứu vãn được nữa vì so với quân Pháp lực lượng của ta yếu kém về mọi phương diện. Lại thêm thực tế phũ phàng là quân ta lúc đó đang bị thảm bại trên khắp các mặt trận thì thử hỏi làm thân chiến bại ai có thể đòi hỏi những điều tốt hơn những điều cụ Phan đã bắt buộc dĩ phải chấp nhận trong Hòa Ước Nhâm Tuất 1862.

Sau vụ thất bại trong việc điều đình chuộc 3 tỉnh miền Đông, vua Tự Đức đã kết tội cụ thì đáng lý vua không nên cử cụ cầm đầu phái đoàn đi Pháp để điều đình với vua Napoleon III hay sau đó còn bỏ cụ làm Khâm sai Đại thần phụ trách cai quản toàn miền Nam. Triều đình không có ai tài giỏi và thích hợp hơn cụ chăng? Đàng này vua Tự Đức lại tiếp tục giao phó cho cụ những trách nhiệm quá nặng nề. Cụ Phan ý thức được sức mình và tình thế nên đã không nhận và xin được về hưu. Nhưng nhà Vua vẫn ép buộc cụ phải nhận, nên vì tận trung với vua tức là với nước cụ đành phải *“vượt biển trèo non căm phận già”*!. Vậy có phải chăng vua Tự Đức cũng đồng tình với cụ Phan về những gì cụ đã làm? Hay nhà vua đã bắt buộc không có đối sách nào để giải quyết vấn đề trọng đại của đất nước nên dùng cụ Phan Thanh Giản làm chốt thí lãnh tội trước lịch sử thay cho vua? Còn bi tráng nào hơn phải đóng vai Lê Lai cứu Chúa?

Về việc đi sứ Pháp để chuộc lại đất là một sứ mạng bất khả thi, nhưng cụ Phan và phái đoàn đã vận dụng mọi khả năng kể cả nước mắt nên đã đạt được một tạm ước. Nếu không bị nhóm thực dân chủ trương cướp đất thuộc địa bằng mọi giá phản đối như có trình bày ở trên thì phái đoàn của cụ đã đạt được một thành quả khá thuận lợi trong hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi.

Tiệc thay chuyện không thành và khi trở về nước cụ lại được vua phong làm Khâm Sai Đại thần vào trấn đóng ở Vĩnh Long, vùng biên cương đang bị cô lập, để đương đầu với quân Pháp. Trong bàn cờ chiến lược, cụ chẳng khác nào con xe được sử dụng như một con chốt đơn độc bị đẩy qua sông! Cho nên chuyện phải đến đã đến.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 1867 tướng Pháp De la Grandière lấy cớ triều đình Huế đã dung túng các cuộc nổi dậy chống Pháp của nhiều sĩ phu Nam Kỳ như Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, Thiên Hộ Dương... đã đem đại quân vây thành Vĩnh Long và trao tối hậu thư buộc cụ Phan Thanh Giản phải lên tàu của Pháp để hội đàm. Trong khi cụ đang điều đình ở trên tàu thì quân Pháp tráo trở cho quân đồ bộ chiếm thành Vĩnh Long. Sau đó, một phần bị ép buộc một phần vì nhận thấy tình thế đã hoàn toàn tuyệt vọng nên để cứu dân lành khỏi cảnh binh đao và quân sĩ khỏi bị tàn sát, cụ miễn cưỡng giao cả 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên cho thực dân Pháp.

Nỗi đau và tánh bi kịch của cụ Phan là một mặt cụ rất mực trung thành với nhà vua, đồng thời cũng là người thực thi đường lối của triều đình, mặt khác cụ lại nặng lòng yêu nước thương dân. Mâu thuẫn đó đã đẩy cụ Phan đến chỗ bế tắc, chỉ còn biết lấy cái chết để kết thúc cuộc đời để bày tỏ nỗi lòng của mình. Cho nên sau khi để Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây, cụ Phan với sự tự trọng của một sĩ phu có tinh thần trách nhiệm và nhất là không muốn *“thấy lá cờ ba sắc phất phới bay trên thành lũy mà nơi ấy Phan Thanh Giản còn sống”* nên đã bình thân tự kết liễu cuộc đời bằng độc dược vào ngày 5 tháng 7 năm 1867 trong căn nhà tranh nghèo nàn trong đó cụ đã sống suốt thời gian làm Kinh Lược sứ cai quản vùng đất Nam Kỳ.

Trước việc để mất thêm 3 tỉnh miền Tây, vua Tự Đức và triều đình nổi giận đổ hết tội lỗi một cách lạnh lùng lên cụ Phan Thanh Giản. Trong chiếu chỉ ngày 21 tháng 10 năm 1867 vua Tự Đức đã kết án cụ: **“... Đến như Phan Thanh Giản thủy chung đều quanh quất, lời nói không xứng với việc làm, đem học vấn danh vọng một đời trút sạch xuống biển Đông, thật là táng tận lương tâm, quá đối phụ ơn.... Đi sứ không có công, giữ chức Kinh lược để mất ba tỉnh, hai tội đều nặng. Mặc dầu đã lấy cái chết tự phạt nhưng cũng không đủ đền bù cho trách nhiệm. Vậy cho truy đoạt chức tước phẩm hàm, đục bia tiến sĩ.”**

Quả đây là một bản án quá bi thảm và đau xót cho một sĩ phu thanh liêm cả đời tận tụy quên mình, quên gia đình để báo quốc, báo hoàng ân. Cụ Phan đã tự tử và mang theo xuống tuyền đài nỗi bi hận không thể tỏ cùng ai, ngàn năm không nguôi!

Vua Tự Đức kết tội cụ Phan nhưng người dân Miền Tây hiểu rất rõ công tội của cụ Phan rằng thời kỳ đó, triều đình Huế, đầu não của quyền lực quốc gia mới là nguyên nhân chính để mất Nam Kỳ Lục tỉnh vì đã quá nhu nhược và bất nhất không có sách lược hữu hiệu để bảo vệ tổ quốc. Do đó, hàng vạn dân chúng Vĩnh Long đã tràn ra thương tiếc tiễn đưa linh cữu cụ Phan khi được đưa về mai táng tại làng Bảo Thanh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.



Trong tang lễ nhiều quan chức Việt và Pháp cũng tới phân ưu, trong đó ông Phạm Phú Thứ, một vị quan phụ tá của cụ trong đoàn đi

sứ Pháp trong điệu văn đã ca tụng cụ Phan: *“Một thân thờ ba triều, làm quan hơn bốn mươi năm, già hơn bảy mươi tuổi, rất từng trải kinh nghiệm, được tôn trọng và tin cậy trong triều cũng như trong dân gian. Học rộng phẩm cách tuyệt vời, dù hoàn cảnh trái ngược đến bao nhiêu, ngài cũng không bao giờ là người hại nước. Dù*

hoàn cảnh ngang trái thế nào, ngài vẫn giữ trọn tấm lòng cao thượng”.

Cụ Nguyễn Đình Chiểu nổi tiếng với tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã làm một bài thơ khóc cụ, coi cụ Phan như một vị trung thần vị quốc vong thân:

*Non nước tan tành hệ bởi đâu
Dầu dầu mây bạc cõi Giao Châu
Ba triều công cán đôi hàng số
Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu
Trạm bắc ngày trông tin nhận vắng
Thành nam đêm quạnh tiếng chim sầu
Minh tinh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây mịt gió thu.*

Và trong bài *Văn tế lục tinh sĩ dân trận vong*, nhà thơ Đồ Chiểu một lần nữa nêu cao sự tiết liệt của Trương Công Định và tấm lòng “Phan học sĩ hết lòng cứu nước”:

“Phải trời cho mượn cán quyền phá lỗ, Trương tướng quân còn cuộc nghĩa binh”

“ Ý người đặng xem tấm bản phong trần, Phan học sĩ hết lòng cứu nước”.

Ngoài ra, nhiều trí thức đương thời cũng tỏ lòng chia sẻ những nỗi niềm bi hận của cụ, trong đó có quan Đốc học Nguyễn Thông đã từng dâng sớ lên vua Tự Đức để giải bày nỗi oan cho cụ Phan Thanh Giản. Nhưng phải đến 10 năm sau tức năm 1886 vua Đồng Khánh mới khai phục nguyên hàm Hiệp tá đại học sĩ cho cụ



Phan và cho khắc lại tên cụ ở bia Tiến sĩ.

Dân chúng Vĩnh Long nói riêng và toàn Nam Kỳ nói chung cũng tỏ sự ngưỡng mộ tấm lòng “*Minh tinh chín chữ lòng son*”

tạc” của cụ nên ngay sau khi cụ tuấn tiết, đã đưa linh vị của cụ vào thờ ở Văn Thánh Miếu Vĩnh Long, là cơ sở cụ Phan đã góp công tạo dựng khi còn sanh tiền. Ngoài ra, dân ở vùng núi Ba Thê, thuộc huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang cũng có đền thờ cụ Phan và coi cụ là một vị thần, và tại Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương cũng có một ngôi đình thờ cụ chứng tỏ cụ Phan là một vị quan có nhân cách được dân gian kính trọng qua nhiều đời cho đến ngày nay.

Qua tất cả sự kiện lịch sử và những lý luận vừa trình bày, ta phải thừa nhận cụ Phan Thanh Giản là nhà trí thức nặng lòng yêu nước thương dân đã góp nhiều công lao trên nhiều lãnh vực chánh trị, ngoại giao và văn hóa. Cụ được người đời kính trọng về tính cương trực, khảng khái, hiếu nghĩa, thanh liêm. Cụ Phan Thanh Giản không thể là người bán nước được. Cụ Phan chỉ là nạn nhân của thời đại, bị lâm vào cảnh bế tắc, bị kịch trong một bối cảnh trầm luân và đau thương của đất nước. Tuy vậy với khí tiết của một sĩ phu cụ Phan đã chứng tỏ sự trung dũng bằng hi sinh mạng sống để giữ trọn lòng trung với vua, với nước và sự không chịu hợp tác với Pháp.

Tóm lại, cụ Phan Thanh Giản là người có công hơn là có tội và xứng đáng được ngưỡng mộ như một đại nhân gồm đủ nhân, trí, dũng. Cụ Phan đích thực là một người yêu nước và là một tấm gương sáng cho muôn đời vậy.

12-2016

TS. Nguyễn Minh Triết

Tài liệu tham khảo:

- Nhóm Giáo sư, Sinh viên Đại học Sư Phạm Sài Gòn, [Tập San Sử Địa số 7+8](#), [Đặc khảo về Phan Thanh Giản \(1796 – 1867\)](#), Nhà Sách Khai Trí xuất bản – 1967.
- [Phan Thanh Giản hay “Cuộc hòa bình dang dở Pháp Việt 15-07-1864”](#)
<https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/s-t-u-v/van-ba/phan-thanh-gian-hay-cuoc-hoa-binh-dang-do-phap-viet-15-07-1864>
- <https://hoamunich.wordpress.com/2012/04/06/noi-long-phan-thanh-gian/>



TRƯƠNG BÁ CẦN

PHAN THANH GIẢN VỚI VIỆC MẤT BA TỈNH MIỀN TÂY

Trong những ngày khá đen tối của lịch sử cận đại nước ta, thời kỳ mà vua quan nhà Nguyễn bắt lực, nhìn từng mảnh đất Việt Nam rơi vào tay ngoại bang, có hai nhân vật thường được đặt song song với nhau, đó là Phan Thanh Giản và Hoàng Diệu. Hoàng Diệu là hình ảnh của một kẻ bất khuất: sau khi kháng cự cho đến viên đạn cuối cùng, phải mượn cái chết để khỏi đội trời chung với kẻ thù của đất nước. Còn Phan Thanh Giản thì được coi như một người hòa hoãn, nghĩ rằng kháng cự chỉ tốn xương máu vô ích cho nhân dân, đã đem thành trì nộp cho giặc, rồi kết liễu cuộc đời để thoát nợ non sông.

Nếu Hoàng Diệu đã luôn luôn được đề cao, thì Phan Thanh Giản đã có lần bị kết án, bị hiểu lầm, bị bỏ quên. Sau khi ba tỉnh miền Tây thất thủ, Phan Thanh Giản, tuy đã chết rồi vẫn bị bóc lột chức tước, đục tên khỏi bia tiến sĩ ở Văn Thánh. Mãi về sau Đồng Khánhⁱ mới phục hồi cho ông phẩm chức, và chúng ta mới có cái hình ảnh của một vị quan hiền hậu, thức thời và bình thân trước cái chết. Nhưng gần đây, các nhà sử học miền Bắcⁱⁱ, nhân phong trào đánh giá lại một số nhân vật lịch sử, đã nêu lên trường hợp Phan Thanh Giản. Trong ý thức tranh đấu của một nền văn nghệ chỉ huy, lẽ dĩ nhiên là chỉ có những người chống Pháp cho đến cùng như Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ khoa Huân mới là những người làm đầy đủ nhiệm vụ lịch sử đối với dân tộc. Còn những kẻ chủ hòa, những kẻ muốn thỏa hiệp với thực dân

– dầu muốn thỏa hiệp vì chiến thuật – là những người hèn nhát. Phan Thanh Giản, dưới con mắt của các nhà sử học có nhận định hướng ấy, là một kẻ phong kiến, tuy có giác ngộ hơn các kẻ phong kiến khác, nhưng bạc nhược, hèn nhát, coi trọng quyền lợi của giai cấp mình hơn quyền lợi của đất nước. Cái tội lớn nhất của Phan Thanh Giản vẫn là cái tội thỏa hiệp với giặc, nhượng bộ cho giặc, thua trận trước lúc giao trận.

Một trăm năm rồi, ba tỉnh miền Tây thất thủ và Phan Thanh Giản từ trần. Tất cả đã thuộc về dĩ vãng, kể cả chế độ thực dân của người Pháp. Chúng ta có thể có đủ bình tĩnh để nhìn sự việc một cách khách quan và đặt một vài nghi vấn gọi là để góp phần vào việc tìm hiểu một thời đại khá tiêu biểu cho lịch sử mất nước của dân ta.

I. SỰ KIẾN ⁱⁱⁱ

1. Chiếm đóng Vĩnh Long:

Ngày 20-6-1867 vào lúc 7:30 giờ sáng, hạm đội của Pháp gồm 16 chiến thuyền chở 1.800 thủy quân lục chiến, và trọng pháo thủ với 600 dân vệ và dân công cùng rất nhiều viên chức hành chánh mai phục trước cửa thành Vĩnh Long. Đô đốc La Grandière cho người mang tối hậu thư đến với Phan Thanh Giản. Tối hậu thư đề ngày 17-6-1867, viện lẽ các viên chức tỉnh Châu Đốc đã ủng hộ phong trào chống Pháp, nên họ quyết định chiếm ba tỉnh miền Tây và kêu gọi nhà cầm quyền Việt Nam đem thành nạp cho họ để tránh cuộc đổ máu.

Khi được tối hậu thư của La Grandière, giới hữu quyền ở Vĩnh Long hội lại để thảo luận. Vĩnh Long là trung tâm hành chánh của ba tỉnh miền Tây (nghĩa là Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên). Ở đó có:

- Phan Thanh Giản là Kinh lược, với toàn quyền quân sự và dân sự trên ba tỉnh.

- Trương Văn Uyên, Tổng đốc Vĩnh Long với quyền chỉ huy quân sự của ba tỉnh.

- Nguyễn Văn Nhã, Bó chánh.

- Võ Doãn Thanh, Án sát.

- và Huỳnh Chiêu, Lãnh binh.

Chúng ta không biết nội dung của cuộc thảo luận. Chúng ta chỉ biết rằng, sau khi thảo luận xong, Phan Thanh Giản và Võ Doãn Thanh xuống thuyền chỉ huy của La Grandière để thương thuyết. Rồi sau đó, quân đội Pháp ào ạt vào thành với hai viên quan của triều đình Huế. Vào khoảng trưa thành Vĩnh Long nằm trong tay người Pháp. Ba giờ chiều, La Grandière vào thành để chính thức chiếm đóng.

2. Chiếm đóng Châu Đốc:

Để thi hành kế hoạch chiếm đóng 2 tỉnh còn lại, La Grandière đòi Phan Thanh Giản và Trương Văn Uyển phải viết thư cho các viên chức ở 2 tỉnh Châu Đốc và Hà Tiên, để truyền lệnh cho họ đem thành nộp cho Pháp. Nhưng trong thư chỉ báo tin thành Vĩnh Long bị Pháp chiếm và bảo các viên chức hai tỉnh phải tuân theo lệnh triều đình. Thư viết xong, niêm lại và La Grandière cũng không để ý tới nội dung của nó. Điều ông muốn có lẽ không phải là một huấn lệnh đầu hàng, mà một bức thư có ấn tín của quan Kinh lược.

Châu Đốc là một nơi mà quân đội Pháp chưa từng đạp chân tới và có tiếng là kiên cố.

Ngày sau khi chiếm đóng Vĩnh Long, vào lúc 5 giờ sáng ngày 21-6-1867, La Grandière cho một hạm đội đi chiếm Châu Đốc vào khoảng 20 giờ. Viên Lãnh binh Châu Đốc thấy tàu Pháp tới thì cho người tới liên lạc. Viên chỉ huy Pháp bảo có thư của quan Kinh lược Phan Thanh Giản gửi cho quan Tuần vũ và quan Tuần vũ phải tới để nhận. Tuần vũ Nguyễn Hữu Cơ cho hai quan Bố chánh Nguyễn Xuân Y và Án sát Phạm Hữu Chánh xuống tàu nhận thư, nhưng viên chỉ huy Pháp không cho, phải đòi cho được Nguyễn Hữu Cơ tới. Vào khoảng 23 giờ, Nguyễn Hữu Cơ phải đích thân xuống tàu Pháp, có quan Án sát đi theo. Tới nơi thì viên chỉ huy Pháp báo cho biết Vĩnh Long đã thất thủ và đòi phải nộp thành Châu Đốc cho Pháp. Nguyễn Hữu Cơ thất kinh, thương thuyết để xin một thời hạn, nhưng viên chỉ huy Pháp lễ dĩ nhiên là không nghe. Quân đội Pháp cũng tiến vào thành như ở Vĩnh Long với hai viên chức cao cấp của tỉnh.

3. Chiếm đóng Hà Tiên:

Số phận của thành Hà Tiên cũng được thanh toán một cách mau lẹ hơn nữa. Vì trên con đường đi Châu Đốc, hạm đội của

thuyền trưởng Galley đã bắt gặp thuyền của quan Tuần vũ Trần Hoán và bắt giữ luôn đem về Châu Đốc.

Ngày 23-6, vào lúc trưa một hạm đội nhỏ theo kinh đào Vĩnh Tế từ Châu Đốc đi Hà Tiên. Sáng hôm sau vào lúc 9 giờ sáng, đoàn quân viễn chinh đến Hà Tiên có thuyền của Tuần vũ Trần Hoán dẫn đầu. Bộ chánh Nguyễn Văn Học, Án sát Nguyễn Duy Quang, Lãnh binh Nguyễn Hương thấy thuyền của quan Tuần vũ thì ra đón. Họ thấy viên chỉ huy Pháp nắm tay Tuần vũ Trần Hoán dẫn lên bờ. Quân đội Pháp vào thành, các quan chức của Hà Tiên đi theo sau và cái thành trì cuối cùng của đất Nam Kỳ rơi vào tay giặc như bởi một phũ phép nhiệm mầu.

II. LÝ DO THÀNH CÔNG

Chỉ trong 4 ngày, quân đội Pháp đã làm chủ được 3 tỉnh rộng lớn ở miền Tây mà không tốn một viên đạn. Bởi đâu mà người Pháp thành công dễ dàng như thế?

1. Phan Thanh Giản đem thành nộp cho Pháp?

Theo đô đốc La Grandière thì sở dĩ các cuộc hành quân không đổ máu là nhờ sự hiểu biết của Phan Thanh Giản đã đem thành Vĩnh Long nộp cho Pháp và truyền lệnh cho các viên chức ở Châu Đốc và Hà Tiên không được chống cự.

Nói về việc chiếm đóng thành Vĩnh Long, La Grandière viết trong bản báo cáo đề ngày 27-6-1867 như sau:

“Hai nhân vật cao cấp của Vĩnh Long là Phan Thanh Giản, cựu Thượng thư của triều đình Huế và Tổng đốc 3 tỉnh miền Tây (ở đây La Grandière nhầm vì không phải Tổng đốc Trương Văn Uyển mà là Án sát Võ Doãn Thanh cùng đi với Phan Thanh Giản), xuống thuyền l’Ondine (tên thuyền chỉ huy) để khuất phục và trao tận tay quyền hành họ nhận ở vua Tự Đức và đồng thời tình nguyện giúp tôi thu nhận quyền hành một cách dễ dàng để có sự hưởng ứng của dân chúng...”^{iv}.

Như thế là Phan Thanh Giản đem thành nộp cho Pháp?

Thành Vĩnh Long là một thành khá kiên cố, địa thế rất dễ phòng thủ. Ai cũng biết rằng năm 1862 Đô đốc Bonard đã khó khăn lắm mới chiếm được. Lần này quân đội viễn chinh Pháp cũng tưởng sẽ phải chiến đấu gay go. Đại úy Wytz là người đã tham dự cuộc hành quân này viết rằng: *“Vĩnh Long không phải là*

một thành xa lạ đối với chúng tôi. Năm xưa, thành này đã cầm cự một cách mạnh mẽ. Vì thế, lần này chúng tôi cũng chờ đợi một cuộc chiến đấu đáng kể”^m.

Hơn nữa, sự hiện diện trong thành của một người có tiếng là cứng rắn như Trương Văn Uyên không thể để cho đầu hàng vì một lời hăm dọa. Trương Văn Uyên trước kia làm Tổng đốc Gia Định. Khi thành Gia Định và 3 tỉnh miền Đông rơi vào tay Pháp, thì ông được cử sang giữ Tổng đốc Vĩnh Long và 3 tỉnh miền Tây để cầm cự với Pháp. Người Pháp bấy giờ vẫn coi Trương Văn Uyên như linh hồn của chủ chiến ở miền Nam.

Vậy thành Vĩnh Long là một thành có thể cầm cự được, trong thành có những người sẵn sàng cầm cự. Tại sao Phan Thanh Giản lại ngang nhiên đem thành nộp cho Pháp? Cũng có thể là Phan Thanh Giản biết rằng cầm cự vô ích, nhận lấy tất cả trách nhiệm và dùng quyền hành của mình để đem thành nộp cho Pháp, rồi sau đó quyên sinh để khỏi bị triều đình kết án? Nếu như thế thì tại sao Trương Văn Uyên và các viên chức khác không viện lẽ là Phan Thanh Giản đã quyết định độc đoán để mình oan trong vụ án ở Huế năm 1868? Vì một năm sau khi ba tỉnh miền Tây bị mất, các viên quan văn võ có trách nhiệm ở ba tỉnh đều bị đem ra tòa. Khi cung khai, chỉ có các viên quan ở Hà Tiên là đổ tội cho Phan Thanh Giản đã không nghe lời họ xin để tăng cường những biện pháp phòng thủ ở tỉnh này^{vi}. Ngoài ra không một ai bảo rằng: Phan Thanh Giản tự tiện đem thành nộp cho Pháp.

Đằng khác, đem thành nộp cho địch mà không tìm một cách kháng cự phải chăng là một tội đại phản quốc. Vậy mà trong vụ án nói trên, lý do buộc tội các bị can không hề nói tới tội đó, mà chỉ nói tới tội bất lực, không cản trặc đề phòng.

Và chẳng cái chết tự ý của Phan Thanh Giản xảy ra hôm 4-8-1867, một tháng rưỡi sau khi Vĩnh Long thất thủ, đã được coi như là sự thú nhận thất bại của một chính trị hơn là sự sợ hãi trước một hình phạt. Phan Thanh Giản chết không phải vì để khỏi bị triều đình lên án, cho bằng ông chết vì ông thấy mình tính đã nhầm. Quả thế, chúng ta biết rằng Phan Thanh Giản là hiện thân của phái chủ hòa ở triều đình Huế. Đối với phái này chỉ còn một cách chặn đứng sự xâm lấn của thực dân là điều đình với chúng, hòa hoãn với chúng. Phe chủ chiến, sau khi thấy không còn đủ

phương tiện để chiến đấu, cũng buộc lòng nhận giải pháp điều đình và giao cho Phan Thanh Giản cái trọng trách theo đuổi chính trị hòa hoãn với Pháp. Phan Thanh Giản đã được cử cầm đầu phái đoàn thương thuyết hòa ước 5-6-1862. Sau đó, ông lại được cử giữ chức Kinh lược ở miền Tây để ve vãn Pháp. Năm 1863 ông được cử dẫn đầu phái bộ sang Pháp thương thuyết để chuộc lại 3 tỉnh miền Đông đã nhượng cho Pháp theo hòa ước 1862. Việc thương thuyết ở Paris cuối cùng không đi tới đâu, năm 1864 Phan Thanh Giản lại được sai vào Vĩnh Long để tiếp tục chính sách ve vãn. Việc mất 3 tỉnh miền Tây là một thất bại nặng nề của phe chủ hòa. Thực dân có lòng tham vô đáy: có 3 tỉnh miền Đông, chúng còn muốn nuốt luôn 3 tỉnh miền Tây. Hòa với chúng là để cho chúng có thời gian củng cố vị trí xâm lăng. Vì thế khi mất 3 tỉnh miền Tây rồi, Phan Thanh Giản còn biết ăn nói thế nào trước những luận điệu của phe chủ chiến có dịp tấn công, Phan Thanh Giản tưởng chỉ còn một con đường là chết. Trong cái số tuyệt mạng gửi lên vua Tự Đức, viên đại thần này không hề có một mặc cảm tội lỗi, mà chỉ để lộ một thái độ nhẫn nhục chua cay trước sức mạnh của định mệnh:

“Nay gặp thời gian bí, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu xuất hiện ở biên thùy; việc cõi Nam Kỳ một chốc đến thế này, không thể ngăn cản nổi, nghĩ tội đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục lại cho quân phụ. Đức hoàng thượng rộng xét xưa, biết rõ tri loạn: người thân kẻ hiền trong nước cùng khổ lo trước tính sau, đổi dây thay bánh, thế lực còn có thể làm được. Tôi tới lúc tất nghĩ, nghẹn ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến luyến, trông mong khôn xiết”^{vii}. Sau khi uống nuốt một liều á phiện khá nhiều, Phan Thanh Giản tắt thở ngày 4-8-1867, không hề có cảm tưởng mình đã phản vua, hại nước.

1. Tài liệu tuyên truyền của Pháp:

Thực dân Pháp, để làm giảm bớt tinh thần chiến đấu của phe kháng chiến, đã cố gắng trình bày Phan Thanh Giản như một người đã qui thuận chúng, qui thuận vì thành tín và vô vị lợi. Họ có cả một luận điệu tuyên truyền như để nói với phe kháng chiến rằng: *“Các anh xem, một vị quan mình mẫn và cao cấp như Phan Thanh Giản thấy rõ sức mạnh của khí giới và văn minh Pháp buộc lòng đã phải đem ba tỉnh đầu hàng, còn các anh, các anh là ai mà*

còn dám tiếp tục chiến đấu!”. Trong cái mục tiêu tuyên truyền ấy, chúng ta hiện còn có hai tài liệu của thời bấy giờ, một do Brandat và một do Octave Féré ghi lại.

Paul Brandat, chính tên thật là Paul Reveillère, có ghi lại một bài hịch của Phan Thanh Giản đọc trước dân chúng Vĩnh Long. Bài hịch ấy, chúng tôi chỉ thấy bản chữ Pháp, đại khái có thể phiên dịch như sau:

“..... Người Pháp có những chiến thuyền khổng lồ, chở đầy những binh sĩ và trang bị bằng những súng thần công rất lớn. Không ai chống lại họ được. Họ muốn vào đâu là họ vào, những thành lũy kiên cố nhất sụp đổ trước sự tiến quân của họ.

Ta ngừng đầu lên trời và lắng tai nghe tiếng nói của lý trí. Và ta nói: ‘Muốn lấy vũ khí lật đổ quân thù cũng đại đột như thế con hoẵng non mà đòi tấn công con cọp. Người chỉ gây thảm họa vô ích cho dân mà trời đã trao phó cho’. Vì thế ta đã biên thư cho tất cả các quan và tất cả vị chỉ huy quân sự là phải bẻ gãy giáo mác và trao lại thành lũy mà không giao chiến.

Nhưng nếu ta theo ý trời mà tránh những thảm họa lớn lao cho muôn dân, nộp thành trì của người mà không kháng cự là ta đã phản nghịch lại nhà vua... Tội ta đáng chết. Các quan và muôn dân, các người có thể sống dưới quyền chỉ huy của người Pháp, họ chỉ đáng sợ trong lúc giao tranh mà thôi, tuy nhiên cờ của họ không được bay trên thành trì mà Phan Thanh Giản còn sống bên trong”^{viii}.

Paul Reveillère trước có ở Nam Kỳ vào khoảng 1862-1864, nhưng trong những biến cố 1867 ông không có mặt. Thế mà ông cho ta thấy Phan Thanh Giản đọc bài hịch trong một khung cảnh khá kịch thuật. Một viên quan già, ngồi trên một cái ghế, như trên một cái ngai, sau một bức màn, chờ quan và dân đến như trong một buổi tiếp tân. Khi mọi người đến trong căn phòng, màn mở, Phan Thanh Giản xuất hiện, đọc bài hịch, đoạn ngoảnh lại cầm lấy chén thuốc độc mà tên đầy tớ trao cho mắt trần đầy lệ.

Cái cảnh huống này là một chuyện hoàn toàn tưởng tượng. Vì thành Vĩnh Long thất thủ ngày 20-6 thì ngày 7-7 tất cả các viên quan bị giải trả về cho triều đình Huế, chỉ còn một mình Phan Thanh Giản ở lại Vĩnh Long và ông về ở trong một căn nhà tranh

nghèo nàn. Rồi ngày 1-8-1867 ông uống thuốc độc, chỉ có gia nhân chung quanh.

Tuy nhiên nếu cách dàn cảnh trên đây là do Paul Reveilère tưởng tượng thì cái bài hịch có thể là không do ông sáng tác. Rất có thể là thực dân thuê một văn nhân nào đó viết rồi gán cho Phan Thanh Giản. Lời kêu gọi chiêu hồi là theo đúng đường hướng của thực dân. Phan Thanh Giản là người chủ hòa, ông thường không đồng ý với các văn thân kháng chiến. Rất có thể là ông cũng khuyên con cháu đừng tham gia phong trào chống Pháp như người Pháp vẫn nói sau này.

Thiếu tá Ansart và linh mục Marck là những người ở bên cạnh Phan Thanh Giản khi ông từ trần có nói rằng: Ông bảo con cháu đừng bao giờ nhận chức tước gì của Pháp^x.

Tài liệu thứ hai là tài liệu do Octave Féré ghi lại. Đó là thư của Phan Thanh Giản gửi cho La Grandière trước lúc từ trần. Mục đích của lá thư này là để làm cho người ta tin rằng chính Phan Thanh Giản thấy kháng cự vô ích thì đã đem thành nộp cho Pháp. Thư ấy nói rằng:

“Khi nhường cho các ông miền đất đai nhà vua đã ủy thác cho tôi mà không chống lại, tôi đã nghe theo tình cảm là muốn tránh một tai họa vô ích. Tôi biết rõ nước Pháp và các tài nguyên của nước Pháp. Bởi vậy tôi biết là nếu các ông nhất định muốn lấy thì sớm muộn gì ba tỉnh kia cũng về tay các ông. Chống đối lại, chiến tranh với các ông, có lẽ tôi có thể làm cho các ông bị tai hại và gây trở ngại cho các ông, nhưng tôi sẽ chỉ trì hoãn một cái hại không thể tránh được cho xứ sở tôi, tôi đưa lại cảnh đổ nát và điêu tàn cho đám dân chúng yên hàn mà tôi có bổn phận bảo vệ hạnh phúc. Và có lẽ tôi lôi cuốn nước tôi tới những tai họa lớn lao hơn, bởi một khi chiến tranh đã nhen nhúm, ai biết được nó sẽ ngừng ở đâu. Hành động như tôi đã làm, trái với những mệnh lệnh tôi đã nhận được từ Huế (tôi đã được lệnh kháng cự lại). Tôi đã quá bất tuân lệnh triều đình, nhưng tôi đã để cánh cửa mở cho triều đình có thể thương thuyết một cách danh dự với nước Pháp và yên trí nắm chắc được miền Trung Kỳ và xứ Bắc Kỳ một cách yên hàn. Triều đình có thể làm như vậy mà không bị tổn thương gì trước mắt dân chúng, không phải hạ mình xuống như một chiến binh,

bởi vì triều đình đâu có chiến đấu và chỉ có tôi là gánh mọi điều tai tiếng”^x.

Octave Féré là ký giả của nhật báo *La Patrie* hồi bấy giờ. Ông không bao giờ tới Nam Kỳ, nhưng ông có liên lạc nhiều với các sĩ quan ở Nam Kỳ về. Năm 1863-1864 ông đã tham gia vào chiến dịch báo chí đả đảo hòa ước Aubaret, kết quả của phái bộ Phan Thanh Giản ở Paris 1863. Cái thư của Phan Thanh Giản gửi cho La Grandière trên đây đăng trong quyển sách của ông nhan đề “*Những miền xa lạ*” xuất bản năm 1870 (nghĩa là 3 năm sau xảy ra biến cố). Bức thư ấy có thể là thuộc về loại văn chương tuyên truyền của thực dân Pháp. Có một bức thư tuyệt mạng của Phan Thanh Giản gửi cho La Grandière, thư viết sau khi thành Vĩnh Long thất thủ, nhưng bức thư đó có thể là bức thư mà Paulin Vial ghi lại trong quyển sách của ông nhan đề là “*Những buổi đầu của Nam Kỳ thuộc Pháp*” (*Les premières années de la Cochichine Française*). Paulin Vial là một cộng sự viên của La Grandière, ông ta có mặt trong tất cả những biến cố năm 1867. Trong bức thư này, Phan Thanh Giản chỉ ca tụng Đô đốc Bonard là viên Toàn quyền trước La Grandière, Phan Thanh Giản ca tụng sự thẳng thắn, trung trực và hiểu biết thông cảm của Bonard. Từ đầu đến cuối thư Phan Thanh Giản chỉ nói tới Bonard, mà không hề đề cập tới La Grandière là người nhận thư. Phải chăng nói tới những đức tính của Bonard là Phan Thanh Giản muốn gián tiếp trách La Grandière đã gian hùng, xảo trá^{xi}.

Nói tóm lại, chúng ta không thấy có một tài liệu nào chính xác, ngoài bản báo cáo của La Grandière, nói rằng Phan Thanh Giản đã tự ý đem thành Vĩnh Long nộp cho Pháp.

Theo Paulin Vial, viên sĩ quan cộng sự đặc lực và gần gũi của La Grandière thì “*Phan Thanh Giản và các thuộc viên đã được lệnh của triều đình là không được kháng cự để tránh đổ máu*”^{xii}. Phải chăng Paulin Vial căn cứ trên một tài liệu của Thiếu tá Ansart, đề ngày 18-2-1867. Viên sĩ quan này thuật lại một cuộc đàm đạo giữa ông ta và Phan Thanh Giản tại Mỹ Tho ngày 16-2-1867. Trong cuộc đàm đạo này, theo Ansart thì Phan Thanh Giản có nói đến ý định của Pháp muốn chiếm ba tỉnh miền Tây và ông có thuật lại lời sau đây của Phan Thanh Giản:

“Chính phủ Pháp sẽ viện cớ gì để che đậy sự lạm dụng sức mạnh ấy? Bởi vì chúng tôi sẽ không chống cự, biết chống cự lại vô ích”^{xiii}.

Phan Thanh Giản khi đi sứ ở Pháp, đã có tiếng là người kín đáo, khôn ngoan, không bao giờ nói hết ý nghĩ của mình, các báo chí hồi đó ca ngợi tư cách ngoại giao của sứ thần Phan Thanh Giản. Vậy một người như Phan Thanh Giản không thể nói một lời hờ hênh như vậy trước mặt một đối phương đương nuôi mộng xâm lăng và sớ dĩ chưa thực hành là còn sợ phải phiêu lưu với một cuộc chiến tranh dài và tốn kém. Phải chăng linh mục Marck là người làm thông ngôn cho Thiếu tá Ansart đã không hiểu hết ý nghĩa của một lời nói mỉa mai nào đó của viên quan Việt. Dầu sao thì những chỉ thị nhượng bộ và đầu hàng của triều đình Huế mà Paulin Vial nói tới trong sách của ông không ăn khớp với tinh thần hiếu chiến sôi động ở Huế vào lúc đó, tinh thần hiếu chiến mà thuyền trưởng La Marck nhận thấy lúc ông đi công cán ở Huế hồi tháng 2-1867.

2. Mưu lược của người Pháp:

Theo chúng tôi thì Phan Thanh Giản xuống tàu l’Ondine của La Grandière không phải để tự ý hay theo lệnh của triều đình Huế để đầu hàng, mà chính là để thương thuyết rồi mắc mưu kế của La Grandière như tài liệu phía Việt Nam hình như có nói tới, mà bản báo cáo của La Grandière không có lợi gì mà nhắc đến.

Quả thế, theo một bản báo cáo của Phan Thanh Giản và Trương Văn Uyên, báo cáo mà các thẩm vấn viên của vụ án năm 1868 có nhắc tới, thì cuộc đàm đạo giữa La Grandière và Phan Thanh Giản trên tàu Ondine là một cuộc đàm đạo giữa hai người điếc. La Grandière thì bảo chính phủ Việt Nam đã thao túng quân kháng chiến sang phá phách trong ba tỉnh đã nhượng cho Pháp, Phan Thanh Giản thì bảo: Pháp chỉ viện cớ để vi phạm hòa ước 1862. Thế rồi bản báo cáo ấy nói tiếp:

“Thương thuyết xong thì tàu chiến của Pháp tiến nhanh về phía bờ thành và họ nhanh nhẹn cho đổ bộ quân lên bờ”^{xiv}.

Lãnh binh Huỳnh Chiêu là viên chỉ huy đồn Vĩnh Long cung khai rằng:

“Khi quan Kinh lược và quan An sát lên tàu, thần trèo lên chỗ cao để quan sát thì thấy đột nhiên quan và quân Pháp tiến vào thành, bao vây lấy phía trước và phía sau hai quan tỉnh của ta”^{xv}.

Theo hai nhân chứng này thì rất có thể Phan Thanh Giản và viên cộng sự tới tàu để thương thuyết. Nhưng thương thuyết gì được khi thực dân đã nhất quyết chiếm thành! Phan Thanh Giản tưởng rằng lẽ phải ở về phía mình, vì thế đến để phản đối cử chỉ ăn cướp của Pháp và ít nhất để xin một thời hạn để tư về triều đình. Trong lúc đó các viên quan trong thành chỉ đợi phái bộ trở về để mời tìm biện pháp đối phó.

Cuộc thương thuyết lẽ dĩ nhiên là không thành. Đáng lẽ phải để cho phái bộ Việt Nam về thành, La Grandière hình như đã bắt họ làm tù binh và dẫn họ vào thành cùng một lúc với quân đội. Trong trường hợp ấy ông quan văn già 74 tuổi như Phan Thanh Giản biết phản ứng thế nào? Trương Văn Uyển và các quan chức khác biết xử trí ra sao khi họ thấy phái bộ cùng đi vào với quân đội Pháp? Phan Thanh Giản là viên quan cao cấp nhất, có tất cả mọi quyền hành và họ cũng không biết kết quả của cuộc thương thuyết ra sao... Một khi quân đội Pháp đã vào thành, kháng cự thế nào được! Do một hiệu lệnh thỏa thuận trước, Trương Văn Uyển cho thiêu hủy tất cả mọi tài liệu mật theo đúng chỉ thị của triều đình.

Muru lược chiếm đóng Châu Đốc và Hà Tiên cũng tương tự. La Grandière đòi cho được một văn thư của Phan Thanh Giản gửi cho các quan Tuần vũ Châu Đốc và Hà Tiên mà không cần biết nội dung bức thư nói gì.

Tới Châu Đốc, viên chỉ huy đội quân viễn chinh Pháp chỉ cho quan Bó chánh Nguyễn Xuân Y và An sát Phạm Hữu Chánh thấy phong thư mà không giao thư, đòi cho được quan Tuần vũ tới nhận. Khi quan Tuần vũ Nguyễn Hữu Cơ tới thì sau mấy câu đối đáp, họ dẫn ông vào thành với họ.

Sau đây là lời cung khai của Tuần vũ Nguyễn Hữu Cơ:

“Sĩ quan Pháp nắm lấy tay chư thần và lên bờ với chư thần. Tất cả bọn chúng, quan và quân, có võ trang đầy đủ tiến vào thành như một lũ ong và chia từng toán chiếm đóng thành ở ạt”^{xvi}.

Trong một bản cung khai khác Tuần vũ Nguyễn Hữu Cơ lại nói:

“Khi thần lên tàu để nhận thư thì bị chúng ngang nhiên bắt và chúng chiếm thành”^{xvii}.

Như thế quân đội Pháp dùng mưu cơ để vào thành Châu Đốc tựa hồ như đi hộ tống hai quan Tuần vũ và Án sát. Thành Châu Đốc vào tay giặc mà không phải bắn một viên đạn.

Số phận Hà Tiên thì đã được quyết định dễ dàng hơn nữa. Vị thuyền trưởng Galey đã bắt được Tuần vũ Trần Hoán trên đường đi Châu Đốc. Tới Hà Tiên, họ vào thành với quan Tuần vũ, các viên chức trong thành và dân chúng ra đón tiếp.

Tất cả những mưu lược trên đây, La Grandière không có lợi gì để nói trong bản phúc trình gửi chính phủ Pháp đề ngày 27-6-1867. Trái lại, ông cần cho chính phủ Pháp thấy rằng tất cả thành ông là do tài bố trí quân sự của ông và đây chỉ là một cuộc sát nhập với sự thỏa thuận của quan dân trong ba tỉnh.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA PHAN THANH GIẢN

Trách nhiệm của Phan Thanh Giản, nếu phải nói đến trách nhiệm, trước tiên là không cẩn mật đề phòng, để bất ngờ bị tấn công mà không dự tính trước. Bất ngờ vì trước đó hai năm, người ta vẫn đồn rằng Pháp sẽ chiếm ba tỉnh miền Tây, nhưng đó chỉ là tiếng đồn. Vì thế khi các quan chức ở Hà Tiên phúc trình cho quan Kinh lược để xin tăng cường đề phòng, thì quan Kinh lược chỉ trả lời:

“Người ta không thể xây dựng trên những chuyện phỏng đoán. Hãy chờ một ít lâu nữa xem quân Pháp động tĩnh ra sao, lúc đó sẽ cho các người những chỉ thị phải theo”^{xviii}.

Như thế khi chiến thuyền của Pháp tới Vĩnh Long, dân chúng ra trên bờ xem. Các nhà hữu quyền Vĩnh Long tưởng quân đội Pháp đi sang Cao Miên hành quân, Đại úy Wytz thuật rằng:

“Vĩnh Long vừa mới tỉnh thức, dân chúng chen chúc đứng trên bờ thành, bình tĩnh, yên lặng mà không mấy may có vẻ nghi ngờ rằng chúng tôi tới để chiếm cứ. Vì thực sự người ta tưởng chúng tôi sang Nam Vang hành quân giúp vua Norodom...”^{xix}.

Ở Châu Đốc cũng không ai ngờ rằng tàu Pháp đến để chiếm đánh. Người ta vẫn tưởng rằng Pháp đi thám thính.

Ở Hà Tiên cũng không ai nghi kỵ. Con kinh Vĩnh Tế khi vào cửa Hà Tiên có rất nhiều cồn cát, thuyền phải lên từng chiếc

một, mà người ta vẫn để cho thuyền Pháp qua mà không cản trở. Đại úy Wytz nhận xét rằng:

“Nếu bọn Annam có ý cản trở chúng tôi thì họ cản trở được, ít nữa họ có thể làm thiệt hại chúng tôi nhiều”^{xxx}.

Vì bất ngờ các viên chức ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên bị kéo vào trong một cạm bẫy của giặc. Hệ thống phòng thủ thiếu kế hoạch và bố trí. Khi các viên chức cao cấp đi thương thuyết với giặc, tất cả trong thành đều chờ mong ở kết quả. Đến khi giặc vào thành, tất cả đều ngỡ ngác.

Khi ba thành Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên thất thủ, các viên chức đều bỏ cuộc. Đành rằng trong ba thành đồn này có chứa đựng khí giới và lương thực, nhưng thứ súng hỏa mai và những cỗ thần công công kênh bắn không tính toán được, đã hẳn là không đương đầu nổi với khí giới tối tân của quân đội Pháp lúc bấy giờ. Hơn nữa từ 1862, hết đường mua súng đạn Âu Châu ở Hương Cảng hay Tân Gia Ba. Chính phủ Pháp tìm cách cản trở việc mua bán này và tàu của Pháp tuần tiễu ngoài khơi không cho thuyền bè cập bến.

Như thế nếu có chống cự thì cũng không chống cự được lâu dài trong ba thành đồn nói trên. Người Pháp sợ hơn cả không phải là hạ một vài thành trì, mà là kéo dài chiến tranh trong một miền mệnh mông sinh lầy và rừng rậm. Chính phủ Pháp đang gặp khó khăn lớn ở Âu Châu. Chiến tranh Pháp Đức có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Do đó Paris đã gửi cho La Grandière những lời khuyên cáo rõ rệt khi biết La Grandière có ý định chiếm đóng thêm ba tỉnh mới. Nhất là từ tháng 4-1867, những lời khuyên cáo đó lại càng trở nên cấp bách.

Ngày 15-4-1867, bộ trưởng Hàng hải và Thuộc địa viết cho La Grandière:

“Âu Châu đang trải qua một cơn khủng hoảng chính trị trầm trọng, rất đáng ngại cho quyền lợi vật chất và tinh thần của chúng ta. Vì vậy chúng ta không thể để cho có thêm những khó khăn phiền phức mới, dầu là khó khăn từ một miền rất xa xôi”^{xxxi}.

Ngày 22-4-1867, ông lại viết:

“Âu Châu đang trải qua một cơn khủng hoảng chính trị, hậu quả có thể rất trầm trọng. Tôi tin ở sự khôn ngoan của ông để

tránh về phía ông những gì có thể gây khó khăn trên chính trường quốc tế^{xxii}.

Ngày 16-5-1867, ông còn viết:

“Mặc dầu tình trạng chính trị Âu Châu đã khá quan hơn. Nhưng đừng để cho những khó khăn mới làm nặng nề thêm những khó khăn ta đang gặp ở Cao Miên. Vậy ông phải tránh tất cả những gì có thể làm cho triều đình Huế lo ngại. Muốn mở lại cuộc thương thuyết với triều đình Huế, hoặc muốn dùng những biện pháp mạnh, nhất thiết ông phải chờ lệnh tôi”^{xxiii}.

Ngày 10-6-1867 ông viết:

“Mặc dầu tình trạng bớt căng thẳng hơn, nhưng cho tới khi có lệnh mới ông đừng nghĩ tới chuyện biểu dương lực lượng đối với ba tỉnh”^{xxiv}.

Như thế là hết sức rõ: chính trị quốc tế bắt nước Pháp phải tập trung lực lượng ở Âu Châu để đối phó với những biến cố luôn luôn có thể xảy ra. La Grandière phải từ bỏ ý định xâm lấn. Chính phủ Pháp sợ một cuộc chiến tranh kéo dài. Đã mất gần 4 năm trời mới có được hòa ước 1862. Dư luận Pháp không chấp nhận một cuộc chiến tranh thuộc địa trong hoàn cảnh hiện tại. Nước Pháp chưa có đủ khả năng để chiếm đóng nhiều thuộc địa và còn lâu lắm nữa nước Pháp mới có được một chính sách thuộc địa. Đó là một điều mà Phan Thanh Giản và triều đình Huế không biết rõ để bỏ cuộc ngay lúc ba tỉnh miền Tây thất thủ.

Nhưng đó là lỗi chung của một chế độ, của một nền giáo dục. Phan Thanh Giản là người của một thời và ông không có khả năng vươn mình ra khỏi khuôn khổ hạn hẹp của ông già Nho, để nhìn thấy cục diện thế giới^{xxv}. Đó là một nhận định đáng buồn cho vận mệnh nước nhà, chứ không hẳn là một lời trách cứ nhân vật Phan Thanh Giản.

¹ Năm 1886, Đồng Khánh ra sắc chỉ phục hồi chức cho Phan Thanh Giản. Xem P. Daudin et Lê Văn Phúc: *Phan Thanh Giản et sa famille d'après quelques documents Annamites. BSEI, nouvelle série, t. XVI, No 2, Saigon 1941, trang 111-114*. Đây là sáng kiến của Đồng Khánh vừa mới lên ngôi (1886-1888) hay là sự sắp xếp của thực dân Pháp? Năm 1886 là năm thực dân Pháp đã đặt xong nền đô hộ trên toàn cõi Việt Nam. Đồng Khánh, ngoài sắc chỉ phục hồi, còn có một bài chế khen ngợi và than khóc Phan Thanh Giản. Phải chăng Đồng Khánh đã có sẵn những cảm tình riêng với vị đại thần quá vãng này chăng?

² Xem NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Tạp chí nghiên cứu, lý luận, phê bình dịch thuật, giới thiệu tài liệu, xuất bản tại Hà Nội.

Số 48, trang 12-23: *Phan Thanh Giản trong lịch sử cận đại Việt Nam* (do Đặng Huy Vận – Chương Thuần).

Số 49, trang 27-31: *Phải nhận định và đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào?* (do Đặng Việt Thanh).

Số 50, trang 29-35: *Về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản* (do Nguyễn Anh),

Những bài báo trên đây không đem ra được một tài liệu nào mới, chỉ suy luận trên những dư luận đã có sẵn từ trước tới đây. Một công việc khá vô ích, đứng về phương diện sử học.

³ Để xây dựng những sự kiện này, chúng tôi căn cứ trên những tài liệu sau đây:

a- Báo cáo của La Grandière 27-6-1867. Văn khố Pháp hải ngoại. Indochine A 30 (9)carton 11.

b- Một bài tường thuật biển cổ đăng trong “*Courrier de Saigon*”, đã được đăng lại trong *Revue maritime et Coloniale*, tháng 11-1867, t. 21, trang 717-722.

c- Ký ức của Paulin Vial ghi lại trong quyển sách của ông: “*Les première années de la Cochinchine française*”, quyển 2, trang 123-142.

d- Ký ức của Đại úy Ed. Wytz, người đã tham gia cuộc hành quân xâm lăng này, đăng trong *Revue maritime et Coloniale*, 1872, t. 32, trang 912-922.

e- Tài liệu của vụ án Phan Thanh Giản tại Huế năm 1868, đăng trong BSEI 1941, tam cá nguyệt 2.

⁴ Tài liệu đã dẫn. Xem chú giải 3a.

⁵ Xem chú giải 3d.

⁶ Xem chú giải 3e.

⁷ Xem P. Daudin và Lê Văn Phúc. Bản dịch của Ứng Hòa Nguyễn Văn Tố trong báo *Tri Tân* số 99.

⁹ Paul Brandat: *Récils et nouvelles*. Paris 1869, trang 171.

⁹ Thư của Thiếu tá Ansart 4-8-1867 và 5-8-1867 đăng lại trong G. Taboulet: “*Geste français*”, trang 519.

¹⁰ Octave Féré: “*Les régions inconnues: chasse, pêche, aventure et découvertes dans l’Extrême-Orient*”. Paris 1870, trang 283-285.

¹¹ Paulin Vial, sách đã dẫn, trang 144-147.

¹² Paulin Vial, sách đã dẫn, trang 143.

¹³ Thư của Ansart gửi cho La Grandière 18-2-1867. Văn khố Trung ương Đông Dương, mục Đô đốc, 803, tờ 154. Có trích đăng trong G. Taboulet, sách đã dẫn, trang 509-512.

¹⁴ Tài liệu đã dẫn, BSEI 1941 2, trang 100.

¹⁵ Tài liệu đã dẫn, BSEI 1941 2, trang 104-105.

¹⁶ Tài liệu đã dẫn, trang 100-101.

¹⁷ Tài liệu đã dẫn, trang 102.

¹⁹ Tài liệu đã dẫn, trang 102.

¹⁹ *Revue Maritime et Coloniale* 1872, trang 914.

²⁰ *Revue Maritime et Coloniale* 1872, trang 914.

²¹ Văn khố F.O.M. Indochine. A 30 (12) carton 11.

²² Văn khố F.O.M. Indochine. A 30 (12) carton 11.

²³ Văn khố F.O.M. Indochine. A 30 (12) carton 11.

²⁴ Văn khố F.O.M. Indochine. A 30 (12) carton 11.

²⁵ Nguyễn Trường Tộ, trong mấy tháng ở Âu Châu đã nhận định được tình hình, biết chắc sẽ có chiến tranh giữa Pháp và Đức. Ông đề nghị triều đình nên lợi dụng cơ hội để ngăn chặn thủ đoạn xâm lăng của Pháp và thu phục đất đai đã bị chiếm. Chính ông tình nguyện vào Nam tổ chức kháng chiến.

Xem: Điều trần 27-10-1866 về việc Pháp định chiếm ba tỉnh miền Tây.

Điều trần 3-11-1866 về việc ông tiếp xúc với Đại sứ I-Pha-Nho, tìm cách ngăn chặn ý định xâm lăng của Pháp.

Khi chiến tranh Pháp-Đức khai diễn, ông đề nghị một kế hoạch chiếm lại sáu tỉnh Nam Kỳ (Điều trần số 39).

Xem: "Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ", Đặng Huy Vận và Chương Thâu, Hà Nội, 1961.

TRẦN CHẤN HOÀ

(Spring - Texas)

THƯ VỀ BẠN CŨ TRƯỜNG XƯA

* Thân tặng các bạn cựu học sinh PTG & ĐTD trong nước

*Tôi viết bài thơ này vào tháng bảy
Tháng của mùa hè, tháng của phượng bay
Tháng của ve ngâm, và đường ngập nắng say
Với những trận mưa rào ướt sân trường cũ.*

*Sách vở học trò được xếp trong ngăn tủ
Để lên trao nhau những lưu bút vội vàng
Điều thuốc đầu đời, dần bước lang thang
Qua phố cũ có đôi mắt ai sâu thẳm.*

*Rời thao thức đêm khuya, làm thơ mơ mộng
Để lòng buồn theo bài ca con sáo sang sông
Ôi bao nhiêu chuyện xưa sống lại trong lòng
(Không phải riêng tôi, mà cả đám đông)
Có bạn có tôi của một thời kỷ niệm.*

*Vậy mà rồi mắt hết khi phải ra đi tìm kiếm
Hai chữ tự do bằng hiềm nguy sóng gió đại dương
Tôi ở đây mùa hè nắng cháy ra đường
Không hoa phượng rơi, không tiếng ve ngâm,
Không tà áo trắng thân thương
Mà hồn vẫn quyến luyến những bóng hình trường cũ.*

*Trên xứ người tôi nhớ tiếng chim tu hú
Tiếng bìm bịp kêu nước lớn nước ròng
Tiếng mái chèo khua nước trên sông
Và hôn quê hương vẫn dật dờ đêm mộng.*

*Dù nơi đây nhà cao cửa rộng
Xa lộ thênh thang, xe cộ rộn ràng
Tôi vẫn để hồn mình thả bước lang thang
Về thành phố xưa có ngôi trường yêu dấu.
Có bạn và tôi của một thời thơ ấu
Áp trắng quần xanh và mộng lớn mộng con
Mấy mươi năm cây dừa trước cổng không còn
Trường cũng rêu phong và mang tên lạ quốc.*

*Gửi bạn mấy vần thơ, lòng tôi muốn nhắc
Rằng chúng ta có một mái trường yêu
Dù thời gian hay lịch sử thay đổi muôn chiều
Trường cũng vẫn là trường Phan Thanh Giản.*

*Những gào thét cuồng điên qua đi sau bao nhiêu năm tháng
Những hô hào đập phá quyết định vội vàng
Cũng lắng xuống sau nhiều năm suy ngẫm lại.*

*Dù bây giờ bạn là người quyền cao chức trọng
Hay thất thời và xe đạp, bán vé số dọc đường
Hoặc là anh nông dân lặn lội chốn rẫy nương
Hãy suy nghĩ và quyết đòi lại tên trường Phan Thanh Giản.*

*Tôi biết dù bạn là Thầy Cô, hay khách phương xa
qua ngôi trường năm cũ
Nén tiếng thở dài nhìn mái ngói rêu phong
Bà Huyện Thanh Quan xưa cũng rất đau lòng
Khi Bà viết "Thăng Long Thành hoài cổ".*

*Tôi thông cảm với bạn vì miếng cơm manh áo
Vì sự bình an nên phải đổi lòng
Nhưng làm người thì ai cũng biết đục trong
Và chưa quên bài học sống thẳng ngay thầy cô đã dạy.*

Sách sử ngàn xưa đã chứng minh cho thấy
Ông vua nào cũng muốn lịch sử theo ý mình
Mà có triều đại nào mãi mãi tồn sinh
Hưng thịnh rồi suy tàn theo qui luật Trời đào thái.

Chi lịch sử đúng, đất nước vẹn toàn, dân tộc còn mãi
Nên ta phải sống sao đừng hổ thẹn với lương tri
Sáu mươi năm cuộc đời có ra chi
Khi ngoảnh lại hoàng hôn đã xế bóng.
Tôi được biết gần đây trong nước
Người ta tổ chức hội nghị, toạ đàm
Để xét lại đúng đắn vị trí của Cụ Phan
Trong lịch sử là một nhà yêu nước.

Vị Tiến sĩ đầu tiên của miền Nam, vị quan thanh liêm thuở trước
Hy sinh thân mình để chuộc tội với non sông
Trước bị kịch lịch sử đưa ông vào bước đường cùng
Tấm lòng vẫn thương dân, trung quân ái quốc.

Tên của Ông chúng ta từng hãnh diện mang trên ngực
Ngay trái tim khi cấp sách bước vào trường
Lòng dân miền Tây đâu ai có thể quên
Ngôi trường lớn đó là trường Phan Thanh Giản.

Cuộc đời dần trôi qua bao năm tháng
Rồi ai cũng đi đến chỗ cuối cùng
Chúng ta còn một trách nhiệm chung
Thượng lại bảng tên, dựng lại tượng Cụ Phan nơi sân trường cũ
Tấm lòng đơn sơ với vài lời nhắn nhủ
Mong bạn cảm thông cho một người bạn cũ phương xa...

TRẦN CHẤN HOÀ

(CHS. PTG 1962 - 1965)

[Bản Tin TRƯỜNG XƯA số 4 - Xuân Giáp Thân - 2004: Chủ đề DANH NHÂN PHAN THANH GIẢN, do Gia đình CHS. PTG & ĐTD Houston, Texas thực hiện]

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



ĐOÀN ĐẠI TRÍ

ÔNG GIÀ BA TRI

*Miền Nam có thành ngữ Ông già Ba Tri
để chỉ mấy ông già gân, hồng gân gì hết!*



Ông già Ba Tri tên thật là *Thái Hữu Kiểm*, sống ở Ba Tri, Bến Tre từ thế kỷ 18. Năm 1806, ông Kiểm dựng chợ Trong bên cạnh rạch Ba Tri, giúp cho dân cư ở khu này mãn ă. Dè đâu mấy cha ở chợ Ngoài đắp đập chặn không cho ghe thuyền từ sông Hàm Luông vô chợ Trong. Chợ ế, dân khóc ròng!

Ông Kiểm nổi quạu, kiện lên quan huyện. Hồng biết quan có ăn hối lộ không, mà phán: *Sông bên làng xã nó nó đắp đập thây kệ cha nó!* Ông Kiểm thua kiện!

Già mà gân, ông Kiểm nói: *Kiến lên quan hồng được, lão kiện lên... vua!*

Hèm, hồi đó làm gì có internet hay báo chí, nên ông hồng có lên blog đề kêu được, cũng không có báo chí, điện thoại, thư tín

cũng không! Con đường chắc chắn nhất để khiêu kiện là... *đi bộ ra kinh đô gặp vua.*

Các bạn biết từ Ba Tri ra Huế bao xa hông? Theo bản đồ hiện nay với đường sá đàng hoàng là có... 1.035 cây số hà! Mà hồi đó hông có xe khách chất lượng cao – giường nằm, càng hông có máy bay. Đoạn đường miền Tây thì sông rạch chằng chịt mà đâu có đủ cầu như bây giờ. Ra tới Trung thì đèo núi cheo leo.

Hồi mấy năm trước, Hai Âu có dịp đi Ba Tri. Từ TP Bến Tre đến Ba Tri khoảng 35 km, Hai Âu đi bằng xe hơi mà nghe rêm cả mình mẩy vì ổ gà ổ voi quá chùng.

Vậy đó, vậy mà ông già Kiểm lặn lội từ Ba Tri ra Bến Tre, ra Mỹ Tho, Sài Gòn... rồi ra tuốt tới đèo Hải Vân, qua đèo để tới Huế. Bái phục ông thiệt!

Ra tới kinh thành ông oánh trống thùng thùng đòi gặp vua để kiện. Vua Minh Mạng ra tiếp, hỏi ông: *Khanh ở mô mà ra đến tề?* Ông nói: *Lão ở Ba Tri!*

Rồi kể lể nguồn cơn sự việc. Minh Mạng nói: *Trẫm pò-tay chắm com với khanh luôn.*

Thế rồi vua xử cho ông thắng kiện. Từ đó, ông Kiểm được tặng cho biệt danh *Ông già Ba Tri*. Và cũng từ đó thành ngữ *Ông già Ba Tri* ra đời để chỉ mấy ông già gân, đã chơi là chơi tới bến!

Như có kể một phen ở trên, đường đến Ba Tri chả thuận tiện tí nào. Xứ ấy cũng chẳng phải nơi có nhiều thú vui chơi cho những du khách ham dzui như ri-xốt, nhà hàng, khách sạn sang trọng... Thế nhưng Hai Âu vẫn muốn dụ các bạn đến đó chơi một lần cho biết. Trước là biết quê hương ông già Ba Tri (tới đó, bạn sẽ gặp *ông già Ba Tri, bà già Ba Tri, chàng trai Ba Tri, cô gái Ba Tri, thằng nhỏ Ba Tri...*). Sau là... sẽ là một điều bất ngờ đối với bạn.

Đó là thế này: Cái huyện Ba Tri nhỏ bé ở miền xa heo hút ấy có đến 3 ngôi mộ của 3 vị danh nhân văn hóa lớn trong lịch sử Việt Nam!

Một là lăng mộ và đền thờ cụ Đồ Chiểu. Cùng với mộ Nguyễn Đình Chiểu là mộ vợ và con gái ông (nữ sĩ Suông Nguyệt Anh)



**Đền thờ Nguyễn
Đình Chiểu**



**Mộ Nguyễn
Đình Chiểu và
phu nhân (*mộ
ông bên trái*)**



**Hai là lăng
mộ và đền thờ
của nhà giáo
Võ Trường
Toàn.**

**Lăng
Võ
Trường Toàn**

Và ba là mộ của quan đại thần Phan Thanh Giản.



Mộ Phan Thanh Giản

Nếu thăm các di tích và tỏ lòng kính ngưỡng với tiền nhân chưa đủ hấp dẫn với bạn, thì xin giới thiệu với bạn thêm một *điểm du lịch sinh thái*: Sân chim Vàm Hồ ở Ba Tri.



Vườn Cò (Sân chim Vàm Hồ)

Sự thật và huyền thoại về ông già Ba Tri

*T*ừng được coi là một trong những huyền thoại về sự can đảm, đức độ, ông già Ba Tri gần như là một khuôn mẫu cho hình ảnh một cụ già miền Tây Nam bộ. Xung quanh nhân vật mang đậm màu sắc dân gian này còn nhiều chuyện lạ lùng được truyền tai nhau qua nhiều thế hệ. Như chuyện ông đã đi bộ hơn ngàn cây số từ Bến Tre ra kinh thành Huế dâng đơn khiếu nại, thưa kiện với nhà vua đương triều về một việc đến nay vẫn còn tranh cãi, đó là chuyện lấp sông ngòi, kênh rạch phía thượng nguồn.

Chuyện đời người đi mở cõi

Ông già Ba Tri tên thật là Thái Hữu Kiềm (hay Cả Kiềm) sống vào thời đầu của triều vua Minh Mạng, tức là khoảng những năm 1820. Ông Kiềm là cháu nội của ông Thái Hữu Xưa, một người quê ở Quảng Ngãi nhưng đã xuôi thuyền vào vùng đất Ba Tri này dựng làng, lập nghiệp, xây chợ cho cư dân quanh vùng, được người dân vô cùng nể trọng và tôn kính. Ngoài ra, lúc còn trẻ, ông Kiềm còn có công giúp Nguyễn Ánh trong những năm tháng loạn lạc chinh chiến với nhà Tây Sơn nên được sắc phong chức “trùm cả An Bình Đông” của phủ Ba Tri ngày đó. Có lẽ, chính nhờ tước hiệu của vua Gia Long ban cho mà sau này, dân quanh vùng thường gọi ông là Cả Kiềm. Tuy nhiên, những câu chuyện lưu truyền hậu thế về ông chỉ thực sự đến khi vua Gia Long mất, thời điểm mà bản thân ông Cả Kiềm cũng đã già.

Có thể nói, với cư dân ven sông Hàm Luông thửa ấy, gia tộc họ Thái Hữu là một gia tộc giàu có, uy tín trong vùng. Lúc đó, để mở rộng sinh hoạt cũng như việc làm ăn buôn bán, ông Cả Kiềm đã cho xây dựng chợ Trong (nay là chợ Ba Tri) để người dân thuận tiện trao đổi hàng hóa, thông thương với môi trường bên ngoài nhằm phát triển kinh tế. Theo đó, do lưu thông đường thủy, đường bộ đều thuận tiện nên dân cư vùng lân cận như Phú Lễ, Bình Tây, Mỹ Chánh... kéo vào chợ Trong ngày một đông, không khí rất tập nập, hàng hóa đa dạng vô cùng. Các thương lái buôn vải, thủy sản, nông sản, muối, rượu... ở tới tận Mỹ Tho, Trà Vinh,

Tam Hiệp, Tân An...cũng men theo sông Hàm Luông, sông Cỏ Chiên, đi qua kênh Ba Tri, con rạch duy nhất vào chợ để tìm đến đây thông thương khiến nơi này bỗng chốc trở nên nhộn nhịp khác thường. Có thể nói, từ khi chợ Ba Tri này được xây dựng, cuộc sống của người dân có nhiều thay đổi, ai cũng thích thú và vui mừng. Thế nhưng, có một người là ông Xã Hạc, chủ một khu chợ Ngoài đã xây dựng trước đó, nằm ở phía đầu con kênh Ba Tri ngày ấy đã tỏ ra không hài lòng bởi khu chợ của ông đã bị vắng khách từ đó. Thế là, ông Xã Hạc bèn cho người đắp kênh, ngăn đập chắn ngang dòng Ba Tri để ghe thuyền không thể đi từ sông Hàm Luông đi vào chợ Trong được nữa. Biết chuyện, ông Cả Kiểm bèn đâm đơn kiện ông Xã Hạc lên quan tri huyện, rồi quan tri phủ. Ngày ấy, vùng Ba Tri này còn thuộc địa phận hành chánh của tỉnh Vĩnh Long nên quan tri phủ Vĩnh Long xử cho ông Xã Hạc thắng kiện với lý lẽ theo kiểu “lệ làng” là đất, sông, kênh, rạch ở làng nào thì làng đó được quyền đào, đắp. Nghĩa là, chuyện ông Xã Hạc đắp một phần rạch Ba Tri chảy qua địa phận của làng ông ở là đúng, không xâm phạm đến đất, kênh rạch của cư dân ở làng khác, dưới dòng Ba Tri. Có thể nói, đây là cách mà hầu hết các quan lại thời phong kiến thời đó vẫn thường phán xử trong những vụ án tranh chấp. Nhiều người gọi đó là luật làng, là những điều mà dân gian đã từng cho là đúng. Thế nên, do bị bịt mắt tuyên đường thủy quan trọng từ sông Hàm Luông dẫn vào, chợ Trong của ông Cả Kiểm lại trở nên vắng khách, tiêu điều. Tuy nhiên, không hài lòng với cách xử của quan tri phủ Vĩnh Long, ông Cả Kiểm đã quyết định lên tận kinh thành Huế xa xôi để dâng đơn kiện tới tận nhà vua, quyết trí kêu oan.



**Bác Trần Văn Tư
đang kể những giai thoại
về ông già Ba Tri**

Trong thời gian tìm hiểu về những giai thoại hư và thực quanh nhân vật ông già Ba Tri, chúng tôi may mắn gặp ông Trần Văn Tư, 77 tuổi, một người sinh

ra và lớn lên ở vùng đất Phú Lễ, Ba Tri. Ông Tư kể với chúng tôi, ở khắp vùng này, từ phía An Thủy, Bảo Thuận cho tới tận Tân Thị, Vàm Hồ... không ai là không biết đến ông già Ba Tri mặc dù những thông tin về đời tư của ông đều là truyền miệng, từ đời này qua đời khác chứ chưa có một tài liệu chính sử nào nhắc tới. Theo đó, sau khi người dân vùng chợ Ba Tri đang buồn rầu vì con rạch Ba Tri bị lấp mất, chợ vắng vẻ nên ông Cả Kiểm quyết định khăn gói đi bộ cùng hai người bạn già của mình ra tận kinh thành để kêu kiện, dâng đơn lên nhà vua đương triều là Minh Mạng. Về chuyện này, có nhiều giai thoại khác nhau. Trong đó, có người bảo bên bị đơn là ông Xã Hạc thực ra cũng là một người bạn của ông Cả Kiểm. Hai ông đều muốn mình thắng kiện để chứng minh mình đúng chứ không phải ăn thua hơn thiệt gì nên ông Xã Hạc cũng theo ông Cả Kiểm ra tận kinh thành Huế với mong muốn được gặp vua đương triều là vua Minh Mạng đòi phân xử. Tuy nhiên, theo một số người già khác ở vùng Ba Tri thì đi theo ông Cả Kiểm ra kinh thành dâng đơn khiếu nại chỉ có 2 người bạn già là ông Nguyễn Văn Tới và Lê Văn Lợi.

Vụ kiện để đời

Kể tiếp về câu chuyện, vừa uống thêm ngụm nước, ông Tư vừa chậm rãi bảo, với những người dân miền Tây chúng tôi, vụ tranh chấp giữa ông Cả Kiểm và Xã Hạc không đơn giản chỉ là vụ kiện để tìm ra người thắng, kẻ thua mà còn là dấu mốc để xóa bỏ cách hành xử theo lệ làng, cũng được coi là dấu mốc của việc tranh chấp đất đai, dòng sông và nguồn nước đầu tiên ở mảnh đất này.

Riêng về chuyện lặn lội lên tận kinh thành Huế, ở những năm 1820, phương tiện đi lại hầu như chỉ có đi bộ nên phải mất gần nửa năm trời, đoàn cả “bị đơn-nguyên đơn” của ông Cả Kiểm mới tới nơi. Tương truyền, khi ấy ở thành Đại nội có một cái trống kêu oan gọi là trống Đấng Văn, đặt giữa sân châu, tiếng của nó vang xa mười dặm, ai có oan ức đều có thể vào đó đánh ba hồi trống để vua biết. Sau khi nghe tiếng trống, vua sẽ lệnh cho quan Tam Pháp ty xử án. Nếu khiếu nại đúng, sẽ được minh oan, giải quyết thỏa đáng còn nếu sai, sẽ bị trị tội để tránh việc người giống trống vu khống. Ngoài ra, một số vị vua nhà Nguyễn thời sau đó còn cấm người dân trong Đại nội đánh trống để vua phân biệt

được với tiếng trống Đấng Văn, như một hình thức trân trọng những người đi kêu oan, khiếu kiện.

Còn về chuyện ông già Ba Tri, sau khi đơn khiếu nại được vua Minh Mạng xem xét, thấu đáo tình hình, nhà vua đã bác bỏ cách xử của quan phủ Vĩnh Long và phán rằng: “*Lòng sông lòng rạch là của chung, không phải của làng này, làng kia nên quan huyện, phủ phải coi phá đập để dòng chảy thông thương*”. Điều đó có nghĩa là ông Cả Kiệm đã thắng kiện và việc tự ý đắp đập khi dòng kênh Ba Tri chảy qua địa phận làng mình của ông Xã Hạc là sai trái. Có thể nói, đây cũng chính là vụ án đầu tiên được đích thân vua Minh Mạng xử và phán quyết ngược với những “luật làng” truyền miệng từ trước đến nay. Bản án này, sau đó đã làm nức lòng không chỉ người dân trong vùng Ba Tri mà ngay cả những người dân miền Tây đi mở cõi khác, giúp cho hệ thống sông ngòi kênh rạch được thông thương. Nhìn rộng ra, phán quyết của nhà vua cũng đồng ý với việc mở rộng buôn bán, phản bác tất cả các hình thức ngăn sông cấm chợ trước đây. Qua đó, họ coi ông Cả Kiệm chính là hình mẫu của những người già mà không chịu khuất phục, quyết tâm đi tìm công lý, lẽ phải và trên hết, luôn muốn có những điều tốt đẹp cho mọi người xung quanh. Sau đó, chợ Trong đổi tên thành chợ Ba Tri (có người còn gọi là chợ Đập) để khắc ghi công lao của ông Cả Kiệm thời bấy giờ.



Chợ Ba Tri (chợ Đập)

Sau hơn 200 năm trôi, vùng đất ven biển Ba Tri ngày xưa đã trù phú hơn rất nhiều, con đường đất độc đạo ngày xưa giờ đã là bùng binh, nơi giao nhau của 5 tuyến đường tỉnh và huyện lộ khác nhau. Cư dân cũng tập trung đông đúc hơn và gia tộc họ Thái Hữu cũng đã chuyển đến vùng đất khác để định cư nhưng những câu chuyện gắn liền với huyền thoại ông già Ba Tri thì mãi mãi vẫn còn lưu truyền cho hậu thế như một câu chuyện đẹp đẽ về hình ảnh những người tuy tuổi cao nhưng vẫn tràn đầy nghị lực và sức sống trong cuộc đời.

Đoàn Đại Trí

CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017



8200 Wilcrest # 26 B - Houston, TX 77072
 (Góc Wilcrest & Beechnut - Cận Quê Hương Restaurant)
Tel: 281-495-1403

- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 20 năm qua.
- * Tiệm kính thuốc của mọi gia đình và mọi lứa tuổi.
- * Contact lenses đủ loại, đủ màu.
- * Tiệm có đủ mọi hiệu.
- * Áo đảm giá hạ nhất Houston.
- * Lấy đồ kính cũ làm kính mới.
- * Có giá đặc biệt cho gia đình khó khăn
- * Nhận làm kính gởi đi xa không tính tiền cước phí.

Một trong những tiệm:
 Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO.
 Best của Texas trong sách Underground Shopper.
**CHÚNG TA YÊU CUỘC SỐNG BẰNG TRÁI TIM,
 VÀ NHÌN RÕ NHỮNG XUÂN SẮC THÂN THƯƠNG
 QUA ĐÔI KÍNH.**
 Hãy đến Vision Outlet để được săn sóc xứng đáng

Giờ làm việc:
 Thứ Hai - Thứ Bảy:
 10:00am - 7:00pm
 Đóng cửa Thứ Ba.








VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 87 * MÙA XUÂN 2017

QUANH CUỘC SỐNG CHÚNG TA



NGUYỄN VĂN SÂM

ÁNH MẮT MÙA XUÂN

Thế là tôi được đứng trên nước Mỹ đã gần mười tiếng đồng hồ. Cả ngày trên thế giới thần tiên mơ ước của bao nhiêu người nhưng sao nghe chập chùng lo lắng. Lạ lùng cảnh vật và ngữ ngôn ngôn ngữ, nhưng điều quan trọng là nỗi thắc mắc về tương lai bất định, về lối ứng xử dự định tới nay khi gặp lại Tân sau chục năm lạnh nhạt và âm ỉ nghi ngờ. Tôi vốn giống táng mẹ, có gì trong dạ là nói ra ngay, những giận hờn dù nhỏ nhoi tôi chưa từng bỏ qua không nói, chất chứa và ẩn giấu tình cảm, chỉ buông ra khi gặp dịp thật thuận tiện, làm người con gái Hà Nội khôn ngoan của nửa thế kỷ trước -- tùm tùm cười cười nói nói như không chuyện gì -- không phải là thái độ hăng có của tôi khi đã ở Miền Nam từ ngày còn trong bụng mẹ. Chắc chắn Tân sẽ không thích người mới đến đem theo những vấn đề lương tâm từ lâu anh trốn chạy cũng như anh đã nhắm mắt đã điều lại coi như không có vấn đề quan trọng của gia đình hai đứa từ bao nhiêu năm nay. Chắc chắn thái độ khôn ngoan nhút là biết vị thế của mình ở đâu trong lòng người chồng chỉ còn trên danh nghĩa và những ràng buộc mơ hồ từ sợi dây cương thường Khổng Mạnh nát nhoe khói sương. Xé tấm giấy hôn thú, ban đầu tưởng là kế hoạch tranh khôn nhưng thời gian đã biến thành một thực tế nhói tim xé ruột. Biết vậy mà sao tôi vẫn muốn nói lời phiền giận, muốn trách hờn một phụ phàng. Cho hả tức, cho tai Tân tràn đầy những phần nộ chuyên chở đau khổ hằng cũu của tôi. Và chuyện gì sẽ xảy ra? Có thể Tân sẽ không ký lại cái hôn thú, xé toạt những ký niệm

thần tiên ngày xưa cũ để cho tôi bị đuổi về Việt Nam như lời hai chị tôi tiên đoán? Trả về! Rồi tôi sẽ sống như thế nào? Trường học, nơi tôi vừa từ nhiệm, người ta đã tiệt trà tiễn đưa với những ánh mắt ganh tỵ lẫn dè bĩu, tôi lòng dạ nào trở về dù rằng về đó sẽ dễ dàng sống được, sống còn trong cảnh hầu như mọi người đều hành nghề dối trá và bóc lột lũ học trò. Trở về để thấy lại những kỷ niệm muốn quên của hai lần bị chèn xe cho ngã rồi những tên đầu đường xó chợ đập bể những chai nước trà pha loãng rượu dấm để bắt tôi bồi thường với giá trên trời dưới lời hăm dọa của những con dao Thái Lan nhọn lều và hàng chục cánh tay bạo tàn vẫy búa chung quanh. Không! Tôi không thể trở về khi đã muốn xóa trong ký ức một quá khứ nhọc nhằn vô nghĩa và đồng lõa. Tôi tặc lưỡi cố gắng đè nén xúc động khi suy nghĩ đến những khó khăn trước mặt. Tới đâu hay đó. Vài ba đũa nhỏ da màu ít oi trong đám đông da trắng chạy nhảy vui cười từ khu này sang khu khác làm tôi vui vui hơn đôi chút. Phải chi lòng mình bình thản như chúng nó! Thần tiên biết mấy và đạt đạo biết mấy!

Tiếng loa báo tin gì đó tôi không hiểu. Thiên hạ trong vùng tôi ngồi đợi đã lục đục đứng lên xếp hàng vào cửa. Tôi sợ bị bỏ rơi như nhiều lần đã bị bỏ lại trong đời nên cố gắng len lỏi tới trước. Nhiều ánh mắt nhìn tôi lạ lùng chen lẫn bất bình và tội nghiệp. Cô tiếp đãi viên hàng không soát vé, to lớn mạnh mẽ và có cặp đùi thật đẹp nói gì đó với tôi một tràng dài. Trông cách ra hiệu của cô ta trong khi nói, tôi mang máng hiểu rằng mình được bảo đứng ra ngoài hàng và đợi cách giải quyết sau. Tôi bước ra ngoài hàng. Đứng mà lo sợ và tủi thân. Sao lại đợi? Chuyện gì đây? Tiếng người thì ngọng nghịu, nói ra thì thiên hạ cứ hỏi đi hỏi lại. Cái hàng đã voi tới năm sáu người cuối cùng. Lác đác chỉ còn vài ba người ung dung trên ghế đợi, như chừng không phải đi chuyến này nên cứ tà tà nói chuyện. Tôi muốn bật khóc. Nếu giấy tờ trực trặc thì không biết tính sao. Ai giải quyết cho mình đây. Tôi mừng rỡ đưa mắt cầu cứu một ông khách có vẻ Á Đông mới tạt ta tạt tưởi chạy tới. Thấy ánh mắt tôi, ông ngó cô tiếp đãi viên như để đoán chừng thời gian còn lại cho ông rồi tiến về phía tôi. Tôi nói câu âu bằng tiếng Việt. *‘Nhờ chú coi lại coi sao họ bắt cháu đợi không cho lên tàu.’* Vừa nói tôi vừa chìa hộ chiếu và vé phi hành ra.

Ông khách nhìn lướt qua nhưng không có vẻ gì như muốn đưa tay ra lấy mà buột miệng nói một câu vô duyên như núi lở: *‘Cô mang thông hành Việt Cộng!’* Rồi như thấy mình lỡ lời vì ánh mắt đau khổ của tôi, ông đưa tay cầm lấy tất cả giấy tờ, ngoắc tôi đến quầy vé, trình và nói gì đó. Người nhân viên bấm máy vi tính. Sau một hồi tìm kiếm trên máy, in ra cho tôi một vé lên tàu.

Mặc dù đang mang xách cũng hơi khá nặng, ông vẫn đề nghị xách hộ tôi cái xách tay kông kênh làm khổ sở tôi từ lúc lên phi trường Tân Sơn Nhất đến giờ. *‘Cám ơn chú, cháu lo liệu được.’* Tôi từ chối. Từ không biết bao lâu rồi, những giúp đỡ của bất kỳ ai tôi đều đón nhận với tất cả lòng ngờ vực. Người thân ruột thịt còn chưa tin được huống hồ gì người gặp gỡ giữa đường! Tôi mang xách lên vai, tay kia kéo cục khổ cái túi mang những thứ linh kinh cho con, né không cho ông để tay vào, nhưng chỉ đi được vài ba bước thì ông ta đã đưa tay ra đỡ lấy, thân thiện và quyết liệt. Phi cơ nhỏ hơn chiếc đi từ Đài Bắc sang đây nhiều, đường giữa hai hàng ghế hẹp. Tôi lo tìm số ghế mình, nhìn lại thì không thấy ông ta đâu nữa.

Tôi ngồi xuống ghế thối mác. Bên cạnh trống trơn. Ước gì không có ai ngồi chỗ này. Thoải mái cho tôi. Phải chi lúc nãy đừng cho ông ta giằng lấy cái xách. Cửa không bao nhiêu nhưng cái tình cho con mang tràn đầy trong đó. Mười năm rồi tôi không thấy mặt con. Chỉ là những tấm áo tôi đo cắt đoán định vóc dáng con với cả tấm lòng trời biển của người mẹ. Chỉ là những thứ mút tôi *xên* phơi với lòng thương cao ngút ngàn như núi. Không biết ông ta có lục ra coi rồi lấy bớt hay không, hay ông ta ngồi luôn ở đó đợi phi cơ ngừng rồi lên ra trước, lấy theo luôn đồ đạc của tôi. Phi cơ cất cánh, tôi chìm trong những suy nghĩ vẩn vơ về sự xấu xa của người đời mà lâu rồi tôi quá u thất vọng. Tôi thiếp đi trong sự mệt mỏi của chuyến bay đêm với tiếng động cơ ù ù ru ngủ và bóng tối bao phủ chỉ còn chút ánh sáng le lói từ một vài hàng ghế xa xa.

Tiếng ghế cạnh tôi động nhẹ. Ông ta sửa soạn ngồi xuống, gật đầu chào, nói nhỏ nhỏ khi tôi mở mắt nhìn.

‘Thỉnh thoảng đường bay nội địa còn lại nhiều chỗ trống như thế này.’ Ông vừa nói vừa thắc dây an toàn, *‘Hành*

khách có thể ngồi đâu tùy ý. Xin lỗi, nếu tôi không làm thì cô đến định cư ở Mỹ chứ không phải đi công tác cho chánh phủ.'

'Cháu sang đây đoàn tụ với nhà cháu.'

'Chúc mừng cô. Đợi bao lâu rồi mà được đoàn tụ.'

'Hơn mười năm rồi.'

'Chúc mừng cô lần nữa. Thời gian tuy dài nhưng cô đã qua tới đây. Bây giờ là lúc an vui và lo liệu cho tương lai'. Ông ta dùng lại chữ của tôi khi nãy.

'Vui gì mà vui. Đang buồn chết người.' Tôi cũng không biết tại sao mình nói nhiều, tại sao lại nói như là khơi chuyện. Có thể vì sự cô đơn, có thể ông ta là người Việt Nam đầu tiên tôi chuyện trò từ khi rời nước. 'Từ Đài Loan qua Cali còn có người Việt Nam, từ lúc đợi ở phi trường khi này không còn thấy bóng một người Việt nào. Muốn hỏi một vài điều mà không biết hỏi ai.'

'Cô có chuyện buồn?'

'Có khi nào người sang đây mà bị bắt buộc trở về vì những thỏa thuận trước khi ra đi không hoàn tất hay không?'

'Tùy nhiều chuyện. Anh ấy... đang có người khác?'

Một giọt rồi cả tròng dài nước mắt rỏ nhau chạy ra khỏi khóe mắt cay xè của tôi.

'Cháu không biết phải nói gì, phải làm sao khi qua bên đó khi bắt buộc phải sống chung nhà với người ta, người thứ ba.'

Người đàn ông sửa lại thể ngồi, có vẻ chăm chú hơn câu chuyện của tôi. *'Trước hết cho xin lỗi về câu nói đầu tiên của tôi khi gặp cô. Danh từ mà tôi đã dùng có vẻ không được đàng hoàng. Mỗi người trong chúng ta đều dị ứng trước một số vấn đề, một số dữ kiện'. Ông ngừng một vài giây, ngó tôi rồi bật đèn chỗ ghế ông ngồi, như muốn quan sát những giọt nước mắt tinh cảm đàn bà của tôi. 'Mà thôi, trở về câu chuyện. Mỗi người trong ba người đều có lợi thế và bất lợi thế. Cô phải sử dụng lợi thế của người đến trước, đã có con với anh ấy mà hành động bằng sự nghiêm trang cần thiết. Tiểu tinh sẽ co vòi ngay.'* Tôi thích chữ tiểu tinh của ông dùng. Nó vừa ý tôi hơn chữ hoa trong câu thơ *'Rừng nghe vườn mới thêm hoa.'*

'Tránh mè nheo, chửi rửa, than thở dài dòng. Phải tươi tắn, nhỏ nhẹ. Càng nói ít càng tốt. Đàn ông vốn dễ chán ngán và mệt mỏi trước sự trách móc dai dẳng và quy chụp thường xuyên

của đàn bà.'

Quy chạp? Ông này là hạng người nào mà sử dụng từ này! Tôi chú ý hơn người đối thoại. Đây là loại người để mình học hỏi, trao đổi. Ông ta không già như tôi tưởng. Có thể ông ta mới rời Việt Nam không bao lâu. Nhưng mà không cần chú ý tới ba cái thứ vặt vãnh đó. Tôi đang có quá nhiều điều bận trí.

'Em sợ mình hiền quá anh ấy sẽ theo người ta luôn, đàn ông mà, mới cũ. Nhưng dữ quá thì sợ anh ấy bức mình không ký lại giấy hôn thú.' Tôi thay đổi cách xưng hô hơi sớm nhưng mà thật ra tôi chỉ muốn thân mật để coi ông ta có cho mình được lời khuyên gì đó xứng đáng hay không.

'Đàn ông không ích kỷ đến mức làm hại vợ kiêu đó. Đàn ông có thể dối vợ để rong chơi cuối trời quên lãng, nhưng đàn ông ác độc thì không nhiều, lịch sử cho thấy điều đó.' Để tránh vè quá chăm chú nghe ông ta nói, tôi mở giở lấy quyển truyện ngắn của tác giả hiện sinh Lý Lan, tác giả mới nổi tiếng trong nước, cầm trên tay. Ông ta nhìn tựa quyển sách, không nói gì, chỉ tiếp theo đề tài của mình.

'Cô cũng còn đẹp.' Tôi không hiểu ông có dụng ý gì trong câu nói đó. Đàn ông không mấy người nói về sắc đẹp của người đàn bà đối diện mà không có ẩn ý. Đó là cái tật, cũng giống như tật truyền kiếp của họ là chỉ nói chuyện với đàn bà bằng nửa não vì nửa kia bạn tưởng tượng về hình ảnh trần trụi của người đối diện.

'Lợi thế là ở đó. Phải biết mình muốn gì. Phải đầu tiên là muốn ở lại lập nghiệp trên nước Mỹ không? Sau đó là có chút tiền đỡ khổ lúc ban đầu bỡ ngỡ. Cuối cùng là được sống hạnh phúc gia đình với chồng con. Nếu mất thì theo thứ tự chồng, tiền, chút nhút mới là sự tự do.'

Tôi muốn há hốc mồm ngạc nhiên. Ông ta nói trúng những gì tôi suy nghĩ và quyết định trước khi lên phi cơ sang đây. Tôi làm thinh, tay lật lật quyển sách.

'Vậy thì phải từ từ, sao cho đạt được ba mục tiêu đó. Không cần phải cùng một lúc. Không cần làm cho hai người kia sợ mình. Cũng không cần cho họ thấy sự bất bình của mình. Từ từ và nhỏ nhẹ.' Ông ta lặp lại kế sách này nữa. Từ từ và nhỏ nhẹ khi anh ta xéo lên giao ước của người đi trong khi tôi khổ sở ôm

giữ từng chữ, từng câu giao ước của người ở lại?

‘Cảm ơn lời khuyên của anh, anh thấy nhu mì, nhỏ nhẹ đặc dụng trong trường hợp này?’ Tôi hỏi cho có. *‘Em đã định làm ngược lại đó chứ.’*

Tôi thay đổi cách xưng hô, ông ta xứng đáng được xưng hô như vậy. Sành tâm lý dễ sợ, nói ít nhưng đúng lúc. Tôi không hồ thẹn gì khi dùng chữ anh-em thân mật đó. Ông ta như không chú ý.

‘Xứ này là xứ cơ hội và an toàn cho tất cả mọi người. Có không nên thất vọng về bất cứ chuyện gì. Rồi mọi chuyện sẽ được giải quyết tốt đẹp thôi. So sánh sự khó khăn khổ sở của cô bây giờ với sự khó khăn và cô đơn của anh ấy lúc mới tới đây với đứa con nhỏ thì cô sẽ thấy từ từ và nhỏ nhẹ là kẻ sách công bình mà lại hữu hiệu..’

Tôi thờ dãi. *‘Vậy mà em định tới đó nói phải quấy cho hả hơi rồi chia tay. Nếu không có giấy tờ thì trốn lại sang đây sống với chị bạn. Chị ấy hứa với em nhiều lần.’*

‘Cô đã sai lầm vì có giải pháp trước khi nhìn rõ công chuyện. Cô cũng không biết mình nên tiến nhanh hay tiến chậm trong kế hoạch. Cô bị ảnh hưởng vì cái phao người bạn. Cô quên xét những khía cạnh đáng tha thứ của anh ấy.’ Tôi bàng hoàng. Mười năm nay tôi chỉ nghe lời xúi giục, bênh bả đứng về phía tôi. Chưa từng nghe ai đứng về phía anh ấy, những chữ *khía cạnh đáng tha thứ* là những chữ chưa bao giờ có mặt trong tự điển cuộc tình nhiều nước mắt của tôi. Vâng! Tôi phải tìm cách tha thứ. Cho dẫu lòng mình tan nát!

Vặng bên tay tôi nghe mơ hồ không biết là tiếng ông ta hay tiếng từ trong lòng tôi phát ra. *‘Tha thứ ở đây không có nghĩa là dối lòng, che mắt không biết đến những chuyện đã xảy ra. Tha thứ đây là thông cảm với những yếu đuối vật thể của con người trước hoàn cảnh đẩy đưa. Tha thứ là mở đường thực hiện tình mẫu tử gián đoạn từ lâu.’*


Tôi thầm cảm ơn người đối thoại đã đưa cho tôi một giải pháp khiến mình có được sự thanh thân cần thiết. Trăm tới không là ngưỡng cửa vào địa ngục mà tôi phải cầm gươm đánh nhau với quỷ dữ như mình đã hình dung, trăm tới là bước đầu tôi tập luyện thành người có cái minh triết, nhìn sự kiện trên khía cạnh sâu sắc

nhút để đem lại hạnh phúc cho tất cả người trong cuộc. Cái tôi sẽ không bị xóa tan như mình tưởng mà sẽ phát triển ra cao rộng, bao la hơn khi tôi đem tình thương lại cho con, cho anh ấy, và đem cái nhìn lân mẫn trao đến kẻ thứ ba. Tôi nhắm mắt chìm trong giấc ngủ thoải mái.

Chia tay tôi ở trạm đợi khu A để tôi sang chuyển đi về Florida, anh nói là mình đi về trạm đợi ở khu B nhưng không nói sang chuyển đi về đâu. Trước khi quay lưng anh nhìn vào mắt tôi cười cười, điệu bộ lừng khừng. Tôi biết anh thấy trong đó ánh mắt tươi sáng Mùa Xuân của tôi do anh trao tặng trong chuyến bay vừa rồi.

Cho tới bây giờ tôi vẫn chưa biết tên và cũng không biết anh sống ở đâu, làm gì trên cái xứ Mỹ to lớn này.

NGUYỄN VĂN SÂM



NIASI

NGUYỄN VĂN SÂM

Nha Khoa Gia Đình & Thẩm Mỹ

** Địa chỉ mới:*

2808 MILAM ST. Suite B
(trong khu Mekong Center)
HOUSTON, TEXAS 77006


** Điện thoại (không thay đổi)*

713 – 520 – 7950

Ngày giờ làm việc:

- * Thứ Hai đến Thứ Sáu: **09:00 AM – 5:00 PM**
- * Thứ Bảy – Chúa Nhật: **09:00 AM – 02:00 PM**
- * Thứ Năm: **NGHỈ**

Vui lòng gọi trước để lấy hẹn
ĐẶC BIỆT GIẢM 25% trong 6 tháng
cho Khay làm trắng răng (Custom made Bleaching Tray)



CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017

VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 94 * MÙA XUÂN 2017

MAILOC

(California)

TỨ TUYỆT ĐẦU NĂM

cảm tác kỷ niệm sau chuyến hành hương xuân Đình Dậu 2017

(1)

XUÂN VỀ

*Êm ái xuân về một sớm mai
Mai đào cười cợt gió lay lay.
Nắng vàng nhảy múa trên cành lá
Riu rít chim trời mây trắng bay.*

(2)

MƯA XUÂN

*Hiên ngoài buổi sáng lạnh heo may
Liên tiếp mưa xuân suốt mấy ngày.
Ướt cánh hoa đào tơi tả rụng,
Tách trà nghi ngút khói hương ngây!*

(3)

HÀNH HƯƠNG

*Mỗi năm tôi thích chuyến hành hương
Vốn vẹn một ngày thật dễ thương.
Ngoạn cảnh nhìn người cho đỡ nhớ
Quê hương biển biệt, Tết tha phương!*

(4)

MẮT XƯA

*Người xưa năm ấy chuyến hành hương
Đôi mắt huyền trong đẹp lạ thường.
Thấm thoát thời gian nay gặp lại
Má hồng nhợt nhạt nét sầu vương.*

(5)

CHÙA NGHÈO

*Tôi thương nho nhỏ mái chùa nghèo,
Chánh điện lò mờ khách vắng teo.*

*Tượng Phật mun đen làn khói tỏa
Sư già lằn hạt nét xanh xao.*

(6)

SƠN TỰ

*Lặng lòng, chậm chậm gót hành hương,
Bóng ngả chiều buông khúc khuỷu đường.
Trước mặt gập ghềnh sơn đạo nhỏ
Sau lưng hiu hắt ánh tà dương.*

(7)

LÊN CAO

*Lên cao đôi mắt cảnh bao la
Đậm nhạt rừng hoang dưới nắng tà.
Bé nhỏ thân này như hạt cát
Mà hồn bay bổng tận trời xa.*

(8)

TĨNH LẶNG

*Tàn ngần ngắm mãi cảnh chiều buông
Vắng vắng ê-a niệm Phật đường.
Tĩnh lặng tâm tư lòng đã rõ
Trần gian huyền mộng cõi vô thường.*

(9)

GIÀ

*Đã già, già thật, đã già rồi!
Thờ dốc leo lầu xin chịu thôi.
Lên bus, xuống xe em cứ nhắc
Coi chừng vấp té đấy mình ơi!*

(10)

HẾT TẾT

*Bỗng thấy buồn buồn Tết đã qua
Chút gì vương víu lên hồn ta.
Một năm một tuổi da nhăn nhú,
Thắm thía băng khuâng chấp nhận già!*

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



PHÓ NHÒM

(Layon - France)



PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM

Học giả Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ viết bài này, với bút hiệu mới là **Phó Nhòm**, bởi Ông ngưng viết sau 30 năm cầm bút (1980-2010), Ông thấy **Biết Đủ, Biết Thôi (Tri túc, tri chí)** 知足, 知止 kể từ đó, Ông thường chuyển sang chụp hình cho vui tuổi già, tuy vậy Ông vẫn sáng tác thêm tác phẩm, xin chào mừng các tác phẩm của Ông đã sáng tác, đặc biệt bài mới viết dưới đây nhân dịp bước sang năm mới Đinh Dậu 2017:

Tôi nhớ phần đông gia đình Việt Nam đều sống bằng nghề nông, như là ở miền Tây Nam Phần Việt Nam, cho nên sau vụ lúa chánh xong vào khoảng giữa tháng 11 âm lịch hoặc trễ lắm là rằm tháng chạp, kể đến lo trồng hoa màu phụ như: Khoai, bắp, đậu.v.v.. cho nên trong dân gian có câu:

*Tháng chạp là tháng trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu,
Tháng hai trồng cà,
Tháng ba cây võ ruộng ra,*

Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng...

Quả đúng vậy, quý bà con nhà nông chúng ta ngày xưa, làm việc tùy theo từng mùa, từng tiết, cho nên thường phân chia một năm có bốn mùa rất giản dị chia đều nhau, mỗi mùa có 3 tháng tính theo âm lịch như sau:

- **Mùa Xuân** bắt đầu mừng một Tết tháng giêng cho đến cuối tháng ba.

- **Mùa Hạ** từ đầu tháng tư cho đến cuối tháng sáu.

- **Mùa Thu** từ đầu tháng bảy cho đến cuối tháng chín.

- **Mùa Đông** từ đầu tháng mười cho đến cuối tháng chạp.

* Trong khi đó, đất nước chúng ta thời tiết ở miền **Nam** không rõ ràng như miền **Bắc**, mặc dù vậy, cũng tính từng mùa theo năm dương lịch như sau:

- **Mùa Xuân** bắt đầu lập Xuân là ngày 5 tháng 2 đến ngày 6 tháng 5, giữa mùa Xuân có ngày 21 tháng 3 thì đêm và ngày bằng nhau. Đó là ngày Xuân phân.

- **Mùa Hạ** bắt đầu lập Hạ là ngày 6 tháng 5 đến ngày 8 tháng 8, giữa mùa Hạ có ngày 22 tháng 6 là ngày dài nhứt trong năm. Đó là ngày Hạ chí.

- **Mùa Thu** bắt đầu lập Thu là ngày 8 tháng 8 đến ngày 8 tháng 11, giữa mùa Thu có ngày 23 tháng 9 thì đêm và ngày bằng nhau. Đó là ngày Thu phân.

* Đối với **mùa Thu**, ở các nước **Âu Châu** những chiếc lá thường đổi màu vàng, rồi từ từ rơi rụng trông rất đẹp, tuy nhiên, nếu chúng ta có dịp đến nước **Gia Nã Đại** (Canada) vào mùa này, thì sẽ thấy cái màu đỏ thẫm của lá toàn thân cây, tạo thành một vùng tuyệt đẹp hơn hẳn Âu Châu.

- **Mùa Đông** bắt đầu lập Đông là ngày 8 tháng 11 đến ngày 5 tháng 2, giữa mùa Đông có ngày 22 tháng 12 là ngày ngắn nhứt trong năm. Đó là ngày Đông chí.

* Ở nước **Pháp**, một năm cũng có bốn mùa như nước **Việt Nam** chúng ta, được phân chia trong năm 2017 như sau:

- Mùa Xuân bắt đầu ngày thứ sáu 20-03 đến 20-06.

- Mùa Hạ bắt đầu ngày thứ sáu 21-06 đến 22-09.

- Mùa Thu bắt đầu ngày thứ tư 23-09 đến 20-12.

- Mùa Đông bắt đầu thứ hai 21-12 đến 19-03-2016.

Trở lại, **Phong Tục Lễ Tết Nguyên Đán**, chúng ta biết chữ Tết 节 là do chữ Tiết mà ra, tức thời tiết, còn Nguyên Đán 元旦 tức là bắt đầu năm mới. Hằng năm, cứ 4 mùa luân chuyển trong năm, hết Xuân đến Hạ rồi Thu và sang Đông, cho nên cứ hết mùa Đông thì bắt đầu đón mùa Xuân năm mới và có một con vật trong **Thập Nhị Địa** cầm tinh khác nối tiếp, ví như sau khi năm Bính Thân chấm dứt, thì đến năm Đinh Dậu được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm thứ sáu, 27-01-2017 để cầm tinh đến 24 giờ đêm 15-02-2018

Khi nói đến Tết, thường quý bà con đồng hương mình lo từ sau vụ lúa mùa, tức khoảng giữa tháng chạp, bắt đầu lo xay lúa, xay nếp để chuẩn bị trắng bánh, bánh trắng thì trắng ban ngày,



Cối xay lúa



Cối giã gạo /quét bánh phồng



Cối xay bột



Phơi bánh tráng

kia, bánh phồng làm bằng nếp.

Ngoài ra, các bà nội trợ cũng bắt đầu chọn ngày để làm dưa cải, dưa kiệu, cà rốt, củ cải... để cho kịp chua ăn Tết, cũng như còn phải mua sắm quần áo mới cho cả nhà từ mấy tháng trước. Nhà nào có trồng những cây mai trước nhà, cũng chuẩn bị lật lá mai từ hôm rằm tháng chạp, để nó nở đúng vào dịp Tết, gia đình tôi, Ông Bà nội và song thân tôi có trồng những loại huỳnh mai 5 cánh,

bạch mai rồi tứ quý... cho nên vào dịp Tết chúng nó đua nhau nở rộ, các màu vàng, đỏ trắng rất đẹp mắt.

Chiều 23 tháng chạp âm lịch hằng năm, mỗi nhà thường tổ chức lễ tiễn đưa 2 ông và 1 bà Táo về châu trời, để tấu trình mọi việc dưới trần gian cũng như việc trong nhà, 3 vị thần Táo này ở chung nhau một nhà, nên trong dân gian có câu:

**Thế gian một vợ một chồng,
Không như nhà Táo hai ông một bà.**

được chủ nhà mua sắm quần áo mới, với con cá chép sống (thông thường mua những loại cá làm bằng giấy do người Hoa làm bán, không biết phong tục này đã có tự bao giờ.

Khoảng các ngày 24, 25, 26 Tết, thường các đàn ông con trai làm việc lu bù, nào sơn phết nhà cửa, hàng rào, cửa ngõ, đánh bóng những bộ lư hương bằng đồng, dọn dẹp trang hoàng tử thờ... Tất cả phải làm thật mới để đón mừng Xuân Tết đến, nhà nào có đất ruộng, thì lo tát đìa bắt cá ăn Tết.

Riêng các đàn bà, con gái thì trở tài làm bánh mứt đủ loại như: Bánh chưng, bánh tét, bánh ít, bánh kẹp, bánh gan, bánh bông lan, bánh in... Mứt thì cũng có đủ loại mứt như: Khóm, hạt Sen, Me, Mãng cầu... thật đủ màu đẹp mắt. Đặc biệt các ông bà cụ già thường đi rảo chợ bông để mua nào là: Vạn Thọ, Mai, Cúc, Thược



Dược, Huệ, một vài chậu Thủy Tiên, cành Đào... để đem về tía, gọt xén để trưng cho dịp nở hoa đúng vào dịp mừng một Tết.

Bàn thờ với bộ lư được đánh bóng chuẩn Tết

Ngoài ra, còn đến mấy chỗ ông thầy đồ, để chọn lựa mua những đôi liễn nào ưng ý đem về dán trước nhà hoặc hai bên bàn thờ hay bàn thông thiên trước sân nhà hoặc là nơi đền miếu cũng được trang hoàng một cách trang trọng, bởi các câu liễn đơn cử ví như sau: Phước dư Đông Hải - Tứ hải giai huynh đệ - Xuân đảo hoan hỷ - Phúc thọ khang ninh - Công thành danh toại.

Hơn nữa, các ông bà cụ già còn mua thêm chữ liễn như: **Phước, Lộc, Thọ...** để về dán vào các trái Dưa Hấu, Bưởi, Dừa... Viết đến đây, tôi nhớ lại người Hoa cũng có phong tục như thế, nhưng lại dán ngược chữ Phước, có ý nghĩa là **Phước Đáo**.

Kể đến, sang hàng Trà, để lựa mua các loại trà ngon có danh tiếng như: Trà Sen, Trà Cúc, Trà Lài... để trước cúng ông bà, mừng giao thừa, sau biếu bạn bè hoặc mời khách thưởng xuân.

Sau khi chuẩn bị xong trong nhà, đã có đầy đủ các thứ trái cây như: **Dưa Hấu, Vú Sữa, Mãng Cầu, Đu Đủ, Dừa Xiêm, Xoài, Cam, Quýt, Bưởi, Khóm, Chùm Sung...** thì các bà nội trợ bắt đầu chuẩn bị gói **bánh Chung, bánh Tét, bánh Ít...**



Theo **phong tục Tết**, nhà nào không có nôi thịt kho với: **trứng vịt, cá Lóc** và nước Dừa tươi, kể đến bánh Chung, bánh Tét, bánh Ít, cây Nêu trước nhà (ngõ), các đôi Liễn viết bằng mực tàu trên giấy đỏ (hồng điều), mấy phong Pháo để chuẩn bị đốt đón giao thừa và chờ Lân đến múa trước nhà, thì xem như nhà đó không có ăn Tết, cho nên việc gói bánh **Chung, bánh Tét, bánh Ít** là món ăn chánh cổ truyền phong tục Việt Nam, các loại bánh này được gói bằng lá Vông cho bánh Chung và bằng lá Chuối Hột cho bánh Tét hay bánh Ít.

(Nhân nhắc đến bánh ít có dạng hình tháp, tôi nhớ ở Việt Nam mình có các loại bánh ít, xin kể như sau :

- **Bánh ít nhưn chuối, bánh ít nhưn đậu**, thường gói trong dịp Tết hay đám giỗ chạp để cúng kiến.

- **Bánh ít nước tro** (bởi vì, nếp ngâm với nước tro trước khi một đêm rồi mới đem xay thành bột, cho nên bánh nó trong vắt, loại bánh này thường thấy trong dịp lễ **Thanh Minh**).

- **Bánh ít lá tre** (bởi vì, bánh ít gói bằng lá tre).

- **Bánh ít lá gai ở Bình Định** có danh tiếng, (bởi vì, phải tìm hái lá gai đem về rửa sạch, phơi cho ráo rồi bỏ vào cối quết chung với bột nếp cho nhuyễn để gói bánh bằng lá Chuối, nhưn bánh mặn thì có đậu xanh, đen, dừa... Đôi khi thêm tôm xào với thịt hoặc bánh ngọt thì có đậu xanh, đen, dừa và đường tùy địa phương).

Vì thế, trong dân gian có câu:

Muốn ăn bánh ít lá gai,

Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi.

Ngoài các loại bánh ít phải gói bằng lá **Chuối** hay lá **Tre**, còn thấy bánh không có gói bằng lá, mà để trần, cho nên có tên là **bánh ít trần**).

Hơn nữa, khi nhắc đến bánh **Tét**, bánh **Ít** thường được gói ở **Miền Nam** và sau này có bánh **Chung** ở **Miền Bắc** vào, tôi lại nhớ thân mẫu mỗi lần Tết đến hay ngày giỗ chạp, (quai) bà thường chuẩn bị làm bánh để cúng, trước hết phải đi mua nếp, đậu xanh, thịt ba chỉ... còn lá chuối thì ra sau vườn dùng lưỡi hái hay dao để rọc những tàu lá chuối không già hay non quá đem vô xài, kể đến phải lau lá chuối cho sạch trước khi gói bánh.

Sau khi lo đầy đủ vật liệu để gói bánh, thường thì trong gia đình hay thân tộc tụ họp nhau để gói bánh. Còn **bánh Chung** thì vật liệu để thực hiện giống như bánh **Tét** và bánh **Ít**, nhưng hình dáng bánh **Chung** hình vuông,



khác với bánh Tét và bánh Ít. **Ảnh mẹ tôi làm chuối hạt niệm Phật**

Riêng thân mẫu tôi đã quá cừ tuần, nhưng bà vẫn khỏe mạnh, mỗi lần gói bánh bà không bao giờ ở không, bởi vì, bà muốn bánh **Tết** vuông góc, cột dây đều, còn **bánh Ít** thì gói có **hình tam giác thẳng đứng** và nhum phải ngon, lột lá không bị dính. Do vậy, bà rất cực mỗi khi gói bánh, nhưng sau khi nôi bánh chín, bà ăn thử thấy đúng ý bà, thì bà rất hài lòng với nụ cười trên môi. *(Tết Tân Mão 2011 vừa qua, bà trên đường đi đến 100 tuổi thọ, nên sức yếu không còn gói bánh nữa).*



Trở lại, việc gói Bánh Chung và bánh Tết nhân (nhum) mặn, thì được làm bằng thịt

heo ba rọi (ba chỉ), đậu xanh bóc vỏ, bao bởi lớp nếp ở ngoài, còn bánh Tết nhân ngọt, thường làm bằng đậu xanh bóc vỏ trộn với đường, ngoài ra còn có bánh Tết nhân chuối xiêm nữa, một đặc điểm đáng lưu ý, nếu chúng ta gói bánh Tết làm bằng nếp sống, khi cột bánh không được cột chặt, vì để nếp sống nó nở ra là vừa, trái lại nếu cột chặt như gói bánh Tết làm bằng nếp chín thì nó sẽ bị nín làm cho bánh Tết bị sống. Khi bánh chín quyện lẫn mùi lá thật quyện rữ. Miếng bánh ngon nhứt là miếng bánh ăn ngay khi vừa nấu chín. Tùy gia đình, thường nấu bánh vào đêm 27 hoặc 29 Tết, canh nấu suốt đêm đến sáng mới chín, thời gian phải mất khoảng trên 5 giờ đồng hồ. Bánh chín vớt ra cho ráo nước, rồi mới vội vàng đem biếu cho bà con, họ hàng thân tộc trong gia đình, trong khi bánh còn nóng hổi.

Việc chuẩn bị mừng Xuân đón Tết hàng năm, mọi nhà, không những lo dọn dẹp, sơn phết trong nhà ngoài cửa, mà còn phải lo làm cỗ và sơn phết mờ mả ông bà tổ tiên cho thật đẹp, để

trong dịp Tết cúng kiến và rước ông bà về cùng ăn Tết. Bởi người xưa quan niệm: **Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn** 事死如事生, 事亡如事存 (thờ người lúc chết cũng như lúc còn sống)

Về lễ rước ông bà, cúng thần đất đai, thì tùy theo nơi rước ông bà sớm là chiều ngày 28 thay vì chiều ngày 30 Tết, phần đông những gia đình theo đạo **Phật Giáo Hòa Hảo** ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hậu Giang như: **Ômôn, Cao My, Ba Rích... (Cần Thơ) Thốt Nốt (Long Xuyên), Hòa Hảo (Châu Đốc), Cái Vồn (Vĩnh Long)...** thường làm lễ rước ông bà chiều 27 hay 28 Tết (tùy theo tháng thiếu hay đủ) và đến mùng 1 Tết cúng chay và đến mùng 2 cúng mặn lại. Bữa cơm cúng rước ông bà là một trong những bữa cơm cuối năm ăn ngon nhứt của mọi gia đình sau những ngày chuẩn bị Tết mệt nhọc. Trên bàn thờ ông bà, được đặt chánh giữa nhà, thông thường có bộ lư hương bằng đồng được lau chùi sáng choang, hai bên có chân đèn để cắm cặp đèn cây số 1 màu đỏ, một **cặp dưa hấu hạng nhứt** và kèm theo đủ loại trái cây, bánh mứt, hoa quả như: **Mãng Cầu, Chùm Sung, Dưa tươi, Đu Đủ, trái Xoài...** nếu thiếu một trong mâm ngũ quả, thì có thể thay thế bằng trái **Thơm (Khóm)** hay một **nải Chuối Cau**. Nhưng ít khi nào tìm không đủ ngũ quả này tương trưng: **Cầu Sung Vừa (Dừa) Đủ Xài (Xoài)**.

Ngoài ra, một bàn thờ cũng được thiết lập lộ thiên đặt cạnh **bàn thông thiên** và cây tre làm **cây nêu** dựng sẵn trước cửa nhà, trên bàn thờ này cũng chuẩn bị nhang đèn hoa quả, mặt quay



về hướng chánh Nam, để phù hợp với phong tục xưa là : "**Thánh Nhân Nam Diện Nhi Thính Thiên Hạ**" để đón giao thừa.

Riêng **bàn thông thiên** thường đặt chính giữa trước sân nhà, nếu ai có dịp đến miền

Tây Nam phần Việt Nam sẽ thấy, cái bàn thờ lộ thiên này thành lập trên trụ cột cao, ngay vừa tầm mắt, thường có đặt bình bông, chung nước, lọ cắm nhang và chân đèn cày để hằng ngày cúng kiến tất cả các vị Phật, Pháp, Tăng ở cõi mười phương thế giới và tất cả chư vị hiện đang hành sự tại cõi ta bà và tây phương nữa, cho nên chữ thông thiên mọi người sẽ nghĩ ngay là thấu trời. Bởi vì, những gia đình có bàn thông thiên, thường theo đạo **Phật Giáo Hoà Hảo** hay **đạo thờ ông bà**, *hằng ngày sáng chiều sau khi đốt nhang niệm Phật trên bàn thờ Phật hay ông bà tổ tiên trong nhà xong, thì mới quay mặt để đi thẳng đến bàn thông thiên để khấn nguyện với câu niệm như sau:*

"Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Phật Tổ, Nam Mô Thập Phương Phật, Nam Mô Thập Phương Pháp, Nam Mô Thập Phương Tăng, Phật Thầy, Quan Thượng Đẳng Đại Thân, Trăm Quan Cựu Thần, Chư Vị Sơn Thần, Chư Vị Năm Non Bảy Núi... cảm ứng chứng minh nay con nguyện cải hối ăn năn, làm lành lánh dữ, qui y theo mấy Ngài, tu hiền theo Phật Đạo." (tuy nhiên có nhiều người thêm bớt câu niệm này tùy theo căn duyên hay sức khỏe), rồi mới **lạy 4 lạy**.

Sau khi làm lễ đón rước ông bà và ăn uống xong, người lớn, nhứt là quý bà nội trợ, phải lo nấu nồi chè, nồi nước, hoa quả, cắt bánh Chung, bánh Tét... để chuẩn bị đón giao thừa đúng 12 giờ đêm 30 hoặc 29 (nếu tháng thiếu) rạng mừng 1 Tết. Boong boong... còn hai phút, rồi còn một phút, giờ giao thừa đến, thì đài phát thanh (radio), đài truyền hình, Chùa, Đình... thì nhau đánh hồi trống hay chuông, để báo hiệu giờ tổng cựu nghinh tân để tiễn đưa năm cũ rước năm mới vào. Thật lạ lùng thay! Tất cả cảnh vật trở nên nghiêm trang, rất là thiêng liêng, nhà nhà đều cúng lễ gia tiên giao thừa, treo bùa nêu lên đọt cây tre, rồi đốt pháo. Tiếng pháo đi đùng vang rền khắp mọi nơi, có người đốt cả phong hoặc lê tẻ trước nhà hay kê cận bàn thông thiên hoặc xung quanh nhà để đuổi trừ những cái xui xẻo năm cũ và đón mừng năm mới, với ước mơ hy vọng bước sang năm mới sẽ làm ăn phát đạt hơn, may mắn hơn và nhiều tốt đẹp hơn năm cũ. Sau khi nhang tàn, thì hạ mâm cỗ xuống để cả nhà cùng quây quần ăn chè, bánh mứt, hoa quả... cùng mừng bước sang năm mới.

Còn trẻ con sau khi đốt pháo và ăn uống no nê thì đi ngủ, chỉ còn người lớn tuổi ngồi nhâm nhi bên tách trà xanh để thưởng thức cái yên lặng, cái linh thiêng huyền diệu của đêm trừ tịch với mùi trầm hương quyện lẫn mùi pháo, rồi tưởng nhớ những người thân đã khuất hay nhắc nhở đến một vài đứa con, đứa cháu trong gia đình vì đi làm ăn xa hay vì công việc không thể về chung vui mừng xuân đón Tết bên tổ ấm gia đình.

Có nhiều người hay gia đình, sau khi cúng giao thừa xong vì tin tưởng vào số tuổi để chọn giờ xuất hành đầu năm cho hợp và làm ăn phát tài năm mới, rồi còn chọn hướng đi nơi nào trước, để cúng chùa, cúng đình...hoặc đi hái lộc hay xin xăm đầu năm, để cho biết thời vận trong năm đó. Việc hái lộc thường chọn một cành cây xanh tươi tốt, có nhiều mầm non, tượng trưng cho năm mới được tài lộc sung túc....

Để tạm kết thúc bài này, tôi xin kính chúc tất cả quý bà con đồng hương bước sang năm mới **Đinh Dậu 2017** được: **An Khang Thịnh Đạt - Công Thành Danh Toại - Tâm Thân Thường Lạc và Phúc Thọ Khương Ninh.**

Mừng Tết Nguyên Đán Đinh Dậu 2017

PHÓ NHÒM

	<p>Mời bạn chia sẻ cùng TRẦN HOÀI THU qua phụ tập đặc biệt của THƯ QUÁN BẢN THẢO: TẢN MẠN VĂN CHƯƠNG. (tập 1) <i>Liên lạc:</i> THƯ ÁN QUÁN 719 Coolidge Street Plainfield, NJ 07062 Email: tranhoaithu16@gmail.com</p>
---	---

CHUYỆN PHIÊM



Thầy ĐỒ ĐỒ CHIÊU ĐỨC

NĂM GÀ NÓI CHUYỆN... CON KÊ !



[bài có rất nhiều tranh, ảnh "minh hoạ" (xin được đánh dấu *) xen kẽ trong bài nơi tác giả đưa ảnh vào), nhưng do số trang giới hạn nên không đăng được, xin tác giả "Thầy Đồ Đồ Chiêu Đức và quá bạn đọc vui lòng thứ lỗi. Đa tạ]

KÊ 鷄 là từ Hán Việt chỉ Con Gà, Gà là Kê, Kê là Gà, là... Gà Kê Dê Ngỗng. Bà con ta thường nói thành "Cà Kê Dê Ngỗng". Năm Gà nói chuyện... con Kê là nói chuyện phiếm, chuyện tào lao, chuyện bao đồng về con gà để nghe chơi khi trà dư tửu hậu.

GÀ được xếp hàng thứ Mười, thuộc chi DẬU trong Thập Nhị Địa Chi. Năm nay Thiên Can nhằm chữ Đinh, nên năm 2017

là năm ĐINH DẬU. Nam phương Bình Đinh thuộc Hỏa là Lửa, hợp với chi Dậu là Con Gà. Nên ĐINH DẬU là Con Gà Lửa... mà con gà bỏ vỏ lửa thì thành... Con Gà Quay. Vậy là năm 2017 này bà con ta tha hồ mà hưởng lộc "Gà Quay" nhé! Không sợ bị đói như năm ẤT DẬU 1945. Vì Đông Phương Giáp Ất thuộc Mộc, nên ẤT DẬU là con gà bằng... Mộc, bằng Cây, mà gà bằng Cây thì làm sao ăn cho được, không đói mới là lạ!

GÀ là KÊ 鷄, KÊ là chữ Tượng Hình trong Lục Thư, là cách đầu tiên trong 6 cách tạo hình của Chữ Nho... để học, theo diễn tiến của chữ viết như sau:

Giáp Cốt Văn



xh.5156edu.com

Đại Triện



xh.5156edu.com

Tiểu Triện



xh.5156edu.com

Lệ Thư



xh.5156edu.com

Ta thấy:

Giáp Cốt Văn là hình tượng của con gà trông hiên ngang với cái mỏ hướng về bên trái và cái vương miện vươn cao ở trên đầu, hai cánh bên dưới xòe ra như đang đập cánh chuẩn bị cất cao tiếng gáy vào buổi sáng. Nhưng qua Đại Triện và Tiểu Triện do sự biến thiên của chữ viết qua các thời đại, chữ KÊ 鷄 được hình thành bởi Hình Thanh (Cách tạo chữ thứ 4 của Chữ NHO... để học) với chữ HỀ 奚 bên trái chỉ Âm và chữ ĐIỀU 鳥 bên phải chỉ Ý, nên chữ KÊ hiện tại được viết như thế này 鷄, chữ Điều bên phải có thể thay bằng bộ CHUY 隹 là Loài chim đuôi ngắn, nên chữ KÊ cũng được viết như sau 雞. Ta có 4 hình thức của chữ KÊ:

Giản thể

鸡 鸡

7 nét 13 nét

Phồn thể

雞 鷄

18 nét 21 nét

Vì đến 2 hình thức chữ Phồn Thể, mà chữ phức tạp nhất có đến những 21 nét, nên KÊ thuộc dạng chữ khó nhớ ngày xưa khi học chữ Nho, cho nên mới có câu chuyện vui "Tam Đại của Con Gà" sau đây về ông Thầy Đồ... dốt. Truyện kể:

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời "Xấu hay làm tốt, dốt hay... xô Nho", đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.

Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.

Một hôm, đang dạy sách Tam Thiên Tự 三千字, sau chữ "Tước 雀" là chim sẻ, đến chữ "KÊ 鷄" là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy quỳnh quá, nói đại nói càn: "Dù đi là con dù đi". Thầy cũng khôn, sợ lỡ sai người nào biết thì mắc cỡ, mới bảo học trò đọc nhỏ thôi, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn lo âu thấp thỏm.

Nhân trong nhà có bàn thờ Thổ Địa Thần Tài, thầy mới đến khẩn thâm xin ba keo âm dương để xem chữ đó có phải thật là "dù đi" không. Thổ công cho ba keo đều được cả ba.

Thấy vậy, thầy lấy làm đặc ý lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

- Dù đi là con dù đi! Dù đi là con dù đi...

Ông cha của sấp nhỏ đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng con học, ngạc nhiên mới bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, rồi hỏi thầy:

- Thầy ơi! Chữ "KÊ 鷄" là gà, sao thầy lại dạy thành "dù đi" là con "dù đi"?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thâm: "Mình đã dốt, Thổ Địa Thần Tài nhà nó còn dốt hơn mình nữa", nhưng Thầy cũng lanh trí, nên vội nói đỡ là:

- Tôi cũng biết chữ đó là chữ "kê 鷄", mà "kê" nghĩa là "gà", nhưng tôi dạy cháu như thế là dạy cho chúng nó biết tận Tam Đại 三代 của con gà kia!

Chủ nhà càng không hiểu át giáp gì cả, hỏi:

- Tam Đại 三代 của con gà là nghĩa ra làm sao?

- Là ba đời của con gà đó! Này nhé, "Dù đi là chị con Công, con Công là ông con Gà.". Thế, chả phải Tam Đại của con gà là gì ?! (*)

ĐẬU đứng hàng thứ Mười trong Địa Chi, nhưng lại là Tháng Tám Âm lịch. Ngày Dậu là ngày được xếp sau ngày Thân và trước ngày Tuất. Giờ Dậu là từ 5 đến 7 giờ chiều tối, nên ông bà ta ngày xưa có để lại mấy câu nói sau đây:

Mạc ẩm Mão thời tửu, 莫飲卯時酒,

Hôn hôn túy đáo Dậu. 昏昏醉到酉.

Mạc mạ Dậu thời thê, 莫罵酉時妻,

Nhất dạ thụ cô thê. 一 夜 受 孤 凄.

Có nghĩa :

* *Đừng uống rượu vào giờ Mão (từ 5 đến 7 giờ sáng).*

Vì sẽ bị...

* *Say sưa mơ màng cho đến giờ Dậu (từ 5 đến 7 giờ tối).*

Vậy là suốt ngày sẽ không làm ăn gì được cả!

* *Đừng mắng vợ vào giờ Dậu, vì chiều tối mà vợ chồng giận nhau thì*

* *Suốt đêm sẽ chịu lạnh lẽo cô đơn có một mình, cũng sẽ không "làm ăn" gì được cả !*

Tâm lý quá cỡ "thọ mộc"! Ai bảo là ông bà ngày xưa không biết tâm lý tình cảm và bảo vệ hạnh phúc gia đình đâu!?

DẬU kết hợp với TỶ và SỬU thành Tam Hạp. Trâu Bò hợp với Gà thì còn được, chớ Trăn Rắn làm sao mà hợp với Gà cho được, thấy Gà là chúng quẩn cho nát xương rồi nuốt trứng nguyên con như chơi. Không biết mấy thầy Tử Vi tướng số ngày xưa căn cứ vào cái gì mà xếp cho con Gà và con Rắn hợp nhau? Rắn thì chắc OK rồi, nhưng Gà mà gặp Rắn là chạy "tét ghèn " luôn, làm sao mà hợp cho được!

DẬU lại cùng với TÝ, NGỌ và MÃO, ta gọi là Tý Ngọ Mẹo Dậu thành một bộ Tứ Hành Xung. Ba lần bốn mươi hai, cho nên hễ vợ chồng cách nhau 3, 6 hoặc 9 tuổi là lọt vào Tứ Hành Xung ngay! Nên ngày xưa đi cưới vợ phải coi tuổi là vì thế! Tuyệt đối kỵ 3, 6, 9, nhất là cách nhau 6 tuổi sẽ lọt vào số Chánh Xung, như: Dần và Thân, Ty và Hợi, Tý và Ngọ, Mẹo và Dậu, Thìn và Tuất, Sửu và Mùi đều cách nhau 6 tuổi, bảo đảm không xung không lầy tiền! (*)

Trong thần thoại, GÀ là MÃO NHẬT KÊ 昴 日 雞, là ngôi thứ tư trong Bạch Hổ Thất Tinh, thuộc 7 vì sao nằm ở phương Tây của Nhị Thập Bát Tú 二 十 八 宿, hướng Tây thuộc mùa Thu, cũng là mùa thu hoạch nông phẩm xong, cửa nhà đã đóng. Nên Mão Nhật Tinh thuộc nhóm Hung Tinh (Sao dữ), thường mang đến tai ương bất lợi, hung đa kiết thiểu (cho những người chưa thu hoạch hay bị mất mùa thất thu: Chắc chắn sẽ bị đói!). (*)

GÀ là một trong lục súc sống cùng với con người qua mấy ngàn năm lịch sử. Dựa theo các giả định Cổ Khí Hậu Học, có làm một nghiên cứu vào năm 1988 cho rằng gà được thuần hóa ở vùng

Hoa Nam vào năm 6000 trước Công nguyên. Nhưng, một nghiên cứu khác vào năm 2007 cho rằng Gà xuất xứ từ Văn minh lưu vực sông Ấn (2500-2100 trước Công nguyên), nơi mà ngày nay thuộc lãnh thổ của Pakistan, có thể là nguồn chính cho sự lan truyền của các giống gà trên toàn thế giới.

Trong Lục Súc Tranh Công, một tác phẩm văn học dân gian của ta, trước đây được xếp trong chương trình Cổ Văn của lớp Đệ Thất, đã cho con Gà nói về mình như sau:

.....
Này này! gà ngũ đức thẩm sâu:
Nhân, dũng, tín, võ, văn, gồm đủ.
Trên đầu đội văn quan một mũ;
Dưới chân đeo hai cựa thân thương.
Đã ghe phen đến chốn chiến trường.
Lập công trận vang tai, lói óc,
Thừa Tây Lũng tam canh trống thúc;
Gà gáy đầu ba tiếng đêm khuya,
Một tiếng rằng: thiên nhật tác thi;
Hai tiếng rằng: quốc tộ tác xương,
Ba tiếng rằng: nhân gian tác lạc,
Đã cứu nạn Mạnh Thường đặng thoát;
Lại khuyên người Tấn sĩ năm canh.
Hề ai toan cái dữ về lành,
Gà cũng biết tình, mê, giấc điệp.
Coi giò gà xét biết thịnh suy.
Đóng canh khuya vui dạ kẻ tiêu y,
Cất tiếng gáy, toại lòng người đãi đán,

.....
Ta thấy bài kể công trên, Gà có nhắc đến "... cứu nạn Mạnh Thường ...". Mạnh Thường đó là Mạnh Thường Quân của nước Tề, một trong Chiến Quốc TỬ CÔNG TỬ 戰國四公子, là bốn Vương Tôn hào hiệp, chiêu hiền đãi sĩ thời Chiến Quốc, đó là:

齐国 孟尝君 田文

Mạnh Thường Quân ĐIỀN VĂN của nước Tề.

赵国 平原君 赵胜

Bình Nguyên Quân TRIỆU THẮNG của nước Triệu.

魏国 信陵君 魏无忌

Tín Lãng Quân NGUYỄN VÔ KỶ của nước Ngụy.

楚国春申君黄歇

Xuân Thân Quân HOÀNG YẾT của nước Sở. (*)

Không phải đương không mà Tứ Công Tử này bỏ tiền của ra để nuôi ba ngàn thực khách trong nhà, mục đích chiêu hiền đãi sĩ của những vị này là để chiêu mộ tất cả nhân tài trong thiên hạ để chống lại nước Tần lớn mạnh đang lăm le thôn tính Thất Hùng...

Trở lại với MẠNH THƯỜNG QUÂN, người nổi tiếng nhất trong Tứ Công Tử và... con Gà đã cứu ông ta:

Tần Chiêu Vương nghe nói Mạnh Thường Quân tài giỏi, nên mời đến nước Tần, định phong làm Tế Tướng, nhưng lại lo ông ta là người nước Tế chỉ lo cho quyền lợi của nước Tế. Không dùng, lại định giết đi. Mạnh Thường Quân biết tin lo sợ, mới tìm người sủng thiếp của Tần Vương mà cầu cứu. Người thiếp này thấy trước đây Mạnh Thường Quân có tặng cho Tần Vương một chiếc áo hồ cừ rất đẹp nên cũng muốn có một chiếc mới chịu giúp. Bí lối, vì chỉ có một chiếc duy nhất. Cũng may trong đám môn khách đi theo có một người chuyên đào tường khoét vách, đã len vào cung vua Tần trộm chiếc áo hồ cừ đó ra để ông đem tặng cho người sủng thiếp. Nghe lời ôn ền của người thiếp khi đầu gối tay ấp, Tần Vương thả Mạnh Thường Quân về nước. Không kịp đợi trời sáng, cả đoàn người ngựa kéo nhau lên đường. Tần Vương thả người xong thì hối hận, bèn cho binh lính đuổi theo bắt lại. Khi đoàn người của Mạnh Thường Quân chạy đến cửa thành thì trời chưa sáng, cửa thành chưa mở. Lại một môn khách đi theo có người giỏi nhái tiếng gà gáy, khi ông ta cất tiếng gáy lên thì tất cả gà trong thành đều cất tiếng gáy theo. Linh canh thành tưởng trời đã sáng bèn mở toang cửa thành ra. Thế là cả đoàn người của Mạnh Thường Quân ra thành... chạy tuốt! Khi quân Tần đuổi tới thì đoàn người đã đi xa lác xa lơ rồi!

Con Gà cứu Mạnh Thường Quân là con Gà... trong ba ngàn thực khách của ông ta, còn bầy Gà chỉ hùa theo tiếng gáy mà thôi! Con Gà trong Lục Súc Tranh Công không biết thẩu đáo mà cho là công lao của mình. Nhưng xét cho cùng, không có bầy gà cùng gáy thì chưa chắc lính canh đã chịu mở cửa thành! Và... cũng vì tích này mà ta có được thành ngữ :

KÊ MINH CẦU ĐẠO 雞鳴狗盜: là Gà gáy Chó trộm. Ý chỉ hai thực khách của Mạnh Thường Quân, một người chui lỗ chó vào cung trộm áo; một người giả làm gà gáy sáng. Ý muốn nói những người tầm thường du thủ du thực nhiều khi cũng đắc dụng, cũng làm nên việc có ích hoặc cứu giúp lúc lâm nguy, chứ không phải hoàn toàn vô dụng. Nhưng thành ngữ này hiện nay thường dùng để chỉ hạng đầu trộm đuôi cướp, ba que xỏ lá, trộm gà bắt chó... mà đã mất đi ý nghĩa tốt đẹp của lúc ban đầu! (*)

Con Gà của Lục Súc Tranh Công còn kể lể:

*Lại khuyên người **Tấn sĩ** năm canh.*

TẤN SĨ 晉士: là Kê sĩ của nước Tấn; ở đây chỉ TỖ ĐỊCH 祖逖 (266-321) và LƯU CÔN 劉琨 (271-318) của thời Đông Tấn và Tây Tấn theo tích sau đây:

Tổ Dịch tự là Sĩ Nhã, người đất Yên Sơn. Ông là một Đại Tướng đầu đời Đông Tấn, có chí muốn khôi phục Trung Nguyên nên ra sức Bắc phạt, từng lập được nhiều chiến công. Ông cùng với người bạn trẻ là Lưu Côn, tự là Việt Thạch, người đất Hà Bắc, là danh tướng đời Tây Tấn, là hậu duệ của Hán Trung Sơn Tĩnh Vương. Lúc nhỏ cùng với Tổ Dịch kết giao. Hai người thường bàn luận về chính sự, quốc sự đều tỏ ra rất tâm đắc, tuổi trẻ lòng đầy nhiệt huyết đều muốn cống hiến sức lực của mình cho Tổ quốc, nên mỗi đêm về sáng khi nghe được tiếng gà gáy là cùng nhau thức dậy để múa guom luyện võ, trao đổi thể lực để mong có cơ hội ra giúp nước. Đêm đêm như thế, chẳng hề chênh mảng đơn sai.

Vì thế mà hình thành được thành ngữ VẤN KÊ KHỞI VŨ 聞雞起舞: là Nghe tiếng Gà gáy thì dậy mà múa. Múa ở đây là Múa Guom, vừa rèn luyện thân thể, vừa ôn tập võ nghệ. Thành ngữ này còn dùng để chỉ những người có chí muốn phục vụ cho quốc gia dân tộc, sẵn sàng cống hiến sức lực và tài năng của mình kịp thời và đúng lúc để đáp lời sông núi. VẤN KÊ sẽ KHỞI VŨ ngay! (*)

(Tiếng gà gáy sáng khi màn trời còn phủ sương đêm, làm ta chợt nhớ đến cô Kiều "*Đêm khuya thân gái dặm trường, Phần e đường sá phần thương dãi dầu!*" khi trốn khỏi Quan Âm Các của Hoạn Thư một thân một mình với cảnh:

Mịt mù dặm cát đời cây,

Tiếng gà điểm nguyệt dẫu giày cầu song.

"*Tiếng gà điểm nguyệt dẫu giày cầu sương*" là lấy ý và thoát dịch một cách tuyệt vời 2 câu thơ trong bài THƯƠNG SON TẢO HÀNH 商山早行 của Ôn Đình Quân 溫庭筠 đời Đường là:

Kê thanh mao điểm nguyệt, 雞聲茅店月
Nhân tích bản kiêu sương. 人跡板橋霜。

Có nghĩa:

Tiếng gà xao xác gáy ở quán lá ven đường khi trăng còn chênh chếch bên trời, và...

Trên chiếc cầu ván nhỏ bắc ngang qua lạch nước còn dẫm sương đêm đã có một vài dấu chân người đi qua.

Cảnh vắng vẻ lạnh lùng của buổi sớm mai càng làm tăng thêm nỗi cô đơn thấp thỏm của người đang tìm đường tị nạn !... (*)

Con GÀ của Lục Súc Tranh Công còn tự hào về hình dáng của mình:

Trên đầu đội văn quan một mũ;

Dưới chân đeo hai cựa thần thương.

Quả là Văn Võ Song Toàn với "*văn quan một mũ*" và "*hai cựa thần thương*". Hình dáng của con gà trông thì quả thật không chê vào đâu được. Mỏ vàng mỏng đỏ, lông cánh lông đuôi màu sậm, lông mình sặc sỡ đỏ vàng xanh, bước đi bệ vệ, vỗ cánh phàn phật làm cát bụi tung bay đầy trời trước khi cất cao tiếng gáy: "Ò Ó O Ò O ..." đó là Gà Việt Nam; còn Gà Tàu thì gáy: "wu wu ti 喔喔啼...". Hồi xưa khi mới đậu Đệ Thất, tới giờ học Pháp Văn mới lần đầu tiên nghe tiếng gà Tây gáy: "Cocoricic, co-co-ri-co ...". Bây giờ định cư ở Mỹ, nghe mấy đứa cháu nội cháu ngoại cho gà gáy bằng tiếng Anh: "Cock-a-doodle-doo, cock-a-doodle-doo ...!". Thật cảm khái vô cùng!!!

Gà oai phong là thế, đẹp rực rỡ là thế, nhưng khi có một con Hạc lạc vào thì lại trở nên tầm thường nhỏ bé, nên ta lại có thành ngữ: HẠC LẬP KÊ QUẦN 鶴立雞群 có nghĩa là "Hạc đứng giữa bầy gà". Đương nhiên Hạc trông cao ráo thanh thoát hơn hẳn bầy gà thấp lè tè bên dưới. Tiếng Việt ta còn nâng lên một cấp nữa, ta nói là "PHỤNG LỘN VỚI GÀ". Phụng chẳng những cao lớn hơn mà còn đẹp rực rỡ hơn gà nhiều! Câu "Hạc Lập Kê Quần" có xuất xứ từ điển tích "Trúc Lâm Thất Hiền luận" của Đái Mục đời Tấn như sau:

KÊ THIỆU làm quan Thị Trung cho Tấn Huệ Đế, người khôi ngô cao lớn thông minh anh tuấn, văn võ song toàn. Lúc bấy giờ hoàng tộc nhà Tấn đang tranh quyền đoạt vị, giết hại lẫn nhau, mạnh ai nấy xưng vương, sử gọi là "Bát Vương Chi Loạn". Kê Thiệu vẫn một mực trung thành với Tấn Huệ Đế. Lúc kinh thành có loạn Kê Thiệu đứng chặn trước cửa cung, loạn quân thấy vẻ hiên ngang hùng dũng của Kê Thiệu khiếp đảm đến không dám xa tiến. Khi Tấn Huệ Đế thua chạy ở Thang Dương, tướng sĩ chết vô số, Kê Thiệu vẫn theo sát để bảo vệ Huệ Đế đến nỗi thân mình trúng mấy mũi tên, máu nhỏ cả lên long bào của Huệ Đế và ông đã hy sinh trong trận chiến này. Sau đó, những người tì tòng định tẩy giết những vết máu trên long bào, Huệ Đế đã ngăn lại bảo đó là máu của Thị Trung Kê Thiệu không được giết đi. Khi Kê Thiệu lần đầu đến Lạc Dương, đi trong đám đông người, thân hình cao lớn, khí vũ hiên ngang, như là con Hạc đứng giữa bầy Gà vậy, từ đó mà hình thành thành ngữ HẠC LẬP KÊ QUẦN 鶴立雞群 để chỉ những người vượt trội hơn người khác chẳng những về sức vóc mà cả về tài năng nữa !

KÊ THIỆU là con của KÊ KHANG, một trong TRÚC LÂM THẤT HIỀN: Gồm có Nguyễn Tịch 阮籍、Kê Khang 嵇康、Sơn Đào 山濤、刘伶 Lưu Linh、阮咸 Nguyễn Hàm、向秀 Hương Tú、王戎 Vương Nhung; Họ sống và ở ẩn giữa đời Ngụy và đời Tấn. KÊ KHANG chẳng những là Nhà Tư Tưởng, nhà Văn Học mà còn là Nhà Âm Nhạc nổi tiếng lúc bấy giờ với bản đàn Quảng Lăng Tán 廣陵散, mà cụ Nguyễn Du đã mượn NÓ để khen tài đàn của Thúy Kiều, khi cô đàn cho Kim Trọng nghe lần đầu tiên là:

*Kê Khang này khúc Quảng Lăng,
Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân. (*)*

YAO MING 姚明: là Diêu Minh (người mặc áo đỏ trong hình trên), cầu thủ bóng rổ của Trung Quốc được Hội Bóng Rổ nhà nghề Rocket của thành phố Houston ký hợp đồng từ năm 2003 đến 2008 để tranh Giải Bóng Rổ Toàn Quốc Hoa Kỳ NBA. Yao Ming có thân hình cao 7'6" (226cm)= 2 mét 26, nên khi đứng giữa các cầu thủ khác thì như là HẠC LẬP KÊ QUẦN 鶴立雞群 vậy!

Con Gà trống oai vệ mạnh mẽ là thể, nên có những con người yếu đuối không thể không chế nổi con gà, ngay khi cả con gà đã bị kèm chế... thúc thủ chịu trói rồi mà còn trói không chặt, để đến đời mang tiếng là THỦ VÔ PHƯỚC KÊ CHI LỰC 手無縛雞之力 là tay không đủ sức để trói gà. Thành ngữ này thường dùng để chỉ những chàng thư sinh ngày xưa, tối ngày chỉ biết ôm lấy quyển sách, miệng luôn đọc câu THI VÂN 詩云 ... TỬ VIẾT 子曰 ... (Kinh Thi nói rằng... Khổng Tử dạy rằng...) mà không chịu rèn luyện thân thể cho khỏe mạnh để đến nỗi không có sức trói nổi con gà, ta nói là "Thứ cái đồ thư sinh trói gà không chặt!".

Nhưng dù "Trói gà không chặt" nhưng các bà các cô ngày xưa cũng vẫn cứ... xấp vào! Và còn biện bạch là:

Chẳng tham ruộng cả ao liền,

Tham vì cái bút cái nghiên anh đồ!

Khéo mà nói xảo! Chẳng là vì "Cái bút cái nghiên" của anh đồ, một khi ảnh "Kim Bàng Đề Danh" thì sẽ có được "Ruộng cả Ao liền" như chơi mà thôi! Nên khi còn hàn vi thì đành bóp bụng mà GIÁ KÊ TÙY KÊ, GIÁ CẦU TÙY CẦU 嫁雞隨雞, 嫁狗隨狗 là Gả cho Gà thì theo Gà, Gả cho Chó thì theo Chó, mười hai bên nước, trong thì nhờ, đục thì... chịu khó "lóng phèn" mà thôi!

Con Gà rất gần gũi với người nông dân Việt Nam, là gia cầm quen thuộc và gắn bó mật thiết với đời sống hàng ngày của dân nước nông nghiệp, nó còn xuất hiện rất nhiều trong ca dao, tục ngữ để khuyên nhủ, nhắc nhở hay chê trách một điều gì đó trong cuộc sống, đôi khi lại cảm thông tưởng thưởng, như những người góa vợ mà chịu khó "Gà trống nuôi con"; những người biết nhẫn nhịn, không như "Con gà tức nhau vì tiếng gáy". Khi chê trách thì không thiên vị người nào, kể cả các bậc vua chúa như Lê Chiêu Thống cũng bị quở là "Cống rắn cắn gà nhà"! Anh em trong nhà thì luôn được nhắc nhở là "Anh em như thể tay chân", nên:

Khôn ngoan đã đáp người ngoài,

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau!

Khuyên thì khuyên vậy, chớ đôi khi vì quyền lợi, tài sản, thậm chí chỉ vì miếng cơm manh áo vẫn có thể "Gà nhà bới mặt đá nhau như thường!". Có được đứa "Con gái rọu" lấy chồng giàu

sang quyền quý, thậm chí được làm Thiếp làm Phi của vua, như Dương Quý Phi ngày xưa, hoặc như cô Giả Nghinh Xuân trong Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần thì cả nhà đều được vinh hoa phú quý như có được "Con Gà đẻ trứng vàng" vậy! Trước mắt, các cô lấy chồng ngoại quốc, hay Việt Kiều Mỹ, Úc, Canada... thường xuyên gọi "đồ tiên" (là Tiên Đò) về cho gia đình chi dụng, cũng gọi được là có "Con Gà đẻ trứng vàng", hay mĩa mai hơn thì nói là "Gia đình đó có được miếng đất xéo ở bên Mỹ đó!". (*)

Con GÀ đi liền với con người từ bé đến lớn, từ nhỏ đến già. Hình ảnh đàn gà con tíu tít bên gà mẹ, hay hình ảnh gà mẹ dang rộng đôi cánh ra để che chở cho con mình, luôn là hình ảnh đẹp trong hội họa, trong nhiếp ảnh... Không buồn như cảnh:

MẸ GÀ CON VỊT chít chiu,

Mấy đời mẹ ghẻ thương yêu con chồng!

Nhắc đến "Mẹ Gà Con Vịt" lại nhớ đến bốn chữ "Đầu Gà Đít Vịt" của dân miệt Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu... để chỉ các cô gái người Hoa lai... Miên. Các cô em này có nước da ngâm ngâm... bánh ít, vớ đôi mắt to đen lay láy, đặc biệt là hai hàng lông nheo dài cong vút thường hay chớp chớp như để hớp hồn người đối diện. Nhất là các cô người Tiều Châu. Trong truyện ngắn "Đầu Gà Đít Vịt" của nhà văn Bình Nguyên Lộc, ông đã viết như thế này :....

... Người đàn bà cha Tàu mẹ Miên vừa có sắc đẹp, lại vừa ngây thơ, chân thật, dễ yêu lắm! ()*

Trứng gà, thịt gà với đủ các món như Ốp la, Ốp lét, Xé phay, Luộc, Nướng, Quay, Chiên, nấu Cà-Ri... luôn hiện diện hằng ngày trong các bữa ăn gia đình. Định cư ở Mỹ rồi thì lại càng "gần gũi" với thịt gà hơn, vì đây là món thịt rẻ nhất nước Mỹ, với 10 pounds (khoảng 4 ký rưỡi) Leg quarters (Phần tư gà có luôn đùi) lắm khi hạ giá chỉ còn có một đồng 99 xu mà thôi. Bữa ăn tiện lợi và nhanh nhất cho những ngày bận rộn là Fry chicken (Gà lăn bột chiên). Bảo đảm rất ngon miệng, rất no nê và sẽ... rất mau lên cân, rất mau lên máu! Và cũng sẽ rất mau ... "quáng gà", "Trông gà hóa cuốc", đưa đến cảnh "Ông nói gà bà nói vịt": *Đi chưa tới chợ mà mua tương cái nổi gì!*

Bà con miền Bắc nói: "Con gà cục tác lá chanh", tôi không biết là họ đang làm món gì, chắc họ đang ăn gà luộc?! Tôi là dân Nam Kỳ Lục Tỉnh chỉ biết "Rau răm nó hại con gà chết tươi!".

Thịt gà "xé phay" thì không thể nào thiếu rau răm cho được. Thịt gà ngoài việc xào gừng, xào sả ớt, còn một món xào thật đặc sắc mà không dân nhậu nào không thích cả, đó chính là "Gà xào bún nắm củ hành!", nhậu cũng "bắt " mà ăn cơm cũng "hết xẩy " luôn ! Rất thực tế chân thật, không mịa mai như miền ngoài:

Gà tơ xào với mướp già,

Vợ hai mươi một chồng đà sáu mươi.

Nói đến đây, lại nhớ đến một câu chuyện dân gian về "ăn chia" thịt gà trong gia đình; để thay đổi không khí, xin được kể theo kiểu phóng tác của ông Ly Cu Tê ở CANADA, vừa có phong thái cổ điển lại vừa có hơi hám thời sự của hiện tình đất nước
Trích:

Xưa bên nước Vệ có ông nọ làm quan đến chức Tế Tướng. Hơn thập niên nắm quyền sinh sát trong triều đình, của cải ngân lượng ở bá tánh thuộc về ông không biết cơ man nào mà kể. Ngày kia, biết mình đã sắp đến lúc bị cho về vườn giăng câu đặt trùm, chích thuốc đạo, Tế Tướng bèn sai gia nhân làm thịt một con gà mái dầu luộc chín bày lên đĩa, sau đó ông gọi các con lại mà rằng:

- Các con nghe đây, tuổi cha nay đã cao, sức nhai sắp hết mà sức bú cũng chẳng còn, thời khắc già từ mũ mào áo gấm không còn xa nữa. Hôm nay ta có con gà luộc, các con hãy tới chọn một bộ phận trên mình gà, rồi làm câu thơ ứng với thứ mình chọn, để ta biết chí hướng của từng đứa mà lo đường công danh sự nghiệp mai sau cho!

Bốn người con đồng thanh dạ ran. Chàng trưởng nam gơ tay xin ứng khẩu trước, anh bước tới đĩa ngắt lấy cái đầu gà bỏ vào chén mình, rồi đồng dạ ngâm:

- Trai thời trung hiếu làm ĐẤU!

Ông quan nghe vậy khoái chí phán:

- Chọn đầu gà chứng tỏ con là người thao lược, lắm mưu nhiều kế. Để ta cho con làm quan ở bộ Xây, mỗi năm xây chừng mười cái tượng đài và tháp tàng hình thì mặc sức mà đếm ngân lượng!

Đến phiên người chị cả bước lại bàn bẻ cặp đùi, hai cánh và chiếc phao câu, rồi thông thả ứng khẩu:

- Gái thời tiết hạnh PHAO CẦU, CÁNH, ĐÙI !

Tể tướng nghe xong vuốt tóc con gái tám tấc khen:

- Giỏi lắm con gái rươi của ta, chọn đùi cánh là số phải đi xa, chọn phao câu là người đằm đang có hậu. Được, ta cho con qua xứ Cờ Hoa du học, rồi kiếm thằng Vệ kiêu lưu vong nào bên ấy mà kết tình phu phụ đặng yên bề gia thất nghe chưa!

Người thứ ba là cô con dâu, nằng rón rén bước lại đĩa gà bê nguyên bộ lòng e thẹn ngâm nga:

- Phần con một ĐÀ một LÒNG!

Thấy con dâu xinh đẹp mặt hoa da phấn chọn bộ lòng gà, Tể tướng gật gù:

- Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình, con đã chứng minh lòng hiếu thảo với gia đình ta, sau này con sẽ là đệ nhất phu nhân xứ Vệ!

Người cuối cùng là chàng út có dung mạo giống cha mình hồi trẻ như đúc, anh nhanh nhẩu bước lại đĩa rinh hết cái mình gà, rồi hí hửng đọc:

- Công cha nghĩa mẹ hết MÌNH vì con!

Ông quan vỗ đùi đánh đét một phát, rồi đưa tay vuốt vuốt chiếc cầm nhẫn thín, mặt ngửa lên trời cười ha hả ý chừng vô cùng khoái lạc:

- Kha khá khá. Đúng là hổ phụ sanh hổ tử, chọn mình gà chúng tớ biết bao quát nhìn xa trông rộng giống ta, nay ta cho con về cai quản vùng đất Trung phần, ở đây rất thuận lợi cho việc thăng quan tiến chức của con sau này!

Bốn người con cúi đầu vâng mệnh ai về chỗ nấy. Bắt đầu từ hôm đó cô chị cả được ông cho qua xứ Cờ Hoa du học, rồi yên bề gia thất với một chàng Vệ kiêu lưu vong. Người con trai thứ được ông cho về bộ Xáy, nghe đâu mới được thăng lên quan đầu tỉnh thuộc miền Tây giang thủy. Chàng út cùng cô dâu xinh đẹp giờ đang cai quản miền Trung nắng gió đầy sản vật, chuyện đến đây không có gì đáng nói.

Nhiều năm sau, câu chuyện chia gà của ông quan Tể Tướng bị lũ dân đen bần nông vầu đất Vệ đồn đãi khắp hang cùng ngõ hẻm nên người trong thiên hạ mới có thơ rằng:

Con vua thì cứ làm vua,

Con sãi ở chùa vẫn quét lá đũa,

Còn lâu dân mới dám... nổi can qua,

Nên con vua cứ thế mà... làm cha dài dài! (*)

Sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm quyết định xóa số 2 sòng bạc lớn nhất Sài Gòn Chợ Lớn là Kim Chung và Đại Thế Giới, thì đề 36 không còn nữa. Nhưng nhóm quân đội người Nùng giúp Tổng Thống dẹp loạn Bình Xuyên vẫn còn xỏ đề ở vùng Cây Đa Xà Phú Lâm Chợ Lớn, và họ đã thêm vào 4 con nữa cho đủ 40. Bốn con thêm vào là 37 Thiên Công (Ông Trời), 38 Địa Chủ (Đất Đai), 39 Thần Tài và 40 là Táo Quân (Ông Táo). Theo đề 36, thì CON GÀ tên chữ là NHỰT SƠN, đứng đầu trong nhóm TỬ HÒA THƯỢNG mang số 28, nếu đánh theo Xổ số Kiên Thiết từ 00 đến 99, thì phải thêm một con 68 nữa là Con Gà Lớn, theo như ...

*Đêm qua mơ thấy con gà,
Sáng ra 28 cứ đà ghi ngay.
Số lớn 68 chẳng sai,
Ai dè nó xỏ ...con Nai ... hết tiền!*

Nạn đánh đề càng trầm trọng khi xã hội càng phân biệt giàu nghèo. Dân càng nghèo càng phải chạy theo cuộc sống và càng mê số đề hơn, và... càng thua nhiều hơn nữa, rồi càng phát sinh nhiều tệ nạn xã hội hơn và cuối cùng là xã hội càng băng hoại hơn! Đến nỗi phát sinh thêm một loại gà mới: "Gà Móng Đò"! Nghe mà đau lòng, vì đây không phải là Gà thật, mà là tiếng lóng dùng để gọi các cô gái ăn sương, bán tròn nuôi miệng, sông lang thang vất vưởng mà người đời miệt thị là hạng "Mèo mả Gà đồng", như Hoạn Bà, mẹ của Hoạn Thư đã hạ nhục Thúy Kiều:

*Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phường trốn chúa thì quân lộn chồng
Ra tuồng MÈO MẢ GÀ ĐỒNG,
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào!*

Buồn thay số đề! Con Gà là NHỰT SƠN 日 山, là Trời đã về chiều, Mặt trời sấp lặn xuống núi. Theo số đề hoài thì đời sẽ sớm... về chiều và sẽ... lặn xuống núi luôn! Thua đề hết tiền thì đi vay nguội, vay nóng, vay "xã hội đen" ký giấy nợ với mức lời cắt cổ "Xanh xít đít đùi (cinq six dix douze: Mượn 500 thì cuối tháng trả 600; mượn 1000 thì cuối tháng phải trả 1200)."Bút đã lờ sa, thì Gà cũng chết ngắt!". Ông bà ta dạy:

Nhất tự nhập công môn, 一字入公門,
Cửu ngưu đà bất xuất. 九牛拖不出。

Có nghĩa :

Một chữ đã "lỡ " vào đền công đường rồi, thì...

Sức mạnh của chín con trâu cũng kéo ra không nổi!

"Bút đã lỡ sa, thì Gà phải chết" mà thôi! Như nhắc đến câu "Cồng rắn cắn gà nhà, Rước voi giày má Tô" là bâng đần thiên hạ sẽ nghĩ ngay đến ông vua cuối cùng của triều Hậu Lê: Lê Chiêu Thống! (***Bút sa gà chết**)

Gà chết vì là món ăn khoái khẩu của người đời, nên hễ có dịp là mổ gà, là giết gà, là làm thịt gà để đãi nhau khi gặp bạn, để ăn nhậu lúc hội hè. Thề thốt nghiêm trang thì vắn cổ gà; Tế thần tế thánh cũng cắt cổ gà; cúng quai ông bà cũng luộc con gà... Hễ có dịp là sẽ mượn cớ để giết gà: giết gà để dọa khí, mất đồ mất đặc thì vái cúng con gà... Con gà được dùng để trả lễ cho thần thánh, dùng để trả ơn, như ở Mỹ hiện nay, mỗi năm trong ngày LỄ TẠ ƠN (Thanksgiving) hơn 50 triệu con Gà Tây được đưa lên bàn ăn để làm lễ " Tạ Ôn "...

Lễ Tạ Ôn ở xứ Mỹ này được cho là bắt nguồn từ lễ kỷ niệm tại Plymouth, Massachusetts, nơi những người hành hương tị nạn tôn giáo Anh đã mời người da đỏ bản địa đến dự một bữa tiệc thu hoạch sau một vụ mùa bội thu để tỏ lòng biết ơn.

Vụ thu hoạch của năm trước bị thất bát là vào mùa đông năm 1620, một nửa số người hành hương bị chết đói. Những người sống sót may mắn được các thành viên của bộ lạc Wampanoag địa phương dạy cách trồng ngô, đậu, bí đỏ và đánh bắt cá hải sản, săn gà rừng....

Bữa tiệc được tổ chức kéo dài trong 3 ngày, gồm các món như gà Tây, ngô, tôm hùm, cá tuyết và nai.

Đặc biệt là mỗi năm, ít nhất có một con gà tây sẽ được Tổng thống Hoa Kỳ "ân xá". Ân xá cho gà tây chính thức trở thành nghi lễ của Nhà Trắng dưới thời Tổng thống George H.W. Bush (Bush cha) vào năm 1989 khi ông "miễn tội" cho một con gà tây tại Vườn hoa hồng trong Nhà Trắng.

Năm rồi, Tổng thống Obama đã ân xá cho một trong hai con gà tây tại Nhà Trắng vào ngày 23/11.

Năm nay, Tổng thống tân cử Donald Trump sẽ quyết định có tiếp tục nghi lễ này không, hoặc ông sẽ chọn một hình thức khác? Chúng ta hãy chống mắt chờ xem! (***Tiệc Gà Tây - Tổng Thống Mỹ ân xá Gà Tây**)

Sang qua Pháp thì con Gà Trống trở thành thần vật, là biểu tượng của nước Pháp với danh xưng "Con Gà Trống Gô-loa". Thực ra đây chỉ là một cách chơi chữ, rồi lộng giả thành chơn. Vì Tổ Tiên của Pháp là người Gô-loa (Gaulois), tiếng La-tinh viết là Gallus, mà Gallus còn có nghĩa là "gà trống".

Nhận thấy con Gà Trống có nhiều ưu điểm hơn người, từ hình dáng cho đến đi đứng tính cách đều có điểm ưu việt, như "Nó" sở hữu một ngoại hình đẹp đẽ: oai vệ với mào đỏ rực, đuôi dài màu xám xanh cong lên như những đoản kiếm. Mỗi buổi sáng đều gáy vang báo thức đúng giờ, rồi hiên ngang đi vòng quanh trang trại để bảo vệ bầy đàn. Sự cảnh giác và lòng dũng cảm của những chú gà trống đã trở thành lý do khiến nó trở thành biểu tượng của người Pháp.

Thời trung cổ, gà trống Gô-loa được người Pháp sử dụng như một biểu tượng tôn giáo, thể hiện niềm hy vọng và đức tin. Hình ảnh những con gà trống thường xuất hiện trên các tháp chuông nhà thờ, tháp canh.

Vào thời kỳ Văn Hóa Phục Hưng, hình ảnh những con gà trống được gắn liền với sự hình thành của nước Pháp. Dưới các vương triều ở thời kỳ này, các bản chạm khắc và đồng tiền đều mang hình ảnh gà trống. Nó cũng xuất hiện trên lá cờ trong cuộc Cách mạng Pháp 1789 và tượng trưng cho sự kiên cường, lòng dũng cảm của người dân nước này trong Thế Chiến Thứ Hai. Ngoài ra, phần lớn người Pháp đến bây giờ vẫn coi gà trống Gô-loa là biểu tượng của sự chân thành và tươi sáng.

Khi các đội tuyển Thể Thao của quốc gia Pháp đi giao đấu, mọi người trên thế giới đều gọi họ với biệt danh "Những chú gà trống Gô-loa" là vì thế! (***Biểu tượng của nước Pháp: Con Gà Trống Gô-Loa**)

Trở lại với phong trào THƠ MỚI của ta thời Tiền Chiến, ngoài những thơ tình ướt át làm rung động lòng người, như những bài thơ tình của Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Đông Hồ, Tương Phố, TTKH.... Ta còn nghe được tiếng Gà Gáy của miền quê thôn dã vang vang cả sáng trưa chiều tới vọng mãi trong tâm hồn người dân Việt, nhất là những người dân Việt sống lưu vong nơi xứ lạ quê người như chúng ta hiện nay. Nào hãy nghe ...

*Tiếng gà gáy ơi! gà gáy ơi!
Nghe sao ấm áp tựa nghe đời.*

*Tuổi thơ gà gáy ran đầu bếp,
Trâu dậy trong ràn, em cựa nôi.*

.....
*Gà gáy đầu thôn, gáy giữa thôn,
Mưa tinh sương mát tận tâm hồn.*

Đó là tiếng gà gáy trong buổi ban mai vang lên từ đầu bếp đến đầu thôn, giữa thôn của Huy Cận, Ông còn cho gà gáy hòa âm trên biển sóng:

*Tiếng gà trên biển hạ cung trầm,
Tiếng sóng hòa theo chẳng tạp âm.
Tiếng sóng làm nền cho tiếng gáy,
Trầm bao nhiêu, lại bầy xa xăm !...*

Và tiếng Gà gáy trong mưa khi được mùa:
*Gà gáy trong mưa tiếng vẫn trong,
Giọng kim giọng thổ rộn vang đông.
Được mùa giống mới, gà no bữa,
Tiếng gáy tròn như lúa nặng bông.*

.... Và không riêng gì Huy Cận, ta còn nghe thấy tiếng gà gáy trong ký ức tuổi thơ của Chế Lan Viên:

*Nhớ biển miền Trung tiếng sóng đùa
Nhớ nhà cha mẹ, cánh trường xưa...
Nhớ chao ôi nhớ! Trời xanh thế!
Gà lại rộn thêm tiếng gáy trưa!*

Nhắc đến gà gáy trưa thì không thể nào thiếu được tiếng gà gáy trong Nắng Mới của Lưu Trọng Lư:

*Mỗi lần nắng mới hắt bên sông,
Xao xác gà trưa gáy nào nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sóng lại những ngày không. (*)*

Bỏ hẳn sang võ: Võ Gà, đương nhiên phải là Võ Gà Trống, là HÙNG KÊ QUYỀN 雄雞拳 !...

Vào thời Tây Sơn, tương truyền Nguyễn Lữ là người đã sáng tạo ra môn võ Hùng Kê Quyền (quyền gà chọi) hay Hồng Kê Quyền, là bài quyền mô phỏng các kỹ thuật của gà chọi, một trong 10 bài danh võ được Liên đoàn võ thuật cổ truyền Việt Nam lựa chọn qua các kỳ hội nghị chuyên môn toàn quốc (sau 1975). Đặc

trung của bài quyền là những động tác dũng mãnh của con gà chọi nhỏ bé mà nhanh nhạy trước đối thủ, bài Hùng Kê Quyền sử dụng ngón tay trở để đâm mô phỏng hình mỏ gà, và các ngón còn lại co vào như chiếc cựa gà. Thủ pháp độc đáo như vậy lại nhằm vào những mục tiêu hiểm của đối thủ, như các huyết đạo, ngực, hâu v.v. Bộ pháp của bài quyền hết sức linh hoạt, thần tốc, xoay chuyển một cách biến ảo đã hỗ trợ cho việc thi triển thủ pháp một cách kiến hiệu, khiến đối thủ luôn phải hứng chịu những đòn thế có tính sát thương.

Còn ai mê đọc tiểu thuyết võ hiệp của nhà văn Kim Dung thì không thể nào không biết đến chiêu thức KIM KÊ ĐỘC LẬP 金雞獨立, một chiêu thức võ công độc đáo, đứng thẳng một chân với nhiều tư thế, hai tay cung ra hai bên với nhiều điều bộ khác nhau. Đây cũng là một chiêu thức của môn Thái Cực Quyền, đồng thời cũng là một phương pháp dưỡng sinh độc đáo có một không hai để phòng ngừa các bệnh như Tiểu đường, Cao huyết áp, Mất trí nhớ... (* Các tư thế của chiêu thức Kim Kê Độc Lập).

Ta thấy, CÒN GÀ gắn gũi thân thiết với con người là thế, NÓ hiện diện trong sinh hoạt, thực phẩm, giải trí và cả phương pháp dưỡng sinh nữa, lại mang những đức tính tốt đẹp như duy trì kỷ luật, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, "ga-lăng" với phái yếu và bảo vệ bầy đàn... Nên các Thầy Đồ Nho xưa thường hay khuyên học trò là

"NINH VI KÊ THỦ, BÁT VI NGƯU HẬU"
寧為雞首，不為牛後。

Có nghĩa:

Thà làm đầu gà, (chớ) hồng thềm làm đít trâu!

Đầu gà tuy NHỎ nhưng mỏng mỡ đẹp để hiên ngang, còn đít trâu tuy LỚN mà là nơi thải ra những thứ... thối không chịu được!

Trở lại với sấm Trạng Trình của 500 năm trước: "Mã đề Dương cước anh hùng tận, Thân Dậu niên lai kiến thái bình!". Thêm một "anh hùng hay anh hùng" Fidel Castro vừa mới "tận" cuối năm 2016 đây, chú khi THÂN thì đã đi qua rồi, liệu con gà DẬU có mang đến Thái Bình được hay không? Dân Chợ Lớn nói

"DẬU 有 là CÓ. Trong khi tổng thống đắc cử của nước Mỹ là tỉ phú ĐỖ NAM TRUNG (Donald Trump: Báo chí trong nước dịch âm là Đỗ Nam Trung!) chỉ muốn rút vào cái vỏ sò MỸ xinh đẹp của mình mà không màng đến thế giới nữa. Điều này chắc phải cầu cứu với CHỊ DẬU người mẫu mặc rất ít đồ là Melania Trump thúc vào hông của ông ta xem sao!?"

Mong rằng trong năm ĐINH DẬU 2017 này, thế giới sẽ KIẾN THAI BÌNH trong phép lạ !!!

ĐỖ CHIÊU ĐỨC

THY LAN THẢO

(Houston - Texas)

CHÚT Ý NHÌN XUÂN

*Chợ mấy hôm rày vàng hoa cúc
Năm nào cũng vậy, buổi xuân sang
Chợ Việt Nam bán đầy bánh mít
Bánh tét bánh chưng chắt ngập tràn...*

*Trang trọng một vài chậu hoa mai
Quý hiếm làm sao ở xứ này
Nhìn qua giá cả lòng ngao ngán
Liệu quý nương sống được mấy ngày!?!*

*Đào thắm cười duyên với gió đông
Ta đứng nhìn hoa chạnh tủi lòng
Hăm mấy mùa xuân buồn ly xứ
Thâm tình quê cũ mỗi mồn trông!!*

*Dù sao cũng đỡ hơn tù ngục
Ta đón chờ xuân để được ăn
Cơm trắng chén đầy thêm chút thịt
Đâu dễ gì no, xác rữ tàn...!*

*Quanh năm bột sắn với mì khô
Ồn của ai ban? Phải lão Hồ?*

*Bạn ta đời chết vùi đầu đó
Uổng một đời trai chẳng nắm mồ!!!*

*Tất cả thức ăn cho ngày tết
Chợ Việt Houston bán đủ đầy
Riêng ta vẫn thấy hình như thiếu
Sắc nét tình quê. Gió chướng lay!!*

*Thèm nhìn chiếc áo dài truyền thống
Điểm sắc tươi màu gái đang xuân
Trời cuối năm, giá băng gió lộng
Lòng người ly xứ dễ băng khuâng...*

ngày tháng cuối năm thân 2016.

HUY TRÂM

(Quận Cam - California)

XUÂN ĐỒNG NỘI

*Chim ngói - chìa vôi thấp thoáng về
Cành xanh nhú lộc nẻo đường quê
Tôi từ đất Mỹ xa muôn dặm
Về đón xuân sang - lòng bớt se.*

*Đây mới là xuân của đất trời
Lời ca giọng nói ấm trong tôi
Đâu đây, theo gió hương đồn nội
Toả khắp không gian ngời nắng tươi.*

*Ngoài sông con nước mới dâng lên
Cá quẫy đường mương - cá kết thuyền
Nếp sống ngàn xưa - không biến đổi
Con người gần gũi với thiên nhiên.*

*Đi khắp mười phương trở lại nguồn
Nghe lòng vương vấn một Quê Hương
Hình như có chút chi thân thiết
Từ máu, từ tim làm mến thương.
(Mưa Gió Bên Sông - Hương Văn 2012)*



DIỄM PHƯỢNG

(Về Nguồn - Tây Đô)

NGÀN NĂM MÂY BAY

Bức thư của Ngọc vẫn trải rộng trên bàn với những nét nhẵn vì bị nhàu nát. Khánh chồm mình tới trước xem lại bức thư một lần cuối trước khi nàng có quyết định.

"Khánh! Mây có biết là mây đã bị Vũ phản bội một cách trắng trợn không? Thú thật, tao rất thương hại cho mây Khánh ạ! Tao cũng không ngờ anh Vũ lại quá tệ như vậy, khuyên mây nên có một thái độ dứt khoát hẳn đi, vì tao biết trước một Thu Thảo hoa khô mây sẽ chịu thất bại. Hãy bình tĩnh và can đảm xem thường tất cả, để cho Vũ biết rằng mây bất cần hẳn. Khánh! Mây nghe lời tao chứ? Nếu chưa tin, mây cứ đến hỏi Vũ, anh ấy sẽ cho mây thấy rõ một sự thật..."

Khánh cắn chặt vòng môi, xé bức thư ra từng mảnh vụn, ánh mắt cô gái long lanh chứa đầy vẻ tức giận:

- Không ngờ...

Khánh bật dậy một cách vội vàng. Nàng nhảy phóc xuống đất đi chân không vào phòng. Chốc sau Khánh trở ra tha thướt trong chiếc áo dài trắng và vài quyển tập trên tay, Khánh xuống bếp thưa dỗi mẹ:

- Má ơi! Con đi học.

- Bữa nay chủ nhật, học gì?

Khánh vừa quay đi vừa đáp nhanh:

- Ông giáo sư dạy Hoạ trả giờ.

- Thế à. Học xong thì về nhà ngay phụ má một chút...

Thấy mẹ không hỏi và dặn gì thêm, Khánh "ạ!" rồi yên lòng thoát đi đến Vũ. Cánh cửa phòng trên căn gác trọ của Vũ khép kín, Khánh ngập ngừng gọi:

- Anh Vũ ơi ! Có nhà không Vũ?

Khánh nghe rõ tiếng dép của người yêu, nàng gượng bình tĩnh đứng chờ. Cánh cửa bật mở, Vũ hiện ra với cây cọ trên tay, chàng mỉm cười:

- Mời Khánh vào.

Khánh không nói gì, lặng lẽ nổi gót theo Vũ. Giữa phòng một bức tranh người con gái vẽ còn dang dở, Khánh không thể lầm được đó là chân dung của Thu Thảo, kẻ tình địch mà Ngọc vừa tố cáo với nàng. Cố làm ra vẻ thân nhiên, Khánh nhìn bức tranh chân dung thiếu nữ hỏi Vũ:

- Ai thế anh?

- Thu Thảo.

- Nàng muốn anh họa chẳng?

Khánh mỉm cười nhìn thẳng vào mặt Vũ làm cho chàng trở nên bối rối. Im lặng giây lâu, Vũ thong thả đáp:

- Không, nàng yêu cầu anh vẽ tặng.

- Anh nhận lời?

- Khó mà từ chối em ạ!

Khánh bực mình gất lên:

- Nghĩa là anh không nghĩ gì đến em hết sao? Vũ!

Vũ ngơ ngác nhìn Khánh:

- Ô hay! Em nói gì lạ vậy?

Khánh bước đến toan xé nát bức vẽ chân dung, nhưng Vũ nhanh nhẹn giữ tay nàng lại. Chàng nghiêm giọng:

- Em nên nể anh một chút.

Không thực hiện được ý định, Khánh càng tức giận hơn. Cô gái bầu chặt cánh tay Vũ hét to:

- Sao anh phản bội em?

Vũ cúi đầu nín lặng. Khánh bật khóc:

- Có phải Thu Thảo đẹp hơn em không? hờ Vũ?

Vũ vẫn không đáp. Khánh nâng mặt chàng lên, tha thiết nói:

- Vũ, anh trả lời đi... Có phải anh không còn yêu em nữa, phải không?

Vũ thoáng cau mày suy tư một lúc, chột gật đầu lạnh lùng:

- Phải! Em tha lỗi cho anh... vì...

Khánh cay đắng ngắt lời chàng:

- ... Vì Thu Thảo đẹp hơn em, giàu sang, học giỏi phải không anh? Em biết mà... bọn đàn ông đều giả, khôn nạn như nhau cả, bao giờ cũng tham lam, đòi hỏi... Anh Vũ! Em không ngờ anh cũng quá tầm thường như vậy!

Nuốt ực niềm đau tủi hờn, Khánh tiếp:

- Em rất lấy làm hối tiếc đã yêu anh một cách lầm lẫn, để bây giờ... khổ trọn đời em. Nhưng... em bắt cần con người như anh, bản thủ lắm, tòi tẹt lắm!

Vũ thờ dài lặng thinh. Một chút, Vũ chợt mỉm cười:

- Còn những từ ngữ miệt khinh nào nữa em cứ nói tiếp đi Khánh...

Khánh nhổ bọt nước miếng xuống nền gạch, khinh bỉ:

- Tôi thiết tưởng một thằng con trai đốn mạt như anh thì dù có dùng bao nhiêu từ ngữ bản thủ cũng chẳng thấm thía gì. Hơn nữa, tôi không còn muốn tiếp tục đứng trong căn phòng dơ dáy của anh một giây phút nào nữa cả. Từ nay xin vĩnh biệt!

Không kịp để cho Vũ có một phản ứng nào tiếp theo, Khánh băng mình chạy nhanh như trốn tránh một sự thật đau lòng. Vũ lặng nhìn theo bước chân vội vã của người yêu, chẳng khẽ thờ dài.

Ba tháng sau, Vũ nhận được cánh thiệp hồng của Khánh nhờ Ngọc trao cho chàng. Vũ mỉm cười vắn vể cánh thiệp của người yêu mà lòng không biết buồn hay vui!

Sau ngày cưới của Khánh, người ta không ai tìm thấy Vũ nữa, có lẽ chàng đã đi xa...

Thời gian lặng lẽ trôi. Bốn năm đi qua thật nhanh. Một buổi chiều vào cuối thu, Khánh tình cờ gặp lại Ngọc. Hai người nhìn nhau buồn vui lẫn lộn trong tâm hồn đôi bạn thân qua bao ngày xa cách. Ngọc nắm chặt bàn tay Khánh thì thầm:

- Khánh thế nào? Hạnh phúc chứ?

Khánh mỉm cười hân hoan:

- Vâng! Cảm ơn Ngọc. Mình hoàn toàn hạnh phúc.

- Đã mấy cháu rồi?

- Hai đứa đều là gái. Anh ấy rất nuông chiều.
- Vậy à! Ngọc mừng cho Khánh.
Im lặng giây lâu, Ngọc khẽ hỏi bạn:
- Khánh còn nhớ anh Vũ không?
Khánh đang vui bỗng nghe Ngọc gọi lại hình ảnh người xưa, nàng sa sầm nét mặt, đáp hững hờ:
- Nhớ ích gì một con người như thế, chán lắm!
Ngập ngừng, Ngọc nói:
- Anh Vũ không đáng trách đâu Khánh ạ!
- Ồ! Đã bảo đừng nhắc lại mà!
- Khánh! Chuyện đã đi vào dĩ vãng rồi, nhưng mình cũng cần nói rõ cho Khánh biết sự thật... Anh Vũ đã chết rồi!
Khánh hơi bàng hoàng trước cái tin bất ngờ đó, nhưng sau nàng vội trấn tĩnh lại ngay, lạnh lùng:
- Như vậy càng hay!
Ngọc ngậm ngùi kêu lên:
- Trời!... Khánh lầm rồi, chính anh Vũ hy sinh tình yêu của anh cho Khánh đấy, mặc dù sau đó Vũ rất đau đớn...
Khánh ngỡ ngàng chưa hiểu gì thì Ngọc chậm rãi tiếp:
- Anh Vũ bắt Ngọc phải thảo bức thư tố cáo cho Khánh để Khánh tức giận và quên anh ấy đi.
- Chỉ vậy, làm thế được gì chứ?
- Làm thế để tạo cho Khánh nguồn hạnh phúc ngày nay, làm thế để suốt đời Vũ vẫn tin là Khánh đã quên được anh để sống hạnh phúc trong một mái ấm gia đình. Phần mình thì mãi mãi mang nỗi hờn đau xuống lòng đất sâu hoang lạnh.
Khánh khổ sở kêu lên:
- Trời ơi, mình chả hiểu gì cả.
Ngọc nhếch môi cười cay đắng:
- Vâng, Khánh làm sao hiểu được... vì anh Vũ muốn vậy.
- Nghĩa là...
- ... mọi tâm tình của Vũ hoàn toàn bị khép kín bởi căn bệnh phũ phàng buộc anh ấy phải quyết định xa Khánh!
Khánh sững sờ:
- Tại sao? Tại sao vậy Ngọc?
- Anh Vũ mang bệnh ung thư ngặt nghèo, một chứng bệnh "trời kêu ai nấy dạ!". Biết mình không thể sống lâu, nhất là lần tái

khám ròi, bác sĩ cho biết... đến thời kỳ nguy kịch, có thể kéo dài đến sáu tháng nữa mà thôi! Bấy lâu anh Vũ hoàn toàn giấu kín, nhưng sau nhiều đêm trằn trọc, anh mới bày tỏ hết tâm trạng của mình và nhờ Ngọc...

Khánh chợt hiểu tất cả. Cô gái ôm mặt khóc nức nở, trong khi Ngọc lặng lẽ kể:

- ... Vì lẽ đó anh Vũ phải tạo ra chuyện phản bội cho Khánh oán ghét Vũ, mạnh dạn dứt khoát chuyện tình cảm với anh ấy mà xây dựng hạnh phúc đời con gái. Nhờ vậy mà anh Vũ bớt ray rứt và ân hận nếu như tiếp tục chuyện tình cảm giữa hai người mà anh ấy phải chết đi, để cho Khánh nhận lấy điều bất hạnh!

Khánh gắng giọng hỏi:

- Tại sao lại có bức họa chân dung của Thu Thảo?

- Bức chân dung đó chính vị hôn phu của Thu Thảo đã đem bức ảnh chụp mượn Vũ họa lại, để ông ta làm món quà mừng sinh nhật cho nàng, sự thật là thế Khánh ạ!

Khánh gục đầu kêu lên thảm não:

- Trời!

Trước nỗi đau khổ của Khánh, Ngọc không biết làm sao hơn là im lặng thờ dài. Ngọc liên tưởng đến Vũ, người anh bà con bạn dì rất thân thiết với mình, chỉ vì căn bệnh quái ác phải chấp nhận cắt đứt mọi tình cảm yêu thương trong cõi đời, để cho người mình yêu có được nguồn hạnh phúc vẹn toàn. Mẫu người đó đâu phải dễ tìm trong cuộc sống này?

Trong khi Ngọc đứng lặng thầm suy tư, bất chợt Khánh bước lại khung cửa sổ nhìn ra ngoài. Trên nền trời cao rộng, Khánh linh cảm như có cụm mây tím lãng đãng trôi ngang, phải chăng áng mây mang tình yêu của Vũ ngàn năm mãi mãi bay đi.

DIỄM PHƯƠNG

(đã in trong tập **NẮNG NHẬT HOÀNG HÔN** - bản thảo lưu lại - 2009)



CHUYÊN VĂN HỌC



NGUYỄN VĂN SÂM

NHÌN VỀ TRUYỆN NÔM NỮ TÚ TÀI

Nguyễn Văn Sâm phiên âm theo bản Nôm do nhà **Kim Ngọc Lôu** 金玉樓 giữ bản gỗ, khắc in năm Ất Hợi (1875), người Minh hương sống ở tỉnh Gia Định là **Duy Minh thị** 惟明氏 soạn thành truyện, nhà phát hành **Hòa Nguyên Thạnh Diêm** 和源盛店 ở Chợ Lớn nhập và phân phối ở Việt Nam. Bản khắc gỗ thực hiện bên Tàu, tại tỉnh Việt Đông 粵東, xứ Phật Trấn 佛鎮 (Quảng Đông).

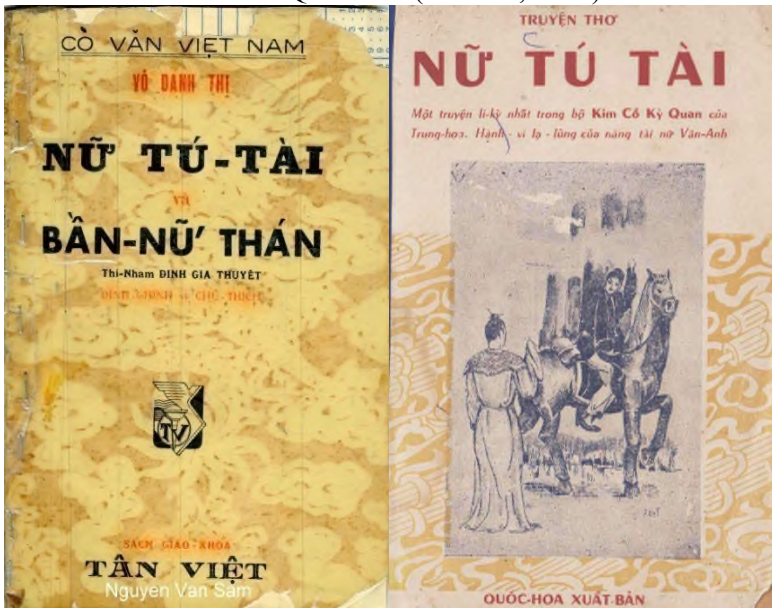


1. Bìa truyện Nữ Tú Tài bản Nôm Phật Trấn. 2. Trang thứ nhì, tức 1b: Đêm ngày luyện tập thi thơ...

Những gì ta biết về bản văn Nữ Tú Tài.

Nữ Tú Tài quốc ngữ.

Truyện thơ **Nữ Tú Tài** không được học giới biết nhiều vì không nằm trong chương trình Trung học của thời Việt Nam Cộng Hòa, sau 75 thì dĩ nhiên càng không thể có! Tôi chưa đủ điều kiện để rà soát trong hai bộ báo có nhiều tư liệu văn chương Việt Nam là Nam Phong Tạp Chí và Tri Tân Tạp Chí có nói gì đến truyện Nữ Tú Tài hay không. Trong mớ sách về cổ văn xưa chỉ thấy có hai bản Quốc ngữ là bản của cụ Đình Gia Thuyết (Sài Gòn, 1952 ?) và bản của nhà xuất bản Quốc Hoa (Sài Gòn, 1960).



1. Bản Thi Nham Đình Gia Thuyết.

Năm 1952, cụ Thi Nham Đình Gia Thuyết ở Huế có soạn, nhấn mạnh trên việc đính chánh và chú thích, quyển **Nữ Tú Tài** và **Bản Nữ Thán**. Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn in, chắc cùng năm đó hay chậm lắm là một hai năm sau. Nhà Tân Việt có thói

quen chỉ đề giấy phép xuất bản - chẳng hạn số 832/TXB của Nhà Thông Tin Nam Việt cho quyền của Đinh Gia Thuyết (ĐGT) - mà không đề năm. Sách in chung hai tác phẩm, phần **Nữ Tú Tài** gồm 79 trang, chú thích chú trọng đến **việc giải nghĩa từ Hán Việt và những điển tích** dùng trong bản văn - phần này là điểm son của công trình vì cụ Thi Nham vốn là một nhà Nho lỗi lạc có trí nhớ khá tốt - mà không chú thích về những *từ ngữ thuần Việt cổ* thường hay gây khó khăn cho người đọc. Những *câu thơ trúc trắc* do điều kiện cần có của thi pháp hay của ngôn từ thời tác phẩm xuất hiện là bức tường để tác phẩm được đến với quần chúng cũng không được giải thích. Bản của cụ Thi Nham Đinh Gia Thuyết vì vậy chưa giới thiệu được điều hay, điều quý của bản văn cũng như không thể cho người đọc đoán định thời gian ra đời của bản văn. Phần đóng góp của tác phẩm trong trào lưu văn học vào thời nó xuất hiện vì vậy giới hạn gần như là bị triệt tiêu đi.

Khảo sát cẩn thận bản của Đinh Gia Thuyết, chúng ta thấy rằng mặc dù có thể có nhiều khả năng cụ Thi Nham có trước mắt ba bản Nôm nhưng cụ chọn bản xuất hiện gần đây nhất, dễ đọc và dễ hiểu nhất, có thể là bản **Phúc Văn Đường** in năm Khải Định thứ sáu (1921).

Với tinh thần khoa học ngày nay, người khảo sát hay phiên âm bản Nôm phải tôn trọng bản văn tối đa, xét nhiều khía cạnh khi chọn chữ mình nghĩ rằng tương xứng nhất đối với câu thơ và đoạn văn, cụ Thi Nham *có thể* đã chọn chữ một cách dễ dãi hay thay đổi chữ đã dùng trong bản Nôm bằng chữ khác dễ hiểu hơn. Không có những bản Nôm cụ Đinh Gia Thuyết dùng, chúng tôi chỉ đưa ra nhận xét này bằng chữ *có lẽ*, nhưng với niềm tin rằng nhiều phần *có thiệt* khi thấy rằng nhiều chữ hoặc nhiều câu rất khác bản Phật Trần mà lại rất mới, mới đến độ có thể là đã được sửa chữa. Điều nhận xét này càng có lý do hơn khi kiểm điểm lại chúng tôi *không thấy vết tích của từ cổ* nào cũng như những câu nào gọi là khó hiểu, điều chắc hẳn là phải có, do phong cách viết xa xưa cách đây hơn thế kỷ!

Dầu sao người đi trước cũng mở gai góc cho người đi sau. Khi phiên âm bản Phật Trần Ất Hợi này lắm khi chúng tôi cũng nhờ bản quốc ngữ của Đinh Gia Thuyết để tự tin hơn trong sự phiên âm của mình.

Đặc biệt bản Đinh Gia Thuyết có thêm vài ba đoạn mà bản Phật Trấn không có. Chẳng hạn lúc cuối truyện, bản Phật Trấn kết thúc bằng hai câu:

*Truyện này dầu thiệt dầu ngoa,
Cứ trong cựu thuyết **dần dà** chép chơi.*

Thì bản Đinh Gia Thuyết có thêm sáu câu nữa:

*Truyện này dù thực dù ngoa,
Cứ trong tiểu thuyết **diễn mà** chép chơi.
Miễn là làm lỗi theo lời,
Chẳng ca Bạch Tuyết, chẳng tài Thanh Liên.
Ít nhiều chấp chảnh một thiên,
Ai chê mặc ý ai khen mặc lòng,
Đôi truyền phúc lộc thọ chung,
Kim toàn bách phúc, hưởng đồng thiên xuân.*

2. Bản của nhà xuất bản Quốc Hoa.

Chắc chắn rằng bản quốc ngữ Quốc Hoa (1960) là bản quốc ngữ Đinh Gia Thuyết được mô phỏng với sự sửa đổi vài từ theo giọng Bắc cho có vẻ mới, vẻ khác. Những chú thích thì không có gì thêm, chỉ tóm lược lại những chú thích của bản Đinh Gia Thuyết mà những chữ Hán kèm theo của bản Đinh Gia Thuyết đã được cho vắng mặt.

Nói theo ngôn từ ngày nay đó là một kết quả của tình trạng *ăn theo* cho nên có những sai lầm đáng nực cười. Chẳng hạn câu ‘*Thấy trong Kim Cổ Kỳ Quan, sách ngoài.*’ được giải thích là: *sách nước ngoài, chép những chuyện lạ lùng xưa nay.* Thiệt ra, không phải là sách nước ngoài mà là ngoại thư, sách không dùng để học thi, sách đọc chơi và quyển mà tác giả đương đọc là quyển **Kim Cổ Kỳ Quan.**

Một dẫn chứng khác: Vào giờ chót sau khi những hiểu lầm rắc rối đã được giải quyết, ngọc trang đính ước trước đây người tình si Soạn Chi trao cho nữ nhân giả nam nhân Tuấn Khanh được trả lại cho vợ của Soạn Chi, Tử Trung bèn đòi lại mũi tên ước duyên, trúc tiên, của vợ mình, nói rằng của ai giao trả nấy cho vui lòng mọi người:

*Tử Trung mới hỏi Soạn Chi:
‘Ngọc trang đã hợp nào thì trúc tiên.*

Giao hoàn cho phi sở nguyên...'

Vậy mà bản Quốc Hoa đánh in hai chữ *giao hoàn* thành *giao hoan!* Tôi không nghĩ đó là lỗi typo, mà cho là lỗi do sự hiểu giới hạn của người làm bản Quốc Hoa.

Chúng ta chưa thấy thêm bản quốc ngữ **Nữ Tú Tài** nào khác. Ba bốn nguồn để tác phẩm bình dân dưới hình thức truyện thơ đến được với quần chúng là nhóm '*sửa lại bốn cũ*' do mấy nhà xuất bản ở Chợ Lớn thực hiện từ thập niên 30 đến thập niên 60 của thế kỷ trước là Phạm Văn Thịnh, Phạm Đình Khương, Thuận Hòa đều không thấy truyện **Nữ Tú Tài**.

Ông Xuân Lan, một biệt hiệu khác của nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh, chủ bút tờ Đông Dương Tạp Chí, đã có thời in nhiều truyện thơ xưa, chúng ta cũng không may mắn thấy được **Nữ Tú Tài** từ công trình của ông.

Nhà xuất bản Văn Học ở Hà Nội trước 1975 thỉnh thoảng có in một hai truyện thơ với chú giải rất uyên thâm như **Lưu Nữ Tướng**, nhà xuất bản Thuận Hóa ở Huế sau 1975 cũng thế, rất đáng ngợi khen với quyển **Mã Phụng Xuân Hương**. Vậy mà không thấy tăm dạng **Nữ Tú Tài**.

Ông Trịnh Xuân Thanh trong quyển **Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Từ Điển** có mục từ **Nữ Tú Tài** trên trang 778, sau khi tóm lược cốt truyện chỉ lập lại ý kiến của Đinh Gia Thuyết mà ông dùng làm tài liệu và chịu ảnh hưởng: '*Truyện Nữ Tú Tài chẳng có gì đặc sắc, trọng tâm của tác giả là giới thiệu một người con gái tài kiêm văn võ có hành động như một trang nam tử.*'

Gần đây nhất, tại Sài Gòn, nhóm của Th. S. Bùi Văn Vượng khi thực hiện hai tập dày cộm **Kho Tàng Truyện Nôm Khuyết Danh** (2000) giới thiệu hơn hai mươi truyện Nôm cũng không thấy bóng dáng **Nữ Tú Tài**.

Tiếc thay!

Nữ Tú Tài Nôm:

Về mặt Nôm thì **Nữ Tú Tài** biệt vô âm tín, thời Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa của cụ Mai Thọ Truyền mặc dầu xuất bản được một số lớn tác phẩm Nôm phiên âm có kèm theo bản Nôm nhưng cũng chưa kịp in **Nữ Tú Tài**... Số phận truyện

Nữ Tú Tài, giống như nhiều tác phẩm Nôm khác như **Hạnh Thục Ca**, **Hoa Điều Tranh Năng**, **Bản Nữ Thán** hay **Lưu Nữ Tướng**... sẽ bị người đọc không biết đã đành, giới nghiên cứu cũng không có điều kiện để tiếp xúc. Đó là điều đáng buồn cho văn học Việt Nam, mà ai ưu tư khi nghe đến cũng thờ dài.

Trong chuyến đi Paris tháng 11 năm 2016 vừa qua, tôi được nhà Hán học Phạm Xuân Hy tặng cho bản sao truyện **Nữ Tú Tài** mà tôi nghĩ ông đã sao lại từ Thư Viện Trung Ương Pháp, nay là thư viện Mitterant ở Paris. Tiếc là bản này, không biết do nguyên nhân từ đâu, mất trang đầu. Chúng tôi thích thú khi được bản Nôm mình chưa từng thấy nên khi về lại Mỹ đã ra công phiên âm và chú thích những từ ngữ và câu văn cần thiết cho người đọc có trình độ văn chương Việt Nam trung bình.

Lục trong đám thư tịch sách Hán Nôm ta thấy **Nữ Tú Tài** được bộ sách **Di Sản Hán Nôm Việt Nam** cho biết còn có hai bản nữa đang ở Pháp, tại trường Ngôn Ngữ Đông Phương.

Bản AB 43 Thịnh Văn Đường, in năm Thành Thái Nhâm Dần (1902), 42 trang, ký hiệu: LO. VN. III. 308

Bản VNb 13 Phúc Văn Đường, in năm Khải Định thứ sáu (1921), 44 trang, ký hiệu LO. VN.IV.471.

Chưa có điều kiện tiếp xúc với hai bản này mà tôi nghĩ rằng cụ Thi Nham đã dùng để phiên âm quyển sách của mình, tôi tạm làm việc với bản Phật Trấn, in năm Ất Hợi (1875 ?), là bản xuất hiện sớm nhất, có nhiều từ cổ cũng như cách nói xưa, âm xưa **mà lại xuất hiện ở vùng Gia Định...**

Vậy thì **Nữ Tú Tài Nôm** trên nguyên tắc có ba bản nhưng cho tới khi chúng tôi đánh máy những dòng này thì chỉ có trước mặt đọc nhứt một bản mà thôi. Điều đáng mừng là nó rất sạch sẽ, **không bị rách hay mất chữ**. (Chỉ bị mất trang đầu như đã nói ở trên, nhưng cũng có thể tìm được sau này khi tôi có điều kiện sang Paris lần nữa.) Điều mừng thứ hai là bản Phật Trấn này **ra đời sớm nhất**, năm 1875, trong khi hai bản kia xuất hiện sau đó từ 30 đến 50 năm, những vết tích xưa trong bản văn thời tác phẩm được sáng tác vì vậy không còn giữ được nhiều như bản Phật Trấn...

Nguyễn Văn Sâm

Victorville, CA, Dec15, 2016



(đi ảnh GS PHẠM HOÀNG HỘ)

bài của
**GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG
& GS HỒ ĐẮC A TRANG**

VIẾT VỀ MỘT NGƯỜI ANH: GS PHẠM HOÀNG HỘ

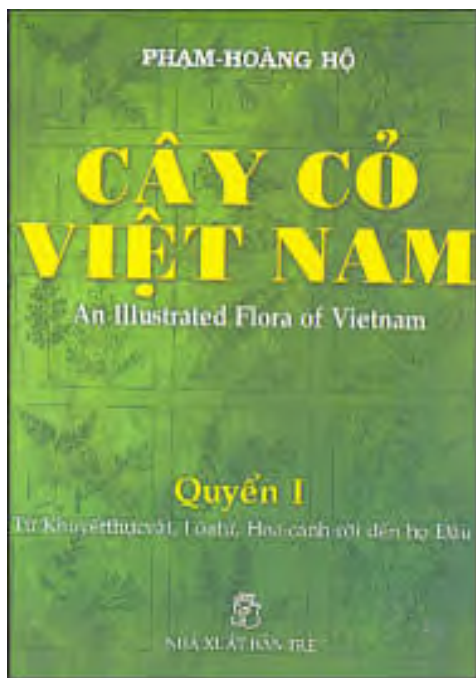
Chiều nay, vừa vào nhà, được tin Anh quá vắng!

Ai rồi cũng phải ra đi. Mấy năm vừa qua, bạn bè chúng ta lần lượt ra đi. Đi về với Ông Bà là việc rất là người. Thế nhưng, người ở lại, thân bằng quyến thuộc, ai cũng thương tiếc ngàn thu.

Nhớ hồi ấy, 1963, tôi đang rảo bước đến Air Việt Nam, thì có tiếng còi xe. Anh Tấn bảo lên xe, hỏi tôi đang đi đâu. Tôi nói: Đến Air Việt Nam lấy vé đi Huế. Đôi lời qua lại, tôi ngờ ý dù không muốn về Huế mà phải về, vì không có cách nào ở lại Sài Gòn. Đại Học Huế không bao giờ cho đi. Rồi Tấn đưa tôi lại gặp Anh. Anh cũng vừa nhận tham gia Chính Phủ Nguyễn Ngọc Thơ. Anh bảo tôi ở lại làm việc với Anh. Và tôi ở lại.

Lúc bấy giờ, các sư sãi xúi học sinh sinh viên làm loạn. Duyên may, Anh huy động được đông đảo giáo sư, trẻ, vừa tốt nghiệp vài ba năm -- trong sáng, có nhiệt tình, có khả năng, kiên nhẫn và chịu khó; chịu khó học quản lý, chịu khó học hỏi môi trường. Lâm Phi Điều, Hà Khải Hoàn, Trần Cảnh Xuân, Lâm Văn Bé, Nguyễn Trung Quân, Phạm Vấm Đàm, Phan Công Minh, Bành Ngọc Quý, Nguyễn Thanh Liêm, chị Nguyệt, chị Thu Ba, Huỳnh Ngọc Diêu, Hồ Ngọc Hữu, Nguyễn Đức Giang, Trương Ân, Trịnh Văn Mười Hai..., Danh sách còn dài, tôi không nhớ hết. Cũng có những vị cao niên, bậc thầy của tôi: Ông Phan Văn Lược, Ông Văn, Ông Toàn,.. Ở Bộ, có anh Lý Chánh Trung, anh Bùi Khắc Khương, anh Đỗ Bá Khê, Cụ Chúc, .. Già trẻ cùng nhau chung sức, dưới sự lãnh đạo của Anh, đã đem lại sự ổn định của học đường chỉ trong một thời gian ngắn.

Nghĩ lại đó là duyên may. Duyên may là Anh đã chịu bỏ cuộc sống trầm lặng, an bình của một giáo sư đại học - nghiên cứu



và dạy học, để nhận trách nhiệm trong một cuộc thế nhiều nhurong, ổn định một học đường đang hỗn loạn. Cũng là một duyên may khác, vì Anh huy động được trẻ và già đoàn kết, gắn bó, trong một mục tiêu chung: trả lại cho học đường miền Nam, cái không khí trong lành cổ hữu của nó.

Anh là duyên cho những duyên lành ấy.

Rồi đến Đại Học Cần Thơ, Đại Học của Miền Tây, Anh cũng là người tiên phong, khai sáng. Gom góp nhân lực - nhân viên, giáo chức, từ nhiều nguồn, đối thoại

với thân hào nhân sĩ, với phụ huynh, quần chúng địa phương, Anh là người được chọn. Đại Học Cần Thơ từ không đến hiện hữu và đi vào nề nếp là do công sức đóng góp của một tập thể đa dạng, nhiều nguồn, trong và ngoài nước, dưới sự phối hợp của người Nhạc Trưởng - ít nói, khiêm cung, Ông Viện Trưởng đầu tiên: Phạm Hoàng Hộ.

Tóm lại,

- Anh là một giáo sư Đại Học trong cái nghĩa tròn đầy của chức vị giáo sư: Học vị, nghiên cứu, và dạy học. "Cây Cỏ Miền Nam" là quyển sách tiên phong trong loại này.
- Anh không thu mình trong tháp ngà nghiên cứu và dạy học, lòng Anh luôn mở, và Anh đã tạo duyên lành cho sự ổn định học đường trong một thời nhiều nhưnng hỗn loạn.
- Anh không ngại khó, và đã chịu góp nhặt mọi phương tiện, cùng đồng nghiệp từ nhiều nguồn, cùng thân hào nhân sĩ, cùng dân chúng địa phương, đem ánh sáng Đại Học về Miền Tây Nam Việt.
- Anh đã là niềm tin của tuổi trẻ, duyên lành cho tuổi trung niên, và hy vọng cho tuổi già.

Hôm nay, Anh ra đi, để lại cho chúng tôi nhiều kỷ niệm của một thời trung niên, mà mọi việc như trong tầm tay. "Đường đi khó, không vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông." Anh giữ chức vụ Bộ Trưởng Giáo Dục lúc Anh 32 tuổi.

Nhớ Anh, thương Anh. Nhớ lại một thời. Nghĩ đến Chị và Anh, thời xã nghĩa, một gương sáng cho riêng chúng tôi.

Anh và Chị có một cuộc sống đẹp. Anh đi, để lại bao nuôi tiếc thương đau.

Cái chánh là một cuộc sống đẹp. Sống đẹp là sống lương thiện, trung thực - lương thiện, trung thực với chính mình và với tha nhân. Sống đẹp cũng là có cụ thể cống hiến phần mình cho xã hội. Chúng tôi nghĩ Anh Chị có điều đó.

Xin chia sẻ những thương đau của Chị.... Mong Chị bình tĩnh, các cháu bình tĩnh, và sau những ngày rối rắm thương đau tang tóc, sớm trở lại cuộc sống bình thường.

**GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG
& GS HỒ ĐẮC A TRANG**



TIN BUỒN & PHÂN ƯU



Chúng tôi vừa nhận được tin buồn:

GIÁO SƯ PHẠM HOÀNG HỘ

Sinh ngày 3 tháng 8 năm Kỷ Ty 1929 tại An Bình - Cần Thơ - Việt Nam
Cựu học sinh Collège de Cantho
Cựu sinh viên ĐH Sorbonne, Paris
Nguyên Khoa Trưởng ĐHSP Sài Gòn 62-63
Nguyên Tổng Trưởng Giáo Dục 63-64
Nguyên Viện Trưởng đầu tiên VDH Cần Thơ 66-70
vừa từ trần ngày 29 tháng 1 năm 2017 tại Montreal, Canada

Hưởng thọ 89 tuổi

Trước sự mất mát lớn lao này chúng tôi xin thay mặt:

- Cựu viên chức Bộ Giáo Dục VNCH, Giáo Sư, Nhân viên và cựu học sinh trung học Phan Thanh Giản-Đoàn Thị Điểm Cần Thơ;
- Nhóm Chủ biên - BBT & cộng tác viên Tạp chí Văn Hoá Việt Nam tại Houston Texas Hoa Kỳ

*** Xin thành kính chia buồn cùng Tang Quyền.
* Cầu nguyện Hương Linh Giáo Sư sớm về Cõi Phúc.**

GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG & GS HỒ ĐẮC A-TRANG
GS TRẦN THỊ NHƠN
GS PHẠM THỊ KIM CHI & GS TRẦN VĂN KỶ
GS LƯU KHÔN
GS PHẠM VĂN ĐÀM
GS NGUYỄN TRUNG QUÂN
GS VÕ VĂN TRÍ

Cùng toàn thể cựu GS và Cựu Học Sinh PTG-ĐTĐ Cần Thơ
Nhóm chủ biên-BBT & cộng tác viên tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



I

TP.

TƯỜNG NHỚ GS PHẠM HOÀNG HỘ

Một trí thức lớn, một nhà khoa học tầm cỡ, một nhân cách sáng chói, mới tạ thế ở Canada: Giáo sư Tiến sĩ Phạm Hoàng Hộ. Ông từ trần ngày 29 tháng 1-2017, tại thành phố Montreal.

Theo Tự điển Bách khoa Toàn thư – mở, Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ sinh ngày 3-8-1931 tại làng Thới Bình, phường Cái Khế, tỉnh Cần Thơ. Thuở nhỏ ông theo học tiểu học ở các trường Bassac, Nam Hưng và College de Cần Thơ. Năm 1946, ông được gia đình gửi sang Pháp tiếp tục bậc Trung học. Tại đây, ông tốt nghiệp Tú Tài phần 1 và 2. Sau đó, ông theo học ở Đại học Sorbonne Paris. Ông đậu bằng Cử nhân Khoa học vào năm 1953, bằng Cao học về Khoa học thiên nhiên (Sciences naturelles) năm 1956.

Năm 1957, Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ về nước, được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Hải học Viện Nha Trang. Trong thời gian làm việc ở đây (từ 1957 đến 1962), ông đã thực hiện công trình nghiên cứu về rong biển Việt Nam. Một phần của công trình nghiên cứu này được dùng cho luận án Tiến sĩ Khoa học mà ông đệ trình vào năm 1961 cũng tại Đại học Sorbonne.

Cũng vào năm 1962, Tiến sĩ Phạm Hoàng Hộ được bổ nhiệm vào chức vụ Khoa Trưởng trường Đại học Sư phạm Sài Gòn. Nhưng chỉ một năm sau, năm 1963, Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ đã từ chức để phản đối cách thức giải quyết cuộc khủng hoảng Phật Giáo của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Sau ngày 1-11-1963, Giáo Sư Hộ tham gia nội các lâm thời của Thủ Tướng Nguyễn Ngọc Thơ, do Hội đồng quân nhân cách

mạng của tướng Nguyễn Khánh thiết lập, với chức vụ Tổng Trưởng Giáo dục. Tuy nhiên, sau cuộc “chính lý” ngày 30-1-1964 của Tướng Nguyễn Khánh, nội các của Nguyễn Ngọc Thơ giải tán. Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ trở về với công tác giảng dạy tại Viện Đại học Sài Gòn.

Về công trình phát triển hệ thống giáo dục Đại học ở miền Nam, sau nhiều năm vận động gian nan, khó khăn, đề án thành lập Viện Đại học Cần Thơ của Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ được hình thành ngày 8 tháng 3 năm 1966, và Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ trở thành Viện trưởng đầu tiên của trường đại học này.

Đầu năm 1970, Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ mời Giáo Sư Nguyễn Duy Xuân về làm Viện trưởng Viện Đại học Cần Thơ, ông về Sài Gòn tiếp tục công trình giảng dạy và nghiên cứu thực vật đến năm 1984. Sau năm 1984, Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ sang Pháp tiếp tục công trình nghiên cứu vô cùng giá trị về cây cỏ Việt Nam. Từ Pháp, Giáo Sư di chuyển qua Canada sinh sống. Tại đây Giáo Sư đã hoàn tất công trình nghiên cứu cây cỏ Việt Nam của mình. Có thể nói Giáo Sư là người Việt Nam đầu tiên hoàn thành công trình nghiên cứu cây cỏ miền Nam và Việt Nam. Đây là công trình nghiên cứu khoa học tầm cỡ thế giới.

Trong **“Lời nói đầu”** của một trong những bộ sách quan trọng của Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ, bộ **“Cây Cỏ Việt Nam”**, (2 cuốn, khổ lớn), với hàng nghìn tranh vẽ, chỉ dẫn rõ ràng, đặc tính hay sự khác biệt của từng loại cây cỏ Việt Nam.

Trong **“Lời nói đầu”** Giáo Sư Phạm Hoàng Hộ đã nghiêm trọng cảnh báo rằng:

“Những ân nhân của chúng ta ấy đang bị hiểm họa biến mất, tuyệt chủng, vì rừng nước ta đã bị đẩy lùi đến dưới mức độ an toàn, đất màu mỡ bị xoi mòn mất ở một diện tích lớn, và cảnh sa mạc đang bành trướng mau lẹ. Đã đến lúc, theo tiếng nhạc của một bài ca, ta có thể hát:

“Thần dân nghe chẵng? Sơn-hà nguy biến. Rừng dày nào còn, xoi mòn đang tiến... Đâu còn muôn cây làm êm ấm núi sông...”. Kho tàng thực vật ấy chúngta có phận sự phải bảo tồn. Sự bảo tồn và phục hồi thiên nhiên ở nước ta rất là cấp bách. Chúng ta có thể tự thực hiện, vì không phải chỉ cầm súng chiến đấu, hiến thân vì tổ quốc mà thôi...”

Về sĩ khí của kẻ sĩ miền Nam mà GS Phạm Hoàng Hộ là một trong số trí thức đó, nhà báo Huy Đức, một ký giả nổi tiếng sau biến cố 30 tháng 4-1975, trong cuốn sách, “**Bên thắng cuộc**” cũng đã ghi thuật rằng:

“... Giáo sư Phạm Hoàng Hộ tuy ở thời điểm đó vẫn còn là hiệu phó Đại học Khoa học, nhưng theo ông Sáu: **‘Đấy chỉ là một chức vụ bù nhìn, không có vai trò gì trong giáo dục’**. Giáo sư Hộ là hiệu phó nhưng không phải đảng viên, nên khi có vấn đề gì thì những người trong Đảng họp riêng, quyết định xong, có việc nói với ông, có việc ông không bao giờ được biết. Từ rất sớm, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ đã phản đối cách đào tạo đưa thời gian học chính trị quá nhiều vào chương trình. Ông cảnh báo: **‘Nếu chính trị can dự quá mạnh, các nhà khoa học sẽ mất căn bản’** (...)

“Giáo sư Phạm Hoàng Hộ nói lên điều này sau khi chính ông đã được trải nghiệm trong những ngày học chính trị. Năm 1977”

“Một thời gian sau, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ trả lại chức hiệu phó. Trường sợ mang tiếng không nhận, ông khóa phòng, giao chìa khóa, tự chấm dứt vai trò ‘chim kiếng’ của mình...”

Giao sư Phạm Hoàng Hộ không còn nữa, nhưng những đóng góp trí tuệ của ông cho đất nước và cho thế giới, sẽ mãi còn như một di sản chung của nhân loại.

TP.

II

NGÔ THẾ VINH

(trích phần sau bài viết "Những năm ảo vọng - GS Phạm Hoàng Hộ và bộ sách Cây Cỏ Việt Nam)

CHÚT GIAI THOẠI VĂN HỌC

Trong cuốn *Bông hồng tựa ơn*, khi viết về bộ sách của Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, nhà văn Nguyễn Đình Toàn nhớ lại: “*Các năm trước 1975, bộ sách của giáo sư Phạm Hoàng Hộ còn*

mang tên là *Cây cỏ Miền Nam*. Cuộc chia cắt đất nước đã giới hạn tầm mức của cuốn sách. Thế nhưng công trình của giáo sư Phạm Hoàng Hộ không phải chỉ được coi là quý đối với các nhà chuyên môn về thực vật học, mà theo nhà văn Võ Phiến có kể lại trong bộ sách *Văn học Miền Nam* soạn thảo tại hải ngoại sau 75, thì đã có nhiều nhà văn, [trong số đó có Nguyễn Đình Toàn] đã tìm đọc cuốn *Cây cỏ Miền Nam* để biết thêm về một vài loại cây cỏ quanh mình, để khi cần, có thể đưa vào tác phẩm”. Giai thoại văn học này có lẽ, chính Giáo sư Phạm Hoàng Hộ không hề biết tới.

SÁNG LẬP VIỆN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Khoảng thập niên 1960, do sự vận động của các nhân sĩ trí thức Cần Thơ, với hai tên tuổi hàng đầu là Giáo sư Phạm Hoàng Hộ và bác sĩ Lê Văn Thuấn, Viện Đại học Cần Thơ được phép thành lập vào ngày 31.03.1966 và cũng là Đại học đầu tiên của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). Giáo sư Phạm Hoàng Hộ là Viện trưởng đầu tiên của Đại học Cần Thơ từ 1966 tới 1970.

Với uy tín lớn về thành tích khoa học và cả về nhân cách, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ đã quy tụ được rất nhiều “chất xám” tinh hoa của Miền Nam thời bấy giờ; chỉ riêng trong lãnh vực Nông Nghiệp có thể kể tới sự hợp tác của những tên tuổi như GS Tôn Thất Trình, GS Thái Công Tụng, TS Nguyễn Việt Trương, TS Trần Đăng Hồng với công lao bước đầu đưa giống Lúa Thần Nông/ HYV / High Yield Variety vào ĐBSCL.

Rồi phải kể tới một đội ngũ giảng huấn đầy khả năng khiến Đại học Cần Thơ mau chóng trở thành một trung tâm giáo dục và khoa học có tầm cỡ, đáp ứng nhu cầu trí tuệ của của một vùng châu thổ rộng lớn rất giàu nguồn tài nguyên thiên nhiên nhưng chưa được khai thác. Để có thể thấy được thành quả bước đầu của Viện Đại học Cần Thơ, đó là các lớp sinh viên đầu tiên trưởng thành và tốt nghiệp bốn năm sau đó.

Giáo sư Đỗ Bá Khê trong “think tank” của Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, cũng đến từ Đại học Khoa học Sài Gòn, cách đây 47 năm, trong bài diễn văn “xuất trường” của Viện Đại học Cần Thơ, đã có một tầm nhìn rất xa về vai trò của Viện Đại Học này đối với tương lai vùng Đồng bằng Châu thổ:

“Ngày nay (19/12/1970) trong Thời Đại Khoa Học Kỹ Thuật, các tỉnh ĐBSCL đang trông chờ nơi ánh sáng soi đường của Viện Đại học Cần Thơ và ước mơ một chân trời mới, tô điểm bằng những cánh lúa vàng nặng trĩu, những mảnh vườn hoa quả oản cây, dân cư thơ thới, một cộng đồng trù phú trong một xã hội công bằng.”

NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH GS NGUYỄN DUY XUÂN

Đến năm 1970, bước đầu xây dựng được một Đại học Cần Thơ vững vàng, để có thể trở về Sài Gòn tiếp tục các công trình nghiên cứu khoa học và giảng dạy, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ chính thức mời Giáo sư Nguyễn Duy Xuân về thay ông, làm Viện trưởng thứ hai của Viện Đại học Cần Thơ.

Giáo sư Nguyễn Duy Xuân cũng là người Cần Thơ, sinh năm 1925 hơn Giáo sư Phạm Hoàng Hộ bốn tuổi, tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Vanderbilt Hoa Kỳ, trở về Việt Nam 1963, giáo sư Luật. Nhận chức Viện trưởng từ Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, Giáo sư Nguyễn Duy Xuân đã nỗ lực phát triển Viện Đại học Cần Thơ trên mọi lãnh vực từ chương trình giảng dạy, đào tạo ban giảng huấn, xây cất thêm giảng đường, phòng thí nghiệm, thiết lập ký túc xá như hệ thống campus cho sinh viên đến từ các tỉnh xa Miền Tây. Ông là người tiên phong thực hiện giáo dục đại học theo tín chỉ/ credits (thay vì chứng chỉ, certificat như trước đây); giống như mô hình hệ thống Đại học Hoa Kỳ. Ông còn gửi cả một đội ngũ giảng viên trẻ đi du học, điển hình như anh Trần Phước Đường đi Mỹ tốt nghiệp tiến sĩ tại Đại học Michigan, sau đó họ trở về trường phục vụ ngành Sinh học, Giáo sư Trần Phước Đường sau này trở thành Viện trưởng Đại học Cần Thơ từ 1989 tới 1997.

Năm 1972, ông cũng đích thân mời nhà nông học trẻ Võ Tông Xuân khi ấy đang công tác ở Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế Los Banos Philippines về trường giảng dạy. Sau này anh Võ Tông Xuân kể lại, khi nhận được thư của GS Nguyễn Duy Xuân: *“Anh Nguyễn Duy Xuân nói ĐBSCL là cái vựa của lúa gạo nên rất cần những nhà khoa học về nông nghiệp. Chiến tranh rồi có ngày hòa bình, đất nước sẽ cần những người như tôi. Đó là một*

trong những lý do tôi về công tác ở Đại học Cần Thơ.” TS Võ Tòng Xuân sau này trở thành một Giáo sư Nông học danh tiếng, “*Doctor Rice*” tên tuổi anh Võ Tòng Xuân gắn liền với sự phát triển của cây Lúa Thần Nông và sau đó anh là Viện trưởng Đại học An Giang là Đại học lớn thứ hai của ĐBSCL sau Viện Đại học Cần Thơ.

Chỉ trong vòng 9 năm (1966 – 1975) với công lao xây dựng của hai Viện trưởng tiền nhiệm: GS Phạm Hoàng Hộ, GS Nguyễn Duy Xuân, Viện Đại học Cần Thơ như một Ngọn Hải đăng Miền Tây, trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt bước đầu ưu tiên phát triển hai lãnh vực Sư phạm và Nông nghiệp, vững vàng sánh bước với các Viện Đại học lâu đời khác của Miền Nam, đóng góp cho sự thăng tiến của vùng ĐBSCL.

TỪ ÁO VỌNG TỐI THÂM KỊCH

Chỉ mấy ngày trước biến cố 30 tháng 4, 1975, cũng như GS Phạm Hoàng Hộ, GS Nguyễn Duy Xuân như một trí thức dân thân, quyết định ở lại và giữa cảnh dầu sôi lửa bỏng, ông vẫn can đảm nhận chức Tổng trưởng Bộ Văn hóa Giáo dục cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa. Giữ chức vụ đó chưa đầy một tuần lễ thì chính quyền Miền Nam sụp đổ, Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

GS Nguyễn Duy Xuân bị đưa vào trại tù cải tạo, sau đó bị đưa ra Bắc, giam trong trại tù Hà Nam Ninh, hầu như không có ngày về. Vẫn theo anh Võ Tòng Xuân, năm 1983, trong một lần ra Hà Nội dự họp, anh Võ Tòng Xuân đã vô trại Ba Sao để thăm lại vị Viện trưởng của mình khi còn ở Viện Đại học Cần Thơ. Gặp lại đồng nghiệp, GS Nguyễn Duy Xuân rất mừng, và dù đang trong nghịch cảnh tù đày, ông vẫn đau đáu quan tâm hỏi han tới hiện trạng của Đại học Cần Thơ, nơi mà ông và GS Phạm Hoàng Hộ đã dày công xây dựng.

Tôi, người viết bài này không thể không tự hỏi nếu không có 11 năm giam hãm đầy đọa độc ác và vô ích của những người Cộng sản thắng cuộc, nếu GS Nguyễn Duy Xuân, một Tiến sĩ Kinh tế tài ba và giàu lòng yêu nước như ông vẫn tiếp tục ở lại xây dựng Viện Đại học Cần Thơ với nhịp độ 1966-1975, không biết Viện Đại học Cần Thơ sẽ tiến xa tới đâu.

Năm 1983 là lần gặp gỡ đầu tiên của hai Giáo sư cùng tên Xuân sau 1975 ở trại Ba Sao và cũng là cuối cùng GS Võ Tòng Xuân được gặp lại GS Nguyễn Duy Xuân. Tiếp tục bị đầy ải thêm ba năm nữa tổng cộng 11 năm, GS Nguyễn Duy Xuân đã chết trong tù cải tạo Hà Nam Ninh ngày 10 tháng 11 năm 1986 trong đói khát và bệnh tật không thuốc men. Xác của ông được vùi nong trong nghĩa địa tù cải tạo trên triền núi phía sau trại tù Ba Sao.

Phải mãi đến tháng 4 năm 2015, gần 30 năm sau, di cốt của GS Nguyễn Duy Xuân, mới được người con gái là bà Nguyễn Thị Nguyệt Nga từ Pháp về bốc mộ đưa từ nghĩa địa trại tù Ba Sao Hà Nam Ninh về Chùa Thiên Hưng, quận Bình Thạnh Sài Gòn để lưu giữ tại đây. [5] Trong buổi lễ cầu siêu, ngoài các thành viên của gia đình cố Viện trưởng Nguyễn Duy Xuân, còn có một số cựu giảng huấn và các cựu sinh viên tốt nghiệp Đại học Cần Thơ trước 1975 như GS Võ Tòng Xuân, TS Nguyễn Tăng Tôn (cựu sinh viên), TS Nguyễn Văn Mận (cựu sinh viên), KS Minh (cựu sinh viên) Ông Hòa (nhân viên hành chánh), đến tham dự buổi lễ.

VIỆN ĐẠI HỌC CẦN THƠ SAU 1975

Thay thế Giáo sư Viện trưởng Nguyễn Duy Xuân là ông Phạm Sơn Khai, gốc Miền Nam tập kết là đảng viên Cộng sản, với học vị “*Chuyên ngành Lịch sử Đảng*”, ông Khai được đề cử giữ chức Viện trưởng và lãnh đạo Đại học Cần Thơ trong suốt 13 năm từ 1976 tới 1989. [*]

Kể từ sau 1975, chính quyền mới với chủ trương một nền giáo dục “hồng hơn chuyên” nên học trình của Đại học Cần Thơ, cũng như toàn hệ thống các Đại học Miền Nam đã có thêm môn học chính trị cưỡng bách “*Chủ nghĩa Mác Lê và Tư tưởng Hồ Chí Minh*”.

[(*) Năm 1986 TBT Nguyễn Văn Linh chủ trương "cởi trói Văn Hoá Văn Nghệ, với tiêu đề "**những việc cần làm ngay**", nhưng đến năm 1989 ngành giáo dục vì có nhiều xô xao gây xáo trộn nội bộ. Tại Cần Thơ, sau vụ một Cô giáo tự tử trong trường, mới cho bầu lại chức vụ Hiệu Trưởng HT Đại Học Cần Thơ, GS Trần Phước Đường trúng cử chức vụ HT, người ta mới phát hiện Ông Phạm Sơn Khai, tức Bảy Khai trình độ văn hóa chỉ mới Lớp Tám Bô Túc Văn Hoá mà đã làm HT Đại Học Cần Thơ từ năm 1975 đến 1989 vì ông cao tuổi Đảng? - *ghi chú thêm của Chủ Bút VHVN*]

Một môn học mà “**thầy không muốn dạy, trò không muốn học**” nhưng vẫn cứ được duy trì cho đến ngày hôm nay.

Ngót nửa thế kỷ, 42 năm sau ngày thống nhất đất nước, trên toàn cõi Việt Nam vẫn chưa có được một nền “**tự trị đại học**”. Quá sớm để nói tới dân chủ hoá đất nước, khi mà các Đại học như những “Think Tank” vẫn còn bị chi phối lãnh đạo bởi những Chi bộ Đảng Cộng sản.

Qua một eMail, anh Võ Tòng Xuân kể lại: “*Tôi nhớ mãi GS Hộ trong chuyến đi đó, ông rất kỹ về vấn đề ăn uống, đem theo đồ ăn và bình ton đựng nước uống riêng*”.

GS PHẠM HOÀNG HỘ SINH NHẬT 80

Tháng 7 năm 2009, một số môn sinh đã tổ chức tại Montréal một lễ mừng sinh nhật 80 tuổi của GS Phạm Hoàng Hộ, cùng với một bức tượng được đem tới tặng Thầy với phát biểu đầy xúc động của một môn sinh: “*Bức tượng không phải chỉ là hình ảnh của một giáo sư Thực vật đáng kính mà còn là biểu tượng của người trí thức Miền Nam, đã hiến trọn đời mình cho khoa học, hết sức khiêm tốn so với tài năng của mình và nhất là hết lòng yêu quê hương đất nước.*”

Cũng rất ý nghĩa, trong buổi họp sinh nhật ấy, bác sĩ Tăng Quang Kiệt đã đọc lời chúc của Giáo sư Phùng Trung Ngân, định cư tại California, người sáng lập ra Bộ môn Sinh Môi Học/ Ecology Department cũng là Khoa trưởng Đại học Khoa học Sài Gòn từ 1973-1975, là bạn đồng môn và cùng tuổi với GS Phạm Hoàng Hộ:

“*Anh Hộ thân mến, Tôi thành thật cảm ơn Anh Chị và gia đình đã cho phép tôi gửi bài phát biểu trong buổi lễ long trọng này. Với 80 tuổi đời, Anh đã đóng góp một công trình đồ sộ về Cây cỏ Việt Nam đồng thời với việc hướng dẫn sinh viên yêu Thực vật và Thiên nhiên Việt Nam. Là người cộng tác gần gũi với Anh trong công tác giáo dục sinh vật cho lớp trẻ VN tôi đã thấy sự tận tụy với nghề nghiệp của Anh và lòng hăng say nghiên cứu của Anh. Kết quả là công trình nghiên cứu vĩ đại về Cây Cỏ Nam Việt Nam và nhất là công trình bổ sung đầy đủ Cây cỏ toàn bộ VN với các mẫu cây quý báu đang bị bỏ quên trong Viện Thảo Tập ở Paris. Trước năm 1975 Anh và tôi thường dẫn sinh viên đi thực tập ở*

Lâm Đồng - Đà Lạt, cho các em leo lên đỉnh Lâm Viên, một trong những ngọn núi cao khoảng 2000m ở miền Nam, chúng ta thường ước mong khi hòa bình trở lại sẽ cùng nhau ra miền Bắc khảo sát Cây cỏ Đỉnh Fan Xi Pan cao hơn 3000m ở Hoàng Liên Sơn. Rất tiếc đến ngày hôm nay ước mong của chúng ta chắc không bao giờ thực hiện được. Tuy nhiên Anh đã tự mình tiếp xúc với đỉnh Fan Xi Pan qua các mẫu cây còn lưu trữ tại Viện thảo Tập Paris và cũng từ đó hình thành bộ công trình **Cây Cỏ Việt Nam** cho Khoa học. Tôi rất may mắn là cộng tác viên thân cận của Anh trong nhiều năm nên đã học được tính chu đáo trong nghiên cứu, sự tận tụy trong giảng dạy và lòng say mê nghiên cứu Thiên nhiên Việt Nam.” [3]

DI CHỨC GIỮ XANH ĐẤT MẸ

Trong Quyển cuối cùng của bộ sách *Cây cỏ Việt Nam* (quyển III, tập 2) xuất bản tại Montréal 1993, chỉ với hai trang *Thay Lời Tựa*, GS Phạm Hoàng Hộ đã để lại một Thông điệp; cũng có thể coi như một Di Chúc cho Việt Nam.

“Thực-vật-chúng Việt Nam có lẽ gồm vào 12.000 loài. Đó là chỉ kể các cây có mạch, nghĩa là không kể các Rong, Rêu, Nấm.

Đó là một trong những thực-vật-chúng phong phú nhất thế giới. Sự phong phú ấy là một diễm phúc cho dân tộc Việt Nam. Vì như tôi đã viết từ 1968, Hiễn hoa là ân nhân vô giá của loài người. Hiễn hoa cho ta nguồn thức ăn căn bản hàng ngày; Hiễn hoa cung cấp cho ta, nhất là người Việt Nam, nơi sinh sống an khang. Biết bao cuộc tình duyên êm đẹp khởi đầu bằng một miếng Trầu, một miếng Cau. Bao nhiêu chúng ta đã không chào đời bằng một mảnh Tre để cắt rún, rời nhau? Lúc đầy nguồn sống lúc nhàn rồi, chính Hiễn hoa cung cấp cho loài Người thức uống ngon lành để say sưa cùng vũ trụ. Lúc ốm đau, cũng chính Cây cỏ giúp cho ta được thảo hiệu linh.

Các điều ấy rất đúng hơn với chúng ta, người Việt Nam mà ở rất nhiều nơi còn sống với một nền văn minh dựa trên thực vật.

Nhưng ân nhân của chúng ta ấy đang bị hiểm họa biến mất, vì rừng nước ta đã lùi dưới mức độ an toàn, đất màu mỡ bị xoi mòn mất ở một diện tích lớn, và cánh sa mạc đang bành trướng mau lẹ. Đã đến lúc theo nhạc của một bài ca, ta có thể hát: “Thân

dân nghe chẳng? Sơn hà nguy biến. Rừng dày nào còn, Xoi mòn đang tiến... Đâu còn muốn cây làm êm ấm núi sông.” [Ghi chú của người viết: bài ca Hội nghị Diên Hồng, nhạc của Lưu Hữu Phước, lời: Huỳnh Văn Tiêng - Mai Văn Bộ - Lưu Hữu Phước].

Kho tàng thực vật ấy chúng ta có phận sự bảo tồn. Sự bảo tồn và phục hồi thiên nhiên ở nước ta rất là cấp bách. Nó có thể thực hiện, vì mỗi người của chúng ta, dù lớn dù nhỏ đều có thể góp phần vào sự bảo tồn ấy. Bằng những cử chỉ nhỏ nhặt hàng ngày, sự đóng góp của chúng ta quan trọng không kém.

Không quăng bậy một tia lửa, một tàn thuốc, là ta góp phần tránh nạn cháy rừng. Không đốn bậy một cây, là ta bảo vệ Thiên nhiên của ta. Trồng cây là phận sự của chính quyền hay của các Công ty gây rừng. Nhưng quanh nhà chúng ta, chúng ta có thể tìm trồng một cây lạ, đặc biệt, hiếm của vùng hay chỉ có ở Việt Nam. Dân ta yêu cây hoa-kiểng, nhưng các nhà nhân rồi có thể trồng cây lạ, đặc biệt, cũng là một thú không kém hay đẹp. Các thị xã nên có một công viên hay vườn bách thảo, không lớn thì nhỏ để khoe các cây hay của vùng, không bắt buộc là cây hữu ích hay đẹp. Cây Dó đâu có gì lạ? Nhưng nó là niềm tự hào cho dân tộc vì từ Hồng Bàng, dân ta đã biết lấy trầm từ nó. Cả ngàn loài cây khác chỉ có ở Việt Nam mà thôi! Các cây này có thể trồng như cây che bóng mát dựa lộ. Các làng, các quận, các tỉnh nên tạo phong trào trồng nhiều loài lý thú như vậy. Ta không cần đợi các lâm viện, khu dự trữ để bảo vệ tài nguyên quý báu cho thế hệ sau, mà ta cũng có thể chính mình góp phần vào sự bảo vệ ấy. Trồng các cây lạ, đặc biệt ấy còn là một yếu tố quyến rũ [chữ GS Phạm Hoàng Hộ theo cái nghĩa quyến rũ] du khách quan trọng: Lan Thủy tiên hương *Dendrobium amabile* của ta, chỉ có ở một Vườn Bách thảo ngoại quốc trồng được và họ tự hào đến nỗi đã ghi trong “Sách quán quân thế giới 1988.”

Hàng năm ta có thể tuyên dương nhà nào đã trồng cây hay, lạ. Tất nhiên là công với nước nhà mới trồng không bằng những ai đã đem *Rhizobium* vào để tăng năng xuất đậu nành, đã trồng được cây Dó tạo trầm, đã du nhập lúa Thần nông hay Nho. Nhưng nếu cả ngàn người, cả triệu người đóng góp cho non nước những “nhỏ-nhen” [chữ GS Phạm Hoàng Hộ theo cái nghĩa nhỏ nhặt], cả triệu cái nhỏ-nhen chắc chắn trở nên một khối đồ sộ.

Đóng góp lớn, tôi vẫn cho là việc khó. Tôi quý các đóng góp nhỏ, hằng ngày mà ai cũng làm được. Nó hay hơn. Kẻ sĩ, theo tôi không phải chỉ là những kẻ đã làm được những chuyện lớn. Đóng góp những chuyện nhỏ hàng ngày cũng là hành động của một kẻ sĩ, kẻ sĩ vô danh. Kẻ sĩ vô danh cao quý không kém. Với những đóng góp nhỏ ấy, chắc chắn bạn không làm buồn lòng cho Tổ Quốc và không thẹn với Non Sông. [Lược dẫn Thay Lời Tựa, bộ sách Cây cỏ Việt Nam; quyển III, tập 2].

Qua “Di Chúc” ấy của GS Phạm Hoàng Hộ, từ nay môn Sinh học Thực Vật không còn là lý thuyết mà đã đi vào đời sống; **Giữ Xanh Đất Mẹ** phải là kim chỉ Nam cho mọi trình độ giáo dục từ Tiểu học tới Đại học, cả trong công dân giáo dục, là giá trị phổ quát và xuyên suốt cho mọi thể chế chính trị và cả trên tâm vóc toàn cầu là **Giữ Xanh Trái Đất** này / Keep this Planet Green.

THAY CHO MỘT KẾT TỪ

Giao sư Phạm Hoàng Hộ đã xem bộ sách *Cây cỏ Việt Nam là công trình của đời tôi* và Giáo sư đã đề tặng toàn sự nghiệp ấy cho:

“Những ai còn sống hay đã chết trong tù vì tháng Tư năm 1975 đã quyết định ở lại để tiếp tục dâng góp cho đất nước.

Tặng giáo sư Nguyễn Duy Xuân nguyên Viện trưởng Đại học Cần Thơ, mất ngày 10/XI/1986 tại trại Cải Tạo Hà-Nam-Ninh.

Tặng hương hồn những ai trên biển Đông đã chết ghen ngào”.

Xin gửi tới hương linh Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, một nhà khoa học lớn, một nhân cách lớn, một kẻ sĩ khí phách biểu tượng của trí thức đã đi hết chặng đường đau khổ với trọn đời cống hiến trong một giai đoạn vô cùng đen tối của đất nước. Bài viết ngắn vội này trong nỗi xúc động, như một nén nhang của một môn sinh tưởng nhớ Thầy với câu thơ của thi hào Nguyễn Du: *Thác là thể phách còn là tinh anh*. Và cũng với ước mong một ngày nào đó “*hoa sẽ nở trên đường quê hương*”, sẽ có một tượng đài của Thầy trên đỉnh Fan Xi Pan cao hơn 3000m ở Hoàng Liên Sơn để

các thể hệ môn sinh tiếp tục được Thầy hướng dẫn tới đó khảo sát Cây Cỏ và hoàn tất **Giấc Mơ Việt Nam** của Thầy.

California, ngày 05 tháng 02 năm 2017

NGÔ THẾ VINH

Tham khảo:

1/ GS. Phạm Hoàng Hộ & GS. Nguyễn Duy Xuân đối với việc hình thành và phát triển Viện Đại học Cần Thơ (1966 – 1975); Phạm Đức Thuận; Tập san Xưa và Nay số 439 tháng 11 Năm 2013.

<http://www.catholib.org.vn/Database/Content/1188.pdf>

2/ Vị Tổng trưởng quyết không rời Quê hương. Trung Hiếu; Báo Thanh Niên 28.04.2015; <http://thanhnien.vn/thoi-su/giu-huyet-mach-cho-hon-ngoc-vien-dong-ky-6-vi-tong-truong-quyet-khong-roi-que-huong-556577.html>

3/ Anh Chị Thủy – Thu Văn thăm Thầy Phạm Hoàng Hộ

<http://truongxuanbanco.fpb.yuku.com/topic/118/Anh-Ch-ThuThu-Vn-thm-Thy-Phm-Hong-H#.WJNVUxTcdwg>

4/ Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, một người thầy của tôi. Lê Học Lãnh Vân; Một Thế Giới.VN 02.02.2017

<http://motthegioi.vn/giao-duc-c-69/cau-chuyen-giao-duc-c-108/giao-su-pham-hoang-ho-mot-nguoi-thay-cua-toi-55462.html>

CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017

TIỆM VÀNG VÀ HỘT XOÀN
THÀNH LỢI
JEWELRY
(trong khu HONG KONG 4)
11209 Bellaire Blvd # C9B
Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9696

Chuyên môn về vàng 24k, 18k, 14k
Cẩm Thạch và Hột Trai Quý
Nhập cảng Hột Xoàn từ Âu Châu có certificate
bảo đảm của hãng GISA, EGL.HRD, IGI

Đã chuyển về địa điểm mới (từ tháng 11/2007) trong khu HONG KONG 4, bãi đậu xe rộng rãi, cửa hàng mặt tiền dễ tìm, rất thuận tiện cho quý vị khi muốn mua nữ trang trong dịp cưới, hỏi, hoặc tặng quà trong dịp Tân Gia, Khai Trương.

* Mở cửa 7 ngày (Open 7 days a week)
Rất mong được sự ủng hộ của quý khách

THÀNH LỢI
kính mời

VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 153 * MÙA XUÂN 2017



TRẦN HỒNG VĂN

Phóng tác truyện ngắn

[của nhà văn Tiệp Khắc Milovan Djilas]

LỆNH HÀNH QUYẾT

Tác giả: Khi còn trẻ, Milovan Djilas theo phe nổi loạn đứng lên chống lại chính quyền Hoàng Gia Tiệp Khắc rồi trở thành một nhân vật quan trọng trong Hội Đồng Cộng Sản Trung Ương. Ông giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền cách mạng như Bộ Trưởng, Chủ tịch nghị viện rồi Phó Tổng Thống. Tuy vậy, khi ông từ chối rút lại lời chỉ trích về lẽ lối làm việc của chính quyền, quyền hành của ông bị thu lại dần. Từ năm 1956 về sau, ông bị nhốt tù nhiều lần. Mỗi truyện ngắn ông viết ra lại kéo dài thêm thời gian ngồi trong tù. Tình nổi loạn, đòi hỏi một sự công bằng, chống lại sự độc tài luôn có sẵn trong tâm hồn ông cho nên mặc dù không phải là một trong những nhà văn danh tiếng nhưng ông cũng dành được một chỗ đứng trong nền văn học thế giới.

Hầu như buổi chiều nào tôi cũng phải tới quan sát đội hành quyết tại dãy núi tuyết nằm xa tỉnh lỵ chừng năm dặm rưỡi. Nơi này biệt lập với mọi sinh hoạt ngoại trừ chiến tranh lan tràn khắp mọi nơi, để lại những khổ đau và máu chảy cho những vùng quê đã chịu biết bao sự khắc nghiệt về cuộc sống cũng như thời tiết, cho người dân sống trong làng mạc đã chịu đựng hàng nhiều thế kỷ với cái im lặng và cô độc.

Rút lui trước khi quân Đức Quốc Xã tấn công, quân đội cách mạng chạy vào vùng quân Ý chiếm giữ, một lực lượng nhỏ

không chiến đấu tách ra khỏi lực lượng chính và đóng ngay tại ngoại ô tỉnh lỵ chờ cho qua mùa đông lạnh lẽo. Chính tại vùng xôi đậu này, khó mà phân biệt được ai là bạn, ai là thù. Mục đích chính của toán quân này là lợi dụng mùa đông tới để khôi phục và chỉnh đốn lại hàng ngũ, chờ tới mùa xuân sang năm sẽ sát nhập lại vào lực lượng chính. Nhưng với lệnh đưa ra của quân Đức thì phải thanh toán càng nhanh càng tốt với những chiến dịch quét sạch tung ra từng đợt. Lực lượng phản cách mạng với sự giúp đỡ của quân Đức lại không nghĩ như vậy, họ cho là đối với lực lượng cách mạng, cuộc chiến chưa chấm dứt, phải chiến đấu cho tới giọt máu cuối cùng, dù là họ hay kẻ thù.

Tin tức cho biết là từ hai hay ba tuần nay, một lực lượng lớn quân phản cách mạng chiếm giữ vùng hữu ngạn con sông. Bây giờ dòng sông chia cắt những con người cùng một dòng máu, cùng một tiếng nói, cùng một nền văn hoá, phong tục tập quán thành hai nhóm người đối nghịch nhau, bắn giết lẫn nhau. Cũng có tin là một toán quân Ý đang chỉnh đốn lại quân ở tỉnh kế bên. Dân chúng cả ở vùng quê lẫn nơi thành phố đều có thể bị bắt giữ với một thái độ làm lý khó hiểu. Không một ai hiểu được rõ ràng, nhưng đều cảm thấy có một cuộc tấn công, một sự xâm lăng của một lực lượng nào đó và một chế độ mới sẽ được thiết lập.

Những cuộc đụng độ thường xảy ra dọc theo bờ sông và ngày nào đơn vị của tôi cũng phải chờ binh sĩ bị thương về tỉnh để chữa trị. Những vật nặng công kền của các sỹ quan cùng đồ vật linh kinh khác chất đống quanh bộ chỉ huy trở thành một gánh nặng và phiền phức mỗi khi phải triệt thoái. Vì vậy, bộ chỉ huy đưa ra một nhận định là trong khi chiến đấu, nhất là những khi triệt thoái, chúng tôi không thể mang hết đi được. Những hồ sơ, vũ khí không có đạn dược phải được chôn kín và nhất là phải có một quyết định dứt khoát về số phận các tù binh hay những kẻ bị tình nghi là tình báo cho phía bên kia.

Sự căng thẳng và vội vã tại bộ chỉ huy thấy rõ từng ngày, từng giờ. Tôi đoán một phần của mối lo sợ này là vị trí nơi đóng quân, địa điểm này nằm ngay tại trung tâm điểm của các lộ giao thông trong vùng, nơi mà con sông bắt đầu chảy vào khe núi trước khi đổ ra vùng đồng bằng. Nơi đóng quân là một căn nhà màu trắng lớn mà người chủ là một giáo viên mới bị bắn chết vài ngày

trước. Người mẹ, vợ và ba đứa con của ông ta bị đẩy ra sống tại nhà kho nhỏ ở một góc sân, nét mặt họ đầy vẻ cay đắng, và tỏ rõ nét căm thù.

Buổi chiều hôm đó sự căng thẳng cao độ như đang chờ đón tôi, từng tràng súng liên thanh hình như gần hơn và rõ ràng hơn. Như thể sợ hãi vì hình như tôi có ánh mắt lạnh lẽo, người mẹ kéo vội đứa con vào căn nhà tối tăm rồi đóng xập cửa lại. Người lính trực báo cáo là mọi người trong bộ chỉ huy chưa trở về, còn về phần Strahinja, một quân nhân trong ban liên lạc, thì đang thi hành công tác ở bên cạnh con suối phía sau nhà, hẳn đã từng xử tử nhiều người trong vùng này.

Sau khi đã ra lệnh cho nhân viên dắt con ngựa mệt mỏi vào chuồng, tôi bước đi về hướng Strahinja đang thi hành nhiệm vụ. Tôi đã thấy nhiều người bắn và bị bắn rồi nên không phải vì tò mò mà là nhiệm vụ của tôi phải chứng kiến cảnh xử tử khiến tôi phải tới đó. Hiện giờ tôi cũng không có việc gì phải làm, hơn nữa việc hành quyết cùng việc chôn người chết không đúng cách cũng là một cơ hội cho địch quân tuyên truyền. Vì vậy, tôi cần phải chứng kiến xem mọi việc có tiến hành một cách đúng nguyên tắc không.

Qua rặng cây trăn và dương liễu thưa thớt và trụi lá, tôi có thể nhìn thấy bóng hai người, đó là Strahinja và một nông dân. Cả hai đang đứng bên bờ suối, thoạt nhìn thì không thể nào nói đó là một người sắp bị hành quyết và một người thừa hành lệnh hành quyết cả và như thể sự hiện diện của tôi sẽ làm phiền đến chuyện riêng tư của hai người vậy. Tôi ngạc nhiên khi thấy địa điểm làm nơi xử bắn quá gần căn nhà, nhưng khi nhìn thấy dòng suối quá cận và những ngọn đồi bằng đá quanh đây thì quả thực không còn nơi nào thích hợp hơn.

Tuy vậy tôi cũng phải than phiền vì chiếc hố quá nông, chỉ sâu quá đầu gối một chút. Strahinja che giấu sự bối rối, trả lời:

- Chắc là ông cũng không muốn hẳn có chiếc hố sâu hơn nữa. Đào đến đây thì mệt quá, hẳn nói với tôi là không muốn đào sâu hơn nữa. Hẳn muốn thế thì cho hẳn một chiếc hố hơi nông vậy. Tôi cũng còn ba người nữa đang đợi trước khi trời tối hẳn.

Tôi biết Strahinja từ lâu. Nó mới tròn mười tám tuổi nhưng nét mặt thì trẻ hơn nhiều. Sinh ra tại một làng gần đây, khi

được mười bốn tuổi, nó vào làm việc trong một mỏ than. Mặt bầu bĩnh, thân hình cao và rắn rỏi, thêm vào tính tình cởi mở, tính can đảm và hay giúp đỡ mọi người nên nhiều cô gái trong làng để ý và cả đám thợ thuyền đều thích. Trong đám thợ có vài người nằm trong mặt trận kháng chiến nên nó được chú ý sau đó được kết nạp vào tổ chức, về sau đi theo vào lực lượng kháng chiến và nằm trong ban liên lạc. Bây giờ thì nó kiêm luôn nhiệm vụ xử bắn những người bị ban lãnh đạo kết tội. Sở dĩ được giao thêm cho nhiệm vụ này không những số người bị bắt vì tinh nghi hoạt động cho phe phản cách mạng tăng mà còn do biệt tài của nó nữa.

Strahinja nói là hắn rất thích công việc mới được giao phó này, đây là cơ hội được trả thù phe phản cách mạng vì trước đây nó bị phe này đánh đập tàn nhẫn. Có thể đúng như vậy, mà cũng có thể không hoàn toàn đúng hẳn. Trái với những quân nhân trong ban liên lạc, nó không có dấu hiệu nào chứng tỏ ham thích trong việc đọc sách về kháng chiến hay những buổi học tập, được gọi là để tự rèn luyện về lý tưởng cách mạng. Nó cho việc giết các phần tử phản cách mạng là con đường tốt nhất, hơn hẳn các đồng chí khác và cũng là việc chứng tỏ trung thành tuyệt đối với lực lượng cách mạng. Điều này đã được xác định không những do hành động của chính nó mà từ tất cả mọi người là tự trong thâm tâm con người nó, có một động lực khiến nó vui thích, đó là khi xử bắn nạn nhân, khi đó nó thật lạnh lùng, chính xác và chứng tỏ một mối căm hận sâu xa. Vì vậy khi được lệnh phải thi hành, nó chấp nhận không một chút do dự.

Ở ngoài mặt trận, bắn giết quân thù không nhìn thấy rõ mặt hay dội bom xuống làng xóm lại là một chuyện khác hẳn với việc bắn thẳng vào một người nào đó với cái nhìn, hình dáng bên ngoài lại tương tự như chính mình, nhất là người cùng một giống nòi, cùng một tiếng nói, cùng phong tục tập quán như mình nữa. Do đó mọi người nhìn Strahinja với nhiều thắc mắc và có một cảm nghĩ không thoải mái. Còn đối với Shrahinja, với nét mặt ngây ngô trẻ nít, nó thường trêu chọc những người tỏ vẻ sợ hãi hay ghê sợ hành động của nó.

Còn về phía người nông dân, ông ta bị bắt vào hai tuần trước và bị nhận diện là anh vợ của viên chỉ huy một lực lượng phản cách mạng. Ông ta còn bị nghi ngờ là tham gia vào toán

tuyển mộ binh sĩ cho lực lượng phản cách mạng nữa . Không có gì chứng tỏ lời buộc tội này là đúng, người nông dân không nhận tội, ông ta nói là tới vùng này để mua thuốc hút thôi. Ban chỉ huy sợ rằng khi trở về, ông ta sẽ kể cho lực lượng thù nghịch những gì ông ta đã nghe và nhìn thấy ở đây. Không ai có quyền tin theo lời ông ta để nguy hiểm cho bao nhiêu sinh mạng trong lực lượng đồn trú tại nơi này được do đó mới đưa đến kết luận là người nông dân này phải tội chết.

Đó là một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi, có thân hình vạm vỡ với cái đầu thô kệch, hàm râu mọc dài lởm chởm và dính bùn đất. Thật là lạ lùng khi người nông dân này ngoan ngoãn nghe theo những gì Strahinja ra lệnh để chuẩn bị cho cái chết. Thoạt đầu tôi sợ hãi vì người nông dân to lớn này không bị trói, ông ta có thể vật ngã Strahinja dễ dàng để chạy trốn. Tuy trời nhiều mây mù nhưng còn sáng, cả vùng đồng quê còn ngập chìm trong ánh sáng bàng bạc buổi hoàng hôn. Tuyết làm thành một lớp dày sẽ làm cho Strahinja khó khăn vì phải đi đôi giày ủng cao. Hơn nữa gần đây có con sông, phía bờ bên kia là đất sống cho người nông dân. Nhìn kỹ tôi thấy ông ta như đang ở trong con mê và như thể đang sẵn sàng nhận tội chết. Chỉ cần chạy vài bước thôi. Đã có nhiều người đã chống cự lại trong con tuyết vọng. Nhưng có một cái gì đó, cái gì mạnh hơn bất cứ mọi thứ đã làm tê liệt người nông dân kia. Cái đó có trong Strahinja phải chăng là sự điềm tĩnh, thận trọng trong lời nói và cái gì thật quen thuộc với người nông dân. Sự quen thuộc này là sợi dây thật chắc nối liền Strahinja với nạn nhân.

Sự hiện diện của tôi chẳng mang cho người nông dân chút hy vọng nào và cũng không làm cho Strahinja nghĩ là tôi có thể ra lệnh ngưng cuộc xử tử này. Sau khi giải thích cho tôi hiểu tại sao chiếc hố lại nông như vậy, Strahinja quay sang nói với người nông dân:

- Nay anh bạn, mình phải nhanh lên một chút mới được. Bây giờ cởi quần áo ra nhé. Anh có chiếc áo khoác ngoài và chiếc quần còn mới, cả đôi dép da còn tốt. Thật là không phải nếu để nó mục nát dưới đồng đất bùn trong khi nhiều người khác phải đi chân đất, có đúng vậy không?

Người nông dân đồng ý một cách mê muội:

- Phải đó Strahinja. Để chúng mục nát như vậy thì thật phí của trời.

Ông ta bắt đầu cởi quần áo. Trước hết là cởi chiếc áo khoác ngoài ra rồi đặt cẩn thận trên đồng tuyết. Chiếc ngực nở nang và những chiếc xương sườn rộng và to lớn. Những bắp thịt đen và cuộn cuộn. Không một lời thở than cũng như có cái rùng mình nhỏ trước cái lạnh cắt da, ông ta bắt đầu cởi chiếc áo sơ mi, xếp lại cẩn thận rồi để trên chiếc áo khoác ngoài, sau đó ngồi trên bờ hồ, cởi đôi dép, tay phải để đôi dép bên cạnh chiếc áo khoác. Tới đây ông ta ngưng lại, im lặng một lát nhưng thấy Strahinja không nói gì, ông ta đứng ra khỏi chiếc hồ rồi bắt đầu cởi chiếc quần ngoài, gấp lại cẩn thận và để lên trên đôi dép.

Đứng trên mảnh đất dính đầy bùn và tuyết, ông ta không cởi nốt chiếc quần trong:

- Này người em Trahinja, đừng bắt anh phải cởi nốt chiếc quần này ra nữa nhé. Anh xấu hổ đứng trước mặt em và cũng không thích bị chôn mà không mặc quần áo.

Strahinja đồng ý nhưng có vẻ giận vì người nông dân đã gọi nó là người em trước mặt tôi. Nó nói:

- Đừng gọi tôi là người em. Chúng ta không họ hàng cũng không phải là đồng chí. Anh có thể mặc quần, chúng tôi không thu nhận quần trong của ai cả. Đó là sái nguyên tắc.

Rút khẩu súng lục ra, tay trái của Strahinja để lên vai người nông dân rồi đẩy ông ta vào vị trí, miệng liên tục nói với giọng đều đều:

- Đó, đứng ngay đó, không phải ở đó mà chỗ kia kia. Đó, chỗ đó.

Tay vẫn không rời khỏi chiếc vai lực lưỡng của người nông dân, Strahinja đẩy ông ta tới bên bờ hồ, cả chiều dài chiếc hồ ở phía sau lưng ông ta.

- Anh bạn biết không, nếu anh đứng như vậy, người anh sẽ nằm dài trong chiếc hồ, tôi sẽ không phải mất công sửa lại nữa.

Như thế bây giờ mới cảm thấy sợ hãi những gì xảy ra trước mắt, tiếng khóc của người nông dân bật ra từ chiếc miệng bao phủ bằng hàng râu ria rậm:

- Trời ơi, thân tôi, căn nhà của tôi. Trời ơi, vợ tôi và con tôi. Trời ơi, thân tôi, ruộng vườn của tôi. Tại sao lại bắt tôi phải bỏ đi tất cả như thế này? Tôi có tội tình gì?

Tiếng khóc làm tôi liên tưởng đến đời sống thật cay đắng của người nông dân trong thời chiến tranh và tôi chỉ biết tội nghiệp cho họ. Tôi có thể ra lệnh cho Strahinja tạm ngưng lệnh hành quyết và yêu cầu ban chỉ huy xét lại trường hợp của người nông dân này. Tuy vậy tôi vội xua đuổi ý nghĩ trên đi ngay. Bất cứ việc xét lại nào cho quân địch cũng có thể làm nhụt ý chí chiến đấu và tinh đoàn kết của binh sĩ trong lực lượng kháng chiến.

Còn về phần Strahinja thì hẳn có nghĩ như vậy không? Rõ ràng là chẳng có một may mắn ý tưởng nào trong đầu óc nó cả. Vẫn giữ vai người nông dân bằng tay trái, nó nâng khẩu súng lên ngang trán ông ta và thỉnh linh ngoài dự liệu của tôi mà cũng của người nông dân nữa, nó bóp cò. Người nông dân ngã vật xuống hố, cơ thể ông ta co dặt và có tiếng khò khè phát ra từ cổ họng. Strahinja bỏ khẩu súng vào trong bao, cầm lấy chiếc xẻng rồi bắt đầu xúc đất lấp chiếc hố lại.

Tôi la lớn:

- Ngưng lại, ông ta còn sống mà.

Nó ngưng tay lại, giải thích:

- Vâng hẳn vẫn còn sống. Dĩ nhiên là còn sống. Tôi đã học được cách xử tử, chỉ cần bắn giữa hai mắt, nhưng hơi thấp xuống một chút. Viên đạn sẽ đi qua dưới bộ óc sẽ không giết liền mà chỉ làm cho hắn bất tỉnh. Hắn phải cảm nhận được cái chết, đồ chó đẻ. Chết sẽ ra sao nếu người ta không cảm nhận được nó. Vì vậy ...

Nó nhún vai, tiếp tục xúc đất đổ vào chiếc hố.

- Tôi sẽ chôn sống hắn để cho hắn biết chết như thế nào và tại sao hắn phải chết.

Giận dữ, tôi rút súng ra và bắt đầu bắn vào người nông dân. Tôi cũng không còn biết mình đã bắn bao nhiêu viên đạn cho đến khi cơ thể ông ta hết co giật và cổ họng không còn phát ra tiếng khò khè nữa.

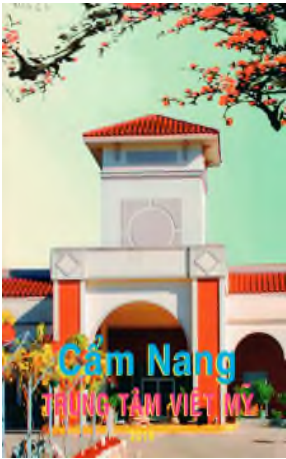
Strahinja lẩm bẩm:

- Mình phải tiết kiệm đạn dược. Nó phải cảm nhận được cái chết. Đối với bọn côn đồ, chết có nghĩa lý gì nếu chúng không cảm nhận được. Đúng, phải cảm nhận thấy chứ.

Tôi thay băng đạn mới, bỏ vào bao rồi trở về doanh trại mà không nói một lời. Đã quá quen thuộc với cảm giác lo lắng hốt hoảng của người đứng trước cái chết và sự hủy diệt nhưng buổi chiều hôm đó tôi không có một cảm giác quen thuộc đó nữa cho đến khi tôi đắm mình trên dòng sông trước ngôi nhà. Rồi tôi không còn nghe tiếng súng máy rên rỉ nữa, giờ đây con sông tràn đầy những tảng băng đá khua nhẹ nhàng vào nhau, ngập chìm vào những vệt sáng chói viền quanh căn nhà, quanh những đùm rơm và quanh những hàng cây non dọc theo con đường.

* **Trần Hồng Văn**

ĐÃ PHỔ BIẾN - MỜI BẠN TÌM ĐỌC CẨM NANG TRUNG TÂM VIỆT MỸ



* Bao gồm các chương trình sinh hoạt hiện tại và tương lai của Trung Tâm.

* Điện Thoại, Niên Giám, và các tài liệu bổ ích liên quan đến đời sống người cao niên tại Mỹ đã được phát hành vào dịp Tết Bính Thân 2016.

Đặc điểm: **Khổ chữ lớn - biên khảo công phu - tràn đầy thông tin hữu ích.**

TRUNG TÂM VIỆT MỸ

Liên hợp giữa hạt Harris và Annam CDC

**9530 Antoine Drive,
Houston, Texas 77086**

Phone: **713-320-7555** / Fax: **281-448-0500**
Annamcdc.org annamcdc@hotmail.com

* phụ góp ấn phí: **\$10**

MỜI BẠN TÌM ĐỌC - GIỚI THIỆU NHIỀU NGƯỜI CÙNG ĐỌC VÀ ỦNG HỘ VĂN HOÁ VIỆT NAM - TẠP CHÍ BẢO TỒN & PHÁT HUY VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CỦA CHÚNG TA.

Thư từ, bài vở, chỉ phiếu ủng hộ gửi về tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM: PO.Box 683276 Houston, Texas 77268 USA.

Email: Tanpham99@hotmail.com. Tel/Fax: (281)8260415

TRẦN VĂN LỆ MÙI CỦA MẸ

Tôi hỏi thằng Cu con tôi:

Con ngủ với Ba, con thích không?

Nó đáp: Không!

Tôi hỏi tiếp: Tại sao? - Tại con nhớ mùi-của-Mẹ!

Tôi không hỏi gì nữa, tôi xoa lưng cho nó

Rồi nó ngủ hờn nhiên

Chắc nó đã quên cái mùi-của-Mẹ?

Tôi hỏi ai chừ thế?

Nếu đời đừng dẫu bề

Mẹ của con tôi có xa nó đâu!

Nếu đời đừng có bề dẫu

Mẹ của con tôi không vất vả...

Đời mãi xanh như cây rừng xanh lá...

Mùi-của-Mẹ cũng là mùi-của-Má

Ngày nào tôi còn bé bỏng như con tôi bây giờ

Đó là ngày xưa - Ngày xưa, chuyện đời xưa, đều đẹp!

Buổi trưa buổi chiều tôi thấy Má đứng ở xó bếp...

Lao động là mệt. Cuốn Tâm Hồn Cao Thượng,

Hà Mai Anh dịch, chỉ thấy chữ Lao Động hiện ra một lần

Những nhà thương chữa bệnh cho bệnh nhân

đa số thuộc thành phần lao tâm lao lực!

Tôi hôn thằng Cu con tôi, mái tóc biếc

Mẹ nó đang Gia Lai Kông Tum

Mẹ nó lảng xãng làm hết chuyện này chuyện khác

Chỗ nào có việc cần là cứ đi thôi!

Tôi nhớ mùi mồ hôi của người bạn đời tôi lắm

Chúng tôi thay nhau dầm mưa dãi nắng

Mai nàng về, tôi lại ra đi. Không biết khi nằm bên con

nàng có nghe con nói “Con nhớ mùi-của-Ba”?

Mùi-của-Mẹ, Mùi-của-Ba, cái mùi nắng nặng

Mùi của mưa của nắng

Chữ Vàng Đá không phai, gió thổi không bay

Chữ Tình khiêng bằng bốn cánh tay, lạ thay khiêng không nổi!



ĐÀO ANH DŨNG

SOI ĐỜI

Dạo phố Budapest, tiết thu lạnh lạnh, nhóm chúng tôi ghé một quán nhỏ, uống ly rượu vang pha ướp với cam, mật, quế, đinh hương ... hâm nóng, bàn chuyện du hí thật thú vị và ấm lòng. Vậy



mà trước khi rời quán, không ai quên "phận sự" riêng tư của mình. Vì sao? Vì đây là khu du lịch nên việc gì cũng phải "chi địa", kể cả chuyện tiểu tiện.

Trở về bàn, chú Tánh, người bạn trẻ tuổi nhất, tùm tùm cười và nói với cả nhóm:

"Mẹ, mới đến tuổi này, có một con ruồi mà tui... tè mãi không trôi!"



Câu nói làm quý bà ngạc nhiên. Tôi phải giải thích rằng quán này có một sáng kiến thật tiểu lâm, đánh trúng tâm lý đàn ông. Họ dán hình một con ruồi vào cầu tiểu để quý ông không đi bậy ra ngoài. Ai cũng cười xoà, khen hay, chỉ có anh bạn Ngọc ngồi trầm tư trong giây lát, bỗng cất tiếng, nói:

"Ai có đi làm lao công như tui hồi mới đến Mỹ, mới biết nỗi khổ nhục của cái nghề

này. Trước đó có mấy tháng, mình đường đường là một sĩ quan, rồi ai có ngờ đâu phải đi chùi cầu tiêu kiếm tiền nuôi vợ con..."

Nghe giọng nói của bạn nao nao, bùi ngùi, tôi ngại câu chuyện sẽ làm cho nhóm mất vui nên vội nói đỡ lời:

"Thì đa số dân tỵ nạn chúng mình, lúc mới đến, chân ướt chân ráo, ai cũng vất vả làm những công việc tay chân, sau đó mới có dịp tìm hiểu, người đi học lại, kẻ kiếm được việc làm đỡ cực nhọc hơn. *Nhậu* xong rồi, mình đi đâu đây?"

Tương bạn Ngọc biết ý, bỏ qua chuyện xưa, nhưng không, anh ta hóp ngum rượu còn lại trong ly rồi nói tiếp:

"Quý vị thấy đó, người đời mà, xứ nào cũng vậy! Nhà mình thì ai cũng cẩn thận. Nếu không, bà xã cần nhẫn, chịu đời sao thấu!? Nhưng ở nơi công cộng thì thiên hạ vung vẩy tứ tung, đâu có nghĩ đến những người quét dọn. Lúc đầu tui thấy nhục lắm, nhất là anh sếp toán lao công cứ chê tui chùi cầu không sạch. Khi ấy, tui có làm mấy câu thơ để than thân phận mình. Nghỉ hưu xong, có thời giờ rỗi rảnh, tui chép lại những bài thơ xưa nay của mình, giữ trong cái *iPhone* này, thỉnh thoảng lấy ra đọc mà ngâm chuyện đời. Đề tui tìm đọc cho quý vị nghe chơi."

Nói xong, anh bạn Ngọc lấy chiếc điện thoại cầm tay, quẹt qua, quẹt lại một hồi, mỉm cười nói: "Đây, tui tìm ra rồi! Mời quý vị nghe:

*Thôi đành cam phận kiếp lao công,
Đánh bóng cầu tiêu, quét dọn phòng,
Soi đời tỵ nạn, thân chiến bại,
Quê Mẹ xa rồi, dạ nhớ mong."*

"Hay quá, bác Ngọc! Rồi bác dính với cái *job* này bao lâu vậy?"

"Gần cả năm sau tui mới tìm được việc làm khác, lúc đã đi học trở lại. Chuyện này tui nhớ hoài và hôm nay muốn nhắc lại cho quý vị nghe là tui mang ơn anh sếp lao công đó. Chê tui được vài lần không xong, anh chàng ra tay, *day* tôi cách chùi cầu tiêu. Quý vị biết không, chùi xong cầu nào anh chàng cũng đứng ra xa nhìn xem cái bồn cầu có bóng hay chưa nữa chứ! Khi ấy, tui mới nhớ lại lời ông thầy lớp ba của tui dạy hồi xưa, đại khái là làm việc gì, dù lớn hay nhỏ, ta cũng phải tận tâm, tận lực mới nên. Bài học

này đã giúp tui rất nhiều trong thời gian đi học rồi đi làm, những lúc ứng xử ngoài đời cũng như trong gia đình. Và, nó cũng giúp tui nghiệm ra rằng, trong đời này không có nghề nào xấu xa, nhục nhã cả. Chỉ có những việc làm trái với lương tâm, đạo đức mới đáng cho ta khinh bỉ mà thôi."

"Còn khi *mãn* thơ thì sao hả bác?"

Tôi hỏi đùa anh bạn Ngọc cho vui. Không ngờ anh ta thật tình trả lời:

"Minh cũng phải cẩn thận từng âm, từng chữ sao có vắn, có điệu cho hay, theo đúng luật thơ nếu không phải là thơ tự do. Nhưng nếu mình đi quá lố, hồn thơ có thể bay mất, không khéo thì thi sĩ thành thợ sắp chữ! Thôi, bây giờ tui đề nghị mình tản bộ ra bờ sông Danube, biết đâu phong cảnh thi vị sẽ gợi hứng giúp tui làm một bài thơ."

Cả nhóm chưa kịp kéo ghế, nhón chân chị bồi bàn đã mang ra một mâm rượu mới, khói còn nghi ngút trên mặt ly. Ai nấy ngạc nhiên, chưa kịp lên tiếng hỏi, chú Tánh đã giải thích:

"Câu chuyện của bác Ngọc kể nghe thắm thía làm sao! Nhân đây, vợ chồng em xin đái quý anh chị một chén rượu cho vui, để... để em xin thọ giáo bác Ngọc dạy em làm thơ. 1975 em phải bỏ học, rồi qua đây em đi học, đi làm chung với Mỹ, tiếng Việt không quen nhưng chuyện thơ văn thì em bù trừ."

Ai đó buột miệng, nói hơi to: "Thiện tai! Thiện tai! Lại thêm một nhà thơ!" làm cả nhóm không nhận được, tiếng cười át luôn tiếng lách tách cụng ly.

đào anh dũng



Mời bạn tìm đọc

CUỐI ĐỜI MỘT NGƯỜI LÍNH THƠ

* tác giả **TRẦN VĂN LỆ**

* Chương Văn xuất bản

lần thứ nhất tại Hoa Kỳ - 2015

* Bìa và trình bày: **Uyên Nguyên**

* Để chia sẻ cùng tác giả: "Tôi định ninh:

Bao giờ gạn đục khơi trong,

Người ta mới hiểu được lòng người ta".



NGUYỄN NHUNG

(Houston - Texas)

ÔNG GIÀ NAM BỘ

Người ta gọi ông là "Ông Già Nam Bộ", vì giọng nói, tiếng cười hịch hà, hịch hạc ấy chắc chỉ người miền Tây Nam bộ mới có. Nó khác cung cách nghiêm chỉnh, kiêu cách của một ông già đất Thần Kinh, ảnh hưởng nền phong kiến các bậc "Phụ Mẫu Chi Dân". Nó cũng không giống nét "tiên phong đạo cốt" của một ông già miền Bắc, chút cao ngạo đất Thăng Long bẫm sáu phở phường.

Quê ông lại ở sát nách Sài Gòn, có xa xôi gì cho cam. Hồi xưa, nếu đi bằng tàu đò thì mất đến một ngày đàng, nhưng bây giờ vẫn minh, xe hơi đánh vào một cái đã thấy căn nhà xưa, gần cây cầu An Hữu, trên dòng sông An Hữu, một nhánh của sông Tiền, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho...

Đất nước Việt Nam là quê hương của tất cả người dân Việt Nam, nhưng đặc biệt dù là một khoero đất nho nhỏ, chỗ người ta cất tiếng khóc chào đời, chỗ đó mới thực sự làm người ta nhớ hoài không bao giờ quên được.

Ông già Nam Bộ rời mảnh đất "chôn nhau cắt rún" ấy khi ông vừa trở mã thành một chàng trai tuần tú nước Việt, con nhà khá giả, có đủ điều kiện để đi xa học hành. Trước hết là đi xa tới đất Mỹ (Mỹ Tho đó mà), sau dần dần ông mới đi học xa, tuốt tận miền sông Hương núi Ngự. Đi đâu thì đi, một năm đôi lần ông vẫn trở về căn nhà xưa, với dòng sông xưa, nghe tiếng sóng vỗ vào mạn bờ cây cầu An Hữu, nghe tiếng lá reo trong khu vườn đầy trái ngọt cây lành. Rồi khi lập gia đình, anh em tứ tán mỗi người một nơi, bốn phận làm con bắt ông lại trở về với căn nhà xưa, gần bó với ruộng vườn, với bà mẹ già trong căn nhà là nơi hứng chịu nhiều dấu vết tàn phá của chiến tranh. Bây giờ lúc cuối đời, đã hơn mười năm trên đất khách, xa rồi những ngày xưa thân ái, xa rồi con đường Sài Gòn - Lục tỉnh, câu hò

nghe vẫn còn vang vọng: "Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ, đèn Mỹ Tho ngọn tở ngọn lu...", không dễ gì nhớ mà tới được. Nay tuổi già gửi thân nơi đất khách, hình như những ngày còn lại, ông già Nam Bộ thường loay hoay trở về chốn cũ, mỗi khi bắt gặp một hình ảnh, những âm thanh gần gũi, vẫn làm ông liên tưởng đến trăm ngàn kỷ niệm thời dĩ vãng.

Như tôi qua trời mưa, tiếng mưa rơi ào ào, đập vào khung cửa kính, tiếng gió cuốn vào nhau quần quật trên mái nhà, ông nhớ gì đâu những đêm mưa ở quê nhà năm xưa. Thuở ông mới biết mộng mơ, những đêm mưa như vậy nó thoang thoảng một chút buồn, chút nhớ, chút heo may khi cơn gió thổi qua thêm đem theo những giọt mưa nhỏ. Mỗi đêm trời mưa thuở ấy có làm ông thao thức nhưng rồi lại chìm đắm vào một giấc mơ tuyệt vời ấm áp. Bây giờ trời cũng mưa, ở xứ này hình như mưa quanh năm, ông lại nghe trong mưa chút gió lạnh hắt hiu của tuổi đã về chiều. Nhất là tiếng rích rích của từng giọt nước chảy từ máng xối ngoài hàng hiên, nó cứ nhỏ từng giọt, tong tong chảy xuống giữa đêm khuya nghe náo cả lòng. Con mưa đêm đầu đời với con mưa đêm cuối đời nghe đã có nhiều thay đổi, trong trái tim già nua ấy chừng như đã hồi sinh vì tiếng rích rích kia nghe y hệt tiếng đập của con tim trong lồng ngực. Đều đặn, tích tắc, rích rích, ông mừng là con tim mình không có những bất thường khi nghe cơn mưa đổ lúc nửa đêm về sáng, dù rằng nó giống tiếng mưa rơi bên hiên ngoài nơi căn nhà xưa hồi ấy lắm.

Sáng hôm sau khi ra vườn lúc nắng lên, ông nhìn thấy những giọt mưa xuân còn đọng lại trên mỗi nụ hoa chưa nở. Mỗi một nụ hoa đào chưa nở, rung rung một giọt nước mưa, y hệt như một giọt nước mắt. Ông già có cái nhìn khác người lắm, khi ông cho rằng cây cỏ cũng có hồn như con người, và cái hồn của cây cỏ lại chính là do cái Tâm của người chuyên sang, bởi thế những cây cỏ được gần gũi với con người, được chăm sóc bởi bàn tay người đều tươi thắm, xanh tốt. Còn về việc ví von giọt mưa lũng lảng treo dưới nụ hoa đào, sao nó tựa câu thơ "*khấp như thiếu nữ vu quy nhật*", hoặc thi vị hơn đó là những giọt nước mắt của tình yêu. Ai bảo người ta chỉ khóc vì đau khổ, những giọt nước mắt hạnh phúc cũng đẹp tựa giọt mưa trên nụ hoa kia, y như cô thiếu nữ khi được yêu, cũng cảm động mà rơi những giọt lệ sung sướng...

Sau cơn mưa đêm, buổi sáng hôm sau trời tạnh ráo, nắng đã tràn ngập trong khu vườn đầy ấm áp. Ông thích nhất tiếng reo của

một loại cây mọc trong vườn, lá có dạng như lá Bồ Đề trong sân chùa ở quê ta. Đó là ông tướng tượng thể thôi, bởi dạng cây đã giống lắm mà lá cũng không khác bao nhiêu. Cây thấp và xum xuê đủ che cho khoảng sân sau luôn có bóng mát, hễ mỗi lần có gió thổi, từ chỗ ấy lại reo lên tiếng thì thảo to nhỏ, như cây đang nói chuyện cùng người. Một chiếc băng gỗ đặt dưới gốc cây, ngồi cả ngày vào mùa Xuân cũng không chán, tha hồ mà nghe lá reo, tha hồ để hồn lại chu du về những nơi chốn cũ.

Nhìn những luống cải xanh non được bà gieo hột hôm đầu xuân, nay lớn phồng phao lá biêng biếc thế kia, ông lại thèm bữa bánh xèo. Món bánh xèo của quê ông mới đúng điệu là "cây nhà lá vườn", thứ bột để đổ bánh cũng từ thứ lúa cấy trên ruộng nhà, con tép bạc còn tươi xanh nháy soi soi, cũng vừa được xúc lên từ cái lọ tre dưới cái mương sau nhà còn mặn mòi phù sa; cây cải, cây rau thơm thì cũng do bàn tay trồng trọt của gia đình vun tưới. Bên bếp lửa hồng, cứ sà xuống đất mà chờ từng cái bánh nóng hổi vàng óng được lấy ra từ chiếc chảo nóng, đặt lên trên chiếc mâm có lót tấm lá chuối xanh, rồi cuộn tròn trong lá cải xanh còn non, hơi nhân nhân cay. Rau đã mát, bánh nóng hổi thơm lừng, chấm nước mắm chua ngọt có dầm thêm ít đồ chua, cứ vậy mà ăn thì có lẽ trên đời này vua chúa cũng không tìm ra cái thú ăn uống kết hợp thực phẩm và nơi chốn như vậy. Chỉ nghĩ thôi ông đã chảy nước miếng, ông lọ mọ đến bên bà đang lui cui hái những cọng ngò và rau thơm mọc tràn lan trên đất, đề nghị bà làm cho ông bữa bánh xèo với những thứ rau trong vườn.

Kể ra cũng gần đủ những thứ rau để ăn bữa bánh xèo cho đúng điệu miền Tây Nam Bộ, chỉ thiếu ít lá "lạ" chua chua, dòn dốt là ngon "tuyệt cú mèo". Tại sao gọi đó là lá "lạ" thì ông không biết, nhưng cứ nhìn chiếc lá thì ai cũng phải cho rằng nó đẹp như một miếng lụa ung ửng màu Bích Ngọc, văn chương hơn thì nó ngon như màu da của thiếu nữ dậy thì. Ui cha! Sờ dĩ ông già Nam Bộ có cái đầu lai láng thì văn, cũng do ảnh hưởng của bà vợ. Bà lại là dân miền Bắc, xuất xứ từ đất Dân ca Quan Họ, từ thuở bé đã xuất khẩu thành thợ, mỗi tình ấy vào thập niên 40, lúc ông còn trẻ, kể là khá hy hữu để viết thành một chuyện tình hay nhất thế giới.

Ông già Nam Bộ dạo này ít ngủ hơn ngày xưa, thờ mà hễ đặt lưng xuống là ông ngáy o o cho tới sáng. Ngủ cũng là một trong "tứ khoái" của con người, nhưng ở một người hay học hỏi về Đạo như

ông thì ngủ cũng thuộc về chân lý của Đạo Tâm mà con người đạt được. Vì rằng hễ lòng tịnh không lo lắng, buồn phiền, giấc ngủ sẽ đến rất là "an nhiên tự tại", cho nên vì lẽ đó mà trẻ con không trần trọc khi ngủ như người lớn.

Bây giờ già rồi mà ngủ nhiều thì các ông Thầy Lang lại cho rằng nó có gì bất thường với cơ thể một người lớn tuổi. Bởi thế, cái trần trọc của ông già Nam Bộ là một điều rất tự nhiên, khi con người về già hay bơi ngược dòng sông trở về với dĩ vãng.

Chuyện tình cờ vào một đêm ông hơi khó ngủ, hay là đã ngủ một giấc rồi giật mình thức giấc và cứ chập chờn, thao thức mãi không ngủ được. Khi ấy chắc phải hai giờ sáng, vì trời còn mờ mờ qua tấm màn cửa màu xám nhạt, bụi mĩa trong vườn vẫn xào xạc và có thể trên trời, những vì sao đang mỉm cười với nhau. Lúc ấy đưa về những hồi còi từ hướng xa, đúng là tiếng còi xe lửa từ sân ga vọng đến. Bình thường vì ngủ ngon, ông ít khi nào nghe được tiếng còi tàu, nhưng đêm đó có lẽ theo hướng gió, đêm yên lặng, tiếng còi tàu từ xa cứ rúc lên tu tu từng hồi làm ông chơi với. Thấy bà bên chiếc giường con kê bên cũng đang trần trọc, ông hỏi vợ có nghe tiếng còi tàu. Nửa đêm thức giấc hai vợ chồng già hỏi nhau tiếng còi tàu, nếu không có những kỷ niệm xưa, chắc là con cháu sẽ cười tới... bẻ bụng.

Nhưng thực vậy. Tiếng còi tàu đêm khuya theo hướng gió vọng về, thoảng qua tai ông già Nam Bộ, lại chính là một kỷ niệm đẹp nhất của một môi tình Nam Bắc. Trên sân ga ngày ấy lần đầu tiên ông gặp bà, kết quả đã đem lại cho ông bà đến chín người con, tất cả đều đã trưởng thành và rất là hiếu nghĩa.

Mỗi tình của ông già Nam Bộ, cho tới giờ này ở tuổi gần đất xa trời, hễ các con xúm lại để trêu ghẹo thì ông vẫn đỏ bừng mặt lên, vẫn thuật lại với một nỗi vui ngất ngây hay đáo đẽ. Từ ngày lấy bà, ông học được nhiều từ ngữ rất ngộ, như "tuyệt cú mèo", "hay đáo đẽ"... và mỗi lần nói chuyện, ông cứ vô tình nói mãi rồi trở thành thói quen. Ông bà ta thường nói: "*Yêu ai yêu cả đường đi lối về*", nói như vậy thì có nghĩa là tâm tình của ông già Nam Bộ đối với vợ, nó lênh láng như nước phù sa sông Tiền. Lấy vợ Bắc nhưng chính ông lại chưa ra Bắc bao giờ, chỉ loanh quanh ở miền Nam đất Sài Gòn, rồi ra tới Huế ăn học là hết, nhất là ở thập niên 40, lấy một cô vợ miền Bắc quả là "hết ý".

Khi ông đi học ở Sài Gòn, sống xa nhà, ở trọ chung nhà với một anh miền Bắc. Có sống chung ông mới cảm phục nếp sống ngăn nắp, căn cơ dẫu vào đây của bạn, tình cảm thì rất mực thủy chung,

nhút là tình gia đình của bạn sao nó đầm thắm quá. Còn vì một lẽ ông thường được đọc ké những lá thư của người em gái bạn gửi vào cho ông anh trai, những lá thư kể chuyện gia đình đầy tâm tình khiến lòng ông thương cảm. Ông tìm hiểu gia cảnh của bạn và rất lấy làm ái ngại. Ông bà cụ mất sớm, cô em gái mồ côi chưa đầy mười sáu tuổi đang theo học ở Hà Nội, giờ này bơ vơ không nơi nương tựa, mấy chị em được một bà vú già chăm sóc. Chỉ nghe bạn kể ông đã muốn rơi nước mắt, mặc dù chưa được biết cô em của bạn bao giờ, nhưng khi đọc những lá thư của cô ấy viết vào Nam cho ông anh, lời lẽ đầm thắm, dễ thương đã khiến ông "thương thầm trong bụng".

Mãi tới khi bạn ông quyết định đón mấy đứa em con cút vào Nam thì ông mừng lắm, bởi thế hôm gặp cô gái Bắc Ninh lần đầu tiên đến Sài Gòn, dáng dấp nhỏ nhắn trong chiếc áo dài tha thướt, mím cười chào ông là ông muốn chết đứng vì xúc động. Dân Nam Kỳ vốn muốn gì thì nói ngay, ít khi để bụng, vậy mà đứng trước cô "Bắc Kỳ nhỏ nhỏ", ông già Nam Bộ liú cả lưỡi, không nói được nên lời. Thời trai trẻ ông già Nam Bộ quả rất lãng mạn nhưng vẫn rất nhút nhát, vì ông chỉ "yêu để bụng" đến mấy năm mới dám ngỏ thật nỗi lòng. May là cô gái Bắc Ninh hồi ấy không đáo để như những cô gái làng Lim, cho nên dần dần cũng cảm được tấm tình của ông mà kết duyên chồng vợ.

Ở thập niên 40, những mối tình Nam Bắc hiếm thấy, nhất là trong những gia đình đặc sệt chất Nam Bộ, để dầu gì một cô gái miền Bắc có thể chung sống hòa bình. Lúc ấy cha ông đã qua đời, khi ông quyết định về thừa chuyện với mẹ, ông cũng đã chuẩn bị tinh thần để đối phó. Nhưng lạ thật, sau khi nghe ông trình bày, chính mẹ ông lại rất hài lòng cho ông kết duyên với một cô gái Bắc. Nguyên nhân vì hồi cha mẹ ông còn trẻ, có ra Bắc ăn học, đã thám nhuần được văn minh Hà Thành đất ngàn năm văn vật, thấy được cái lễ nghi, nền nếp, văn minh đất Bắc trong các buổi Lễ Hội, những ngày Giỗ Tết hay cúng quảy trong gia đình, nơi đình đám hội hè làng xã, đã làm ông bà cảm phục, bởi vậy mà cũng sinh lòng yêu mến cô gái Bắc mồ côi cha mẹ mà cũng rất nét na kia.

Tiếng còi tàu lúc nửa đêm về sáng bỗng gọi lại trong ông chuyện xe lửa đầu tiên ông bà gặp nhau. Hôm ấy ông đi theo bạn ra sân ga đón mấy người em từ Bắc vào, nghe tiếng còi tàu rúc lên từng hồi khi nó chạy vào sân ga, lòng ông cũng nao nức khác gì bạn. Khi tàu ngừng, hành khách lũ lượt xuống sân ga, ông thấy bạn hồi hả chen lẫn để đón mấy người em, bụng ông vừa chộn rộn vừa hồi hộp vô tả.

Bản chất hiền hòa và hay ngại ngùng, ông chỉ đứng im ở một góc sân len lén nhìn cảnh bạn đang tíu tíu bên người em gái. Ông đã yêu người con gái Bắc Ninh ấy từ lâu rồi, nhưng phải tới hôm đó trên sân ga, ông mới xác định rằng ông đã không làm khi chọn cho mình một đối tượng để yêu. Mãi tới bây giờ ông vẫn nhớ dáng ngồi đu đưa của bà ngày xưa, thòng hai chân xuống phía sau chiếc xe thổ mộ, đang tíu tíu trò chuyện với người anh, hình dáng mảnh mai và khuôn mặt dịu dàng, khả ái của cô gái miền Bắc đã đi vào đời ông từ lúc ấy.

Sau này, trong một buổi họp mặt gia đình, người con rể cũng là một thi sĩ, đã làm thay cho ông "tía" vợ mấy câu thơ để dành cho bà má vợ, đã diễn tả được gần hết cảm xúc của ông hồi mới biết yêu:

"Bà có nhớ tuổi thanh xuân 60 năm trước

Đi bên nhau bao mộng ước thơ ngây

Mắt thăm trao, tay chạm khẽ bàn tay

Mà hồn lạc chín tầng mây xanh ngắt..."

(Thơ Huy Bùi)

Khu vườn của ông bây giờ khi bước sang mùa thu đầu tháng tám Âm Lịch, ông già Nam Bộ giông tai nghe tiếng lá khô xào xạc ngoài vườn, ông lại nhớ tới căn nhà xưa nơi ông mở mắt chào đời, đó chính là căn nhà gần cây cầu An Hữu, trên dòng sông An Hữu, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Câu nói này ông nói hoài nói huỷ, nói mãi mà không chán với bất cứ ai khi hỏi về nơi "chôn nhau cắt rún" của ông. Là "anh hai" trong một gia đình đông anh em, tất cả đều được cha mẹ cho ra Mỹ Tho để ăn học, nhưng lúc ấy thời Pháp đô hộ, người Việt Nam nào có chút liêm sỉ, đều nghĩ đến chuyện theo kháng chiến để đánh đuổi quân xâm lăng...

Đâu phải cứ đi kháng chiến chống Pháp mới gọi là có lòng yêu nước. Vào thời buổi ấy, tuy được hấp thụ Tây học nhưng ông không phải là thứ "mất gốc" như bao nhiêu người đã từ bỏ quốc tịch mình để làm công dân nước Pháp tuốt bên trời Tây. Ông cũng rất căm phẫn khi trong bài học lịch sử ở nhà Trường, ông được dạy tri ơn chính phủ Bảo Hộ, tri ơn ông Tây bà Đầm mà gọi quân triều đình An Nam là giặc. Ông bản chất hiền lành, không tham vọng chính trị, nhưng nghĩ tới nỗi nước mất nhà suy vong, ông vẫn thấy bứt rứt trong lòng. Hiềm vì nỗi ông là con trai lớn, nhà cửa ruộng vườn một tay quán xuyến để giúp đỡ mẹ già và nuôi các em ăn học, bận bịu thế nhi, thành ra khi hai đứa em của ông bỏ học đi theo tiếng gọi núi sông, trong gia đình vẫn không thấy ai phản đối.

Hai người em đi theo kháng chiến không về nhà, mãi cho tới tháng bảy năm 54, nghe đâu họ đã theo lý tưởng của họ, bỏ gia đình đi tập kết ra Bắc. Khi ấy họ còn trẻ, lòng yêu nước sôi sục trong lòng, tình hình tranh tối tranh sáng lại không rõ ràng, họ ra đi với viễn ảnh chỉ hai năm lại quay về với gia đình, làng xóm cũ. Ai ngờ biền biệt tới hai mươi năm, trong tiếng bom rền, đạn bay, người chết vẫn tiếp tục đổ xuống trên quê hương suốt từ Nam chí Bắc....

Đến năm 75 thì họ dẫn nhau về, coi như kết thúc một cuộc tương tàn "máu đổ thịt rơi". Ban đầu thì "hồ hời" lắm, hoà bình rồi anh em một nhà sum họp, quá khứ bỏ qua, dĩ vãng dẹp lại, lúc anh em ngồi khề khà với nhau trong ngôi nhà hương hỏa của gia đình, em ông đã vui vẻ kể lại những chuyện trên đất Bắc cho mọi người nghe. Đó là lúc hai năm sau năm 54, Pháp đã rút về nước, chỉ còn dân mình với nhau thì thôi nhà ai nấy ở, cơm ai nấy ăn, cớ sao còn đấu tranh làm gì cho mệt xác. Lúc ấy đám Nam Bộ tập kết bỏ miền Nam ra Bắc bắt đầu nhớ nhà quá đỗi, nhớ đồng ruộng thẳng cánh cò bay, nhớ lúc ăn thỏa thuê con tôm con cá, nhớ sông nước miền Nam hiền hoà, cây trái ngọt ngào, vườn tược sung túc phủ phê. Khi kể chuyện cho cả nhà nghe, ông em đã bắt chước giọng ngoài Bắc mà kêu lên rằng: *"Ói giời ơi! Sao nó nhớ thế không biết"*. Hỏi tới ngày về thì không ai trả lời, thiếu điều muốn làm loạn. Dân Nam Bộ vốn ăn ngon, nay ra Bắc cái gì cũng bị "thất lưng buộc bụng", chịu sao thấu. Ở chợ hễ con cá nào to nhất, ngon nhất là dân Nam Bộ mua, phở "chui" có "ngươi lái" dân Nam Bộ ăn, họ chum nhum lại nhậu nhẹt thoải mái cho vơi cái hận "xa quê, nhớ mẹ hiền". Nhà nước cũng biết thế, không dám kềm kẹp mà thành ra "thất sách", bởi vậy mỗi người lại được "xây dựng" cho một cô vợ miền Bắc để giữ chân...

Nhờ có học thức, em ông phục vụ đơn vị quân y, suốt những năm ở ngoài Bắc, chẳng mấy khi được đi đâu, tối tắm mặt mũi trong chiếc hầm bịnh xá, cưa chân, cắt tay, mổ bụng cho những người thương binh, ở những thập niên 70 khi cuộc chiến đã vô cùng dữ dội. Đời khổ cực quá, đang ăn học, chẳng gì cũng sống trong thanh bình với cuộc đời no đủ. Có đôi khi nghĩ tới anh em, gia đình ở miền Nam, chỉ cách nhau có dòng sông Bến Hải mà không về được, lòng nặng trĩu một nỗi buồn ray rứt. . .

Khi hoà bình, ông em dẫn bà vợ miền Bắc về quê, cô em gái cũng đưa về ông chồng xứ Huế, bà con dòng họ xì xào bình phẩm, không giống như hồi ông già Nam Bộ lấy vợ. Nếu nói nhà ông có máu "kỳ thị" mà phân chia Nam Bắc là không đúng, mẹ ông thương

cô con dâu Bắc kỳ như con gái, thì ra Bắc có năm, bảy đường Bắc, cũng như Nam có năm, bảy đường Nam. Cứ đem hai bà dâu miền Bắc này ra so sánh với nhau, y như người cỡi trên với người cỡi dưới. Tính ông hiền hòa ai nói gì cũng cười, ai xin gì cũng cho, không nghĩ tới chuyện chính trị, chính em mà ghét bỏ anh em, người Việt với nhau là đã phải thương nhau, huống gì lại là anh em một nhà. Giá chi mà cứ sống tương thân, tương ái như mấy trái bầu, trái bí trồng ở sân sau, anh em đâu có nhiều cái lần cần để ông phải ra đi, sống kiếp tha hương mà lòng lại thương nhớ quê xa biển biệt. Cái gì nó đã rành rành ra đó, cả nhà ông đâu phải con nít để mấy người dâu, rể lên lớp dạy dỗ về lòng yêu nước thương nòi, thành ra sau bao nhiêu năm ngồi lại với nhau, nói cho nhau nghe mà lại toàn những điều chối ngược. Trong anh em đã có mồi xích mích, người nóng tánh thì mượn chén rượu cay để chửi xiên chửi xéo, người hiền lành như ông thì nín thinh cho êm nhà, êm cửa.

Ôi thôi! Đó là chuyện cũ, ông già Nam Bộ hiền lành vẫn cười hịch hạc bỏ qua tất cả những chuyện xích mích của quá khứ. Nhưng để tránh lời thôi, ông không đến gần lũ em khác tính, không ở chung một nhà, để tránh chuyện "gà cùng một mẹ" mà lại đá nhau, sinh cảnh "nồi da xáo thịt".

Mùa thu ở quê người rất đẹp, gió cũng hiu hắt như ở quê mình nhưng ngán ngủi lắm, làm như ông trời hà tiện những cái đẹp để chỉ cho con người hưởng in ít mà sinh ra thòm thèm. Ông già Nam Bộ ngẩn người nghe tiếng lá mía reo sau vườn, có con chim xanh ở đâu bay về đậu trên hàng rào hót thánh thót. Cha mẹ ơi! Ông khẽ thì thầm nói với mình, sao nó hiu hiu giống gió ở quê nhà quá xá, gió cũng dịu dàng y như những bài thơ mùa Thu vợ ông sáng tác để đối đáp với mấy nữ sĩ cao niên, và ông nhắm mắt lại để nghe bụi mía xào xạc đưa mùa thu trở về khu vườn vắng.

Ui chà! Ông nhắm tính xem năm nay bà nhà ông đã bước vào tuổi tám mươi mà sao hồn thơ còn mướt mà như mười tám. Hoá ra người thơ không bao giờ già, như mùa thu đến mỗi năm mà vẫn cứ như mới. Ông khe khẽ đọc một bài thơ của bà ông đã thuộc lòng trong bụng:

*" Một sáng thu về, thu đến đây
Vườn thu lác đác, lá thu bay
Roi roi từng cánh, êm êm xuống
Thấp thoáng lưng trời, chiếc én bay.*

*Một thoáng trời thu bỗng tuyệt vời
Xanh xanh cảnh liễu động sương rơi
Nụ hồng, hồng thắm còn e ấp
Đóa cúc vàng vàng, tinh giắc say.*

*Ta đón nàng thu ở chốn nào
Đón trong tình lặng, chút lao xao
Vương vương nắng nhẹ, lan lan đến
Thu vẫn bên ta tự kiếp nào.*

(Thơ Liên Tri)

Thơ của vợ ông, cô gái Bắc Ninh năm nào nay đã tám mươi tuổi, mà sao hồn thơ bất ngát hương sen như những hồi công phu buổi sáng, cầm tách trà thơm ông nhâm nhi từng ngụm nhỏ, nghe sao tình yêu còn nguyên vẹn, không cần cố đi với thời gian.

Ông già Nam Bộ đã cùng vợ trải qua bao nhiêu thăng trầm vinh nhục, đã học được nhiều bài học tình đời đời trắng thay đen, nhưng vì hướng Tâm vào Đạo, bởi vậy thường đã hóa giải được nhiều nỗi đắng cay thành mật ngọt, đem cái đau buồn ra niềm vui để chia xẻ với hết thấy mọi người mà ông bà có cơ duyên gặp gỡ. Mỗi buổi sáng, ông già Nam Bộ lắng nghe tiếng chuông ngân khi bà bắt đầu chuẩn bị thời kinh sớm. Mùi hương trầm thoảng bay trong căn nhà nhỏ, ông mơ màng thấy cuộc đời mỗi người y hết một dòng sông, tất cả đều chảy ra biển đời mệnh mông vô cùng vô tận. Đời có nghĩa gì đâu, như ông đã sống gần hết một đời, cuối cùng nghe như một tiếng chuông ngân tan vào cõi hư vô, tịch mịch.

Quý mến tặng bác Đoàn Văn Lang, ông già Nam Bộ.

NGUYỄN NHUNG, 2004.

CÁO LỖI

Do nhiều bài dành cho chuyên đề đặc biệt, chúng tôi xin tạm gác lại bài **NHÂN QUÁ BẢO ỨNG** (kỳ 3), xin cáo lỗi cùng tác giả và quý bạn đọc.

Nguyễn Văn Sâm *phiên âm và giới thiệu.*

samnguyen20002002@yahoo.com

Toàn quyền **NHÂN QUÁ BẢO ỨNG**

đã in và sẽ kính chuyển đến những vị nào có nhu cầu.

Xin gởi chút ít chi phí bưu điện về:

Ngọc Anh Tran:

12960 High Vista, Victorville, CA 92395

GS LÊ VĂN ĐẶNG

PHẬT NÓI KINH DI ĐÀ

(TAM TẶNG CƯỜI MA LA THẬP dịch)

(tiếp theo VHVN số 75 mùa đông 2016 và hết)

Công Đức không nghĩ bàn	功德空議嚙
Của toàn thể Chư Phật	貼全体諸佛
Cùng lúc Hộ Niệm Kinh	拱昉護念經
Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長老舍利弗
Nơi thế giới phương Nam	坭世界方南
Có Nhựt Nguyệt Đăng Phật	固日月燈佛
Đức Danh Văn Quang Phật	德名聞光佛
Đức Đại Diệm Kiên Phật	德大焰肩佛
Đức Tu Di Đăng Phật	德須彌燈佛
Vô Lượng Tinh Tiến Phật	無量精進佛
Hằng hà sa chư Phật	恒河沙諸佛
Đều ở tại cõi mình	調於在堺命
Hiện tướng lười dài rộng	現相亂毘麟
Bao trùm cõi Tam thiên	包仝堺三天
Nói lời thành thật này	呐啞誠實尼
Chúng sanh nên tin tưởng	眾生輒信想
Cùng là nên xưng tán	拱羅輒稱讚
Công Đức không nghĩ bàn	功德空議嚙
Của toàn thể Chư Phật	貼全体諸佛
Cùng lúc Hộ Niệm Kinh	拱昉護念經
Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長老舍利弗
Nơi thế giới phương Tây	坭世界方西
Có Vô Lượng Thọ Phật	固無量壽佛
Đức Vô Lượng Tướng Phật	德無量相佛
Đức Vô Lượng Tráng Phật	德無量幢佛
Đại Quang, Đại Minh Phật	大光大明佛
Bửu Tướng, Tịnh Quang Phật	寶相淨光佛
Hằng hà sa chư Phật	恒河沙諸佛

Đều ở tại cõi mình
Hiện tướng lưới dài rộng
Bao trùm cõi Tam thiên
Nói lời thành thật này
Chúng sanh nên tin tưởng
Cùng là nên xưng tán
Công Đức không nghĩ bàn
Của toàn thể Chư Phật
Cùng lúc Hộ Niệm Kinh
Trường Lão Xá-Lợi-Phát
Nơi thế giới phương Bắc
Có Đức Diệm Kiên Phật
Có Tối Thắng Âm Phật
Nan Trở , Nhứt Sanh Phật
Cùng với Vãng Minh Phật
Hằng hà sa chư Phật
Đều ở tại cõi mình
Hiện tướng lưới dài rộng
Bao trùm cõi Tam thiên
Nói lời thành thật này
Chúng sanh nên tin tưởng
Cùng là nên xưng tán
Công Đức không nghĩ bàn
Của toàn thể Chư Phật
Cùng lúc Hộ Niệm Kinh
Trường Lão Xá-Lợi-Phát
Nơi thế giới phương Hạ
Có Đức Sư Tử Phật

調於在 埃 命
現相 亂 賤 麤
包全 埃 三天
呐 啞 誠 實 尼
眾 生 輒 信 想
拱 羅 輒 稱 讚
功 德 空 議 嚙
貼 全 体 諸 佛
拱 眈 護 念 經
長 老 舍 利 弗
坭 世 界 方 北
固 德 焰 肩 佛
固 最 勝 音 佛
難 沮 日 生 佛
拱 貝 網 明 佛
恒 河 沙 諸 佛
調於在 埃 命
現相 亂 賤 麤
包全 埃 三天
呐 啞 誠 實 尼
眾 生 輒 信 想
拱 羅 輒 稱 讚
功 德 空 議 嚙
貼 全 体 諸 佛
拱 眈 護 念 經
長 老 舍 利 弗
坭 世 界 方 下
固 德 師 子 佛

Có Đức Danh Văn Phật	固德名聞佛
Danh Quang , Đạt Ma Phật	名光達摩佛
Pháp Tràng , Trì Pháp Phật	法幢持法佛
Hằng hà sa chư Phật	恒河沙諸佛
Đều ở tại cõi mình	調於在埃命
Hiện tướng lưỡi dài rộng	現相亂戩麤
Bao trùm cõi Tam thiên	包全埃三天
Nói lời thành thật này	呐啞誠實尼
Chúng sanh nên tin tưởng	眾生鹹信想
Cùng là nên xưng tán	拱羅鹹稱讚
Công Đức không nghĩ bàn	功德空議嚙
Của toàn thể Chư Phật	貼全体諸佛
Cùng lúc Hộ Niệm Kinh	拱昉護念經
Trường Lão Xá-Lợi-Phát	長老舍利弗
Nơi thế giới phương Thượng	坭世界方上
Có Đức Phạm Âm Phật	固德梵音佛
Có Đức Túc Vương Phật	固德宿王佛
Hương Thượng, Hương Quang Phật	香上香光佛
Đức Đại Diệm Kiên Phật	德大焰肩佛
Bửu Hoa Nghiêm Thân Phật ⁵	寶華嚴身佛
Ta La Thọ Vương Phật	娑羅樹王佛
Cùng Bửu Hoa Đức Phật	拱寶華德佛
Kiến Nhứt Thế Nghĩa Phật	見一切義佛
Như Tu Di Sơn Phật	如須彌山佛
Hằng hà sa chư Phật	恒河沙諸佛
Đều ở tại cõi mình	調於在埃命
Hiện tướng lưỡi dài rộng	現相亂戩麤
Bao trùm cõi Tam thiên	包全埃三天
Nói lời thành thật này	呐啞誠實尼

Chúng sanh nên tin tưởng	眾生 誠 信 想
Cùng là nên xưng tán	拱 羅 誠 稱 讚
Công Đức không nghĩ bàn	功 德 空 議 嚙
Của toàn thể Chư Phật	貼 全 体 諸 佛
Cùng lúc Hộ Niệm Kinh	拱 眈 護 念 經
c.5 Tọa Sắc Bửu Hoa Nghiêm Thân Phật 雜色寶華嚴身佛	

6 諸佛拱護念 Chư Phật Cùng Hộ Niệm

Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長 老 舍 利 弗
Ý của ông thế nào	意 貼 翁 世 苾
Vì sao lại gọi tên	為 牢 吏 嚙 銘
Chư Phật Hộ Niệm Kinh	諸 佛 護 念 經
Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長 老 舍 利 弗
Vì nếu có thiện nam	為 裊 固 善 男
Hoặc có tín nữ nào	或 固 信 女 苾
Nghe kinh và thọ trì	暄 經 吧 受 持
Nghe danh hiệu Chư Phật	暄 名 號 諸 佛
Thiện nam tín nữ ấy	善 男 信 女 意
Được Chư Phật hộ niệm	得 諸 佛 護 念
Được bực không thoái chuyển	得 埵 空 退 轉
Đạo Vô Thượng Bồ Đề	道 無 上 菩 提
Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長 老 舍 利 弗
Bởi vậy nên các ông	罽 丕 誠 各 翁
Phải tin nhận lời ta	沛 信 認 唾 些
Và lời Chư Phật dạy	吧 唾 諸 佛 叟
Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長 老 舍 利 弗
Nếu người đã phát nguyện	裊 馱 包 發 願
Đang hoặc sẽ phát nguyện	當 或 仕 發 願
Sanh về cõi Cực Lạc	生 術 埵 極 樂
Của Phật A Di Đà	貼 德 佛 彌 陀

Thời những người này đây	時仍馱尼底
Hoặc giả đã sanh về	或者匏生術
Hoặc giả hiện sanh về	或者現生術
Hoặc giả sẽ sanh về	或者仕生術
Được bực không thôi chuyển	得埴空退轉
Đạo Vô Thượng Bồ Đề	道無上菩提
Cho nên Xá-Lợi-Phất	朱铍舍利弗
Các thiện nam tín nữ	各善男信女
Nên phát nguyện sanh về	铍發願生術
Cõi Di Đà Cực Lạc	堉彌陀極樂

7 法門實難信 Pháp Môn Thật Khó Tin

Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長老舍利弗
Hôm nay ta ngợi khen	曩聆些議嗜
Công đức của chư Phật	功德貼諸佛
Chư Phật cũng ngợi khen	諸佛供議嗜
Công đức không nghĩ bàn	功德空議嚙
Thích Ca Mâu Ni Phật	釋迦牟尼佛
Làm được việc rất khó	夕特役錘難
Và thật là ít có	吧實羅叟固
Nơi Ta Bà ác thế	坭娑婆惡世
Ngũ trọc, kiếp, kiến trọc	五濁劫見濁
Phiền não, chúng sanh trọc	煩惱眾生濁
Và trong sanh mạng trọc	吧納生命濁
Mà Ngài chứng được ngôi	麻得證得餽
Vô Thượng Chánh Đẳng Giác	無上正等覺
Ngài vì chư chúng sanh	得為諸眾生
Nói cho toàn thể gian	呐朱全世間
Một Pháp môn khó tin	没法門難信
Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất	長老舍利弗

Phải biết nơi ác thế
 Ta làm việc khó này
 Đắc Vô Thượng Chánh Giác
 Vì toàn thể thế gian
 Nói Pháp môn khó tin
 Đó là điều rất khó
 Đức Phật nói kinh xong
 Trưởng Lão Xá-Lợi-Phát
 Cùng các vị Tỳ kheo
 Và toàn thể thế gian
 Trời Người A-Tu-La
 Nghe được lời Phật dạy
 Đều vui mừng tin nhận
 Đánh lễ xong lui ra

沛別坭惡世
 些夕役難尼
 得無上正覺
 為全体世間
 吶法門難信
 妬羅調錘難
 德佛吶經衝
 長老舍利弗
 拱各位比丘
 吧全体世間
 歪馱阿修羅
 暄特啞佛吶
 調慍惘信認
 頂禮衝靛罽

(Bài Kinh Diễn Âm soạn theo thể Kệ Tụng, 5 chữ)

HÉT KINH A DI ĐÀ 歇經阿彌陀

GS LÊ VĂN ĐẶNG

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

ỦNG HỘ TẠP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM SỐ 73 - mùa hè 2016

1189 - GS Phạm Thị Kim Chi	<i>Houston TX</i>	\$20.00
1190 - Ô.B. Nguyễn Công Uẩn & Trần T. Thu Oanh	<i>Houston TX</i>	\$50.00
1191 - Họa sĩ Trần Thị Hà	<i>Wilmington, NC</i>	\$120.00
1192 - Nhà thơ Song Thi	<i>Oregon</i>	\$40.00
1193 - Ô.B. Phạm Kỳ Loan	<i>Houston TX</i>	\$40.00
1194 - Ông Trần Việt	<i>Houston, TX</i>	\$20.00
1195 - Ô.B. Huỳnh Văn Của	<i>Pennsylvania</i>	\$60.00
1196 - Ô.B. Nguyễn Phước Trang & Phan Ngọc Hoa	<i>Houston TX</i>	\$50.00

(còn tiếp)

Danh sách quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ tạp chí chúng tôi lần lượt thông báo trên trang này vào số tới. Xin kính chúc quý vị cùng gia đình luôn luôn dồi dào sức khỏe, với lòng biết ơn của nhóm thực hiện và BBT.

Trân trọng,

VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 180 * MÙA XUÂN 2017

**XIN ĐỂ TÔI GIÚP QUÍ VỊ
VỀ CÁC NHU CẦU BẢO HIỂM CỦA QUÍ VỊ**

- * XE CỘ**
- * NHÀ CỬA**
- * NHÂN THỌ**
- * KINH DOANH**

**Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất...
của một công ty quý vị quen thuộc**

Xin mời quý vị ghé lại văn phòng
hoặc gọi điện thoại cho tôi



Leon VŨ TIÊN LẬP

Agent

**Allstate Insurance
Company**

13120 Veterans Memorial Dr
Houston, TX 77014

Bus: 281-866-0343

Fax: 281-866-0373



Allstate
you're in good hands.

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company . Allstate Life Insurance Company, Northbrook, Illinois. Allstate County Mutual Insurance Company. Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, Texas. ©2000 Allstate Insurance Company.

Tùy thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017

VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 181 * MÙA XUÂN 2017

TRUNG TÂM NHA KHOA
VAN THO DENTAL CENTER



Bác Sĩ Nha Khoa



PETER NGUYỄN VĂN THỌ, D.D.S.

Với sự cộng tác của các Bác Sĩ Nha Khoa

Timothy Nguyễn Văn Thiện, D.D.S.

Lily Chen, D.D.S.

Phòng Nha Khoa được trang bị dụng cụ tối tân với hệ thống bảo vệ nhiễm trùng cho bệnh nhân và nhân viên đúng tiêu chuẩn OSHA và Bộ Y Tế.

NorthWest

12002-B3 Veterans Memorial Dr.

Houston, Texas 77067

(281) 580-7446

Fax **281-580-7520**
 (Trong khu siêu thị Lê Lai)

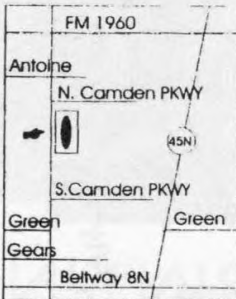
SouthWest

11574 Bellaire Blvd

Houston, TX 77072

(281) 561-7800

Fax **281-561-9978**
 Góc Belle Park & Bellaire



Giờ Làm Việc:

Hai-Sáu: 10AM-6PM

Thứ Bảy: 10AM-4PM

Chủ Nhật: Đóng cửa

Nhận: **Medicare**

Bảo Hiểm - Medicaid

Để khỏi mất thì giờ xin
 vui lòng lấy hẹn trước

CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017

VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 182 * MÙA XUÂN 2017

CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017

TRUNG TÂM Y KHOA NỘI THƯƠNG

MEMORIAL

PHYSICIANS ASSOCIATES

INTERNAL MEDICINE - INDUSTRIAL MEDICINE - MINOR EMERGENCIES

Southwest

11772 BELLAIRE
HOUSTON, TX 77072

(Trong khu Chợ H.E.B. Pantty)

Tel: 281-530-4900

Northwest

13119 VETERANS MEMORIAL
HOUSTON, TX 77014

(Trong khu Chợ Kroger)

Tel: 281-537-5300

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA CÁC BÁC SĨ CHUYÊN KHOA INTERNAL MEDICINE

PHẠM SỸ TRUNG, M.D., P.A.
PHI NGỌC HOÀNG, M.D., P.A.

Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa
Và Nội khoa tại UT Health Science Center - Houston.

CHUYÊN TRỊ CÁC KHOA NỘI THƯƠNG

TIM	GAN
ÁP HUYẾT CAO	MAT
TIEU ĐƯƠNG	THAN
PHỔI	BAO TỬ
CHOLESTEROL CAO	(ALLERGY) DI ỨNG

Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc tối tân:

Máy điện tâm kế (ECG) - Máy chạy bộ đo tim (Stress Test)

Máy đo nhịp tim (Holter) - Máy chụp quang tuyến (X-ray)

Giờ làm việc: MON - FRI: **8AM - 6PM**

SAT: **8AM - 3PM**

Nhận: **BẢO HIỂM**

MEDICARE & MEDICAID



VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 183 * MÙA XUÂN 2017

ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI.

Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp sự thay đổi đó.

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.
Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?
Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?
Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen
(713) 462-1447

9585 Clay Rd., Ste #8
Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate.

You're in good hands.

Auto
House
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tai Nạn. Allstate: Northbrook, IL © 2007 Allstate Insurance Company

CHÚC MỪNG NĂM MỚI ĐINH DẬU 2017

VĂN HOÁ VIỆT NAM 76 * 184 * MÙA XUÂN 2017